

Hoằng Pháp

Phần 1 :Đàm Đạo



LỜI NÓI ĐẦU

Hoằng pháp là một bổn phận quan trọng của đệ tử Phật, gồm cả xuất gia lẫn tại gia. Ý nghĩa chính của Hoằng pháp là đem đạo lý đến với mọi người, giúp mọi người hiểu Phật pháp nhiều hơn, thay đổi tâm hồn tốt hơn, sống vị tha nhân ái hơn, và khẳng định được lý tưởng giác ngộ giải thoát xác

quyết hơn.

Hoằng pháp bao gồm nhiều phương tiện hoặc là bằng một tấm gương sống gương mẫu thánh thiện, hoặc bằng những lúc gặp gỡ chuyện văn đàm đạo, hoặc bằng những buổi thuyết giảng hoành tráng, hoặc bằng cách giới thiệu các tác phẩm đạo lý hay, hoặc bằng cách tổ chức môi trường tu học cho nhiều người...

Người làm công việc Hoằng pháp cũng có nhiều vai trò khác nhau. Có người đứng vai trò chính, có người đứng vai trò phụ, có người làm công việc ủng hộ gián tiếp, có người làm trung gian đưa đạo lý lan đi xa... Ai cũng có công đức khi tham gia vào công việc Hoằng pháp như thế. Chỉ có hai hạng người có lỗi, đó là không chịu làm gì để Hoằng pháp, và người cứ muốn giành lấy vai trò chính làm rối rắm mọi chuyện thêm.

Vì có nhân duyên giảng dạy tại trường Trung cấp Phật học tỉnh Long An, được sự ủng hộ khuyến khích của Ban Giám Hiệu, chúng tôi thử nghiệm giảng dạy môn Kỹ

năng Hoằng pháp cho Tăng Ni sinh nhằm giúp Tăng Ni có thể phát huy sớm hơn khả năng Diễn giảng Hoằng pháp của mình. Có nhiều Tăng Ni tốt nghiệp Trung cấp Phật học rồi không có thời gian, điều kiện để học lên cao hơn, thì môn Kỹ năng Hoằng pháp này sẽ giúp Tăng Ni đó khi trở về trú xứ cũng làm được những công đức Hoằng pháp lợi sinh. Ban Giám Hiệu đã thương tưởng đến mọi trường hợp Tăng Ni, dù họ sẽ học lên cao hơn hay sẽ đứng lại.

Trong giáo trình này, chúng tôi chia làm hai phần, phần đầu là Đàm Đạo, phần hai là Diễn Giảng. Lẽ ra còn những phần khác như Tổ chức Hoằng pháp, Kỹ thuật Hoằng pháp... nhưng những vấn đề đó lớn lao quá trình độ của Tăng Ni nên thôi.

Đàm Đạo là bước đầu của Diễn Giảng. Ai đã đi qua kinh nghiệm Đàm Đạo sẽ có thể ứng khẩu diễn giảng về sau. Đàm Đạo là Hoằng pháp ở quy mô nhỏ, thân tình, có thể len lỏi vào mọi nơi mọi lúc mọi đối tượng, và là căn bản của việc Hoằng

pháp.

Diễn Giảng là Hoàng pháp ở quy mô lớn, nghiêm trang nghi thức hơn, nhắm tới đối tượng đông hơn, có vẻ chính thống hơn. Cả hai đều tương quan hỗ trợ nhau không thể tách rời.

Giáo trình này là sự tổng kết kinh nghiệm sau nhiều năm giảng dạy của chúng tôi, với những cố gắng tối đa để đào bới nhiều góc cạnh bí ẩn của việc Hoàng pháp Diễn giảng. Thật vậy, giảng làm sao cho hay, cho hấp dẫn, cho đúng ý của Phật luôn luôn là nỗi ưu tư trăn trở của các nhà Hoàng pháp, và dường như là một bí mật khó hiểu. Chúng tôi cố gắng hết sức để phân tích mọi khía cạnh của vấn đề này với ước mong đóng góp thật nhiều cho giáo trình Hoàng pháp Diễn giảng của nền Phật học chung.

Khi giáo trình này đến với bạn đọc, đó là công đức thật lớn lao của Ban Giám Hiệu trường Trung cấp Phật học Long An, là công đức của những vị thầy đã có công dạy dỗ chúng tôi, là công đức của biết bao

Phật tử đã ủng hộ giúp đỡ chúng tôi, là công đức của các Tăng Ni đã chăm chú nghe giảng và thực hành, và trên hết, là công đức của Mười Phương Chư Phật Chư Bồ Tát đã gia hộ cho chúng tôi trên từng bước chân non nớt bao năm qua. Chúng tôi cũng cảm ơn Nhà Xuất Bản Tôn Giáo đã nhanh chóng làm hết sức mình để Giáo trình này sớm ra mắt bạn đọc. Xin nguyện cho Phật Pháp sáng soi, thế giới hòa bình, chúng sinh an lạc.

Kính ghi

Chân Quang

HOÀNG PHÁP 1

KHÁI NIỆM

1. Bốn mức độ tiến tu của đệ tử Phật

Ta có 4 mức độ tiến tu của người đệ tử Phật theo 4 chữ H như sau:

- Học giáo pháp
- Hành theo giáo pháp
- Hoằng truyền giáo pháp
- Hộ trì giáo pháp

Ở mức độ ban đầu là học hỏi giáo pháp thì ai có chút lòng đều có thể thực hiện được. Hoặc là ta đi nghe các vị giảng sư giáo thọ giảng dạy trực tiếp; hoặc là ta mày mò đọc các sách viết về Phật Pháp; hoặc là ta đọc trực tiếp các bản kinh gốc nếu đủ trình độ. Riêng những Tăng Ni sinh đang theo học các trường Phật học thì được đi theo một hệ thống quy cũ chặt chẽ chuyên sâu hơn. Nhưng vẫn chỉ là chữ H thứ nhất.

Mức độ thứ hai khó hơn, đó là thực hành giáo pháp. Học hiểu thì ai có chút tò mò hiếu học thì cũng học được, nhưng chỉ những ai gan dạ nhìn lại lỗi lầm của mình, thành thật nhận lỗi về mình, can đảm vượt qua lỗi của mình thì mới có thể thực hành tu tập được. Tính ra, mười người học

chưa được ba người hành. Sự tu hành trong đạo Phật khó ở chỗ không thể hiện ra ngoài giống như người luyện tập thể thao hay võ thuật. Tu hành cốt yếu ở việc nhìn rõ nội tâm của mình, chuyển hóa nội tâm của mình. Khi tâm đã được chuyển hóa rồi thì tự nhiên lời nói và việc làm sẽ thuần hòa, khiêm nhu, từ ái, can đảm. Cái khó tiếp theo nữa là trong đạo Phật còn có công phu tu tập thiền định nhiếp tâm. Đây là cả một công trình kiên trì hết đời này sang đời khác. Chỉ ai chịu cực thực hành tu tập chiến đấu với lỗi lầm của mình thì mới thấm sâu đạo lý của Phật dạy, mới có thể sống như Phật dạy mà không bị chấp trên ngôn ngữ.

Mức độ khó hơn nữa là hoằng truyền Chánh pháp. Khi có thực hành tu tập, ta có thể hiểu rất sâu lời Phật dạy rồi, ta thiết tha muốn giúp mọi người cùng hiểu giáo lý của Phật rồi, ta có lý tưởng Phật hóa cả thế gian này rồi, nhưng điều ta cần phải có tiếp theo nữa là khả năng truyền đạt của ta có hấp dẫn không, có dễ hiểu không.

Thêm một điều khó nữa là ta có kết duyên lành với chúng sinh từ những kiếp xưa chưa? Nếu ta ít duyên với chúng sinh, nếu khả năng truyền đạt của ta kém thì xem như lý tưởng độ sinh của ta rất khó thực hiện. Tuy nhiên, không ai biết được duyên kiếp của mình rõ ràng. Ta cứ việc nuôi dưỡng lý tưởng độ sinh và biết đâu mọi chuyện sẽ tốt đẹp.

Mức độ khó cuối cùng là hộ trì Chánh pháp. Người có duyên hộ trì chánh pháp phải là những người cúng dường cả thân và tâm cho Phật. Cuộc đời này không còn là của mình nữa mà đã thuộc về Tam Bảo. Người như vậy lý tưởng đối với Phật Pháp là tuyệt đối, có thực hành tu tập để thấy sự nhiệm màu của Phật Pháp, có khả năng truyền “lửa” cho bất cứ ai đến gần. Nhưng khó hơn cả, người hộ trì Phật Pháp phải là người cực kỳ gan dạ, khôn ngoan, biết xử lý tình huống, và quan trọng nhất, là biết đoàn kết một lòng với nhau.

Phạm vi môn học này không nói về Hộ trì Phật Pháp nên ta không nhắc đến, chỉ tập

trung nói về những vấn đề liên quan đến công việc Hoằng pháp mà thôi.

2. Lý tưởng hoằng pháp

Nếu có ai nhìn thấy một vị giảng sư được nhiều người quý trọng rồi khởi lên ước muốn làm một giảng sư ngồi đường bệ trên bục giảng thì người đó không phải có lý tưởng Hoằng pháp. Đó chỉ là tham vọng danh lợi. Điều đầu tiên để làm một sứ giả chân chính của Phật là kiểm tra kỹ trong tâm mình có tham vọng danh lợi như thế hay không. Nếu quả thật thấy mình có tham vọng danh lợi đó thì phải tìm cách diệt trừ cho sạch. Nếu không diệt trừ sạch tận gốc tham vọng thầm kín đó thì thế nào cũng có ngày ta làm ngược lại những gì ta nói. Hậu quả cho sự tình như thế thật là cay đắng.

Do đâu ta có lý tưởng muốn hoằng truyền chánh pháp, nghĩa là muốn Giáo pháp của Phật được rất nhiều người tin hiểu và thực hành theo?

Chính bởi vì ta là lửa. Ngọn lửa đạo tâm

của ta bùng cháy mãnh liệt nên dễ dàng cháy lây qua mọi người.

Chính bởi vì ta được lợi ích tuyệt vời từ nơi Giáo pháp, ta được hạnh phúc từ nơi giáo pháp, nên ta thiết tha mong muốn ai cũng được như vậy. Trên cuộc đời này, có rất nhiều niềm vui khiến con người ích kỷ chỉ muốn hưởng một mình. Riêng Phật Pháp thì ngược lại, ai đạt được niềm vui trong Phật Pháp đều thiết tha muốn chia sẻ với mọi người.

Vì đâu ta muốn chia sẻ đạo lý đến mọi người? Chỉ bởi vì ta là nước, nước đạo lý trong tâm đã đầy rồi thì phải tràn. Đó là chân lý luôn luôn đúng. Chỉ những ai đạo tâm còn yếu ớt, sơ sài, nông cạn thì chẳng muốn chia sẻ đạo lý đến người khác. Còn bất cứ ai đã thấm nhuần đạo lý rồi thì lập tức cháy bỏng ước muốn giúp người cùng biết đạo lý.

Lý tưởng hoằng pháp cũng tùy theo trí tuệ của ta mà lớn hoặc nhỏ khác nhau. Có khi ta chỉ muốn san sẻ đạo lý với những người trong gia đình, đồng nghiệp, láng

giềng; có khi ta muốn viết sách để phổ biến ở mức độ rộng rãi hơn; có khi ta muốn đi đây đi kia để gặp gỡ trực tiếp với nhiều người xa lạ mà tuyên giảng đạo lý; có khi ta muốn tổ chức những cuộc hội họp đông người nơi những hội trường để thuyết giảng vân vân... Những người càng có khả năng thì tự nhiên hay nghĩ đến số đông. Thậm chí những tài năng lớn thì nghĩ đến cả thế giới, nghĩ đến vận mệnh Phật Pháp vài trăm, vài nghìn năm sau.

3. Người hoằng pháp

Người hoằng pháp là bất cứ người nào làm cho người

khác hiểu đúng về Phật Pháp, không phân biệt xuất gia hay tại gia. Hơn nữa, người hoằng pháp chân chính là người đủ sức thúc đẩy người khác thực hành chứ không chỉ dừng lại ở học hiểu.

Có rất nhiều trường hợp người tại gia làm công việc hoằng pháp hiệu quả hơn người xuất gia vì có thể tiếp cận bất cứ đối tượng nào, bất cứ nơi đâu. Người xuất gia

không thể đi vào những nơi xô bồ phức tạp, không thể tiếp xúc với những người ngang tàng bướng bỉnh.

Người xuất gia phải thuyết pháp đúng nơi đúng chỗ, nói đúng đối tượng, chọn lựa đúng tư thế; trong khi người tại gia có thể hòa đồng vui vẻ và nói về đạo lý một cách bình thường như mọi điều trong cuộc sống.

Vì vậy, ngoài nhiệm vụ giảng dạy một cách trình trọng, người xuất gia còn phải kiêm thêm vai trò cố vấn hướng dẫn cho người tại gia làm công tác hoằng pháp nơi môi trường của họ. Chính số đông người tại gia cùng góp tay làm công tác hoằng pháp sẽ khiến cho Phật Pháp đi vào đời sống hiệu quả hơn. Vì vậy, trong môn học Hoằng pháp này, phần đầu chúng ta thiên về hướng dẫn cho người cư sĩ tại gia biết cách hoằng pháp. Còn tính cách trình trọng đỉnh đặc của người xuất gia sẽ được triển khai ở phần sau.

Hoằng pháp là tính cách tiêu biểu của người đệ tử Phật, ai không có tinh thần

hoằng pháp thì chưa phải là đệ tử Phật chân chính. Một trong những tiêu chuẩn để chọn lựa đệ tử xuất gia của quý thầy cũng phải đánh giá trên khả năng hoằng pháp ở mai sau. Nếu người nào có thể tiếp xúc với nhiều người mà không bị ảnh hưởng, không bị ô nhiễm, lại còn có thể làm cho những người đó hiểu thêm Phật Pháp thì đó chính là những người có tiêu chuẩn xuất gia. Từ đây về sau, quý thầy phải chọn lựa đệ tử theo tiêu chuẩn này. Như đã nói, Hoằng pháp là giai đoạn sau của Hành pháp. Chỉ những người vất vả chiến đấu với những sai lầm của mình mới là người hoằng pháp chân chính. Còn những ai chỉ cố học cho nhiều rồi đem ra nói lại thì không gây được cảm xúc cho người nghe, không khiến người nghe tin vào đạo lý cao thượng. Ai càng có lý tưởng hoằng pháp chừng nào thì lại càng phải ráng tu hành chừng nấy. Những lời được nói ra từ kinh nghiệm tu hành vất vả là cả một sức mạnh làm lay chuyển người nghe.

4. Đối tượng để hoằng pháp

Ta sẽ đem đạo lý đến cho những ai?
Bất cứ ai; tất cả chúng sinh; khắp thế giới này.

Trên lý thuyết và lý tưởng là như thế, còn trong thực tế thì ta phải tùy theo duyên của mình mà làm công việc hoằng pháp. Theo trình tự, ta sẽ hóa độ người chưa biết đạo lý trở thành người biết đạo lý. Sau đó giúp cho người đã biết đạo lý thành người hiểu sâu đạo lý và bước vào thực hành.

Trên bước đường thực hành gồm có việc tạo phước, tu dưỡng đạo đức, thiền định. Ta cũng phải giúp cho người được thuận lợi với những việc như thế.

Khi người đã vững vàng và có lý tưởng hoằng pháp như ta thì ta lại giúp người trong công việc hoằng pháp.

Tiến trình là như thế, nhưng thực tế thì nói chuyện đạo lý với người đã biết đạo thì dễ, còn nói về đạo lý cho người chưa biết gì thì rất khó. Chính vì vậy mà hầu hết

chúng ta đều thích duy trì tình thân với người đã biết đạo, còn rất ngại làm quen truyền bá đến người chưa biết gì. Đây là nhược điểm lớn của người đệ tử Phật từ trước tới giờ khiến cho Phật giáo ít phát triển. Bây giờ ta phải vượt qua nhược điểm đó, phải tập đem đạo lý đến với những người chưa biết gì.

Người hoằng pháp phải giải được bài toán đầu tiên là nói chuyện đạo lý với người chưa biết gì. Những bài kế tiếp ta sẽ phân loại nhiều hạng người, tâm lý từng hạng người, cách tiếp cận mỗi hạng người. Sau đó là những Phật tử đã tin hiểu đạo lý, cần được nâng cao thêm để việc thực hành được sâu sắc kỹ lưỡng.

Cuối cùng là Tăng Ni cũng cần được giảng dạy để nắm vững những giáo lý cao siêu làm hành trang tu tập. Riêng những Tăng Ni có tuổi đạo đã lớn thì hầu như chỉ tự tham khảo và trao đổi trong những dịp An cư hoặc các dịp lễ hội lớn mà thôi. Một đối tượng đặc biệt của công việc hoằng pháp là những người ở tôn giáo

bạn. Dĩ nhiên ta không có ý định làm cho họ chuyển qua đạo Phật, nhưng nếu giúp họ hiểu thêm về Phật Pháp thì cũng khiến cho sự đoàn kết loài người được tốt đẹp hơn. Nhất là một khi tin hiểu được Nhân quả thì những tôn giáo cực đoan sẽ chùn tay lại, không dám gieo rắc khủng bố tang thương cho đồng loại nữa. Việc đem Phật Pháp đến với những người khác đạo là đỉnh cao của sự hoằng pháp. Ai chưa đủ sức làm việc này thì chưa phải là người hoằng pháp trọn vẹn.

5. Ứng dụng khoa học kỹ thuật-nghệ thuật

Khoa học kỹ thuật là kết tinh trí tuệ của loài người qua nhiều thế hệ. Nếu ta không biết áp dụng khoa học kỹ thuật vào trong việc hoằng pháp có nghĩa là ta cũng không có trí tuệ, hoặc là ta khinh thường trí tuệ của loài người. Nếu ta khinh thường trí tuệ của loài người thì quả báo xảy ra là ta sẽ không có trí tuệ.

Vì vậy, người hoằng pháp phải khôn

ngoan biết ứng dụng những thành tựu của khoa học kỹ thuật vào công việc hoằng pháp của mình để tăng thêm hiệu quả. Nhờ phương tiện máy móc hiện nay, một bài pháp tuyệt diệu xuất thần sẽ không bay mất theo hư vô mà sẽ được giữ gìn, lưu truyền từ nơi này sang nơi khác, từ đời này sang đời khác.

Rồi những phương tiện phim video, âm thanh surround làm tăng thêm sự hấp dẫn sẽ giúp cho nhiều người được lôi kéo tìm hiểu đạo. Nhiều người chẳng bao giờ chịu lắng nghe một bài giảng âm thanh, nhưng lại rất thích thú khi theo dõi một cuốn phim video thể hiện bài giảng với những hình ảnh minh họa đầy sống động

Âm nhạc có sức hút kỳ lạ với tất cả mọi người. Từ lâu nhiều nhạc sĩ Phật giáo cũng đã tạo nên những bản nhạc đạo bất hủ làm phong phú thêm phương tiện hoằng pháp trong Phật giáo. Các tu sĩ bây giờ phải am tường âm nhạc để mở ra một cánh cửa rộng cho giới trẻ đến với đạo Phật. Những bài tụng theo điệu ru xưa có

giá trị không thể chối cãi, nhưng âm nhạc hiện đại ngày nay vẫn cực kỳ hấp dẫn. Đến lúc nào đó, âm nhạc hiện đại có thể thay thế điệu ru cổ trong nghi thức tụng niệm của Phật giáo. Vì vậy, trường Phật học phải có thêm bộ môn âm nhạc cho Tăng Ni sinh.

Rồi bất cứ đôi mắt ta nhìn vào đâu cũng đòi hỏi ở đó phải đẹp, từ mái chùa, bìa cuốn kinh, lễ đài Phật đàn, tượng Phật, lọ hoa, lối đi, trang phục... Chính những ấn tượng mỹ thuật đó biểu hiện sự phong phú tâm hồn của những người tu Phật. Nếu nhìn một ngôi chùa xấu xí, luộm thuộm, người ta cũng nghi ngờ tâm hồn của những tu sĩ ở trong đó. Hơn nữa tâm lý ai cũng thích đến những nơi có cảnh trí đẹp để. Vì vậy, có khả năng mỹ thuật để tạo ra một cảnh trí già lam đẹp để cũng là phương tiện để hoằng pháp. Trường Phật học cũng phải cho dạy bộ môn Mỹ thuật.

6. Ước mơ về một thế giới Phật giáo
Muốn làm một người hoằng pháp giỏi,

trong tâm ta phải biết mơ ước về một thế giới mà trong đó hầu hết mọi người đều tin hiểu Phật Pháp, đều biết thương yêu nhau theo đạo từ bi, đều biết kềm chế tránh ác làm thiện theo luật Nhân quả. Bây giờ thế giới bị phân hóa bởi nhiều tín ngưỡng, trong đó có những tín ngưỡng rất sai lầm quá khích đã khuyến khích tín đồ giết hại đồng loại không thương tiếc, hoặc có những tín ngưỡng mưu đồ thống trị thế giới một cách bí mật. Hơn bao giờ hết, đây là lúc con người cần một đạo lý diệt trừ lòng ác độc, diệt trừ tham vọng điên cuồng; đây là lúc con người cần đạo lý sống hiền hòa thanh thản với lòng thương yêu vạn loại, với trí tuệ kiểm soát làm lỗi chính mình, với khát vọng vượt lên cao hơn về tâm linh để hòa nhập vào nền văn minh của vũ trụ.

Người hoằng pháp phải mang trong trái tim mình ước mơ cháy bỏng về một cõi Phật trên hành tinh đầy mây bay gió thổi này, đầy sông sâu biển lớn này, đầy núi cao đồi dài này, đầy cây xanh cỏ mượt

này. Trái tim đó sẽ đưa ta đi đến mọi góc trời để ta nói với loài người rằng, hãy yêu thương nhau.

Câu hỏi: Hãy nói về lý tưởng hoằng pháp.

HOÀNG PHÁP 2

NGUỒN ĐẠO LÝ

1. Định nghĩa

Người hoằng pháp phải có một nguồn đạo lý sung mãn tràn đầy để có thể chia sẻ với mọi người mãi mãi. Khi mọi người tiếp chuyện hoặc nghe ta giảng thuyết, họ thấy rõ ta thật sự có trí tuệ sâu sắc, thật sự nhìn vấn đề tinh tế, không phải nói như học thuộc lòng. Khi tiếp chuyện với ta, mọi người cảm thấy được lợi ích, được sự thú vị, giải quyết được một số điều trong cuộc sống.

Muốn như vậy, ta phải tạo cho mình một

nguồn đạo lý vô tận ở bên trong vì công việc hoằng pháp là trách nhiệm suốt đời của người đệ tử Phật.

2. Học hỏi

Để có đạo lý trong tâm mình, dường như trước hết ta phải học hỏi rất nhiều. Những giáo lý căn bản phải được học là từ kinh tạng nguyên thủy ban đầu của Phật như luật Nhân quả Nghiệp báo, Tứ Diệu đế, Bát Chánh đạo, Mười hai Nhân duyên, Ngũ căn Ngũ lực, Tứ Niệm xứ... Đây là những chân lý không thể sai lầm mà chư Phật khi xuất thế đều phải tuyên giảng. Dù sau này ta có học thêm được những đạo lý mới nào khác thì điều bắt buộc là giáo lý đó không được trái với những giáo lý nguyên thủy trên đây. Có một quan điểm rất đáng buồn là nhiều tông phái sau khi tiếp nhận những giáo lý mới, đã xa rời giáo lý gốc khiến cho sự tu hành trong đạo Phật lệch dần qua ngoại đạo tà kiến mà không hay. Ngày nay, nhờ các phương pháp sử học hiện đại, chúng ta hiểu thêm

về giá trị của kinh điển nguyên thủy cao quý biết chừng nào. Vì vậy, tuy hệ thống kinh tạng Nikaya có vẻ khó hiểu và cô đọng, ta vẫn phải quyết tâm nghiên cứu tường tận để thiết lập một chánh kiến cho cuộc đời tu hành của mình.

Song song với việc tu hành theo năm tháng để có kinh nghiệm, đạo tâm của ta ngày càng phát triển, ta sẽ bắt đầu nghiên cứu học hỏi kinh tạng phát triển Đại thừa. Nếu kinh tạng Nikaya nhấn mạnh đến sự tinh tấn cho những người thiện căn dày dặn thì kinh tạng Đại thừa nhấn mạnh đến sự bồi tạo công đức song song với việc thúc liễm nội tâm. Kinh Đại thừa kết hợp sự nhiếp tâm bên trong và công đức hóa độ chúng sinh bên ngoài. Đây là quan điểm cực kỳ tiến bộ của Phật giáo trong thời kỳ phát triển. Những người thực hành theo quan điểm đó thì được gọi là Bồ tát, nhưng Bồ tát cũng có nhiều mức độ quả vị khác nhau. Ý niệm về thời gian của Bồ tát là vô nghĩa vì Bồ tát không bao giờ đòi hỏi phải nhanh chóng chứng ngộ. Đây là dấu

hiệu của trí tuệ cao xa. Tuy nhiên, nhiều bài kinh thuộc hệ thống đại thừa lại hay nói về Nghĩa Không của vạn hữu và gây hiểu lầm lớn, khiến cho nhiều người trở nên thụ động, không quan tâm đến việc gây tạo công đức và giáo hóa chúng sinh. Điều này khiến cho đạo Phật suy yếu dần. Chỉ những ai có khả năng nhìn xuyên qua khỏi những chữ “Không” đó thì mới thấy cả một chân trời hạnh nguyện vô tận của Bồ tát.

Kế nữa, chúng ta học các luận bản của các vị Đại sư về sau này, cả Nam tông và Bắc tông để theo dõi sự ứng dụng của những thời đại sau Phật, và cận đại. Dĩ nhiên ta không có thời gian nghiên cứu tất cả kinh luận của Phật giáo vì sự đồ sộ phong phú trong đó, nhưng ta sẽ chọn những luận bản tiêu biểu nhất để xem qua. Ta cũng hiểu vì sao bắt đầu có sự phân phái của Đạo Phật kéo dài đến hôm nay. Ban đầu đạo Phật chỉ là duy nhất, nhưng theo kiến giải và hoàn cảnh mỗi nơi mỗi lúc mà tông phái xuất hiện. Ta cũng

hiếu là ta không được phép gây thêm sự ngăn cách giữa các tông phái nữa, mà phải đi tìm sự hợp nhất trở lại cho một đạo Phật chung đồng về sau.

Tông phái nào buộc lòng phải nói mình là hay nhất; kinh điển nào cũng phải nói mình là thù thắng nhất, và đó là chuyện bình thường. Ta phải bình thản thoát ra ngoài những lẽ thói đó để khách quan xem xét mọi thứ, chứ không vì lời tán dương đó mà ta tự hạn cuộc mình trong một góc cạnh nhỏ bé nào. Một bản kinh dù hay đến đâu cũng không thể đại diện cho toàn bộ chân lý của Phật; một tông phái dù hay đến đâu cũng không thể bao trùm hết mọi đạo lý của Phật. Ta phải luôn nhắm đến một đạo Phật chung đồng cho muôn đời sau.

3. Tham khảo

Ngoài kinh luận của Nguyên thủy và Đại thừa phải học hỏi, chúng ta phải tham khảo thêm các kiến thức của khoa học thế giới. Dĩ nhiên khoa học chưa phải đã

khám phá đến tận cùng chân lý của vũ trụ, nhưng những điều mà khoa học đã tìm thấy vẫn luôn là mực thước vững chắc. Đó cũng là tinh hoa trí tuệ của loài người qua biết bao nhiêu thời đại. Nếu ta ngạo mạn khinh thường khoa học tức là ta xem thường trí tuệ của loài người, và quả báo là nhiều đời sau ta sẽ không có trí tuệ. Khoa học có 2 loại: Tự nhiên và Nhân văn.

Khoa học tự nhiên gồm các môn Hóa, Vật lý, Toán, Sinh vật, Địa lý, Kỹ thuật, Môi trường,...

Khoa học Nhân văn gồm các môn Sử, Xã hội, Văn, Triết, Luật, Đạo Đức, Tâm lý... Dĩ nhiên không ai có đủ thời gian và khả năng để tìm hiểu hết mọi môn học như thế, nhưng người làm công tác hoằng pháp phải biết căn bản mỗi môn như thế. Chính nhờ kiến thức tương đối rộng rãi đó mà khi thuyết giảng, giáo lý ta nói ra có thể chặt chẽ, hợp lý, và phù hợp với văn minh của nhân loại. Như vậy người trí thức mới có thể được thuyết phục để chấp nhận lời

nói của ta. Điều ta phải cảm ơn Phật là Phật đã để lại cho muôn đời một hệ thống chân lý tuyệt vời khiến cho khoa học càng tiến bộ thì đạo Phật càng được sáng tỏ, không giống như một số tôn giáo bị lạc hậu khi khoa học tiến bộ.

Đối với những ai giỏi Toán thì lại càng là một lợi thế cho công việc hoằng pháp. Người giỏi Toán biết gạn lọc về đạo lý và lý luận khi họ còn là học Tăng hay học Ni. Đến khi bắt đầu đi giảng dạy, họ luôn cẩn thận khi đưa ra một luận cứ, có nhìn trước nhìn sau, rào trước đón sau. Chính họ đã tự phản biện để tìm chỗ sơ hở của mình trước khi đưa một bài giảng ra với công chúng. (sẽ nói tiếp về sau). Vì vậy lý luận của họ rất vững chắc.

Tạp chí sách báo xuất bản định kỳ cũng là nguồn tham khảo tốt cho người làm công tác hoằng pháp. Ta có thể chọn một vài tạp chí hay tờ báo có uy tín để xem đều đặn giúp cho ta theo dõi được diễn biến xảy ra ở mọi nơi. Không phải ta xem để thỏa mãn tính tò mò, mà để đối chiếu giữa

giáo lý đạo Phật với tình hình xã hội. Giáo lý sẽ trở nên khô khan và thiếu thực tế nếu ta không chịu thường xuyên đối chiếu với tình hình thế giới. Mỗi khi nghe về một diễn biến xã hội, ta phải suy luận xem Nghiệp báo đã chi phối như thế nào, phải đánh giá xem loài người còn thiếu đạo lý gì, phải tự hỏi xem đạo Phật cần phải làm những gì trong hiện tình như thế. Ai biết thường xuyên đối chiếu giữa giáo lý và diễn biến xã hội sẽ là một giảng sư tài ba của tương lai.

Ví dụ khi ta nghe nói về chuyện các nhà sư Phật giáo ở miền Nam Thái lan bị bọn Hồi giáo chặt đầu, ta phải suy nghiệm trên 5 phương diện như sau:

- Nhân quả riêng của nhà sư đó ra sao.
- Sự cực đoan dã man của Hồi giáo do đâu mà có.
- Đạo Phật sẽ như thế nào nếu Hồi giáo cứ sử dụng bạo lực để lấn chiếm dần giống như thế kỷ thứ 8.
- Đạo Phật phải làm gì để tự bảo vệ trước việc Hồi giáo lấn dần bằng bạo lực.

- Có thể thay đổi giáo lý Hồi giáo được không...

Rồi ta tự tìm câu trả lời.

Hoặc khi ta chứng kiến một người ít học mà có thể di chuyển cả những công trình phức tạp sang nơi khác, độc đáo hơn cả những người có bằng cấp, thì ta cũng tự suy nghiệm xem nhân duyên gì đã đem đến điều đó.

Nếu ta luôn luôn biết đối chiếu tình hình thế giới với giáo lý đạo Phật thì ta sẽ có nguồn đạo lý vô tận trong việc thuyết giảng mai sau. Nhược điểm của lối học kinh điển mà không đối chiếu với đời sống chung quanh đã khiến cho Tăng Ni sinh ra trường không đáp ứng được với tâm tình của quần chúng.

Vô số những chuyện xảy ra chung quanh ta đều là cơ hội cho ta suy nghiệm đạo lý. Chính sự đối chiếu thường xuyên như vậy khiến cho đạo lý trong tâm ta được củng cố và phát triển đến vô hạn.

4. Kinh nghiệm tu hành

Tu hành có ý nghĩa rộng rãi từ chuyện sửa chữa lỗi lầm nội tâm sâu kín, đến công phu nhiếp tâm trong thiền định, đến đời sống tử tế với mọi người, đến giải quyết mọi chuyện phức tạp trong đời sống.

Trước hết, tu hành có nghĩa là hoàn thiện đạo đức, dù bất cứ tôn giáo nào, bất cứ vị trí nào. Ai cũng có những khuyết điểm về đạo đức và ai cũng có bổn phận phải hoàn thiện đạo đức của mình. Người nào không có mục tiêu hoàn thiện đạo đức bản thân tức là người ác. Chắc chắn người đó sẽ làm khổ nhiều người chung quanh mình và cuối cùng đưa chính mình về đau khổ. Trong quá trình hoàn thiện đạo đức bản thân, ta sẽ vượt qua rất nhiều khó khăn chướng ngại, và như vậy, sẽ có rất nhiều kinh nghiệm đầy mồ hôi nước mắt. Ví dụ khi ta phải chiến đấu với sự ích kỷ, ta phải tập san sẽ hy sinh, phải chịu cực khổ để giúp người, phải chấp nhận gánh vác nhiều trách nhiệm cho người. Những điều như vậy hoàn toàn không phải dễ làm.

Từng chút chiến đấu với chính mình để giành lấy điều thiện làm cho ta có kinh nghiệm xác thực, hơn hẳn sự thụ động ảm đạm trong lý thuyết. Sau này khi hướng dẫn cho người khác, ta sẽ nói được mạch lạc, chi tiết, sâu sắc và rất thuyết phục. Đây là giá trị căn bản của người hoằng pháp. Nhiều người lầm tưởng cho rằng cứ học thật nhiều rồi sẽ giảng hay. Thực tế đã chứng tỏ là không phải vậy. Do đó ai nặng lòng với sự nghiệp hoằng pháp phải biết tu sửa chính mình rất nhiều.

Kế đến là công phu nhiếp tâm trong thiền định. Nhập định tức là thoát ra khỏi bản ngã dần dần. Bản ngã là gì? Bản Ngã là cái tôi, từ cái tôi này mà ta phải tham lam thù hận biết là bao nhiêu; rồi từ tham lam thù hận, ta đã tạo vô số nghiệp để bị trôi lăn trong luân hồi mãi mãi. Vì thế, người càng thoát khỏi bản ngã chừng nào càng thánh thiện chừng nấy. Đỉnh cao của sự tu hành trong đạo Phật chính là chấm dứt bản ngã hoàn toàn. Người thoát khỏi bản ngã thì cũng thoát luân hồi tái sinh,

nghĩa là giải thoát thật sự.

Nếu đạo đức cho ta cái nền tảng của sự tu hành thì sự nhiếp tâm trong thiền định cho ta cái cốt lõi chính của sự tu tập, với điều kiện ta phải lấy mục tiêu diệt trừ bản ngã, không chọn làm mục tiêu khác.

Trên bước đường gian nan tu tập thiền định, ta phải đối diện với sự phản kháng của bản ngã mình rất nhiều lần, rất tinh vi. Mỗi khi ta tiến bộ trong việc nhiếp tâm một chút thì lập tức ta cũng cảm thấy tự hào hơn một chút, và có nghĩa là bản ngã vẫn chiến thắng. Sự tinh tế sâu sắc trong việc nhận diện bản ngã luôn tìm cách trỗi dậy giúp ta có những kinh nghiệm cực kỳ phong phú, và trí tuệ sáng ra từng ngày. Do đó, sau này hướng dẫn giảng thuyết, ta sẽ trình bày rất tỉ mỉ sâu sắc.

Ta phải nhớ nguyên lý này, càng thoát ra khỏi bản ngã chừng nào, ta càng thánh thiện chừng nấy, và càng có trí tuệ chừng nấy. Chính trí tuệ này sẽ giúp ta rất nhiều trong công việc hoằng pháp ở mai sau. Một công việc khác, cũng được gọi là tu

hành, chính là sự đối xử tử tế với mọi người.

Tu là cái gì nếu ta không thể đối xử tử tế với mọi người chung quanh? Dĩ nhiên muốn đối xử tử tế với mọi người, ta phải thành công trong việc hoàn thiện đạo đức trước đã, cũng như đã thoát dần bản ngã bởi công phu thiền định.

Tuy nhiên khi thật sự đối diện ứng xử với con người, bỗng nhiên ta gặp nhiều sự khác biệt vì tâm tình con người rất khác nhau. Ngay cả trong chính chúng ta, sự khác nhau giữa suy nghĩ và hành động cũng là rất đáng kể. Ví dụ, ta khởi lên được suy nghĩ rằng ta sẽ chia sẻ vật chất với ai gặp khó khăn thiếu thốn; nhưng khi thật sự gặp người đang thiếu thốn, ta lại bị một loạt các yếu tố khác tác động khiến ta bị do dự trong việc giúp đỡ họ. Có thể là lúc đó ta không có nhiều tiền lắm, hoặc người đó thiếu phước quá, tâm người đó hẹp hòi quá khiến ta ngần ngại không thương nể. Hoặc có khi số tiền ta hạn chế mà người cần được giúp thì nhiều hơn,

vân vân...

Thực tế không dễ dàng như ta nghĩ, dù ta chỉ muốn làm điều tốt. Nhưng khi đã quyết tâm sống thương yêu tử tế với người thì ta sẽ vượt qua những khó khăn đó để làm được điều tốt đẹp cho con người. Chính những lúc vượt qua khó khăn để sống tử tế với người, ta lại càng có thêm kinh nghiệm đạo lý để nói với người sau.

Rồi trong cuộc sống bình thường, ta phải giải quyết biết bao nhiêu công việc, phải va chạm với biết bao nhiêu con người.

Phải giải quyết mọi việc làm sao cho phù hợp với đạo lý Phật dạy từng chút một là cả một trí tuệ và thích thú. Nếu lúc nào ta cũng tỏ ra hiền lành nhẩn nhện lại có khi sai với đạo lý vì sự cứng rắn đôi khi rất cần thiết. Đó cũng là lý do tại sao chư Tổ đã đưa hình tượng Hộ pháp cầm gươm đứng trước cửa chùa. Rồi phải luôn luôn bình tĩnh, không nóng giận, không hơn thua, không tham lam... để nói năng hay xử lý công việc mới có thể đúng với đạo được. Bề dày qua nhiều năm tháng cố

gắng xử lý mọi việc đúng với đạo lý khiến cho ta hiểu đạo sâu xa hơn. Đây cũng là một yếu tố làm tăng trưởng nguồn đạo lý của nội tâm ta phong phú hơn.

5. Kinh nghiệm hoằng pháp

Cuối cùng là khi bước ra làm công tác hoằng pháp, ta lại còn nhiều cơ hội để rút tỉa kinh nghiệm. Biết bao nhiêu tình huống, bao nhiêu căn cơ, bao nhiêu nhân duyên khiến cho việc hoằng pháp rất thú vị mà cũng rất phức tạp.

Chỉ riêng đi tìm giáo lý đề tài cho hay đã là khó rồi, ngoài ra ta còn phải đối phó với những sự ganh tị, bất đồng, ngờ vực của nhiều người khác. Chưa kể là thời đại hôm nay các tôn giáo cạnh tranh chiêu dụ tín đồ, sẵn sàng bí mật mưu hại những người ưu tú của Phật giáo.

Phải nói là một người muốn làm sứ giả cho Như Lai phải chịu rất nhiều khó khăn cay đắng. Nhiều năm qua đạo Phật ta chọn cách thức hành đạo ít năng động truyền bá, chỉ lo xoay vào trong. Bây giờ

tình hình rất khác, không thể duy trì đường lối cũ nữa.

Khi cuộc sống êm ả thanh bình, mọi người đều hướng về Phật Pháp thì ta chuyên sâu tu tập để tìm sự chứng ngộ tâm linh là đúng; nhưng khi cuộc sống nhiều nhương, Phật Pháp bị đe dọa bởi các tôn giáo cực đoan, còn rất nhiều người chưa biết đến Phật Pháp thì ta phải chọn lối tu Đại thừa, nghĩa là hiểu rằng việc thúc liễm nội tâm với việc giáo hóa chúng sinh chỉ là duy nhất không thể tách rời.

Câu hỏi: *Làm sao để có nguồn đạo lý vô tận giáo hóa chúng sinh?*

HOÀNG PHÁP 3

THỰC

HÀNH TIẾP XÚC

VỚI ĐỐI TƯỢNG

CHUNG QUANH CHÙA

1. Khả năng tiếp xúc trong phạm vi nhỏ là căn bản

Người làm công tác hoằng pháp phải có điều kiện tiên quyết là thương yêu chúng sinh vô hạn, lúc nào cũng mong muốn cho chúng sinh được thấm nhuần Phật pháp. Vì thế, người hoằng pháp phải thường xuyên tiếp xúc với chúng sinh để gieo duyên hóa độ. Có hai dạng tiếp xúc để giáo hóa, đó là xuất hiện trên bục giảng trước số đông, và gặp gỡ nói chuyện với số ít người.

Thường thì việc xuất hiện trên bục giảng đòi hỏi phải có nhân duyên, điều kiện, tổ chức, và không nhiều. Còn việc gặp gỡ với mọi người trong phạm vi nhỏ là điều dễ làm, nhiều cơ hội, và là căn bản của công tác hoằng pháp. Nếu chúng ta thành công mỗi khi tiếp xúc với vài người, khiến cho những người đó hoan hỷ tăng trưởng đạo tâm tức là ta xây đắp nhân duyên hoằng pháp của mình ngày càng lớn mạnh. Ai không thể tiếp xúc thành công trong phạm vi nhỏ thì chưa đủ nhân duyên hoằng pháp lớn.

Thường thì ta nên tổ chức gặp gỡ mọi

người bằng cách tổ chức thăm viếng gia đình. Tuyệt đối Tăng Ni sinh không nên tự ý đi ra thăm viếng gia đình cư sĩ. Việc này phải được các vị lãnh đạo tự viện, giám hiệu nhà trường tổ chức, điều phối. Các vị lớn sẽ sắp xếp cho vài ba Tăng hay Ni thành một nhóm; mỗi nhóm sẽ phụ trách thăm viếng bao nhiêu gia đình tùy theo sự phân bố dân cư ở khu vực đó.

Nhờ có vài huynh đệ đi chung như vậy, ta được bảo bọc trong giới luật và thể hiện sự trang nghiêm của người xuất gia. Sau này, có khi ta phải đi một mình vì hoàn cảnh gì đó, ta cũng phải giữ tâm vô nhiễm với mọi chuyện của thế gian.

Nếu vì lo sợ ô nhiễm mà ta không dám tiếp xúc để giáo hóa thì ta rơi vào quan điểm Tiểu thừa; nếu tiếp xúc mà bị ô nhiễm thì ta thất bại. Vì vậy, vừa tránh bị rơi vào Tiểu thừa, vừa tránh thất bại, ta phải làm sao tiếp xúc mà không bị ô nhiễm. Ta chỉ đem giáo lý đến cho người mà không nhận đem về những phiền lụy ràng buộc của thế gian. Đây là bản lĩnh

của một tu sĩ mà ta phải giữ suốt đời. Nhưng muốn như vậy, ta phải có công phu tu hành thật sự tinh tấn. Một yếu tố quan trọng để giữ tâm vô nhiễm nữa là đạo đức khiêm hạ. Tâm khiêm hạ hỗ trợ ta không bị ô nhiễm. Nếu sau vài thành công mà ta kiêu mạn thì ô nhiễm sẽ đến liền. Việc tổ chức thăm viếng các gia đình cư sĩ là một thái độ vừa tích cực của đạo Phật, vừa chứng tỏ rằng đạo Phật không quan liêu, không ở một chỗ để chờ chúng sinh đến với mình. Năng lực hoằng pháp của Tăng Ni cũng bắt đầu từ việc tiếp xúc thăm viếng này.

2. Những gia đình chung quanh chùa

Những gia đình ở chung quanh chùa là một đối tượng rất đặc biệt, và cũng là đối tượng ưu tiên hàng đầu trong việc giáo hóa của người xuất gia. Nếu tất cả những gia đình chung quanh chùa đều được cảm hóa theo Phật thì sẽ tạo nên từng khu vực Phật giáo âm cúng vững mạnh. Chùa là hạt nhân đoàn

kết và những gia đình là các mái ấm thương yêu. Chùa sẽ là nguồn đạo lý giữ gìn phong hóa đạo đức cho cả vùng, và mỗi gia đình là nơi thực hiện các phong hóa tốt đẹp đó. Đôi khi có những xung đột mâu thuẫn giữa con người trong vùng, nhưng có khi chỉ cần chùa hòa giải là xong, không phiền phức tới luật pháp kiện tụng. Trẻ sẽ tới lui với chùa để được học hỏi giáo lý thường xuyên hơn, chia sẻ với cha mẹ gánh nặng giáo dục đạo đức cho trẻ đang lớn.

Mà như thế, chùa cũng lại được bảo vệ bởi những tín đồ thân yêu của mình. Đó chính là thành quách vững chắc xây dựng từ tấm lòng của mọi người.

Vì thế, việc tiếp xúc gặp gỡ để gieo duyên hóa độ với những gia đình cư sĩ chung quanh chùa là một yêu cầu bức thiết của Tăng Ni, nhất là trong tình hình hiện nay các tôn giáo bạn cũng có chủ trương bảo bọc chùa bằng tín đồ của họ. Họ đang siêng năng dẫn dụ các gia đình quanh chùa theo đạo của họ dần dần.

Những gia đình cư sĩ chung quanh chùa cũng rất đa dạng khác nhau. Ta phải phân loại để có phương cách tiếp xúc thích hợp theo từng dạng.

- Gia đình theo Phật:

Đối với những gia đình này đã từ lâu thờ Phật, đi chùa, thì việc ta đến thăm viếng nói chuyện là điều rất hợp lý bình thường, và dễ chịu. Những cuộc thăm viếng như thế làm tăng thêm tình thương mến giữa chùa và gia đình cư sĩ, đồng thời cũng nhắc nhở Phật tử ráng giành thêm thời gian tới lui tu học ở chùa. Thực tế là có những gia đình cư sĩ ở gần chùa mà lâu rồi không sắp xếp đi chùa lễ Phật sám hối, nghe giảng, đôi khi chỉ chạy qua cúng ít gạo, nhang, đậu hủ rồi biến mất. Chính những lần viếng thăm của Tăng Ni sẽ làm họ nhiệt tình với chùa trở lại.

- Gia đình chưa theo Phật:

Ở gần chùa mà chưa theo Phật là lỗi của Tăng Ni. Họ không có duyên nhiều để tự

tìm tới chùa học hỏi, mà Tăng Ni cũng không ai tới thăm viếng người láng giềng hờ hững này. Từ nay, Tăng Ni phải quan tâm nhiều đến những gia đình sống gần chùa mà chưa theo Phật này. Chẳng riêng gì Tăng Ni, những Phật tử cũng phải giúp quý Thầy Cô trong việc này, nếu thấy ai ở gần chùa mà chưa biết Phật Pháp thì cũng phải tới lui thăm viếng gây cảm tình và hóa độ.

- Gia đình nghèo:

Lòng từ bi của đạo Phật sẽ thể hiện trước hết đối với những gia đình nghèo ở chung quanh chùa. Dĩ nhiên chùa không thể nào lo xuể cho những người nghèo như thế, nhưng sự quan tâm, sự thăm hỏi, hoặc quyên góp giúp người nghèo khi bức ngặt cũng là thể hiện của đạo lý. Mọi người nhìn vào sẽ cảm mến đạo đức của chùa từ đó.

- Gia đình giàu:

Nếu gia đình ở gần chùa mà vừa biết đạo vừa khá giả thì sẽ làm tăng thêm sức mạnh cho chùa vì họ sẽ là thí chủ tốt.

Chùa phải biết động viên hướng dẫn để họ phụ giúp chùa trong các Phật sự, nhưng đừng nhiều quá làm họ thoái tâm. Tăng Ni đến thực hành tiếp xúc với các gia đình này phải giữ gìn oai nghi đĩnh đạc để họ có tín tâm.

- Rất nhiều thành phần mà ta không thể phân loại hết, ví dụ người trí thức hay người bình dân, người làm viên chức nhà nước hay dân sự, người có nghề phức tạp hay nghề hiền lành, vân vân...

Nói chung, đứng trên nóc chùa mà mắt ta nhìn thấy bất cứ nóc nhà nào thì ta cứ xếp tất cả gia đình đó thuộc diện chung quanh chùa và phải sắp xếp tiếp xúc thăm viếng để thực hành công tác hoằng pháp. Tăng Ni sinh thực hành công tác thăm viếng tiếp xúc này phải cố gắng xin các vị lớn sao cho để mình có thể thăm được vài gia đình theo nhiều thành phần khác nhau để lấy kinh nghiệm cho phong phú. Nên đi cho gọn trong một ngày để còn thời gian

viết bài thu hoạch nộp cho giáo thọ.

3. Gây thiện cảm

Công việc chính của sự thăm viếng chính là nói chuyện đạo lý, nhưng trước hết ta phải chiếm được cảm tình của gia chủ đã. Gây thiện cảm có 2 phương pháp: Đạo và Thuật.

- Thuật có nghĩa là những cách thức lịch sự, những câu nói theo công thức, những hành vi khuôn mẫu có sẵn để làm vui lòng người, mà thiếu một tình thương chân thật. Ví dụ ta mang theo ít quà bánh cho trẻ, mang theo bó hoa cho chủ nhà, hỏi thăm sức khỏe đúng bài bản, nhưng lòng ta lạnh băng. Đó là thuật. Thuật thì không đem lại kết quả lâu dài. Người tu không nên dùng thuật, mà phải dùng đạo.

- Đạo là những việc làm đem niềm vui cho người phải xuất phát từ tình thương chân thật. Trước khi đi đến gia đình nào, ta phải tìm hiểu sơ qua những đặc tính của gia đình

đó về gia thế, kinh tế, hoàn cảnh, số người... Ta có thể chuẩn bị ít quà nho nhỏ nếu có thể, còn nếu Tăng Ni sinh ta nghèo quá thì thôi. Ta lễ Phật cầu gia hộ sao cho ta thương yêu họ, đem đạo lý đến cho họ, và họ được hoan hỷ quý kính Tam Bảo. Nên cố gắng có cuộc hẹn trước hơn là đến đường đột. Gia chủ sẽ lúng túng và không thoải mái khi tiếp chuyện với ta nếu bị ta viếng thăm thành linh, vì họ còn nhiều việc phải làm đã lên chương trình. Khi đã chọn sẽ viếng thăm ai, ta nên tìm cách báo trước và xin họ cho cái hẹn. Nếu họ hỏi có việc gì, ta trả lời thành thật là chùa thăm viếng một chút để hỏi thăm. Với những cư sĩ Phật tử thì hầu như rất vui vẻ khi được quý thầy cô ghé thăm. Nhưng với những người chưa phải đạo Phật thì có khi họ cũng không mặn mà việc thầy cô ghé thăm. Có thể họ thoái thác không chịu gặp. Đối với những trường hợp như thế, ta phải nhớ đến công ơn Tam Bảo mà kiên cường bền chí, không nản lòng, quyết độ cho được những

người khó độ.

Các tôn giáo bạn hay tổ chức đến thăm đường đột vì sợ hẹn trước bị từ chối. Ta có cách khác khi bị từ chối, là vẫn cảm ơn và viết vài chữ trong một cái thiệp gửi thăm hỏi gia đình khó chịu đó. Vài lần như thế thì họ sẽ đổi thái độ và sẽ cho ta gặp. Ai mà kiên nhẫn đến với chúng sinh như thế thì sau này được nhiều thắng duyên trên bước đường hoàng pháp.

Khi đến trước cửa nhà, chuẩn bị bấm chuông, ta nên âm thầm nguyện cho tất cả mọi người biết thương mến nhau. Nhớ tránh giờ cơm vì có khi gia chủ không chuẩn bị cơm để đãi khách, mà để ta ra về lúc đang dọn cơm thì họ ngại.

Khi vào câu chuyện, ta hỏi thăm sức khỏe và vài điều vui vui về gia đình, nhưng đừng giống như công an điều tra hình sự. Nếu ta biết gia đình có điểm đặc biệt nào thì nên chủ động hỏi để gia chủ vui miệng kể cho nghe, ví dụ như con cái đoạt giải thưởng, nhà có con chó đặc biệt, nhà có làm công tác từ thiện, gia chủ là nhà thơ,

vẽ tranh vân vân... Có người vui tính tự kể tự nói tùm lum, nhưng cũng có người ít nói, đợi hỏi mới nói, nhưng nếu ta hỏi hoài thì lại giống như điều tra tội phạm.

Điều quan trọng là gia chủ sẽ vui khi thấy ta đồng cảm với họ, quý trọng sở thích của họ, tôn trọng phẩm giá của họ. Nói chung ta phải hỏi han về những vấn đề họ quan tâm.

Bất ngờ là có khi từ những vấn đề của gia chủ, ta lại có dịp đề cập đến đạo lý. Đó là sự khởi đầu tốt nhất.

Lời khen dễ gây được thiện cảm nhất, vì thế, không nên tiếc lời khen ngợi nếu hợp lý. Khen hoài thì lời khen hết giá trị, giống như nịnh, chỉ thích hợp cho những người mất cân bằng tâm lý. Đa phần, người có lòng tự trọng không thích ta khen quá lời. Ta cũng không nên khen những điều có tính thể diện quá, ví dụ như khen kiểu tóc đẹp, khen áo quần model bốc lửa, chiếc xe máy sơn màu rừng rợn... Chỉ nên khen những gì chuẩn mực đúng đắn, ví dụ khen nghệ thuật trang trí nội thất, con cái lễ

phép, bức tranh đẹp, bàn thờ tổ tiên độc đáo, vợ chồng gương mặt phúc hậu vân vân...

Nếu có vấn đề gì ta không hài lòng thì chỉ nên tránh né, hoặc thành thật nói rằng chưa am hiểu vấn đề đó lắm, mong sẽ được tìm hiểu thêm.

Nếu đó là gia đình nghèo thì ta cũng nên nghĩ đến phương cách giúp đỡ, khoan nói ra, nhưng để ở trong lòng.

Không nên nhìn chăm chăm vào mắt người đối diện, sẽ gây khó chịu cho người cùng phái, hoặc gây hiểu lầm cho người khác phái. Chỉ nên thoáng nhìn một cách minh bạch vừa đủ rồi nhìn sang chỗ khác. Không nên tranh cãi, tuyệt đối, dù ta biết họ sai trăm phần trăm. Chỉ khi nào họ và ta đã trở nên thân thiết thì ta sẽ quyết tâm sửa chữa những sai lầm của họ. Còn ở bước ban đầu, chưa nên phê bình gì vội. Tuy ta rất muốn chiêm cảm tình của gia chủ, nhưng vẫn phải giữ phẩm giá của mình, không có vẻ quá cần, không ra vẻ mềm yếu. Quan trọng là lòng ta luôn

thương yêu tất cả chúng sinh.

Tùy theo trí tuệ mà ta sẽ có những cách gây được thiện cảm với gia đình. Đây là năng khiếu riêng, và nhân duyên riêng.

Tuy nhiên, là Tăng Ni sinh đang thực hành bộ môn hoàng pháp, ta phải cố gắng hết sức mình.

3. Trao đổi đạo lý

Mục tiêu chính của ta là trao đổi đạo lý với gia chủ. Tất cả sự vất vả của ta để đến với chúng sinh cũng là vì đem đạo lý đến cho họ.

Có những gia đình từ lâu theo Phật nên khi ta nói chuyện đạo lý thì họ rất thích, miễn ta đừng nói quá dài. Còn những gia đình chưa biết Phật Pháp thì ta phải khéo léo khi muốn đưa đạo lý vào lòng họ. Dưới đây là những nguyên tắc để nói đạo lý:

- Nên nói chuyện về cuộc sống và những điều gia

đình cư sĩ quan tâm, rồi chụp lấy một chỗ nào đó để nói về Nhân quả Nghiệp báo.

Giáo lý về Nhân quả là mệnh môn vô tận,

nói hoài không bao giờ cạn, và cũng là giáo lý sườn cốt nhất trong đạo Phật. Ví dụ khi nghe cư sĩ khoe về đứa con học giỏi, ta có thể chụp lấy để nói rằng, cũng do gia đình ông bà cha mẹ ăn ở có đức nên con cái giỏi giấn. Rồi sau đó nó tiếp một số nhân quả khác.

- Nên dùng những từ ngữ thông thường mà mọi

người đang sử dụng trong cuộc sống, tránh dùng những từ ngữ quá chuyên sâu trong kinh điển cổ khiến cư sĩ ngỡ ngác. Ví dụ thay vì nói theo kinh là nhất tâm bất loạn, ta nên nói là tâm cực kỳ bình thản.

- Nếu gia chủ thắc mắc hỏi về giáo lý của Phật thì

chớ nên nói cái mình hiểu sâu, cái mình tâm đắc, mà nên đoán xem gia chủ đang ở trình độ nào, quan tâm về vấn đề gì mà nói đạo lý liên quan đến tâm tình của họ. Ví dụ gia chủ hỏi sao mấy thầy đi tu, ta thấy rằng gia chủ đang bị gia đình hôn nhân không hạnh phúc, nên trả lời rằng, quý thầy đi tu vì biết ở đời không có tình

thương bền vững, yêu thương nhau cho
mấy rồi có chuyện không vừa ý là sẵn
sàng hại nhau; quý thầy đi tu để tìm tình
thương yêu chân thật, đi tìm tâm từ bi
thương yêu hết tất cả, vân vân...

- Khi nói chuyện, phải luôn luôn cảm nhận
tâm tình

của gia chủ ra sao, xem gia chủ có thích
không, có chán không, có uể oải, phấn
khởi, chăm chú, thờ ơ, gượng gạo, chân
tình... hay không. Mới ban đầu chưa
quen, có thể ta chưa nhận ra, nhưng lâu
ngày, cộng với công phu tu thiền, ta có thể
theo dõi từng diễn biến tâm lý của gia chủ
rõ ràng để có lời nói thích hợp.

- Phải nói đạo lý mà nghe nhẹ nhàng như
đang nói

chuyện cuộc sống, không phải là một bài
thuyết pháp trịnh trọng. Ta nên nhớ rằng,
sự lịch sự, trân trọng, khúm núm kéo dài
sẽ làm mệt mỏi. Sự thoải mái sẽ làm mọi
người có thể tiếp ta được lâu hơn, và còn
muốn gặp lại. Muốn nói đạo lý mà nhẹ
nhàng như đang nói chuyện đời thì ta phải

luôn luôn dùng những ví dụ thực tế từ cuộc sống để chứng minh cho đạo lý.

- Nếu gia chủ chưa đồng ý về chỗ nào, mà ta cũng

chưa thể thuyết phục được, thì nên tránh qua, để dành lần gặp sau khi ta đã có đủ lý luận để giải thích, và cũng tránh mất lòng. Những ai có đức lớn thì mới có thể phản bác điều sai của người khác thẳng thắn mà người ta không giận, còn lại thì ta nên tránh.

- Vì đối tượng hôm nay là những gia đình ở chung

quanh chùa nên ta sẽ gợi ý về việc mời gia đình đến lễ Phật, nghe thuyết pháp, dự lễ, sám hối vân vân... Nếu ai chưa quy y thì ta nên khuyên cả nhà về chùa quy y. (Nói thêm, chùa phải có sổ quy y ghi chi tiết về Phật tử để quản lý và hướng dẫn lâu dài).

- Ta phải biết chọn lúc thích hợp để từ giã ra về,

đừng ra về khi mà người ta đã quá mệt mỏi. Phải ra về khi gia chủ và gia đình

đang vui vẻ. Trước khi về nên nói lời chúc lành cho gia đình, và hẹn gặp lại.

Các Tăng Ni sinh phải thực hiện cuộc viếng thăm như vậy để thực tập các kỹ năng hoằng pháp dần dần. Sau khi thăm được vài gia đình như vậy, mỗi người về làm bài thu hoạch nộp lên giáo thọ về phương cách, về ưu khuyết điểm. Bài làm càng dài càng tốt.

Chúc các huynh đệ thành công.

HOÀNG PHÁP 4

NÓI CHUYỆN

VỀ QUY Y TAM BẢO

1. Đối tượng thích hợp

Khác với bài thực hành hôm trước là ta chỉ tiếp xúc với những dân chung quanh chùa để gieo duyên và gây thiện cảm. Bài thực hành hôm nay là đến thăm những gia đình nào mà ta nghĩ là thích hợp để nói về chủ

đề Quy y Tam bảo. Dĩ nhiên đó phải là những gia đình chưa Quy y, nhưng cũng phải đã có chút tâm mến mộ Phật Pháp. Trách nhiệm của ta là làm sao thuyết phục họ về chùa làm lễ quy y để trở thành Phật tử thật sự.

Trước khi thực hành bài học này, ta phải chuẩn bị tại chùa những quan điểm về Quy y Tam bảo, về tổ chức quản lý Cư sĩ.

- Thứ nhất, lễ Quy y phải gây được ấn tượng suốt

đời cho Phật tử. Không thể tổ chức lễ Quy y quá sơ sài. Phải giải thích mỗi điều kỷ luật cho Phật tử hiểu. Phải trao cho Phật tử thêm Bảy điều nguyện để họ tích cực tu hành và hộ trì Phật Pháp.

- Thứ hai, sau khi làm lễ Quy y cho Phật tử xong,

chùa phải có kế hoạch tổ chức quản lý Phật tử lâu dài về sau. Nên đưa Phật tử vào từng nhóm, từng chúng, từng đạo tràng thích hợp. Sự gắn bó nhiều người chung một nhóm để có trách nhiệm lẫn nhau giúp cho họ tinh tấn hơn, tránh được

tình trạng quy y xong rồi lại lơ là với chùa.

- Giấy chứng nhận Quy y, mà ta quen gọi là lá phái

quy y, phải được in thật đẹp, offset nhiều màu (xin tham khảo lá phái chùa Phật Quang).

- Chùa phải lưu lại ảnh của Phật tử quy y, lưu lại

địa chỉ, chi tiết nhân thân, và đặc biệt là mối quan hệ giữa các Phật tử nếu có. Nên sử dụng một phần mềm chuyên dùng để quản lý hồ sơ Quy y của Phật tử.

Yêu cầu của bài học này là sau khi nói chuyện về đề tài quy y Tam bảo, ta phải đạt được kết quả cụ thể là hầu hết những gia đình đó đồng ý về chùa Quy y. Nếu không thuyết phục được thì xem như ta không đạt yêu cầu về điểm số thực hành. Bài viết thu hoạch được chấm điểm cũng dựa trên số người đồng ý về chùa quy y. Khác với một bài thuyết pháp hầu như một mình giảng viên nói liên tục, những cuộc tiếp xúc như thế này là cuộc nói chuyện có hỏi có đáp, có tùy cơ ứng biến, có những

lúc pha trò lẫn sang chuyện khác cho đỡ căng thẳng. Vì vậy, tiếp xúc đàm đạo có vẻ dễ hơn thuyết pháp, và cũng chính là sự chuẩn bị cho việc thuyết pháp sau này. Ai giỏi đàm đạo cũng dần dần sẽ giỏi thuyết pháp.

Ta sẽ tập triển khai từng đề tài giáo lý qua những lần đi thực hành tiếp xúc với gia đình Phật tử như thế. Nếu trong suốt quá trình đàm đạo như thế, ta có thể thu hút sự quan tâm chú ý của cư sĩ thì sau này ta sẽ thu hút sự chú ý của một cử tọa đông đảo hơn khi đứng trên bục giảng.

Ta cũng có thể chuẩn bị một ít tài liệu, kinh sách, CD, Tape... để gửi lại biếu tặng trước khi ra về.

2. Nêu ra những ý nghĩa cao quý của việc Quy y Tam Bảo

Muốn cho gia đình cư sĩ đồng ý về chùa làm lễ Quy y Tam Bảo, ta phải nêu ra ý nghĩa cao quý của việc Quy y là như thế nào. Tâm lý con người chỉ chịu làm điều gì khi thấy rõ điều đó là có lợi cho họ. Chừng

nào gia đình cư sĩ thấy được sự thiêng liêng khi được trở thành một đệ tử Phật chính thức, họ sẽ đồng ý.

Trong cách nói của ta, nhớ đừng gây hiểu lầm rằng ta cần có nhiều tín đồ cho oai.

Phải làm sao cho cư sĩ thấy rõ rằng ta khuyến khích họ quy y là hoàn toàn vì lợi ích cho họ.

Trước tiên ta hỏi gia đình đã quy y chưa, ai đã quy y và ai chưa quy y, nhưng thật ra ta đã phải biết trước là gia đình chưa quy y, hoặc còn người chưa quy y. Câu hỏi chỉ là cái cớ để bắt chuyện cho dễ dàng.

Cư sĩ sẽ đáp là còn chưa quy y, và sẽ hỏi lại quy y là gì, có phải cạo đầu vô chùa tụng kinh gõ mõ hay không. Ta sẽ đáp là Quy y là làm lễ để trở thành đệ tử chính thức của Phật, có lời phát nguyện làm nhân duyên cho muôn đời sau, có nhận lãnh giới pháp để gìn giữ, có nhận lãnh những lời nguyện để thực hành.

Cư sĩ sẽ hỏi là: Không cần quy y mà trong tâm vẫn tự xem là đệ tử Phật rồi có được không?

Đáp: Trong tâm kính Phật thì Phật cũng chứng, nhưng không bằng ở trong lễ quy y phát nguyện theo Phật và được chư Tăng hướng dẫn chứng minh. Khi phát nguyện như thế, ta đã gieo duyên với Tam Bảo vĩnh viễn vô lượng kiếp sau. Nhờ một lần quy y như vậy mà ta sẽ mãi mãi gặp Phật Pháp khi sinh ra bất cứ nơi đâu.

Hỏi: Nếu không thể giữ giới nên không muốn quy y bây giờ, đợi đến khi nào giữ được giới thì quy y được không?

Đáp: Vô thường không chờ đợi ai. Quy y được sớm giờ nào hay giờ nấy. Những giới căn bản của người tại gia cư sĩ không có gì là khó, và cũng là những điều kiện cần thiết để ta làm một người có nhân cách giữa cuộc đời. Ta biết kèm chế một chút, chịu khó giữ những giới cấm một chút, vậy mà ta sẽ được an ổn về sau, được mọi người nể phục. Hãy mạnh dạn bước tới, bước về lẽ phải. Hãy từ bỏ những thói quen không thích đáng để có thể giữ giới dàng dàng.

Hỏi: Nếu phạm giới thì sao?

Đáp: Khi nào phạm thì đến gặp quý thầy mà sám hối. Nhờ chân thành sám hối đó mà ta được bớt tội và thêm sức mạnh để tinh tấn hơn.

Hỏi: Giữ giới chưa xong mà quý thầy bắt giữ thêm năm bảy điều nguyện gì nữa thì làm sao giữ được?

Đáp: Giới có tác dụng để ta không làm điều xấu, còn bảy điều nguyện để ta có hướng làm những điều lành. Chính nhờ 7 điều nguyện này mà ta tạo được vô số công đức lành cho đời mình. Hơn nữa, giữ giới có vẻ trầm trầm, còn làm những điều thiện thì hào hứng phấn khởi hơn nhiều. Đây là sự bổ sung qua lại giữa giữ giới và phát nguyện.

Hỏi: Quy y Phật rồi Phật có phù hộ không?

Đáp: Đương nhiên con Phật thì Phật phải gia hộ rồi, tuy nhiên còn tùy thuộc vào phước nghiệp của mỗi người nữa. Nếu không quy y, ta bị tai nạn trăm phần trăm; quy y rồi mức độ ảnh hưởng giảm bớt. Nhưng ta phải làm phước gì đó để sám hối. Sự che chở của Phật là tạm thời qua

cơ cấp bách, chính phước của ta sẽ che chở ta bền vững hơn. Những may mắn trong đời cũng vậy. Ta cầu xin thì Phật cũng ban cho, nhưng chỉ là tạm thời. Chừng nào phước do ta tạo ra thật dày thì sự may mắn là rất ổn định.

Hỏi: Quy y rồi mà bạn quá ít đến chùa có sao không?

Đáp: Dĩ nhiên là có sao rồi, vì ít đến chùa làm sao học hỏi được đạo lý. Khi quy y, ta sẽ được dặn dò là siêng năng học hỏi giáo lý, vì vậy phải siêng đến chùa để học hỏi, nhất là những dịp chùa có thuyết pháp. (Khi ta nhận thấy gia chủ có vẻ lười biếng, muốn quy y mà ngại đủ thứ chuyện, thì ta không nên chịu ý họ, cứ phải khuyến khích họ tinh tấn dũng mãnh tu học vì sự an lạc lâu dài cho họ. Hãy ca ngợi sự cao thượng của người biết siêng năng đi theo chánh pháp).

Đời rồi sẽ qua mau. Nhiều người đến tuổi già tiếc nuối tại sao lúc trẻ không biết tu hành nên về già hụt hẫng đau khổ đủ thứ chuyện. Ta may mắn biết được Phật Pháp

sớm hơn giờ phút nào là hay giờ phút này, vì vậy phải gắng lên.

Hỏi: Quy y rồi được cái gì?

Đáp: Được là đệ tử Phật. Đó là niềm hạnh phúc nhất trên đời (coi chừng họ mỉm cười). Biết bao nhiêu người trên thế giới này sai lầm đi theo các con đường không chân chính. Nhân duyên đó sẽ kéo họ đi xa không hy vọng ngày dừng lại.

Hỏi: Máy đạo kia cho tiền người nào theo đạo. Sao đạo Phật không làm như vậy?

Đáp: Họ cho tiền nhưng không bao giờ cho được chân lý. Giáo lý của họ cạn cợt và không phù hợp với sự tiến bộ của khoa học. Họ phải dùng tiền để mua tín đồ. Nếu ta để cho họ mua mất linh hồn của mình với giá vài triệu thì hóa ra giá trị ta rẻ quá. Hơn nữa, đồng tiền của họ nhiều khi có nguồn gốc tội lỗi do làm ăn phi pháp. Ta hưởng đồng tiền đó thì nghiệp càng nặng thêm. Quý thầy cô trong đạo Phật không chủ trương làm giàu, không chủ trương làm ăn phi pháp nên không có tiền để mua tín đồ. Quý thầy cô chỉ giới thiệu một chân

lý, và ai là người có con mắt trí tuệ sẽ tự nguyện tìm về.

Hỏi: Nhiều khi kẹt quá, họ cho tiền cũng phải nhận để xoay sở.

Đáp: Nếu kẹt phải lấy thì cứ lấy, nhưng đừng theo đạo.

Hỏi: Lấy tiền rồi mà không theo đạo thì kỳ quá.

Đáp: Có một vùng đảo ở miền trung cũng vậy, người dân được phát tiền đều khắp cho từng gia đình, rồi yêu cầu phải theo đạo. Người dân đồng lòng lấy tiền, nhưng không theo đạo. Một người truyền đạo hỏi tại sao lấy tiền rồi mà không theo đạo. Dân cười trừ trả lời rằng không quen theo đạo khác bỏ ông bà, thôi từ từ tính, có tiền cho nữa xài chơi.

Hỏi: Sao thấy theo đạo Phật phải cúng dường không, còn theo mấy đạo kia thì được giúp đỡ?

Đáp: Ban đầu họ giúp đỡ, sau khi làm có tiền rồi thì phải nộp 10% tiền lương mỗi tháng đó, không ngon lành gì đâu. Còn việc cúng dường để giúp đỡ quý thầy cô

tu học giáo hóa là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Hơn nữa, khi ta cúng dường đúng người chân tu, ta được phước lành rất lớn, về sau những sự may mắn sẽ đến tìm ta đầy nhà, đừng lo. Tuy nhiên, Tăng Ni đạo Phật cũng phải bổ sung các hoạt động của mình, nghĩa là có thực hiện việc từ thiện xóa đói giảm nghèo, giống như Nhà nước. Chùa sẽ kêu gọi lập quỹ xóa đói giảm nghèo, giúp vốn cho các hộ nghèo làm ăn. Nếu các Phật tử biết giúp nhau làm ăn thì đạo Phật sẽ mạnh lắm.

Hỏi: Trước kia có quy y rồi, từ nhỏ, bây giờ không còn nhớ gì hết, muốn quy y lại được không?

Đáp: Nên quy y lại, vì ta phải nhớ buổi lễ quy y suốt đời mình.

Hỏi: Trong nhà có người quy y rồi, người chưa quy y, nên việc thờ Phật gặp khó khăn.

Đáp: Nếu gia chủ là người có quyền thì nên kêu gọi tất cả mọi người trong nhà về chùa quy y tất. Nếu còn có ai có quyền

hơn mà chưa tin Phật thì ta nên khéo léo kiên nhẫn trao đổi đạo lý với người đó để tìm sự đồng thuận. Nếu quá khó thì nên cầu Phật gia hộ thêm. Quyết tâm của người Phật tử là đưa cả nhà về với Chánh pháp, không bao giờ lui bước.

Hỏi: Trong nhà có con cái lập gia đình rồi theo đạo khác mất, bây giờ làm sao?

Đáp: Hầu hết các đạo khác đều ngầm bắt buộc phải theo đạo nếu lấy người trong đạo của họ. Bên ngoài họ vẫn chủ trương đạo ai nấy giữ, nhưng con chiên của họ tử tế năn nỉ người yêu theo đạo dữ lắm. Đây cũng là sách lược toàn cầu của họ dùng hôn nhân để thu gom thêm tín đồ. Nếu việc đã lỡ rồi thì ta không cần phải làm gì thêm, chỉ việc cho con mình nghe thêm giáo lý của Phật, tự nhiên chính con mình sẽ là người giới thiệu đạo Phật cho bên xui gia. Nhiều cặp vợ chồng cũng như vậy, cuối cùng cả 2 đều yêu quý đạo Phật khi được hiểu ra vấn đề.

Hỏi: Quy y chùa này, nhưng thỉnh thoảng đi chùa khác có sao không?

Đáp: Đó là điều rất tốt. Phật tử đi qua chùa này chùa kia cũng góp phần làm cho Phật giáo chan hòa đoàn kết hơn. Một bổn sư tốt thường khuyên Phật tử biết xem tất cả các chùa như một mà thôi. Tuy nhiên, Phật tử cũng phải biết chọn lựa nơi nào mình có thể nương tựa học hỏi được.

Hỏi: Sao không thấy chùa mở lớp dạy giáo lý cho Phật tử giống như các đạo khác hay có lớp giáo lý cho tín đồ của họ?

Đáp: Tùy theo điều kiện của mỗi chùa khác nhau. Có chùa mở, có chùa không. Tuy nhiên nguồn băng sách trong đạo Phật cũng rất dồi dào, Phật tử có thể tham khảo dễ dàng. Dần dần rồi Giáo hội cũng tạo điều kiện cho các chùa có những khóa giảng vào dịp sám hối hay chủ nhật cho Phật tử.

Hỏi: Làm sao cho trẻ có dịp học giáo lý cho lớn lên có đạo đức thêm?

Đáp: Chùa cũng có hướng sinh hoạt cho trẻ, vừa học giáo lý, vừa sinh hoạt văn nghệ, vừa làm từ thiện, vừa học các kỹ năng vân vân... Cha mẹ phải khuyến

khích con mình tham gia sinh hoạt nhóm Phật tử trẻ của chùa. Nếu con đi dự đều đặn thì cha mẹ khen thưởng.

Hỏi: Quy y làm đệ tử Phật rồi, nếu biết thầy cô có lỗi, mình được quyền nói không?

Đáp: Đây là điều tế nhị. Phải làm sao có thể góp ý một cách riêng tư, chân thành, thân ái với vị đó nếu mình cho rằng vị đó có lỗi. Vì thật ra đó cũng chỉ là ý kiến riêng của mình chứ chưa chắc vị đó có lỗi thật. Ta phải trực tiếp lắng nghe vị đó trình bày cái đã. Tuyệt đối không nên đem nói ra bên ngoài làm mất uy tín của đạo.

Đôi khi ta phải lái câu chuyện qua vấn đề khác cho không khí thoải mái một chút trước khi trở lại thuyết phục gia chủ về Quy y. Thay vì để cho gia chủ hỏi, có khi gia chủ cũng không biết hỏi gì. Vì vậy, ta có thể lập câu hỏi để cho không khí đừng gượng gạo. Ta hỏi han vừa thân tình vừa không có vẻ tò mò soi mói vào chuyện riêng của gia chủ. Ta hỏi như thế nào để gia chủ nhận ra rằng ta quan tâm quý mến

họ. Những câu hỏi về sức khỏe, về sự học hành của trẻ, về sở thích giải trí vân vân...

Nếu ta hỏi: Sức khỏe ông bà tốt không? Sẽ nghe có vẻ máy móc và không chuyên sâu.

Nên hỏi: Ông bà vẫn kiểm tra đường huyết chứ ạ? – Vâng, chúng tôi vẫn kiểm tra, có cao một chút nhưng chưa nguy hiểm lắm. – Khi đường có dấu hiệu hơi cao như thế thì ta nên ăn uống theo nguyên tắc là chỉ ăn khi nào bụng đói thôi ạ. Nếu bụng chưa đói thì tuyệt đối không bỏ gì vô miệng, dù cho tới giờ ăn rồi. – Chúng tôi vẫn tập thể dục đều đặn nên duy trì được thể trạng tạm ổn. – Quý quá, thật vậy, không thuốc thang gì quý bằng tập luyện. Nếu ông bà cần nghiên cứu thêm khí công thì mời về chùa nhé. Khí công thích hợp cho tuổi cao, nhẹ nhàng mà hiệu quả. Thế các cháu học tốt chứ ạ, cháu lớn nhất học lớp mấy, hay đã đi làm rồi ạ? –

Đại khái là trong khi nói chuyện về chủ đề Quý y, ta vẫn sử dụng các nguyên tắc gây

thiện cảm của bài học trước xen vào cho thoải mái.

3. Vài điểm cần chú ý khi đàm đạo

- Đừng để gia chủ có cảm giác ta đang tranh luận và quyết tâm chiến thắng họ. Có thể ta vừa trình bày điều gì đó rất mới mẻ đối với họ, nhưng vẫn nhẹ nhàng như là gia chủ đã biết rồi, và ta chỉ đi tìm sự đồng thuận mà thôi.
- Đừng để gia chủ nghĩ thầm trong bụng rằng ta thuộc loại người nói nhiều quá. Ta phải biết nói vừa phải, biết tạo ra những khoảng dừng, khoảng trống hợp lý. Và khi cần phải kiên nhẫn lắng nghe gia chủ trình bày quan điểm của họ.
- Ta biết chăm chú nghe, và cũng biết giữ tâm trạng thoải mái, không vút vất chạy theo điều họ nói đến nỗi quên mất công phu chánh niệm tỉnh giác của người xuất gia. Có cái gì đó chừng mực, vừa quan tâm

đến tâm tư tình cảm của họ, vừa tự tại với vô số việc trên đời.

- Những người có trí tuệ nhậm lệ, có thể vừa nghe

xong câu hỏi là lập tức có dàn ý trả lời hoàn chỉnh, không cần suy nghĩ. Nếu ta chưa phải hạng người đó thì phải biết cầu Phật gia hộ mỗi khi đi làm công tác hoằng pháp như thế này. Thật sự có nhiều câu hỏi ngoài dự kiến, ngoài những bài vở ta đã học. Ta cũng phải trả lời cho tốt để gây niềm tin cho gia chủ.

- Nếu cảm thấy chưa thuyết phục họ về Quy y

được thì chỉ nên giữ thiện cảm để lần sau đến nữa chứ không chịu thua.

- Còn ai đã đồng ý về chùa Quy y rồi thì ta lấy

danh sách về cho chùa chuẩn bị lá phái mọi thứ. Ta vẫn theo sát cho tới ngày họ làm lễ Quy y hoàn tất, kéo không ai nhắc nhở, họ lại lơ là quên mất.

Đưa người về chùa Quy y là kết quả đầu

tiên của công tác hoằng pháp. Chúc quý Tăng Ni sinh thành công.

HOÀNG PHÁP 5

NÓI CHUYỆN VỀ CHỦ ĐỀ NHÂN QUẢ

1. Giáo lý nền tảng

Nói chuyện về luật Nhân quả Nghiệp báo là bản lĩnh chính của người làm công tác hoằng pháp. Luật Nhân quả có ưu điểm là:

- Lý giải nhiều điều trong cuộc sống đời thường.
- Làm nền tảng cho việc xây dựng Đạo đức xã hội.
- Định hướng cho sự tu hành giải thoát trong đạo Phật.

Vì vậy, không bao giờ ta sợ người khác nhàm chán nếu ta nói mãi về luật Nhân quả Nghiệp báo như thế. Chỉ có trí tuệ của ta bị giới hạn chứ đề tài về luật Nhân quả là vô hạn. Bất cứ việc gì trên đời cũng có

thể nhìn bằng con mắt Nhân quả để lý giải và giải quyết. Người làm công tác Hoàng pháp phải giỏi về giáo lý Nhân quả để làm căn bản vững chắc cho toàn bộ giáo lý của mình về sau. Sau này, dù ta phải giảng rất nhiều đề tài khác nhau, nhưng tất cả đều phải phù hợp với giáo lý Nhân quả. Bất cứ giáo lý nào cũng phải đặt trên nền tảng Nhân quả.

Vì vậy, ngay từ bây giờ, ta phải thực hành nói chuyện về giáo lý Nhân quả với nhiều người để rèn luyện lý luận và trí tuệ về giáo lý Nhân quả. Bài học hôm nay chỉ yêu cầu ta đến tiếp xúc với Phật tử để trao đổi đàm đạo về giáo lý Nhân quả một lần rồi về viết bài thu hoạch. Nhưng ta phải biết khôn là phải tìm cơ hội để đàm đạo về luật Nhân quả thường xuyên. Mỗi khi gặp Phật tử, ta nên chủ động hỏi han trò chuyện rồi chêm vào vài giáo lý Nhân quả. Nếu họ thích thú thì nói thêm nhiều càng tốt. Nói chung, ta phải thủ sẵn một bụng Nhân quả để dùng suốt đời.

Phật cũng khen ngợi những ai biết truyền

bá giáo lý Nhân quả cho mọi người, vì vậy một giảng sư phải hiểu sâu sắc đường đi của Nhân quả để hướng dẫn giải thích cho mọi người. Ta phải đọc các sách nói về Nhân quả, các đoạn kinh do chính Phật nói về Nhân quả để hiểu về Nhân quả cho chính xác. Sau đó, ta quan sát cuộc sống và suy luận về đường đi của Nhân quả để càng ngày càng thấy rõ thêm.

Hiểu về Nhân quả không thôi thì vẫn chưa đủ để dựng thành Đạo đức cho bản thân, cần phải huân tập tư tưởng lành, tạo nên tư tưởng lành, khởi lên tư tưởng lành thường xuyên thì đạo đức mới xuất hiện. Tuy nhiên, chính vì hiểu Nhân quả mà ta mới yêu quý Đạo đức và đi tìm Đạo đức. Nếu rất nhiều người trên đời cùng tin hiểu Nhân quả thì xã hội sẽ thay đổi rất nhiều, mọi người sẽ tự biết tránh ác làm lành.

2. Dẫn vào chủ đề Nhân quả

Để tạo ra cơ hội nói chuyện về chủ đề Nhân quả cho việc thực hành hoằng pháp, ta phải chủ động đến với cư sĩ. Hoặc là ta

hẹn trước một cuộc thăm viếng tại nhà, hoặc là ta nhân dịp đón tiếp Phật tử đến thăm chùa, hoặc bất kỳ một dịp gặp gỡ nào trên chuyến xe khách, nơi công cộng vân vân... để mở lời cho việc trao đổi về giáo lý Nhân quả. Thường là ban đầu ta chỉ hỏi han xã giao về sức khỏe, gia đình. Nếu khách có vẻ cởi mở trò chuyện, ta có thể đi sâu vào gia thế để tìm cơ hội. Cơ hội chính là khi khách kể về một đặc điểm nào đó hoặc vui hoặc buồn của đời họ. Nếu họ nói rằng họ hay được giúp đỡ, ta liền chụp lấy cơ hội để nói rằng:

- Chắc chắn kiếp trước đạo hữu hay thường người
- giúp người nên bây giờ đi đâu cũng được quý mến giúp đỡ.

Hỏi: Sao tôi vẫn hồ nghi về kiếp trước kiếp sau quá. Nghe trong đạo Phật hay nói về luân hồi nhưng chỉ là niềm tin chứ chưa có gì chứng tỏ xác thực.

Đáp: Thế đạo hữu cho rằng mọi việc ngẫu nhiên sao. Sở dĩ ta cho rằng ngẫu nhiên vì ta chưa tìm ra nguyên nhân thôi. Nếu ta

biết việc gì cũng có nguyên nhân thì ta sẽ không chấp nhận chủ trương ngẫu nhiên nữa. Tại sao bao nhiêu người khác không được cái ngẫu nhiên may mắn giống như bạn?

Hỏi: Vì có thể tôi có đặc điểm nào đó như ngoại hình đẹp, thái độ dễ mến, khéo léo cư xử vân vân...

Đáp: Vậy những ưu điểm đó ở đâu ra, ngẫu nhiên nữa chẳng?

Hỏi: Có thể do gia đình tôi giáo dục un đúc tôi.

Đáp: Tại sao bạn sinh vào gia đình đó, ngẫu nhiên chẳng?

Hỏi: Nếu cứ hỏi hoài thì không ai trả lời hết được. Tạm gác một bên, hãy nói thêm gìùm tại sao người đau khổ người sung sướng?

Đáp: Chúng ta hỏi hoài để biết được rằng luôn luôn còn một lý do phía trước chứ không bao giờ là ngẫu nhiên. Trong những lý do để giải thích cho ta biết về đau khổ hay lầm than của chúng sinh chính là luật Nhân quả. Nếu ta đã từng làm cho người

đau khổ thì ta sẽ bị dồn vào đau khổ mà không tài nào tránh được; nếu ta đã từng đem niềm vui đến cho người thì buộc hạnh phúc phải tìm đến ta.

Hỏi: Vị thần thánh nào lo việc thưởng phạt như thế?

Đáp: Nếu có thần thánh lo việc thưởng phạt cho con người thì vị đó cũng phải dựa trên sự công bằng, có nghĩa là vị đó phải thuận theo luật Nhân quả mà thưởng hay phạt. Vị đó không thể thưởng cho người ác, cũng như không thể phạt cho người thiện.

Nếu khách than thở về những ngang trái khổ sở trong đời thì ta cũng chụp lấy cơ hội để giới thiệu về giáo lý Nhân quả. Ta sẽ nói rằng hãy vững lòng chịu đựng vượt qua đau khổ mà không để cho suy sụp tinh thần. Đau khổ có thể lấy mất của ta bất cứ thứ gì, nhưng không thể lấy được của ta tâm hồn vững chãi và kiên định. Tại sao, bởi vì ta biết những đau khổ hôm nay đều do một sai lầm nào đó trong quá khứ. Có lẽ ta cũng đã từng gây đau khổ cho ai

đó nên bây giờ quả báo trở lại. Ta biết lỗi và can đảm nhận lỗi.

Hỏi: Trong khi tôi đang đau khổ, thầy lại trách tôi là đã sai lầm trong quá khứ.

Đáp: Không có gì làm ta bình yên hơn một khi ta can đảm nhận lỗi về mình. Khi nhận lỗi, ta bỗng có sức mạnh kỳ lạ để chịu đựng nghịch cảnh.

Hỏi: Nếu khi gặp nghịch cảnh, ai cũng buông xuôi chịu đựng thì còn gì là sự tiến bộ của loài người?

Đáp: Người hiểu Nhân quả sẽ biết chịu đựng đau khổ vì hiểu đó là nhân quả của quá khứ, nhưng cũng biết phấn đấu làm những điều lành cho vị lai. Họ không buông xuôi đâu, mà trái lại, luôn luôn phấn đấu để xây dựng một tương lai tốt đẹp. Chỉ khác với người không hiểu Đạo lý đã luôn luôn phấn đấu tranh giành hơn thua tham lam ác độc, người hiểu Nhân quả luôn luôn phấn đấu đem điều tốt lành cho mọi người trước rồi hạnh phúc sẽ đến với họ sau.

Hỏi: Làm sao biết chắc là ta đã làm điều gì

sai trong quá khứ để mà chấp nhận và hối cải?

Đáp: Khi thấy ta phải chịu đựng đau khổ trong hiện tại là biết ngay ta đã từng làm điều sai trong quá khứ. Hãy can đảm nhận lỗi như thế và sẽ gặp may mắn hơn. Đây là điều lạ, ai chấp nhận mình có gây nhân xấu khi sự việc không hay xảy ra thì tự nhiên lập tức điều may mắn cũng xảy ra để hóa giải bớt.

Trước tiên ta phải nghe Phật nói nhiều về những trường hợp Nhân quả điển hình, sau đó rút dần ra các nguyên lý về nhân quả. Ví dụ, Phật nói người bỏn xẻn không biết bố thí sẽ đưa đến nghèo túng; nhưng Phật cũng nói cho tiền bừa bãi không đúng người đúng việc cũng gây nên nghèo túng (Nikaya).

Phật nói việc khinh bỉ người khác có thể khiến ta mắc bệnh lây nhiễm đáng sợ để cho mọi người xa lánh trở lại; còn những bệnh khác hầu hết do sát sinh hay làm tổn hại chúng sinh. Một cái chân tật nguyên có thể do phá đường đi công cộng, hoặc do

đã dùng chân đá ai bị thương.

Phật luôn luôn xác định nguyên nhân ban đầu để đưa đến thánh quả giải thoát về sau là đã từng kính trọng một vị thánh giải thoát nào đó rồi. Dĩ nhiên từ lúc gây nhân đến lúc kết quả là ta phải nỗ lực trên nhiều phương diện tu hành khác nữa, nhưng chính cái nhân kính trọng bậc thánh vẫn là động lực đầu tiên.

Hỏi: Vì sao một người được ngoại hình xinh đẹp?

Đáp: Ngoại hình xinh đẹp có thể do một trong những nguyên nhân sau đây: Hoặc là người đó tâm hạnh hiền lành từ ái; hoặc là người đó hay làm đẹp cho người khác; hoặc là người đó hay trang trí cho những nơi thờ tự các bậc Thánh; hoặc là người đó hay khen những ưu điểm của người khác; hoặc là người đó hay giúp đỡ người cũng khiến mình có gương mặt đẹp. Suy ngược lại thì ta có nguyên nhân làm ngoại hình suy kém.

Hỏi: Có những người giàu nhưng tâm hạnh không tốt. Lẽ ra kiếp trước là người

tốt thì kiếp này mới giàu. Kiếp trước là người tốt thì kiếp này cũng phải còn lại chút nào tính tốt chứ?

Đáp: Có nhiều nguyên nhân đưa đến giàu sang. Hoặc là người đó thật sự tốt bụng tử tế nên bây giờ giàu. Nhưng tốt gì tốt thì vẫn chưa thể tuyệt đối hoàn hảo, vẫn còn có nghịch duyên với ai đó, vì vậy, kiếp này họ vẫn tốt bụng nhưng lại dở hơi với vài người khác, có khi với ta, nên ta thấy họ giàu mà không tốt. Hoặc là người đó tốt xấu lẫn lộn nên cái phước giàu sang được hưởng mà cái họa nghèo khó vẫn lơ lửng đâu đây, tính tốt vẫn còn và tính xấu vẫn xen vào. Hoặc là người này làm điều tốt do được phân công chứ không thật lòng. Bây giờ họ được giàu mà tâm địa không tốt.

Hỏi: Còn những người nhảy xuống sông cứu người rồi chết đuối luôn thì sao? Tại sao họ làm điều tốt mà không được hưởng phúc lành?

Đáp: Nếu làm điều tốt xong thì lập tức phúc lành xảy ra liền thì chắc cả thế gian

này giành giết nhau để làm phúc lành cả. Lúc đó, người ta sẽ làm phúc để được hưởng phúc chứ không phải vì đạo đức nhân ái. Chính vì phúc lành không xảy ra liền nên ta mới có thước đo đạo đức thật sự của con người khi họ làm điều phúc thiện. Bất cứ việc làm thiện nào cũng phải có hao tổn. Bồ thí phải tốn tiền; làm giúp thì phải tốn sức; cứu người trong cơn nguy hiểm thì có khi phải tốn luôn cả tính mạng của mình. Chính vì sự hao tổn đó, ta mới biết được ai là người tốt thật sự, và quả báo khi xảy ra cũng rất là xứng đáng. Nhất là những người hy sinh thân mạng mình để bảo vệ đất nước hay cứu người thì phúc lớn vô cùng. Ta thương xót và cảm phục những anh hùng đó, ta đau theo cái đau của những người thân còn lại, nhưng ta tin tưởng những anh hùng đó được nhiều vinh quang sau cõi chết và trong kiếp vị lai.

Hỏi: Do đâu một người được quyền chức địa vị?

Đáp: Khi có quyền chức địa vị, ta được

nhều người kính phục. Vậy chắc chắn kiếp trước ta phải là người biết kính trọng những người đáng kính. Khi có quyền chức địa vị, ta có quyền quyết định công việc của người khác, có quyền quyết định số phận của người khác, buộc người khác phải vâng lời mình. Vậy chắc chắn kiếp trước ta phải là người ban ân rất nhiều khiến cho nhiều người nợ ta cuộc đời của họ. Chính vì nợ ta cuộc đời của họ nên bây giờ ta có quyền quyết định số phận của họ.

Hỏi: Tại sao có những người về già bệnh nằm một chỗ, có người khỏe mạnh chết nhẹ nhàng?

Đáp: Tình trạng tuổi già và cái chết có nhiều nguyên nhân. Trước hết, ai sống một đời tận tụy đóng góp công sức cho đời thì khi chết nhẹ nhàng. Ai sống nhàn nhàn qua ngày thì khi già bệnh hoạn khó chết.

Ai sống tốt thì chết nhẹ nhàng; ai sống ác thì khó chết.

Ai giúp người, hoặc làm nuôi gia đình mà kể công thì già bệnh nằm hoài để cho con cháu nuôi lại cho hết ân nghĩa; ai làm lụng nuôi gia đình mà không kể công thì già ít bệnh để khỏi làm phiền người nhà.

Hỏi: Làm sao cho có trí tuệ?

Đáp: Muốn có tài năng trí tuệ thì ta có nhiều cách để gieo nhân. Ta phải biết yêu quý phụ giúp người có trí tuệ tài năng; ta phải biết góp công nuôi dưỡng đào tạo tài năng cho trẻ; ta phải biết dùng khả năng của mình để làm những việc chân chính lợi ích cho đời; ta phải biết vui mừng hoan hỷ khen ngợi trước tài năng của người khác. Những ai góp công xây trường học, tặng quà khuyến học cho học sinh, giúp đỡ đời sống thầy cô giáo... đều sẽ có tài năng trí tuệ trong tương lai. Ai dùng tài mình ra để giúp đời, không giấu nghề, không dùng tài năng vào việc ác... thì sẽ có tài lớn trong tương lai.

Hỏi: Làm phước chừng bao lâu thì bắt đầu có phước để hưởng?

Đáp: Dĩ nhiên là tùy thuộc vào nhiều yếu

tổ. Nếu ta không có khả năng để làm nhiều, chỉ làm từng chút một thì phước chậm đến; nếu ta không thể làm thường xuyên, chỉ làm thỉnh thoảng thì phước chậm đến. Những ai làm phước thường xuyên, làm được nhiều thì khoảng chừng ba đến năm năm sau là đã thấy những may mắn toại ý đã xuất hiện dần. Nhưng không có nghĩa là ta hưởng hết những gì đã làm năm năm trước đó, vì luật Nhân quả luôn sắp xếp quả báo lâu dài cho những kiếp về sau.

Hỏi: Định nghĩa thế nào là làm tội, thế nào là làm phúc?

Đáp: Làm phúc nghĩa là ta gây cho người được niềm vui, hạnh phúc, lợi ích, và đặc biệt là gây cho người được trở nên đạo đức thánh thiện. Ngược lại, làm tội nghĩa là ta gây cho người đau khổ, tổn hại, khó chịu, và đặc biệt là gây cho người trở nên mất đạo đức. Vì vậy, công đức lớn nhất là giáo dục giúp đỡ cho người có được đạo đức; và tội lỗi nặng nhất là lôi kéo người vào điều bất thiện.

Có đạo đức rồi, người đó sẽ tự làm nên những việc tốt và quả báo lành tự đến với họ. Ngược lại, khi đã trở nên ác độc rồi, họ thường làm điều xấu và quả báo thể thảm cũng chờ đợi họ ở tương lai.

Phúc hay tội là phải được xét trên tác động vào chúng sinh khác. Nếu ta làm những việc riêng cho mình, không gây ảnh hưởng đến ai thì không tạo thành tội hay phúc, chỉ tạo thành bản chất tốt hay xấu cho riêng mình. Chỉ khi nào gây ảnh hưởng lên đời sống và tâm hồn người khác thì lập tức tạo thành tội hay phúc.

Tuy nhiên, có những việc ta chỉ làm cho mình, nhưng lại ảnh hưởng đến nhiều người. Ví dụ, một người sống nghiêm túc, biết kềm chế, lâu ngày trở thành tấm gương cho người khác noi theo, và như vậy đã gây ảnh hưởng lên tâm hồn cho người khác để tạo thành công đức lớn.

Hỏi: Phúc tội ảnh hưởng đến việc tu dưỡng tâm linh giải thoát như thế nào?

Đáp: Nếu muốn hưởng phúc giàu sang phú quý, ta chỉ cần thông thả làm phúc

tránh tội là đủ. Nhưng nếu muốn thành tựu công đức tâm linh giải thoát thì ta phải đem cả thân mạng, cả cuộc đời ra mà phụng sự tất cả chúng sinh. Việc tu tập giải thoát tâm linh đòi hỏi phúc phải lớn tột độ. Không thể làm phúc sơ sơ, hoặc vừa làm vừa hưởng mà có thể giải thoát được. Dĩ nhiên gây tội thì không thể giải thoát đã đành, mà ít phước quá cũng không thể giải thoát.

Nhiều người hiểu lầm cho rằng muốn giải thoát phải để tâm trống không, không nghĩ thiện, không nghĩ ác, không tạo phúc, không tạo tội. Hiểu như vậy là chưa thấu suốt Nhân quả. Phải biết giải thoát tức là làm thánh, mà làm thánh thì không thể ít phước được.

3. Những điều cần lưu ý

Luật Nhân quả chi phối tuyệt đối tất cả phàm thánh. Phàm phu đương nhiên phải chịu sự chi phối của Nhân quả đã đành mà cả thánh hiền siêu xuất cũng không ra ngoài Nhân quả. Điều khác nhau giữa

phàm và thánh là khả năng hiểu Nhân quả mà thôi. Phàm phu không hiểu hoặc hiểu rất ít nên sống trong mê lầm. Thánh nhân hiểu suốt Nhân quả nên biết chọn lựa cuộc sống tối ưu cũng như chọn lựa phương tiện hóa độ chúng sinh tối ưu. Ai mở miệng nói rằng làm thánh thì không còn bị Nhân quả chi phối là rơi vào tà kiến trầm trọng. Ai nói rằng tu đến chỗ không phàm không thánh thì không bị Nhân quả, ta nên trả lời rằng người nào cứ muốn ra khỏi Nhân quả là người si mê tà kiến, vì sao, vì luật Nhân quả vừa là động lực chi phối ta khi ta mê, nhưng vừa là công cụ cho ta sử dụng để kết duyên hóa độ chúng sinh khi ta tỉnh.

Khi ta nói về luật Nhân quả với khách, ta vừa nhẹ nhàng khéo léo, nhưng vừa quyết tâm vô hạn trong niềm tin Nhân quả. Hãy tâm nguyện trong lòng rằng dù phải chết, ta vẫn bảo vệ niềm tin Nhân quả cho cuộc đời.

Có người tỏ vẻ chưa tin Nhân quả, ta hãy nói rằng có thể khoa học chưa chứng

minh được luật Nhân quả, nhưng những ai yêu quý luật Nhân quả đều là những người yêu quý sự công bằng, và ai yêu quý sự công bằng tức là người tốt. Người nào tỏ vẻ cay cú với luật Nhân quả thì phải biết họ sợ sự công bằng, tức là họ có vấn đề về đạo đức và đời sống riêng tư.

Tăng Ni sinh sau khi nói chuyện, về viết bài thu hoạch nộp giáo thọ

HOÀNG PHÁP 6

NÓI

CHUYỆN VỚI TRẺ

1. Trẻ em là tương lai của đạo pháp

Ta tạm quy định rằng trẻ em là những người chưa đến tuổi trưởng thành, dưới 18, hoặc còn yếu kém trong nhận thức. Tuy nhiên trong thực tế, có nhiều người chưa đủ 18 mà khôn chịu không nổi, và cũng có những người hơn 30 tuổi rồi vẫn phạm nhiều sai lầm.

Dù sao thì Phật Pháp vẫn rất cần những thế hệ nối tiếp phát triển để kế thừa giữ gìn đạo lý cho chúng sinh. Vì thế, việc hoá độ trẻ là nhiệm vụ thiêng liêng của những người đi trước. Tăng Ni phải lo cho trẻ đã đành, mà bất cứ Phật tử nào đã hiểu đạo đều phải quan tâm tới trẻ.

Giúp cho trẻ hiểu đạo và biết tu dưỡng, ta đã giúp cho gia đình đó được an vui lâu dài, ta đã đóng góp cho đất nước những công dân tốt trong tương lai, ta đã xây dựng đội ngũ kế thừa trong Phật Pháp. Công đức này thật là vô biên vô lượng. Tuy nhiên, trẻ có những đặc tính riêng, thể chất khác... mà ta phải biết để tạo nên sự thân ái khi tiếp xúc.

Thứ nhất trẻ hầu như chưa phải bưng chài làm ăn nên chưa va chạm với những mặt xấu của đời nhiều, còn nhìn đời với ước mơ và hy vọng. Đây cũng là điểm đáng yêu của trẻ, và ta cũng không nên làm mất đi sự ngây thơ đó.

Thứ hai, trẻ đang trong giai đoạn phát triển nên cơ thể luôn bị thúc đẩy phải hoạt

động, không thể ngồi yên lâu. Ta vừa phải thuận theo tính chất đó, vừa giúp trẻ biết chuẩn bị cho sự điềm đạm về sau. Sự hiểu động cần cho sự phát triển của cơ thể, nhưng cũng làm căng thẳng não bộ mai sau. Vì vậy trẻ phải được rèn luyện thiền định song song với hoạt động thể chất.

Thứ ba, trẻ chưa đủ khả năng tư duy trừu tượng vì vậy khi nói chuyện, ta không nên nói lý thuyết nặng nề quá, mà phải dùng nhiều ví dụ hay chuyện kể cụ thể rõ ràng. Thật ra cả người lớn cũng thích chuyện kể và ví dụ rõ ràng. Người hoàng pháp mà có nhiều chuyện kể hay ví dụ cũng là một lợi thế lớn.

Thứ tư, trẻ cũng tò mò về những chuyện của người lớn và hay bị bạn bè đầu độc, sách vở, phim ảnh, internet gây ô nhiễm đầu óc. Vì thế, ta phải hiểu rằng bên cạnh sự ngây thơ đó cũng ẩn chứa một sự vẫn đục, nên ta phải khéo léo cẩn thận khi tiếp chuyện. Những trẻ đang vào giai đoạn dậy thì thì tâm sinh lý có nhiều biến đổi, là một

phần của thiếu nữ, một phần của thanh niên, vì vậy ta cũng phải biết giữ sự chừng mực, khoảng cách.

Thứ năm, những ấn tượng ghi khắc vào tâm hồn trẻ thường sẽ ghi dấu suốt đời, định hướng cho trẻ suốt đời, vì vậy, ta phải hết sức cố gắng gieo vào lòng trẻ những gì tốt đẹp nhất, cho trẻ được chứng kiến những tấm gương cao cả nhất, để trẻ được một dấu ấn đúng đắn lâu dài về sau. Có những trẻ hiếu động, năng nổ, và cũng có trẻ nhút nhát; có trẻ hay hỏi, và cũng có trẻ chẳng biết hỏi gì. Ta cũng tùy theo tâm tính từng em mà có lối nói chuyện cho thích hợp.

Trong một buổi tiếp xúc với trẻ, ta nên chia làm 3 phần. Một phần nói về giáo lý; một phần dạy trẻ một kỹ năng gì đó như khí công, võ thuật, âm nhạc, cơ khí gia dụng, điện gia dụng, nữ công gia chánh...; phần còn lại là vui đùa. Trong phần nói chuyện, ta nên kể chuyện nhiều hơn lý luận.

Có những tổ chức Phật tử trẻ đã dành nhiều thời gian cho việc xếp vòng tròn võ

tay ca hát. Việc đó đã không còn thích hợp khi mà bên ngoài nhiều trò chơi điện tử hấp dẫn hơn nghìn lần. Nhiều trẻ đã thăng thần bày tỏ ý kiến không hứng thú với trò chơi vỗ tay ca hát nhiều như thế. Bây giờ ta phải thực tế hơn, hoặc là dạy cho trẻ kiến thức âm nhạc vững chắc, hoặc là dạy những kỹ năng thường được sử dụng trong đời sống, hoặc là vui chơi có tính rèn luyện thân thể, nghĩa là phải có lợi ích thiết thực, vì thời gian bây giờ rất quý giá. Nếu có nhiều em cùng đến, ta nên tập cho các em kỹ năng đội hình. Chính việc đứng ngồi bước chạy theo hiệu lệnh tập cho các em thói quen vâng lời và tinh thần kỷ luật. Tinh thần kỷ luật cũng là yếu tố quý giá cho các em bước vào cuộc đời mai sau. Thời đại hôm nay rừng hoang đã đã hết dần, thay vào đó là nhà cửa phố thị chen chúc. Con người xa dần thiên nhiên cũng là mất dần cội nguồn màu nhiệm của cuộc sống. Vì thế, nếu có dịp, ta nên cho trẻ cơ hội vui chơi trong rừng hoang để tìm lại cội nguồn của sự sống, để tập yêu thương

cây cỏ thiên nhiên.

Trong việc tiếp xúc với trẻ, ta có 2 trường hợp: hoặc là tiếp xúc ngẫu nhiên số ít, hoặc là tiếp xúc với đội nhóm. Mỗi loại hình tiếp xúc như vậy đều cần một cách giao tiếp thích hợp. Tuy nhiên trong trường hợp nào, ta cũng phải cho trẻ được cơ hội nói năng hay hành động để phát huy sự chủ động. Đừng để cho trẻ ngồi im lắng nghe quá lâu.

2. Trò chuyện với trẻ

Ta có vô vàn cách để bắt chuyện với trẻ khi gặp trẻ tại chùa hay tại gia đình. Nếu là đã quen biết thì dễ; nếu chưa quen thì phải làm quen. Thông thường ta gọi trẻ bằng con, xưng là thầy hoặc cô. Nếu ta cũng còn quá trẻ thì đành phải xưng là chú, là cô, và gọi trẻ theo tên vì không thể gọi là con. Nếu quý Phật tử cũng phát tâm dẫn dắt trẻ về với đạo thì xưng hô thích hợp với tuổi tác và vai vế của mình là được.

Ta sẽ hỏi trẻ học lớp mấy, thích môn nào

nhất, có hay đi chùa không v.v... có nhiều khi trẻ lặng lẽ trả lời yes và no rồi im lặng chờ ta hỏi tiếp. Ta hỏi nguyên một câu dài ngoằn ngoèo mà trẻ chỉ đáp có một tiếng. Vì vậy, ta phải chủ động dẫn câu chuyện, làm quen, tạo tình thân. Có khi lần đầu chưa nói chuyện được nhiều, thì để dành lần sau vậy.

Hỏi: Con có hay đi chùa không?

Đáp: (lắc đầu)

Hỏi: Hôm nào con đến chùa lễ Phật nhé!

Đáp: (gật đầu)

Hỏi: Năm nay con học lớp mấy? Con thích môn nào nhất? Toán hả. Thầy cũng vậy, cũng thích môn toán. Chính vì thầy thích môn toán nên thầy hiểu được đạo Phật rất hay. Ai kém toán sẽ khó hiểu đạo Phật.

Trẻ: Bộ đạo Phật có học toán hả?

Nói: Đạo Phật không có học toán, chỉ học đạo đức sống ở đời, mà đạo đức sống ở đời cũng khó như toán vậy con à.

Trẻ: Đạo đức là gì vậy?

Nói: Đạo đức là khi gặp người lớn con cúi

chào, khi thấy bạn khó khăn con giúp đỡ, khi thấy tiền rơi con nhặt trả lại, khi cha mẹ rầy con biết xin lỗi, khi bạn bè rủ rê điều xấu con quyết liệt khuyên can, khi thấy chúng bạn bất hòa con hòa giải, khi học tập con chăm ngoan...

Trẻ: Nhiều quá làm sao làm cho hết được?

Nói: Đâu phải làm tất cả những điều đó một lúc mà sợ con. Có khi mỗi ngày chỉ làm một điều gì đó mà thôi. Hôm nay con gặp tiền rơi, nhặt tìm trả lại. Hôm khác bạn rủ con trốn học đi xem phim, con khuyên bạn phải làm đứa trẻ chăm ngoan không được làm điều gì mà chưa xin phép cha mẹ và thầy cô giáo.

Trẻ im lặng thì ta bắt đầu hỏi lại: Con thích xem phim gì nhất? (Thời đại hiện nay trẻ rất mê phim ảnh, ta mà thiếu kiến thức phim ảnh cũng khó nói chuyện. Nhưng nếu ta nghiên cứu phim ảnh nhiều thì bị lãng thời khóa tu hành)

Trẻ: Con thích xem phim đánh nhau.

Nói: Vậy con có tập võ không?

Trẻ: Con có tập sơ sơ.

Nói: Hôm nào con đến chùa quý thầy sẽ dạy thêm cho. Con có tập xoay hai chân thẳng không? Con có tập uốn dẻo lưng không? Những công phu đó giúp cho những đòn đánh đá của mình phát huy hết công lực. Nhỏ mà không tập trước thì lớn lên gân cứng khó tập. (Ta có thể tập cho trẻ xoay hai chân, uốn dẻo). Võ thuật giúp ta có sức khỏe và tự tin. Võ đạo giúp ta làm người có nghĩa khí.

Trẻ: Nghĩa khí là gì ạ?

Nói: Nghĩa khí nghĩa là sống rất can đảm, không hèn nhát sợ hãi, dám đương đầu với nguy hiểm, nhưng không làm điều gì sai trái hại người, chỉ giúp người mà thôi.

Ví dụ, khi thấy người bị ăn hiếp ta dám bênh vực, thấy nhà bị cháy ta dám giúp dập lửa, nhưng tuyệt nhiên không bao giờ dùng sức khỏe để hiếp đáp người khác. Nếu ta hiếp đáp bắt nạt người khác thì sau này ta sẽ bị quả báo có người ăn hiếp ta trở lại. Trên đời này ta gieo nhân gì sẽ gặt quả nấy.

Trẻ: Nghĩa là sao ạ?

Nói: Đức Phật dạy rằng luật Nhân quả chi phối mọi điều trên đời. Ai sống đạo đức sẽ được hưởng hạnh phúc, ai sống hư hỏng sẽ bị đau khổ. Ví dụ như con hay giúp đỡ người khó khăn thì sau này tự nhiên con học giỏi và thi dễ đậu; ví dụ như con lễ phép với người lớn thì sau này con có thể làm quan; ví dụ như con hay hướng dẫn bạn bè thì sau này con thông minh trí tuệ...

Từ đây có thể nói nhiều về luật Nhân quả cho trẻ giống như bài trước, chỉ khác là ta không lý luận trừu tượng mà luôn luôn kể chuyện và cho ví dụ cụ thể. Nên nói nhiều về luật Nhân quả cho trẻ thấm nhuần. Những gì gieo được từ khi ấu thơ sẽ ghi dấu rất đậm suốt đời còn lại.

Nói: Khi con thấy bạn học giỏi, con có vui không?

Trẻ: Có khi con vui, có khi con ghét. Bạn nào thân với con thì con sẽ vui khi bạn đó

học giỏi; bạn nào không thân với con thì con không thích.

Nói: Nếu con vui mừng khi bạn học giỏi thì sau này con sẽ học giỏi; nếu con khó chịu khi bạn học giỏi thì sau này con sẽ học kém. Đó là nhân quả. Vì vậy, con nên vui mừng khi bạn học giỏi, được thầy cô khen ngợi, được phần thưởng cao quý, dù bạn đó thân với mình hay không.

Nói: Lớn lên con thích làm ngành nghề gì?

Trẻ: (Mỗi trẻ sẽ có ước mơ khác nhau, thậm chí có trẻ không biết sẽ làm gì. Ta tùy theo tâm tính của từng trẻ mà trả lời thích hợp) Con thích làm Công an.

Nói: Vậy là con với thầy hợp tác được rồi. Thầy sẽ dạy cho mọi người đừng làm điều ác; con sẽ xử phạt nếu ai làm điều ác. Nếu thầy dạy không có kết quả thì vẫn còn nhiều người làm ác, lúc đó công việc con sẽ nặng nề. Nếu thầy dạy có kết quả thì con sẽ đỡ vất vả hơn.

Trẻ: Con thích làm thầy cô giáo.

Nói: Tuyệt vời. Con sẽ đem kiến thức và

đạo đức dạy cho biết bao nhiêu thể hệ mai sau. Con sẽ ươm mầm thương yêu hy vọng cho biết bao nhiêu học trò của mình. Nhớ là dù con dạy môn nào thì vẫn phải bỏ ra vài ba phút để dạy về đạo đức cho học trò nhé.

Trẻ: Con thích làm bác sĩ. Con thích làm thủ tướng. Con thích làm ca sĩ...

Nói: Con có bao giờ bị bạn bè rủ xem phim đồi trụy chưa? (Có khi trẻ đã bị và tâm hồn đã bị vẩn đục; có khi chưa. Ta cứ đặt vấn đề như là trẻ đã bị, vì đây là tình huống khó). Con nên biết những phim đó là nanh vuốt của ác quỷ câu xé tâm hồn ngây thơ của các con. Nếu bạn nào rủ con xem loại phim đó, con nên quyết liệt khuyên bạn phải tránh xa nó, phải để dành tâm hồn cho những ước mơ cao đẹp trong đời. Con kéo được một bạn ra khỏi sự sa ngã là con có thêm một chút phước. (Hiện nay tình trạng trẻ bị lôi kéo xem phim ảnh đồi trụy khá nhiều. Đạo Phật phải có trách nhiệm góp phần ngăn chặn hiểm họa này)

Nói: Ngày xưa có một đứa bé bướng bỉnh hay cãi lời cha mẹ. Vì đứa bé đó là con trai duy nhất nên được cha mẹ hết mực nuông chiều. Đứa bé đã không biết quý trọng tình thương yêu của cha mẹ nên càng xem mình như là vua, buộc mọi người phải theo ý của mình. Nếu ai không chiều, bé khóc lóc la hét. Lớn lên một chút, trong một lần đi chơi xa, cậu bé vì không vâng lời cha mẹ nên bỏ đi xa khỏi cha mẹ rồi bị lạc luôn. Chú bị người xấu dắt về nhà cho ăn uống nhưng hành hạ đánh đập bắt làm lụng cực khổ mà không giúp chú tìm lại cha mẹ. Chú muốn bỏ trốn thì bị họ đánh đập nhiều hơn. Suốt hai năm bị bắt làm nô lệ như vậy chú mới trốn được đến đồn công an nhờ đưa về nhà. Chú hối hận biết rằng trước đây chú bướng bỉnh vô lễ hỗn xược với cha mẹ là tội lỗi khủng khiếp. Chú đã phải trả quả báo thâm trọng hai năm. Từ đó chú ngoan ngoãn lễ phép và hầu hạ cha mẹ rất mực chu đáo. Lớn lên chú học giỏi thi đậu và thành đạt.

(Sau khi kể chuyện, ta giải thích thêm cho trẻ hiểu và áp dụng)

Nói: Ngày xưa có một đứa bé không vâng lời cha mẹ, ít khi chịu theo cha mẹ đi chùa lễ Phật. Những khi phải lên chùa lễ Phật, nếu cha mẹ mãi lo lễ Phật không để ý là chú chạy biến ra ngoài vườn bắt bướm. Một hôm cha mẹ gọi chú đi chùa, chú giả vờ kêu cha mẹ đi trước rồi chú sẽ đi sau. Cha mẹ đi rồi, chú theo chúng bạn đi ra bờ sông câu cá. Trong lúc đùa giỡn, chú bị nước xoáy cuốn ra xa dìm xuống. Mấy đứa bạn sợ bị liên lụy đã bỏ chạy về nhà im thin thít giống như không biết chuyện gì xảy ra. Trong cơn nguy biến đó, chú chợt nhớ cha mẹ chú có dặn là khi gặp tai nạn hãy niệm Bồ tát Quán Thế Âm cầu cứu. Thế là chú niệm liên hồi. Chợt một khúc chuối cây trôi trên sông chạm vào người và chú bám lấy. Chú bơi được vào bờ và mãi hôm sau người ta mới đưa chú về nhà giúp. Từ đó chú siêng năng đi chùa, chịu làm lễ quy y, học hỏi giáo lý. (hình như bây

giờ chú đi tu luôn)

Nói: Ngày xưa có một chú bé có lòng thương yêu thú vật và cỏ cây. Chú thương chó mèo chim chóc, và thương cả cá tôm, thậm chí bắt trùng dưới đất đùa chơi rồi thả. Chú thương cây cối quanh nhà, và thương những lùm bụi ven đường đi. Nhà chú lúc nào cũng có chim từ xa bay qua reo hót, hoặc mèo chó rượt đuổi vui đùa với nhau. Những cây hoa kiểng, dây leo lủng lẳng khắp vườn. Một hôm mẹ chú bệnh nặng, nhà nghèo, chạy chữa không nổi, và bà hấp hối chờ chết. Chú ngồi bên cạnh khóc lóc thảm thiết. Chợt một ngày sau, người mẹ tỉnh dậy đòi ăn và khỏe hẳn. Bà kể rằng, khi nằm mê man, bà trông thấy hàng chục con chim ngậm cây thuốc bay đến mớm vào miệng bà. Suốt đêm như vậy bà được chim trong mộng cho ăn cây thuốc và đến sáng thì hết bệnh. Chú bé hiểu rằng tình yêu thương thiên nhiên của chú đã được đền bù. Lớn lên chú làm nhà bảo vệ môi trường kêu gọi mọi người bảo vệ rừng và động vật

hoang dã.

Đại khái quý thầy cô phải biến những giáo lý trừu tượng thành vô số chuyện kể để cho trẻ ưa thích lắng nghe. Sau đó ta mới phân tích đạo lý trong những câu chuyện kể đó.

Khi trẻ bắt đầu biết yêu quý đạo lý thì ta nên dạy trẻ ngồi thiền dần dần để giúp trẻ kèm chế khuynh hướng hiếu động sẽ làm trẻ căng thẳng về sau.

Nói chung, một tính chất không thể thiếu của nhà hoằng pháp là lòng yêu thương con trẻ. Mỗi khi nhìn thấy trẻ, ta phải bị thôi thúc một điều là sẽ gieo vào lòng trẻ những gì tốt đẹp nhất của nhân loại, của Phật Pháp. Ta mong cho trẻ được no ấm, được học hành tử tế, được thấm nhuần đạo đức, và lớn lên là người hữu dụng cho cuộc đời.

Có thể ta không tổ chức trẻ thành đoàn thể như tổ chức Gia đình Phật tử, nhưng ta cũng sẽ tạo điều kiện cho trẻ sinh hoạt

theo nhóm để rèn luyện cho trẻ tính kỷ luật, biết vâng lời, biết đoàn kết, biết nhường nhịn, biết chăm sóc. Ta sẽ không thiên về tổ chức vui chơi mà khéo léo vừa dạy vừa cho vui chơi trong bài học. Giáo dục trẻ chính là ta đang xây dựng tương lai cho Phật Pháp.

HOÀNG PHÁP 7

NÓI CHUYỆN VỚI NGƯỜI TRÍ THỨC

1. Người trí thức là người có học thức và làm việc ở môi trường có chuyên môn

Có 2 hạng trí thức, một là những người đã tin Phật và hai là những người chưa tin Phật.

Người trí thức tin Phật cũng sẽ làm nên một sức mạnh hỗ trợ cho các tu sĩ trong công tác Phật sự. Họ cũng là người giúp định hình Phật giáo sẽ đi theo chiều

hướng nào trong tương lai. Phật giáo luôn luôn bị chia ra nhiều dòng phái, nhiều khuynh hướng tu tập mỗi khi có thêm những vị đại sư có sức lôi cuốn gây được ảnh hưởng vào đông đảo quần chúng. Chúng ta biết ơn các đại sư xuất hiện đã đóng góp làm phong phú thêm cho kho tàng giáo lý của đạo Phật, nhưng chúng ta cũng lo ngại tình trạng là các ngài cũng làm cho Phật giáo thêm nhiều ngã rẽ. Chính nơi vấn đề khúc mắc này mà vai trò người trí thức Phật tử được đánh giá cao. Họ có kiến thức về xã hội và khoa học nên sẽ kết hợp được với giáo lý tâm linh để giúp tìm ra sự cân đối thiết thực cho đạo lý. Giáo lý đạo Phật chỉ có ích lợi khi dễ ứng dụng vào cuộc sống, phù hợp với các kiến thức thời đại, và vượt lên trên để hướng dẫn loài người. Người Phật tử trí thức sẽ là người giúp chọn lọc cho đạo Phật loại đạo lý như thế. Ngoài ra, người trí thức cũng thường là người có kinh tế ổn định nên dễ đóng góp vật chất cho các

nhu cầu Phật sự hơn.

Khi người xuất gia đàm đạo trao đổi với người Phật tử trí thức cần phải để ý những đặc điểm như sau:

- Người Phật tử trí thức quý trọng ta vì ta là người

xuất gia, có đức tu hơn, chứ chưa chắc họ đã khâm phục ta về kiến thức và giáo lý.

Đời nay các Phật tử giỏi giáo lý nhiều khi không thua quý Tăng Ni.

- Trong khi nói chuyện, điều gì ta chưa biết thì hãy

chân thành lắng nghe để biết thêm. Sự khiêm tốn của ta sẽ làm họ quý trọng, hơn là cứ ra vẻ ta đây không thua ai.

- Nếu ta nhận thấy họ có khả năng gì hay thì

khuyến khích họ đem khả năng đó đóng góp cho đạo pháp, giúp cho việc hoằng dương Phật Pháp, ví dụ như khả năng âm nhạc, khả năng biên tập sách, điện toán, kiến trúc, mỹ thuật, cơ khí, v.v...

- Nếu gặp người có vẻ kiêu mạn thì ta cũng nên

khuyên họ trừ bỏ kiên mạn để cho họ không bị đổ vỡ về sau. Nếu ta không khuyên họ trừ bỏ kiên mạn thì ta sẽ mất một Phật tử trí thức khi mà họ trở nên hư hỏng.

- Không phải hễ là trí thức thì nhận định điều gì

cũng đúng. Rất nhiều trí thức đã bị khuất phục bởi các tà sư khắp nơi trên thế giới. Rất nhiều trí thức đã chọn sai thầy để tôn thờ. Rất nhiều trí thức đã bảo thủ cố chấp như ai. Vì vậy, khi nói chuyện với trí thức, ta cũng tỉnh táo để giúp họ nếu phát hiện họ định hướng sai.

- Người trí thức hầu hết đều đã đi vào chuyên

ngành, tập trung trong vài lĩnh vực nhất định, nên không phải là người chuyện gì cũng biết. Tuy nhiên, những người làm việc trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật sẽ nắm bắt vấn đề mới nhanh hơn và khách quan hơn. Còn những người đi trong lĩnh vực văn chương nghệ thuật thì vẫn dễ bị cảm tính chủ quan hơn.

2. Người trí thức là Phật tử

Trong công tác hoằng pháp, nếu gặp người trí thức Phật tử thì dường như ta không cần phải tốn công sức giáo hóa nhiều vì họ đã quy y Phật rồi. Ta chỉ trao đổi về đạo pháp để kết thêm duyên lành mà thôi. Trừ trường hợp ta là bậc đại sư trí tuệ sáng ngời thì ta có bốn phận phải dìu dắt các Phật tử trí thức tiến xa thêm trên đường tu học để họ có thể nhiệt thành đóng góp công sức cho Phật Pháp, cho chúng sinh, cho đất nước. Và cũng chỉ những bậc đại sư mới đủ sức thuyết phục Phật tử trí thức chỉnh sửa các sai lầm để hoàn thiện bản thân.

Đôi khi gặp người lợi khẩu, có khi họ nói ta nghe suốt. Dĩ nhiên đó cũng là bệnh của người giỏi mà thiếu tu. Người có dụng công tu thiền sẽ kiểm soát được tâm ham nói của mình nên không nói dai, không nói dư, không nói giành. Nếu ta đủ uy đức, chỉ cần ta nhắc thẳng cho họ biết về lỗi đó là giúp họ tỉnh lại. Nếu ta chưa đủ uy đức thì

ta bày tỏ phong cách trầm lặng ít nói, không lạnh lùng, không hờ hững, có tình tảo, có quan tâm, có hoan hỷ khi tiếp xúc với người nói nhiều. Sau khi gặp ta ra về, họ sẽ bị phong cách trầm mặc của ta nhắc nhở và biết kèm chế lại.

Ta có thể hỏi Phật tử làm việc trong ngành nào, và xin họ giải thích về ngành nghề của họ cho ta nghe một tí để ta hiểu biết thêm. Ta sẽ thấy mỗi ngành nghề là một thế giới khác lạ phong phú, và có rất nhiều chuyện ngộ ngộ. Ví dụ bác sĩ có thể cho ta biết về chuyện giải phẫu xác chết, chuyện bệnh nhân nghèo, chuyện để quên dao kéo trong bụng bệnh nhân... Phóng viên có thể cho ta biết về việc đồng tiền luôn luôn cám dỗ họ viết khác sự thật; kỹ sư có thể cho ta biết về sự chiến đấu để giữ chất lượng công trình theo thiết kế trong khi có những kẻ muốn thông đồng rút ruột... Rồi tùy theo những chuyên môn của họ mà ta sẽ nói chuyện đạo lý thú hơn. Ví dụ gặp thầy giáo thì nên nói về giáo dục chứ không nên nói về việc thóc cao gạo kém,

gặp kiến trúc sư thì nên nói về nhà cửa phổ thị chứ không nên nói về đánh bắt xa bờ...

Nhưng điều quan trọng là cuối cùng ta phải dẫn câu chuyện đi về đạo lý, không đi lang thang ra chuyện thế tục rồi không còn đường về. Bản lĩnh của người xuất gia là kéo được câu chuyện quay về đạo lý dù ban đầu mọi người hào hứng kể đủ thứ chuyện trên đời của họ. Phật tử trí thức sẽ nể ta nếu ta luôn luôn đưa được câu chuyện quay lại đạo lý. Nếu ta theo họ đi ra ngoài thế gian thì họ ra về mà lòng sẽ xem thường ta.

Hỏi: Sao thầy (hay cô) phát tâm xuất gia vậy?

Đáp: Thì cũng như anh (hay chị) phải chọn một ngành, một hướng đi cho đời mình chứ. Đó là ngành mà chúng ta biết là phù hợp với con người mình vừa có thể làm lợi ích cho người khác.

Hỏi: Nhưng có khi thầy ở tại gia như tụi con mà lại làm được nhiều việc hơn. Xuất

gia rồi bị hạn chế quá.

Đáp: Sự hạn chế của người xuất gia cũng chính là lợi điểm mà người tại gia không có được, đó là khi khép mình trong giới luật, người xuất gia nhận được sự kính trọng của cư sĩ, và như vậy, mỗi lời nói của người xuất gia sẽ có tác dụng giáo hóa mạnh hơn. Người tại gia thì có thể trải rộng hoạt động ra nhiều môi trường, nhiều lĩnh vực, và cũng dễ góp sức đắc lực trong việc hoằng truyền chánh pháp. Cả hai đều có ưu thế lợi điểm của mình, và phải biết chung sức với nhau.

Hỏi: Có nhiều chùa yên tĩnh quá, đến nỗi như đi vào thụ động. Thời đại ngày nay cuộc sống đi rất nhanh, khoa học kỹ thuật tiến bộ từng ngày, nếu chùa cứ thanh thoi như ngày xưa thì người ta sẽ bỏ rơi chùa lại phía sau để họ tiếp tục bước tới.

Đáp: Bạn nói đúng, chùa phải thay đổi cho phù hợp với thời đại. Tuy nhiên điều khó khăn là dù cho chùa có phải năng nổ hơn, hoạt động hơn, tích cực hơn nhưng không được xa rời mục tiêu giải thoát, vẫn phải

có hướng tu tập ổn định hằng ngày. Quan niệm ngày xưa là muốn được tịnh hóa nội tâm thì người ta phải ít bận tâm vào mọi chuyện, vì vậy chùa luôn tìm cách giấu mình trong thanh vắng thanh thoi. Nhưng trong giáo lý Bát chánh đạo, Phật dạy là phải thuần thực Chánh nghiệp, nghĩa là phải làm phước cho dày, sau đó mới tu Chánh niệm Chánh định được. Do đó, ta có thể lấy cái nhược điểm biến thành cái ưu điểm, là lợi dụng sự bận rộn để làm được nhiều công đức cho đời. Đến khi đủ phước rồi thì tự nhiên nhiếp tâm dễ dàng trong hoàn cảnh náo động. Đây cũng là sự thực mà nhiều người có kinh nghiệm.

Hỏi: Hoàn cảnh tại gia như chúng con cũng khó tịnh hóa nội tâm vì phải bận lo nhiều việc, giờ giấc không đều đặn, trách nhiệm đối với gia đình nhà cửa, chạy theo sinh kế từng ngày từng tháng. Nhiều khi cũng muốn được thanh thoi như quý thầy cô để tu hành.

Đáp: Thường thì ta hay đứng núi này

trông núi nọ. Ngay cả một vài người xuất gia cũng nghĩ là ở đời chắc vui lắm nên cũng xao động vọng tưởng. Thật ra nếu ai vô chùa tu mà tìm một đời sống thanh thoi thì chắc không bao giờ đắc đạo. Thời mạt pháp này đâu có ai nhiều phước đến nỗi không cần làm phước mà vẫn đủ công đức để nhiếp được tâm đâu. Quý thầy cô cũng phải cố gắng tạo phước rất nhiều để có phước mà nhiếp tâm. Trách nhiệm của quý thầy cô đối với Phật Pháp là tự nguyện nên không bị áp lực tâm lý. Còn cư sĩ có trách nhiệm bắt buộc nên áp lực tâm lý nặng hơn. Nhưng nếu cư sĩ biết gắng sức tạo phước ngay trong hoàn cảnh bận rộn của mình thì cũng có ngày hoàn cảnh được rảnh rang mà tâm thì cũng nhiếp được rất tốt. Nói chung ai cũng vậy, biết tạo công đức thì đều được an tâm.

Hỏi: Thời đại này quý thầy cô cũng phải biết sử dụng computer hoặc nhiều loại máy móc khác, thậm chí còn phải tự lái xe chạy ào ào trên đường, vì phải áp dụng kỹ thuật để đạt được hiệu quả cao trong đời

sống và trong việc giáo hóa. Nhưng không biết việc sử dụng máy móc có làm tâm loạn động thêm không?

Đáp: Đúng là ngày nay ta không thể đi bộ từ nơi này sang nơi khác để giáo hóa hay làm các công tác Phật sự; ta cũng không thể viết từng bức thư tay để gửi đi khắp nơi; ta cũng không thể gào thét khi giảng trong một hội trường. Nói chung ta phải biết áp dụng khoa học kỹ thuật trong việc truyền bá Phật pháp. Và ai càng khôn ngoan áp dụng kỹ thuật cao chừng nào thì càng đạt hiệu quả trong việc truyền bá chừng nấy.

Ta cũng không sợ khi sử dụng máy móc phức tạp làm tâm ta loạn động vì bộ não ta có tiềm năng rất lớn, hơn hẳn sự phức tạp của máy móc. Chỉ khi nào ta dùng máy móc để làm điều xằng bậy thì bộ não ta sẽ bị phá vỡ. Nếu ta dùng máy móc để làm điều thiện thì bộ não càng lúc càng tốt lên, thậm chí ngồi thiền sẽ mau nhiếp tâm hơn. Hỏi: Tăng Ni ngày nay cũng phải học nhiều việc bên ngoài để biết mà làm việc

tốt hơn. Nhưng học nhiều quá lại chướng ngại việc tu. Có những vị Tăng Ni chỉ mãi miết học để lấy bằng cấp.

Đáp: Nếu ai chỉ học để lấy bằng cấp thì thật là một sai lầm. Tu theo Phật, ta phải cân đối 3 việc là Tu, Học, và Công quả. Khi thì học nhiều hơn, khi thì tu nhiều hơn, khi thì công quả nhiều hơn. Nhưng mục tiêu chính vẫn là nhập được thiền định và giúp nhiều người đến với đạo lý Giác ngộ. Tăng Ni cũng cần tránh tâm lý hơn thua về bằng cấp đến nỗi bỏ qua việc Tu và Công quả. Thiếu Phước và công đức Tu tập, có khi một vị xuất gia hết phước làm Tăng nửa chừng và đành phải hoàn tục. Tuy nhiên, sở dĩ Tăng Ni chạy theo bằng cấp bởi vì các vị chức sắc lớn quá chú trọng bằng cấp khi chọn người làm việc. Nếu các vị chức sắc chú trọng nhiều hơn vào thực tài thực đức thì Tăng Ni sẽ hướng về đường tu nhiều hơn.

Hỏi: Ta cũng nên quan sát các tôn giáo bạn để học những cái hay và tránh những cái dở. Như vậy sẽ giúp phát triển Phật

giáo hơn chứ ạ?

Đáp: Đạo Phật đâu có chủ trương kiêu mạn tự tôn mà không chịu học hỏi cái hay của người khác. Đúng như vậy, ta cũng phải thán phục tài tổ chức hệ thống nhà thờ và quản lý giáo dân một cách khoa học nề nếp của Kitô, ta cũng phải ngạc nhiên khi sự cứng rắn của Islam khiến họ có đông tín đồ đến như vậy.

Sự vận dụng âm nhạc hiện đại vào nghi lễ vẫn là một ưu điểm của Kitô mà Phật giáo cần phải học hỏi. Rất nhiều thầy cô còn ngần ngại áp dụng âm nhạc hiện đại vào nghi thức trong khi Phật tử trẻ ngày đêm trông ngóng.

Rồi khả năng Hội hóa xã hội tại các cộng đồng Hội giáo vẫn là điều làm ta kinh ngạc. Nơi nào đạo Hồi xuất hiện, trước sau gì làng xã cũng phải thành tín đồ Hồi giáo và tổ chức cộng đồng của mình theo Hồi giáo. Nếu đạo Phật có những Tăng Ni quyết tâm cao độ như vậy thì việc Phật hóa cộng đồng cũng không thua kém vì ta có bề dày mấy nghìn năm hiện diện.

Nhược điểm của Phật giáo là quyết tâm Phật hóa cộng đồng của đệ tử Phật quá yếu ớt, dường như bằng zero.

Giáo lý ta rất hay, nhưng ta thiếu những yếu tố phụ giúp cho giáo lý. Vì vậy ta phải quan sát học hỏi, sáng tạo, phát triển, đôi khi cải cách để phát triển Phật Pháp cho muôn đời sau.

Nói chung khi nói chuyện với Phật tử trí thức, ta có thể thoải mái trao đổi chân tình để giúp cả hai cùng hiểu biết thêm. Chính đức tu của ta sẽ giúp Phật tử thêm tinh tấn.

3. Người trí thức chưa theo Phật

Những người trí thức chưa theo Phật thì chưa tôn trọng Tăng Ni, thậm chí có những người còn xem thường tu sĩ. Nếu gặp cơ hội nói chuyện với những người này thì ta phải lường sức mình. Nếu ta cảm thấy chưa đủ trí tuệ đức độ để thuyết phục họ tin Phật thì ta chỉ cần giữ tư cách, giữ thiện cảm là được, không cần làm gì nhiều. Nếu ta cảm thấy đủ sức để “nói

chuyện” với họ thì cố gắng thuyết phục họ tin Phật để chính họ được an lạc về sau, và cũng tìm thêm cho đạo một trí thức.

Dưới đây là những đặc điểm cần lưu ý khi nói chuyện với trí thức chưa tin Phật:

- Không nên xưng là thầy hay cô với họ vì trong

lòng họ chưa xem mình là thầy của họ.

Chỉ nên xưng Tôi hoặc pháp danh là được. Gọi họ theo tên hoặc vai vế theo tuổi tác của họ. Và họ cũng chưa xưng con với người tu.

- Chưa nên nói về đạo lý vội mà chỉ nên nói về

những vấn đề họ quan tâm. Ví dụ họ thích bàn về khoa học, dân số, môi trường, kinh tế, giáo dục, nghệ thuật... thì ta cứ nói theo cái đã. Thế nào trong những vấn đề trao đổi cũng có một kẻ hở để ta đưa vào đó đạo lý nhân quả hay đạo đức Phật giáo làm cho họ bắt đầu chú ý.

- Có những giáo lý mà khoa học chưa thể chứng

minh và người trí thức hay nghi vấn về

những giáo lý đó, ví dụ như luật Nhân quả Nghiệp báo, tình trạng tái sinh luân hồi mãi, trực giác thần thông, sự an lạc hạnh phúc trong thiên định... Ta nên có thái độ quả quyết xác tín đối với những giáo lý đó để họ phải đi theo vì đó là những giáo lý quan trọng được Phật thân chứng.

Hỏi: Giáo chủ của một tôn giáo nào cũng có nguồn gốc loài người, có cha sinh mẹ đẻ hẳn hoi, cho nên họ cũng là một con người bình thường như mọi người mà thôi. Chỉ vì họ khéo dẫn dụ nên làm nhiều người tin vào sự thiêng liêng cao cả của họ.

Đáp: Anh (hay Chị) hãy tưởng tượng có một giáo chủ ở đâu trên trời, thỉnh thoảng hiện ra giảng đạo rồi biến mất vào hư vô. Liệu những người có tinh thần khoa học sẽ chấp nhận những đạo lý do một nhân vật có nguồn gốc mơ hồ như vậy không? Ta cần những đạo lý do những con người bằng xương bằng thịt, có nguồn gốc rõ ràng tuyên giảng. Sau đó, đến lượt ta cũng là những con người xương thịt, sẽ

chọn lựa đạo lý nào hợp lý nhất.

Hỏi: Thiên nhiên cho con người cuộc sống bình thường thực tế. Trai gái lớn lên yêu nhau, lập hôn nhân, sinh con nối dòng, làm ăn nuôi sống bản thân và gia đình mình, tìm vui với những nghệ thuật, v.v... Vậy là tốt rồi. Tại sao các nhà tôn giáo lại tìm cách lái cuộc sống con người đi qua một hướng không bình thường, không cho hôn nhân, chủ trương sống nhờ vào sự giúp đỡ của tín đồ, sống kham khổ ép xác không thú vui. Như vậy là đầy đọa con người chứ đâu phải đem lại hạnh phúc cho con người.

Đáp: Hãy quan sát kỹ cái mà bạn cho là bình thường. Những mối tình đổ vỡ, những vợ chồng li dị, những đứa con mồ côi, những mảnh đời nghèo nàn bất hạnh, những trò vui trác táng sa đọa, những việc làm ác độc của người đối với người, v.v... Chính những cái mà bạn gọi là bình thường đó luôn chứa đựng bên trong nhiều bất trắc, đổ vỡ và đau khổ. Những bất trắc đau khổ này dày đặc đến nỗi tiểu

thuyết nào cũng diễn tả kể lể.

Đạo Phật nhìn rõ những bất trắc đó và muốn tìm cho con người hạnh phúc chân thật hơn, bền bỉ hơn, cao cả hơn. Con đường đi đến hạnh phúc cao cả đó không giống với con đường bình thường, hơi khác thường, và vì thế bạn nhìn thấy đạo Phật có vẻ hơi lạ.

Hỏi: Thế tại sao không vừa tự làm ăn nuôi sống mình vừa tu hành, lại sống nhờ vào sự giúp đỡ của tín đồ?

Đáp: Thật ra chẳng ai lại không nhờ vào sự giúp đỡ của người khác. Ngay cả bạn có trồng được hạt lúa nào, dệt được miếng vải nào đâu mà bạn vẫn có cơm ăn áo mặc? Xã hội là một sự phân công đều khắp. Bạn đi dạy học (hoặc chỉ huy công trường, chữa bệnh, bảo vệ an ninh xã hội...) và xứng đáng được có cơm ăn áo mặc thông qua đồng lương. Các tu sĩ chân chính đóng góp cho cuộc đời đạo đức và đời sống tâm linh cao thượng nên cũng xứng đáng được có cơm ăn áo mặc thông qua sự cúng dường tự nguyện.

Hỏi: Cái gọi là đời sống tâm linh có vẻ mơ hồ quá. Tôi đi dạy học (hoặc kỹ sư bác sĩ...) là đem lại cho đời những giá trị thực. Còn các thầy tu đem cho đời điều mơ hồ và lấy lại cơm áo rất thực. Đổi cái mơ hồ để lấy cái thực coi bộ lời to.

Đáp: Bạn có thấy những ca sĩ chỉ đem cho đời cái cảm xúc khi được nghe một bản nhạc hay, cái cảm xúc rất chóng hết, vậy mà tiền cashier rất cao. Hoặc rất nhiều kiến thức mà bạn dạy cho học sinh nhưng có khi cả đời họ chẳng áp dụng tới. Đó cũng là điều mơ hồ vậy. Còn đạo đức là điều cực kỳ quan trọng cho xã hội. Không có đạo đức, cả xã hội sụp đổ lập tức. Đời sống tâm linh lại còn mầu nhiệm hơn nữa, đó chính là một giai đoạn văn minh mà loài người sẽ bước tới. Các tu sĩ Phật giáo không phải đang làm điều mơ hồ, mà chính là đang làm điều lợi ích thiết thực cho đời. Trong cuộc sống và cả trong khoa học, có những điều rất thực mà ta lại tưởng là mơ hồ, ví dụ như sóng vô tuyến, tia hồng ngoại, v.v... Phải đợi đến khi con

người nhìn thấy kết quả do những điều đó mang lại, người ta mới biết nó là thực tế. Ngày xưa tôi cũng như bạn, cũng cho rằng những gì mình biết mới đáng tin, còn những gì tôi chưa biết thì không đáng tin. Sau này nghiên cứu đạo Phật, tôi có cảm giác giống như được đưa ra khỏi đáy giếng để nhìn thấy trời cao đất dày. Tôi cũng mong bạn bỏ thì giờ ra nghiên cứu đạo Phật để tìm thấy thêm được nhiều lợi ích khác nữa. Rất nhiều nhà khoa học trên thế giới phải công nhận sự hợp lý, sự cao siêu, lợi ích mà đạo Phật mang đến cho con người. Bạn hãy trực tiếp tìm hiểu đạo Phật để thấy rõ như thế nào, đừng đứng từ xa, đừng nghe qua trung gian một người nào. Hãy nhìn bằng đôi mắt tinh tường của mình, hãy hiểu bằng nội tâm trong sáng của mình, không thành kiến, không cả tin, không ác cảm và cũng không mê tín. Chúc bạn an vui và tiến xa hơn trong tri thức của mình.

Thật ra ta sẽ gặp nhiều nạn văn rắc rối

hơn nhiều mà tài liệu giáo khoa này chưa đưa ra đầy đủ. Lúc đó, chính trí tuệ và công đức tu hành của ta sẽ giúp ta giải quyết trả lời các câu hỏi, cũng như khéo léo chuyển hóa người trí thức chấp nhận tìm hiểu đạo Phật.

HOÀNG PHÁP 8

NÓI CHUYỆN VỚI ĐỒNG BÀO SẮC TỘC

1. Một số đặc điểm

Hầu như khắp nơi trên thế giới quốc gia nào cũng có một số sắc tộc ít người. Trong kinh Phật gọi người dân này là người sống ở vùng biên địa. Đúng như tên gọi, đồng bào sắc tộc không có dân số đông so với người Kinh chiếm đa số của quốc gia đó. Họ cũng thường ở ven theo biên giới xa, nơi mà người Kinh ít lui tới. Chính vì ở vùng ven nên theo sự biến thiên của lịch sử, lúc thì họ thuộc quốc gia

này, lúc thì họ thuộc quốc gia khác, tùy theo quốc gia nào đủ mạnh để chiếm lấy vùng đất của họ.

Mỗi sắc tộc có ngôn ngữ riêng, tập quán riêng, tín ngưỡng riêng. Có những sắc tộc hiền lành và cũng có những sắc tộc hung hãn. Khi người Mỹ chiếm Mỹ châu, họ phải gần như tiêu diệt hết những sắc tộc da đỏ đầy khắp châu Mỹ vốn là cư dân lâu đời ở đó, chỉ còn lại một ít được chính sách bảo tồn đến hôm nay.

Trong những cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, các triều đình Việt Nam ta luôn liên kết với các sắc tộc biên giới để làm thành sức mạnh chung. Thậm chí có khi triều đình phải gả con gái công chúa cho các tù trưởng để tạo nên mối giao hảo bền vững. Chuyện đó xảy ra rất rõ dưới triều đại nhà Trần, nhất là hoàng tử Trần Nhật Duật, người có biệt tài am hiểu về các sắc dân biên giới.

Trong công tác hoằng pháp, với lòng từ bi của đạo Phật muốn đem ánh sáng của Phật Pháp đến với tất cả chúng sinh, với

truyền thống của cha ông tôn trọng và gắn bó với anh em đồng bào sắc tộc thiểu số, nay chúng ta phải xác định hướng hoằng pháp về phía các vùng đồng bào dân tộc mà lịch sử đã đưa đẩy chúng ta là anh em trong một quốc gia chung đến tận hôm nay. Hơn nữa, Nhà nước Việt Nam đã có một chính sách cực kỳ ưu ái đối với đồng bào dân tộc vì muốn cho đồng bào dân tộc nhanh chóng hoà nhập vào đời sống văn minh của quốc gia nhưng vẫn có quyền giữ gìn nét đặc thù văn hóa của mình. Ngoài việc hoằng pháp là bổn phận thiêng liêng của người đệ tử Phật, việc đem ánh sáng Phật Pháp đến với các vùng đồng bào sắc tộc còn có ý nghĩa rất lớn khi mà ngày hôm nay có những thế lực ngoại bang xấu xa đang tìm cách dùng chiêu bài tôn giáo để kích động sự chia rẽ giữa đồng bào sắc tộc với anh em người Kinh. Họ đã truyền nhiều tôn giáo lạ nhằm thay đổi tín ngưỡng truyền thống lâu đời của người dân tộc, rồi xúi giục đồng bào chống lại anh em người Kinh. Việc truyền bá

Phật Pháp đến các vùng dân tộc cũng giúp ngăn chặn âm mưu hiểm độc của ngoại bang trong việc phá hoại chính sách đại đoàn kết dân tộc của Nhà nước ta.

Trước khi đến với đồng bào dân tộc để có những cuộc tiếp xúc đàm đạo, ta nên hiểu qua một số đặc tính của đồng bào.

- Thứ nhất, điều lạ là các sắc dân thiểu số khắp

nơi trên thế giới vẫn có một số điểm chung đồng dù họ có vẻ chưa bao giờ liên lạc với nhau. Ví dụ họ có sử dụng tên, nỏ, ná và rất thiện xạ.

- Thứ hai, người lãnh đạo bộ tộc, già làng, thường

là người có khả năng tâm linh nhất định nào đó. Không hiểu sao hầu hết các bộ tộc trên thế giới đều có lưu truyền bùa chú thư ếm, nhưng hiện nay thì điều này có vẻ đang mai một dần.

- Thứ ba, sự mê tín như là văn hóa. Nhiều truyền

thuyết về ma lai, thần linh, niềm tin huyền hoặc in sâu vào tâm khảm của đồng bào.

(vậy mà đạo Tin lành đang xóa được)

- Những vị thuốc thiên nhiên của họ, hoặc những

cách chữa trị bệnh kỳ lạ đôi khi vô lý của họ cũng có khi đáng để ta nghiên cứu.

Hiện nay các công ty dược phẩm trên thế giới đang tìm hiểu kho tàng kiến thức dược phẩm của các bộ tộc để bổ sung vào kiến thức của y học hiện đại.

- Người dân tộc có lối diễn đạt cụ thể hóa những

điều trừu tượng. Họ dùng những hình ảnh dễ thấy để bày tỏ những ý niệm khó hiểu.

Ví dụ, thay vì nói “giống như anh em một nhà”, họ sẽ nói “giống như ăn chung một nồi cơm”;

Thay vì nói “cầu cho nhà tôi đủ ăn”, họ sẽ nói “cầu cho nhà mình một ngày đỗ lúa 3 lần”.

Thay vì nói “rất khỏe mạnh” thì họ nói “vác được con nai về nhà”.

Thay vì nói “đổi xử tử tể” thì họ nói “chia đôi con cá khô”...

Vì vậy, khi nói chuyện với anh em người

dân tộc, ta nên tìm hiểu trước một số thành ngữ dễ thương như thế để việc giao tiếp thuận lợi hơn.

Nếu ai biết được ngôn ngữ của dân tộc thì cực kỳ hiệu quả trong việc hoằng pháp với đồng bào. Giáo hội ta nên có lớp dạy tiếng dân tộc cho những tu sĩ nào phát tâm hoằng pháp ở vùng sâu vùng xa. Giáo hội Tin lành ở tít bên Mỹ mà vẫn có lớp dạy tiếng Edê cho các mục sư để đưa về xâm nhập truyền đạo tại Tây nguyên. Họ có chủ trương rất lớn và lâu dài đối với kế hoạch truyền đạo.

Rồi khi đi sâu vào các vùng dân tộc, ta sẽ thấy mỗi vùng dân tộc có ngôn ngữ riêng, sắc thái riêng, tập quán riêng, văn hóa riêng. Vì thế, khó ai có thể đi lang thang giáo hóa từ vùng đồng bào này sang vùng đồng bào khác, mà chỉ có thể chọn một sắc tộc nào đó để theo đuổi giáo hóa lâu dài. Đặc biệt dân tộc Dao (Mán) lại có gốc tổ tiên theo đạo Phật lâu đời nên rất dễ đón nhận anh em đạo Phật đến giao lưu trao đổi.

Dân tộc Khmer ở Nam bộ lại có truyền thống theo Phật giáo Nam tông từ lâu đời. Có thể họ là di dân từ Kampuchea sang định cư, và các Sãi đã đi theo đoàn di dân để chăm sóc tinh thần. Ta cứ tưởng như vậy là yên ổn rồi, không cần phải bận tâm lo về Phật Pháp cho đồng bào Khmer nữa. Nhưng không phải vậy. Các giáo sĩ từ đâu tới cho tiền cho gạo, phê bình các Sãi chỉ có nhận cúng dường mà không biết giúp dân, phê bình các Sãi dễ dàng hoàn tục. Thế là rất nhiều đồng bào Khmer đã lục tục kéo qua tôn giáo khác để rửa tội. Vì vậy, quý Thầy Cô vẫn phải lưu tâm giáo hóa để củng cố đạo tâm cho đồng bào Khmer.

Người đồng bào dân tộc không có nhiều đại từ xưng hô như người Kinh Việt Nam nên ta đừng ngạc nhiên khi họ gọi ta là mày, xưng mình, kêu cha mẹ hay già làng là nó... Gần đây do giao tiếp với người Kinh nên họ cũng có bổ sung thêm chút đỉnh về đại từ, ví dụ họ cũng có biết gọi là sư phụ, thầy, mặc dù sau lưng có thể gọi

ông thầy là nó tuốt luốt.

Trong lòng người dân tộc tiềm tàng một mặc cảm bị người Kinh khinh rẻ, vì vậy, nếu ai đến nhà mà có thể hòa đồng được với họ thì họ sung sướng vô cùng. Còn ai có vẻ tránh né, xa lánh thì họ rất giận và buồn. Nhất là khi họ mời ăn uống với cái ly “có mấy chục cái miệng uống” rồi, hoặc ăn cơm nấu bằng nước ao gần chuồng heo thì ta cứ vui vẻ mà dùng.

Đa phần đồng bào dân tộc kém kinh tế, thậm chí có những buôn làng thiếu đói. Ai đến với đồng bào mà mang theo quà tặng thiết thực như thực phẩm, quần áo thì sẽ được họ yêu quý. Lợi dụng điều này mà các tôn giáo xấu đã đem tiền quà đến tặng, dụ đồng bào theo đạo, rồi xúi đồng bào nổi loạn chống người Kinh. Nhà nước cũng đang có chính sách hỗ trợ nâng cao đời sống đồng bào dân tộc để tránh cho họ bị lợi dụng theo kẻ xấu. Phật giáo ta cũng phải quan tâm đến việc giúp đỡ thiết thực đời sống đồng bào song song với việc hoằng truyền Phật Pháp. Nhiều Phật

tử cũng rất sẵn lòng san sẻ khi ta kêu gọi cho những chuyện viếng thăm đồng bào. Trong giai đoạn hiện nay, việc tiếp xúc hoằng pháp cho đồng bào dân tộc nên được gánh vác nhiều bởi các Phật tử thiện nguyện. Các Phật tử dễ len lỏi vào các buôn làng để gặp gỡ trao đổi và giúp đỡ đồng bào hơn là một tu sĩ với nhiều ràng buộc về giới luật. Nhưng quý Thầy Cô phải có bốn phận khuyến khích các Phật tử làm việc đó, rồi ủng hộ, phụ giúp, hỏi han, khen thưởng, động viên, để quý Phật tử có tinh thần dấn thân vào công việc vất vả này. Giáo hội phải có một chính sách hẳn hoi về công tác hoằng pháp cho đồng bào dân tộc.

Dưới đây là những mẫu hỏi đáp gợi ý bằng ngôn ngữ người Kinh vì nhiều người dân tộc cũng nói được tiếng Kinh theo phong cách rất dân tộc. Mẫu hỏi đáp này có vẻ dành cho các Phật tử nói chuyện với anh em dân tộc, hơn là dành cho tu sĩ. Tuy nhiên Tăng Ni cũng phải học và thực hành để biết mà hướng dẫn cho Phật tử làm

việc.

Hỏi: Nhà anh chị làm rẫy được nhiều không?

Đáp: Cũng chút chút. Phát được miếng rẫy rồi ít bữa nghèo quá bán lại cho người Kinh hết. Rồi mình lại đi dọn miếng khác.

Hỏi: Sao anh chị không trồng cây ăn trái để thu hoạch lâu dài, khỏi mất công phá rừng làm rẫy hoài.

Đáp: Trồng cây biết chừng nào có ăn. Làm rẫy mùa

nào ăn mùa đó. Phá rừng mới có đất tốt.

Trồng hai ba mùa đất xấu thì bán lại cho người Kinh.

Hỏi: Hết rừng rồi sẽ bị khô nước sớm vào mùa nắng. Hết mưa là suối cũng khô luôn. Mình mà phá rừng hoài Giàng giận lắm vì Giàng cho mình rừng để có chim thú tre nứa mình dùng.

Đáp: Mấy năm nay trời vừa hết mưa là suối hết nước liền. Mình phá rừng trồng cà phê xong rồi thì không có nước tưới cà phê, khổ quá. Có mấy người tới cho mình

tiền, nói mình thờ trời thì trời phù hộ. Còn anh thờ ông nào?

Hỏi: Chúng tôi thờ ông Phật. Phật là vị thánh cao cả nhất trên đời.

Đáp (đúng ra là hỏi lại): Phật với Trời với Giàng ai ở trong, ai ở ngoài?

Đáp: Phật ở ngoài, còn lại ai cũng ở trong hết. Có giáo lý Phật dạy rồi mới có người được phước làm vua, làm chúa, làm vua trên trời, làm vua dưới đất. Phật đem đến mọi điều lành, ai theo Phật là sẽ được mọi điều tốt lành.

Hỏi: Sao mấy ông kia nói là Trời ở ngoài?

Đáp: Tại vì mấy ông đó chưa biết, chưa nghe lời Phật dạy nên hay xúi giục con người bạo loạn chống đối nhau. Ai theo Phật thì chỉ xúi con người thương yêu nhau. Phật dạy mình trồng cây gì thì ra trái đó, trồng cây cà thì ra trái cà, trồng cây chanh thì ăn trái chanh. Nếu mình hay bạo loạn chống người ta thì người ta ghét mình, vì mình trồng cây ghét thì mình phải ăn trái ghét. Còn nếu mình vui vẻ, gặp ai mình cũng cười, thì người ta sẽ thương

mình, giúp đỡ mình. Đó là vì mình trồng cây thương nên được ăn trái thương. Mấy tay kêu mình chống đối bạo loạn chỉ cho mình ít tiền rồi kêu mình trồng cây ghét để cho mình bị ghét suốt đời. Còn theo Phật, mình trồng cây thương thì sẽ được thương suốt đời. Từ nay, mình theo Phật, thương hết mọi người, tự nhiên người ta sẽ thương yêu và giúp đỡ mình hoài.

Hỏi: Nhưng trời hạn hán khô khan như vậy Phật có cho mưa được không, chứ mình xin Giàng hay Trời gì cũng không được?

Đáp: Phật dạy cho mình biết là trồng cây gì ăn trái đó. Nếu mình trồng cây khô thì ăn trái khô, trồng cây ướt thì ăn trái ướt. Trồng cây khô là tại vì mình chặt cây phá rừng nhiều quá làm cho đất đai khô khan cằn cỗi, nên bây giờ không có mưa nữa, nước suối không chảy nữa.

Trồng cây ướt là mình biết giữ rừng, không cho ai chặt phá. Ai mà cầm dao cầm cưa vô phá rừng là mình chặn lại đuổi ra. Hoặc là mình biết trồng lại cây giùm

cho rừng. Như vậy là mình làm cho đất đai xanh ướt, và trời sẽ mưa và suối sẽ đầy nước cho mình trở lại.

Hỏi: Như vậy lâu quá, làm sao cứu cho mình khỏi đói bây giờ rồi mình sẽ giữ rừng trồng rừng sau.

Đáp: Mình sẽ đi lên chùa xin gạo về biếu bà con liền.

Hỏi: Chùa là ở đâu?

Đáp: Chùa là nơi thờ Phật. Ở đó có quý thầy (hoặc quý cô) tu hành và dạy dỗ cho mình biết trồng cây tốt lành để cho sau này cuộc đời mình gặp được điều tốt lành. Người dân tộc mà đến là quý thầy quý cô thương lắm. Hôm nào đến chùa với mình nhé!

Hỏi: Mình sợ đến chùa bị mấy người Kinh coi thường.

Đáp: Chỉ có mấy người kinh dị mới coi thường anh em người dân tộc, chứ người Kinh hiểu biết thì luôn luôn quý trọng anh em người dân tộc vì xưa kia chúng ta đều là con của mẹ Âu Cơ đẻ ra trong một trăm cái trứng.

Hỏi: Tại sao có mấy người truyền đạo nói là chuyện một trăm cái trứng là chuyện bịa không có thật?

Đáp: Mấy người đó ác độc mới nói như vậy. Họ muốn anh em người Kinh và người Thượng chia rẽ nhau. Vì 50 người theo cha về xuôi làm người Kinh nên chúng tôi lấy họ cha. Còn 50 người theo mẹ lên nguồn làm người Thượng nên bây giờ các anh vẫn còn lấy họ mẹ. Chúng có rành rành đó mà cãi gì nữa. Muôn đời chúng ta là anh em, vì vậy phải thương yêu gắn bó với nhau, phải cột dính với nhau, không cho ai xen vào chia rẽ, không cho ai chẻ đôi anh em mình như chẻ tre. Đạo nào cũng không được chia rẽ tình anh em giữa người Kinh và người Thượng của chúng ta.

Hỏi: Năm ngoái mình lỡ theo đạo thờ ông trời vì được người ta cho tiền rồi, bây giờ đi chùa có sao không?

Đáp: Phật ở ngoài, Trời ở trong mà sợ cái gì. Đi chùa là mình bước lên cao hơn, giống như mình leo lên nhà chứ không

còn ở dưới chân cầu thang nữa. Vì vậy anh em cứ mạnh dạn đi chùa, không sợ gì hết.

Hỏi: Bên mấy ông kia thì nói Trời lớn hơn Phật; anh thì nói Phật lớn hơn Trời. Mình không biết ai đúng nữa.

Đáp: Họ có nói tại sao Trời lớn hơn Phật không?

Hỏi: Họ nói ông Trời làm ra tất cả, trời đất, mây gió, núi sông, Kinh hay Thượng, đều do ông trời làm ra.

Đáp: Nói họ kêu ông trời làm mưa cho dân nhờ đi. Sao trời không làm mưa được?

Hỏi: Vậy Phật làm mưa được không?

Đáp: Phật bảo mình phải trồng ươm mới ăn trái ươm; mình phải giữ rừng thì sẽ có nước và có mưa. Phật dạy mình cách làm ra những điều mình mong muốn chứ không cần xòe tay xin ai hết. Phật hay hơn trời thần là như vậy. Mấy ông kia bắt mình phải cầu xin, mà nhiều khi mấy ông đâu có cho được đâu. Phật dạy mình cách làm ra điều mình muốn để khỏi xin ai. Phật là đỉnh núi cao nhất. Phật là mặt trời sáng

nhất. Phật là người cha nhân từ nhất.

Hỏi: Bây giờ mình muốn có nhiều tờ giấy có nhiều vòng tròn cầm mua đồ được thì Phật dạy phải làm sao?

Đáp: Muốn có nhiều tờ giấy có hình Bác Hồ có râu và có nhiều vòng tròn (ý là giàu có sung túc) thì mình phải chịu cực giúp đỡ đồng bào của mình. Ai bệnh mình tới lui chăm sóc; ai đói mình chia cơm; ai làm nhà mình tới giúp... lâu ngày tự nhiên mình có phước, sẽ có nhiều may mắn khiến cho mình giàu có sung túc, nhà lớn, gạo đầy bồ, cá khô chứa đầy tủ, có xe chạy chơi nữa. Còn tiền của mấy người tự nhiên đem cho mình rồi xúi mình bạo loạn là tiền xấu. Lấy đồng tiền đó rồi thì mình nghèo khổ hoài.

Hỏi: Nhưng mà kẹt quá, họ đưa phải lấy mua gạo cái đã.

Đáp: Nếu kẹt quá thì cứ lấy, nhưng đừng nghe lời họ

theo mấy cái đạo xúi bạo loạn. Đạo thì phải hiền lành. Đạo mà xúi bạo loạn là đạo tầm bậy. Mình theo mấy cái đạo đó ông bà

mình giận lắm. Tiền thì cứ lấy nhưng đạo thì đừng theo.

Hỏi: Họ hỏi lấy tiền rồi thì phải theo đạo, không theo họ đòi tiền lại, không có trả.

Đáp: Vậy là khác với đạo Phật. Nhiều lần đạo Phật đem gạo đem quà tới tặng biếu đồng bào nhưng không ép đồng bào theo đạo, không bao giờ đòi lại. Đạo Phật tốt hơn mấy đạo đó. Hôm nào mình dẫn anh em về chùa làm lễ quy y theo đạo Phật nhé.

Đại khái ta nói chuyện vừa đơn giản vừa dứt khoát rõ ràng để đưa họ về đạo Phật chứ không có e dè ngần ngại. Người phát nguyện đi vào vùng sâu vùng xa để độ cho đồng bào dân tộc là những Bồ tát tại thế gian. Vì sao? vì đa phần ai cũng muốn độ những người thành thị giàu có để được cúng dường lợi dưỡng, còn độ cho đồng bào dân tộc thì phải xin tiền xin gạo đến tặng biếu rất cực. Ai độ được cho một người dân tộc bằng độ cho một trăm người thành thị.

Đã đến lúc ta phải có bốn phận đem ánh

sáng Phật Pháp đến cho anh em người Thượng. Cùng là con người với nhau, thế mà ta được duyên lành có giáo lý của Phật để sống để tu, còn những anh em dân tộc thì chưa biết gì. Lòng từ bi của đạo Phật không cho phép ta bỏ mặc như thế. Ta sẽ rủ nhau phát nguyện đi đến với đồng bào dân tộc để đem đạo lý cao cả của Phật thắp lên các buôn làng ở đó, để cho không một góc đất trời nào thiếu ánh sáng Phật Pháp thiêng liêng.

HOÀNG PHÁP 9

NÓI CHUYỆN VỚI BẠN KITÔ GIÁO

1. Những đặc điểm chính của Kitô giáo
Kitô giáo có 4 hệ thống giáo hội chính: Vatican La mã, Chính thống giáo ở Nga và Đông âu, Anh giáo ở Anh, và Tin lành ở Mỹ. Ngoài ra Hy Lạp cũng có giáo hội độc lập với Vatican. Người khai sáng Kitô giáo

là Jésus - Do Thái, được gọi là Chúa. Kitô tin vào một Thượng đế tối cao tạo lập nên tất cả trời đất, cây cỏ, chim thú, và người; Thượng đế cũng là đạo diễn bí mật chi phối số phận con người với tất cả khổ đau và sung sướng.

Thật ra Kitô có nguồn gốc từ đạo Do Thái dựa trên nền tảng kinh Cựu Ước. Cả sau này Hồi giáo cũng lấy Cựu ước làm nền tảng giáo lý. Cựu ước là cuốn truyện thần thoại do nhiều tác giả Do thái nối tiếp nhau viết qua nhiều thế kỷ trước Công nguyên cả nghìn năm. Trong cuốn truyện thần thoại đó, lịch sử lập quốc của Do Thái được kể lại, nhiều mẫu chuyện về Thượng đế được tường thuật với tính cách khá giống con người, cũng thương yêu, phần nộ, ban thưởng và hủy diệt.

Trước đó, vùng sa mạc Cận đông này có tôn giáo của Ai Cập thống trị với quyền lực và nền văn minh rất phát triển. Các kim tự tháp còn tồn tại đến ngày nay là bằng chứng hiển nhiên. Người Do Thái lúc đó chỉ là lực lượng nô lệ để lao động trên các

công trường cho người Ai Cập. Họ làm nô lệ qua nhiều thế kỷ nhưng vẫn giữ riêng ngôn ngữ của mình. Đó chính là tiền đề cho sự ly khai về sau. Nguyên nhân sâu xa cũng vì sự phân biệt đối xử quá đáng của người Ai Cập khiến cho họ không còn cơ hội để hội nhập đồng hóa. Một nhân vật kiệt xuất của Do Thái xuất hiện tên là Moise (đọc là Môi zê), đã dẫn người Do Thái trốn khỏi lãnh thổ Ai cập để đi tìm vùng đất riêng cho mình. Sau hơn 40 năm lang thang trong sa mạc, với nhiều khổ khổ và huyền thoại, Moise đã tìm được vùng đất Do Thái ngày nay. Các nhà khoa học test gene AND của người Do Thái với người Ả Rập (cả Ai Cập) phát hiện rằng tất cả họ đều có chung mã di truyền, nghĩa là họ có cùng nguồn gốc tổ tiên, nhưng không hiểu sao họ đã chia ra thành nhiều dân tộc tự bao giờ.

Trên đường lang thang đi tìm vùng đất hứa (promised land, Chúa hứa sẽ cho người Do Thái một vùng đất riêng để lập quốc), Moise đã dạy cho dân Do thái 10

điều răn, nói là được Thượng đế truyền lại từ đỉnh núi Sinai. Trước đó, không hiểu sao, người Do Thái cũng có tín ngưỡng thờ bò giống như Hindu Ấn Độ. Moise đã ngăn cấm thờ bò, tiêu diệt phe thờ bò và áp đặt niềm tin Thượng đế quyết liệt vào dân Do Thái.

Lịch sử lập quốc Do Thái cứ như thế mà hình thành dần. Nhưng các nhà viết Cựu ước còn đi xa hơn, đã hy vọng viết luôn cả lịch sử của trời đất và muôn vật với nguyên nhân đầu tiên là Thượng đế.

Trong phần Sáng thế ký, tác giả nào đó đã viết về Chúa trời bắt đầu tạo dựng trời đất, muôn thú, cuối cùng tạo nên con người đầu tiên là ông Adams. Sau đó, Chúa lấy xương sườn đàn ông để tạo nên đàn bà tên là Eva. (một câu chuyện khôi hài của Tây phương đã nói ngược lại là Chúa tạo đàn bà trước, tạo đàn ông sau, nhưng biết đàn ông hay tự ái nên giấu chuyện đó).

Chúa làm tất cả điều đó trong 6 ngày, và nghỉ vào ngày thứ 7. Do đó, tục lệ chu kỳ 7 ngày sinh hoạt của nhân loại đã hình

thành theo sáng tác của Cựu ước. Sau đó gia phả của Adam và Eva được viết liên tục qua các đời con cháu. Trong Cựu ước có nhiều điểm sơ hở rất non nớt bị các nhà nghiên cứu thời nay phê bình gay gắt. Ví dụ, con của Adam và Eva là Abel và Cain. Cain đã giết Abel vì ganh tị, rồi lấy vợ. Vợ ở đâu ra trong khi trên thế giới lúc đó chỉ có người phụ nữ duy nhất là bà Eva. Tiếp theo nữa, nếu căn cứ vào gia phả của Cựu ước kể thì tính ra, loài người chỉ mới xuất hiện khoảng vài nghìn năm trước công nguyên, mà khoa khảo cổ cũng như lịch sử của các dân tộc khác thì lịch sử loài người, văn minh loài người đã hình thành từ rất lâu. Ngay từ những giờ phút ban đầu của loài người, sự ác độc và loạn luân đã xuất hiện khiến cho sau này con người dễ bị ám ảnh bởi 2 điều đó. Chưa hết, các chuyện thần thoại kể về Chúa trời, khi thì tên Elohim, khi thì tên Jehovah, đã có những hành động, những cuộc trừng phạt khốc liệt khiến người chết vô số nếu dân tộc nào không chịu tin chúa

trời. Những chuyện kể như thế đã hình thành một tính cách quyết liệt trong việc truyền đạo của Kitô và Islam về sau.

Bên cạnh những chuyện thần thoại như thế, cũng có

chuyện về một trận đại hồng thủy dìm chết gần hết loài người. Gia đình ông Noah đã đóng một chiếc thuyền to, chứa trên đó nhiều người và súc vật. Nhờ như vậy mà Trái đất được duy trì sinh sản trở lại sau khi nước rút.

Hoặc chuyện về Chúa trời phóng lửa hủy diệt 2 thành đô tên là Sodoma và Gerome chỉ vì con người trong 2 thành phố này sống sa đọa và ác độc không còn cách cứu chữa. Chỉ có 3 cha con ông Lotte được thiên sứ báo trước nên trốn kịp. Để duy trì nòi giống, 2 người con gái đã lấy cha mình. Đại khái những chuyện loạn luân trần tục cứ xuất hiện đầy trong Cựu ước khiến cho bức tranh về đạo đức của loài người thật là bi thảm. Hai phần ba trong Cựu ước là chuyện giết chóc chinh chiến liên miên.

Điều may mắn cho nhân loại là Jesus đã xuất hiện. Sau này Jesus cũng được tin đồ gọi là Chúa, giống Chúa trên trời.

Đức Jesus là con đầu của người thợ mộc tên Joseph và bà Maria (Myriam). Đức Jesus cũng có 4 người em khác, tên là Jacques, Josephine (nữ), Judae và Simon.

Đức Jesus sinh vào mùa lạnh, có tuyết rơi nhiều (sau này lấy ngày 25 tháng 12), tại một hang gia súc vì lúc đó các nhà trọ đã hết chỗ mà 2 vợ chồng đang gấp rút về quê để kê khai nhân khẩu. Một ánh sao lạ xuất hiện đồng thời khiến cho 3 đạo sĩ Trung Hoa tò mò tìm đến và khen ngợi về tương lai của đứa bé khiến cho quan La Mã đang cai trị lo ngại ra lệnh giết hết trẻ sơ sinh. Họ phải rất vất vả mới trốn được về quê. Lớn lên Jesus có nhiều khuynh hướng tâm linh, đã có lần về đền thánh ở Jerusalem lý luận với các giáo sĩ Do Thái giáo. Từ năm mười ba đến gần 30 tuổi có đi về An Độ nghiên cứu đạo lý, dường như có chịu ảnh hưởng đạo Phật. Năm 30 tuổi

bắt đầu xuất hiện truyền đạo, thường hay chữa bệnh bằng thần thông; đến năm 33 tuổi thì bị các giáo sĩ Do Thái bắt nộp cho La Mã, rồi bị tử hình bằng cách đóng đinh lên cây thập giá. Tín đồ Kitô tin rằng 3 ngày sau Chúa Jesus sống lại rồi cả hồn và xác bay lên trời.

Sau này vua Constantine của La Mã chấp nhận Kitô và tổ chức Kitô thành một tôn giáo hùng mạnh trên thế giới.

Giáo lý của đức Jesus có vẻ như dựa vào Cựu ước để không làm méch lòng dân Do Thái, nhưng thực ra, Jesus đã cải cách gần như toàn bộ giáo lý đó. Từ một quan điểm cố chấp hiếu chiến của Cựu ước, Jesus đã biến thành một quan điểm ôn hòa, phóng khoáng. Từ một giáo lý thuần túy niềm tin, Jesus đã biến thành giáo lý có lý trí và thăng hoa tâm linh hơn. Tuy nhiên, phải hơn 40 năm sau khi đức Jésus qua đời mới có một số người viết kể lại cuộc đời và những lời dạy của Ngài. Sau này vua Constantine chọn giữ lại 4 tác giả là Mark, Mathew, John và Lucas.

Những mẫu chuyện trong Phúc âm cho ta một xâu chuỗi về quan điểm giáo lý cởi mở và hiền lành của Jesus. Ví dụ câu chuyện về ngày Sabbath vẫn được làm việc thiện, khi có người chất vấn Jesus tại sao chữa bệnh vào ngày nghỉ Sabbath. Hoặc câu chuyện về câu trả lời Ai tát ta bên má này, hãy đưa luôn má kia cho người ta tát hoàn toàn ngược với quan điểm của Cựu ước.

Hoặc câu chuyện về việc ngăn cản Simon dùng gươm để bảo vệ thầy mình rằng Nay Simon, hãy buông gươm xuống, vì ai dùng gươm sẽ phải chết vì gươm có vẻ hợp với luật Nhân quả trong đạo Phật hơn là Cựu ước.

Hoặc câu chuyện về lời giải thích Nước trời giống như một cô dâu chờ đợi chàng rể thì không được ngủ vì không biết chàng rể tới lúc nào có vẻ giống với việc tu tập Chánh niệm tỉnh giác thường xuyên trong đạo Phật. Sự giác ngộ không biết lúc nào xảy ra, do đó, hành giả phải thường xuyên tỉnh giác.

Hoặc câu chuyện về trả lời cho người phụ nữ Samaria rằng Đã đến lúc không phải thờ Thiên chúa trong đền thánh hay trên đỉnh núi, mà phải thờ thiên chúa trong tâm và trong chân lý lại có vẻ giống với giáo lý đạo Phật cho rằng Tâm là chủ tạo tác mọi khổ vui thiện ác.

Sau này Kitô giáo trộn lẫn giữa Phúc âm của đức Jesus và Cựu ước của Do Thái giáo nên làm thành một tôn giáo thật kỳ lạ, vừa nhân bản, lại vừa khát khe; vừa lý trí lại vừa cảm tính. Tuy nhiên, tài tổ chức giáo hội của Kitô thì thật tài ba. Các giáo hoàng áp dụng tài tổ chức theo đế quốc La mã nên cực kỳ chu đáo và hoàn bị. Hiện nay Kitô giáo là tôn giáo có giáo dân đông nhất thế giới, gây ảnh hưởng lên văn hóa và đời sống của khắp nhân loại. Ngày lễ Giáng sinh trở thành ngày vui chung của mọi người. Tuy nhiên, gần đây đã xuất hiện sự báo động về việc bỏ đạo của các tín đồ Tây phương. Nhiều Nhà thờ đã phải đóng cửa hoặc bán lại cho tôn giáo khác,

nhất là Phật giáo. Kitô đã khéo léo hợp tác với các lực lượng chính trị để phát triển và tồn tại, và vẫn đang ráo riết tìm cách có thêm nhiều tín đồ mới. Tin lành còn hằng hái gắp bội lần với những kế hoạch truyền đạo tỉ mỉ len lỏi khắp nơi. Có lúc hợp tác với nhau, nhưng bên trong Thiên chúa La Mã và Tin Lành Mỹ vẫn cạnh tranh nhau dữ dội.

Các giáo sĩ Kitô phát hiện một tâm lý quan trọng của con người là niềm tin tôn giáo thường hay lấn át được lòng yêu nước của tín đồ. Con người sẽ yêu đạo hơn yêu nước. Vì vậy, các nhà chính trị hay sử dụng Kitô giáo như một phương tiện đi tiên phong trong việc chiếm lòng người trước khi họ đem quân sang chiếm đất nước đó.

Riêng Do Thái giáo thì là một biệt lệ vì tín ngưỡng và lịch sử đất nước của họ chỉ là một. Càng tin đạo, họ càng yêu nước. Đó là lý do người Do Thái giữ được bản sắc của mình suốt mấy nghìn năm lưu vong. Đạo Phật thì không có tổ chức quốc tế

chặt chẽ nên không cạnh tranh với lòng yêu nước; vả lại, giáo lý của đạo Phật cũng khuyến khích người dân biết ơn và trung thành với quốc vương đất nước, hay nói khác hơn, là khuyến khích lòng yêu nước.

Nếu ngày xưa tổ tiên ta phát triển huyền thoại Au Cơ Lạc Long Quân mãi thì có khi cũng lập nên một tôn giáo toàn cầu chẳng biết chừng! Như Kitô chỉ là lịch sử lập quốc của Do Thái thế mà đã trở thành tín ngưỡng toàn cầu. Những phong tục tập quán đời sống của dân Do Thái lúc bấy giờ thua xa các quốc gia Đông phương, nhất là thua hẳn đất nước và văn minh Trung Quốc vậy mà cả mấy tỉ người theo Kitô phải học mãi cái lịch sử đó.

2. Nói chuyện với bạn

Trên tinh thần từ bi của đạo Phật, ta không thấy trở ngại nào trong việc thương yêu và tiếp xúc với người Kitô giáo. Dĩ nhiên ta không bao giờ đánh đồng Kitô và Phật giáo là một, không đánh đồng Chúa và

Phật là một vị giáo lý đạo Phật không dễ dãi và cũng không cho phép trộn lẫn những điều đúng và sai lại để có một hỗn hợp nửa đúng nửa sai. Ta luôn luôn đi tìm cái đúng hoàn hảo, và ta cũng muốn các anh em tôn giáo bạn có được chân lý hoàn hảo đó.

Tuy nhiên, tình cảm và niềm tin có sức mạnh kỳ lạ, đôi khi rất vô lý. Một khi đã tin và yêu rồi, con người không cần nhiều lý lẽ, logic, lập luận, và bằng chứng nữa, chỉ biết bảo vệ và đi theo niềm tin của mình. Nếu may mắn ta đặt niềm tin và tình yêu đúng chỗ thì công đức ta phát triển nhanh chóng; ngược lại, nếu ta đặt niềm tin và tình yêu sai chỗ rồi thì ta lẫn lộn, thoái hóa, mất công đức.

Nhiều giáo phái tà vạy có cả một công nghệ chiếm tình cảm và niềm tin nơi quần chúng khiến cho nhiều người đi theo, mặc dù những giáo điều của họ rỗng tuếch và cực kỳ sai lầm. Họ biết cách tuyên truyền dụ dỗ, khoa trương, khoác lác, vỗ về, mua chuộc để có được tín đồ. Nói chung, họ

tấn công ráo riết trái tim con người và bỏ qua bộ óc. Những người đi theo các giáo phái tà vạy thường mê mờ cuồng tín vì bị lấy mất quả tim, bộ óc thì bị trái tim kéo theo nên cũng ngây ngây dại dại.

Kitô giáo nhờ có sự cải cách đặc biệt của đức Jesus nên có nhiều điểm hợp với đạo Phật, rất dễ cho ta nói chuyện trao đổi.

Tuy nhiên, ảnh hưởng của Cựu ước Do Thái cũng khiến cho anh em Kitô còn vướng theo quan điểm của thời sơ khai khi con người tin có thần linh làm ra hết mọi điều trong trời đất này. Điểm khác biệt căn bản nhất giữa Kitô và Phật giáo là đạo Phật cho rằng vạn vật do nhiều nhân duyên hợp thành, trong đó yếu tố nghiệp báo đóng vai trò quan trọng, trong khi Kitô cho rằng vạn vật do Chúa trời tạo nên tất cả. Từ ngày xưa, trong Thập nhị môn luận, ngài Long Thọ đã có vô số lý luận bác bỏ quan điểm thần quyền như thế chứ không phải ngày nay ta mới có lý luận đó. Tuy nhiên, nếu bác bỏ quan điểm Thượng đế tạo vật, hoặc là ta giúp bạn nhìn ra vấn đề

thấy được lẽ phải, hoặc là ta trở thành kẻ thù của bạn ngay lập tức. Vì vậy, ta không đại gì gây thù chuốc oán bằng cách tranh luận những điểm khác biệt sinh tử đó, mà chỉ nên nói về những điểm giống nhau trước. Ta cũng phải khôn ngoan chiếm tình cảm cái đã. Nắm được trái tim rồi thì cuộc nói chuyện sẽ thoải mái và dễ có dịp gặp lại hơn. Mục tiêu của ta là giúp bạn hiểu về đạo Phật hơn, còn việc giúp bạn trở thành Phật tử quy y là việc chưa bàn đến vội.

Ta có thể hỏi bạn khỏe không, đi lễ nhà thờ chưa, cha xứ hay mục sư là vị nào, giáo xứ ta đông người không v.v...

Bạn sẽ hỏi: Thầy cô ở chùa nào ạ, có gần đây không ạ?

Đáp: Vâng, Thầy ở chùa bên kia (hoặc xưng là tôi nếu tuổi tác người kia khá lớn), hay đi lại qua đây, thấy các bác đi lễ nhà thờ những ngày chủ nhật vui quá nên rất có thiện cảm, mong có dịp gặp nhau nói chuyện cho vui ạ.

Hỏi: Nghe nói giáo chủ của đạo Phật là

Phật tổ Thích Ca, vị đó là như thế nào ạ?

Đáp: Lịch sử đức Phật thì dài lắm, chúng ta không thể nói trong một vài lời (nếu ai có duyên và có thời gian thì cứ kể hấp dẫn càng tốt), chỉ nói sơ lược rằng Ngài là một vị thái tử, bỏ sự thừa kế ngai vàng để xuất gia tu hành và đắc đạo. Giáo lý của Ngài hiện nay được những người trí thức trên khắp thế giới nghiên cứu và ca ngợi.

Hỏi: Như vậy Phật chỉ là một con người. Chúa trời của chúng tôi là đấng tạo ra tất cả (ý nói tạo ra cả Phật).

Đáp: Thật ra vị giáo chủ lập nên tôn giáo nào cũng là con người có cha có mẹ đấy ạ. Đức Jesus cũng là con người. Còn Chúa trời là niềm tin xuất phát từ giáo lý, giống như bên đạo Phật chúng tôi cũng có đức Phật A di đà, không tồn tại trong lịch sử nhân loại, nhưng được biết đến từ kinh điển.

Hỏi: Nhưng phải có Chúa trời lòng lành tạo ra tất cả chứ ạ, nếu không thì muôn vật do đâu mà có?

Đáp: Thưa bác, mỗi tôn giáo đều có cách

giải thích về sự xuất hiện của muôn vật không giống nhau, cũng như khoa học bây giờ cũng giải thích nguồn gốc vũ trụ khác luôn. Có lẽ chúng ta phải đợi đến một lúc nào đó nền văn minh loài người vượt lên xa hơn nữa thì ta sẽ có câu trả lời về nguồn gốc vạn loài giống nhau, ai cũng chấp nhận. Bây giờ ta chỉ nên cố gắng sống thiện, làm điều có ích, yêu thương nhau. Dường như đó là điều mà vị giáo chủ nào cũng dạy, phải không ạ.

Hỏi: Vâng, đạo nào cũng dạy như vậy. Thế tại sao người ta không theo một đạo cho khỏe nhĩ, nhiều đạo làm gì cho rắc rối.

Đáp: Đúng thế, ước gì thế giới chỉ có một đạo chung cho khỏe bác nhĩ. Ngày nào đó nhân loại tìm được một tôn giáo đúng nhất rồi theo một đạo là hòa bình ngay. Điều rất lạ là nhiều khi cùng một nước mà khác đạo người ta vẫn đánh giết nhau được; có khi khác nước mà chung đạo người ta vẫn đoàn kết được đấy. Tôn giáo có sức mạnh thật kỳ lạ.

Tôi thì cho rằng đạo nào thì đạo, phải lấy

quê hương đất nước làm chỗ dựa cái đã. Đạo nào làm cho ta biết đóng góp điều tốt đẹp cho đất nước mình thì đạo đó là chân chính. Nếu đạo nào phá vỡ tình yêu nước là đạo sai lầm, bác nhỉ.

Hỏi: Vâng, chứ sao nữa.

Đáp: Đạo nào ca ngợi sự công bằng là đạo chân chính, bác nhỉ. Ai làm điều tốt sẽ được hạnh phúc, ai làm điều bậy sẽ bị đau khổ. Đó là chân lý. Có mấy cái đạo gì cứ xúi người ta giết nhau ghê quá. Ta sẽ cùng nhau chọn một cái đạo nào thật sự đem an vui hạnh phúc đạo đức và thanh bình cho thế giới. Tôi rất thích lời chúa Jesus giảng giải về Thiên đường, có đoạn nói về Thiên đường giống như gieo hạt, hạt nảy mầm lớn lên thành cây to, rồi thành trái. Đoạn này rất giống với đạo Phật nói về luật Nhân quả Nghiệp báo. Thiên đường của Chúa cũng là đạo lý về Nhân quả và công bằng đấy ạ.

Nói thật với bác, tôi không thích và không tin Thiên đường là nơi hưởng thụ, tôi tin thiên đường là nơi cao cả thanh khiết.

Người nào sinh về thiên đường phải là người cao cả và thanh khiết.

Hỏi: Muốn về thiên đường thì chỉ có cách thờ phượng Chúa thôi ạ.

Đáp: Chúng ta có 3 cách thờ phượng Chúa trời. Một là thường xuyên quỳ cầu nguyện Chúa; hai là thường xuyên học lời Chúa dạy; ba là sống theo như lời Chúa đã dạy. Thật ra chẳng có ai nghe trực tiếp lời Chúa trời đã dạy, chúng ta chỉ nghe qua trung gian những vị giáo sĩ, tiên tri hoặc bậc thánh nào đó mà thôi. Nếu những vị đó nói đúng lời Chúa trời thì xem như ta may mắn vì theo đúng đường. Nếu những vị đó nói sai lời Chúa thì xem như ta bị rủi, tu theo hoài mà không có kết quả.

Hỏi: Làm sao ta biết là sai hay đúng được?

Đáp: Đây chính là vai trò và giá trị của ta, đây chính là chỗ ta phải làm chủ cuộc đời của mình. Không phải ở trên đời này, ai tự xưng là tiếp xúc được với thần thánh là họ có quyền nói gì ta cũng phải tin. Ta phải mạnh dạn xét lại hết mọi lời nói của những

vị tiên tri để xem có thật họ đã nói đúng lời Chúa hay không. Nếu lời nói của họ kêu gọi con người thương yêu nhau, đề cao Nhân quả công bằng của Chúa, ca ngợi đời sống cao cả thanh khiết... thì ta tin. Nếu lời nói của các vị đó chủ trương hưởng thụ tầm thường, đưa đến lòng hẹp hòi cố chấp, không để ý đến tính công bằng Nhân quả... thì ta không công nhận đó là lời Chúa.

Hỏi: Thầy đạo Phật mà cũng tin Chúa à?

Đáp: Trong giáo lý Phật dạy có nói về Vua cõi trời, cai quản thế gian khắp nơi.

Hỏi: Phật với Vua trời thì ai lớn hơn ai?

Đáp: Phật là thầy của thế gian, của vũ trụ. Vua trời cai quản lãnh đạo các cõi thế gian. Thầy không có quyền lực, nhưng là chỗ dựa tinh thần cho tất cả. Theo giáo lý đạo Phật thì Vua trời cũng tôn kính Phật.

Hỏi: Nhưng Vua trời phải là người tạo ra trời đất không?

Đáp: Vũ trụ xuất hiện theo một cách thức không đơn giản, không thể được kết luận trong vài lời ngắn ngủi. Hoặc là nhân loại

phải văn minh gấp triệu lần hiện nay mới hiểu nổi, hoặc ai phải chứng đạo tận cùng mới thấy được. Điều quan trọng hiện nay của chúng ta là sống sao cho phải đạo, sống sao cho có ích với đời, sống sao cho cao cả thanh khiết để phù hợp với tâm các vị Thánh.

Một điều quan trọng nữa để chúng ta chú ý là một tôn giáo chân chính sẽ làm con người không xem tôn giáo đó như là một vỏ bọc, một thành trì ngăn chia. Tôn giáo chân chính sẽ làm cho tín đồ thấy rằng đạo là công cụ để yêu thương tử tế không biên giới.

Hỏi: Nhưng từ lâu chúng tôi có cảm giác rằng ai không theo đạo (Kitô) là người tội lỗi.

Đáp: Đó cũng là một loại vỏ bọc đầy bác ả. Nhiều người không theo Kitô mà sống vô cùng tốt, và vẫn có những người theo Kitô mà làm nhiều chuyện sai lầm tội lỗi. Tâm hồn, phẩm chất, việc làm của mỗi người là giá trị của người ấy mà các vị thánh dùng để phán xét. Còn chúng ta hay

phán xét theo vỏ bọc. Chúng ta nên bắt chước các vị thánh là xét người theo phẩm giá việc làm hơn là những nhãn hiệu. Nếu như vậy thì tất cả chúng ta đều là anh em, đều không bị ranh giới tôn giáo làm chia cách.

Hôm nào rảnh mời bác ghé chùa ăn bữa cơm đạm bạc cho vui. Đây là một ít phim đạo lý, mời bác xem qua cho biết nhé.

Bye bye.

HOÀNG PHÁP 10

NÓI CHUYỆN VỚI

TÍN HỮU ISLAM

1. Những đặc điểm của người theo đạo Islam

Đạo Islam, hay còn gọi là đạo Hồi, do giáo chủ Mahomet (Muhamad) sáng lập. Khu vực Trung đông có diện tích sa mạc bao phủ hầu hết, thỉnh thoảng có một ốc đảo (oasis) có nước và cây xanh nổi lên quy tụ

được dân cư làm thành làng mạc hay thị trấn. Đời sống văn hóa của người A Rập gắn liền với sa mạc mênh mông.

Mahomet sinh năm 570, mất năm 632.

Mahomet sinh ở Mecca, thủ đô xứ Saudi Arabie. Dòng họ giàu có, nhưng đến đời cha Mahomet thì làm ăn thất bại nên ông về ở với ông nội. Lên 12 tuổi, ông theo người chú đi buôn theo các đoàn lữ hành trong sa mạc. Công việc của đoàn lữ hành buộc ông phải rèn luyện rất nhiều về khả năng quân sự, võ thuật, chiến thuật, và đã thực sự trở thành một chiến sĩ warrior.

Năm 25 tuổi, người chú mai mối bà Khadija giàu có và lớn hơn ông 15 tuổi. Lúc đó bà Khadija đang cần một người đàn ông tháo vát để trông coi việc buôn bán của gia đình. Bà trở thành người nâng đỡ ông trong suốt thời gian thành lập đạo Hồi về sau cho tới khi bà mất năm 619, thọ 64 tuổi.

Tại Mecca vẫn tồn tại một đền thờ Kaaba nhỏ nhắn bên trong thờ một tảng đá đen vốn là một thiên thạch (meteorite) từ hơn

hai ngàn năm trước. Mọi người tín ngưỡng tảng đá đó như là biểu tượng của Thiên chúa Allah. Năm 605, Mahomet 35 tuổi, ông lại là người góp ý kiến xây dựng lại ngôi đền trong khi mọi người khác đang lúng túng. Đến nay, đền thờ này vẫn là điểm hành hương cho tín đồ Hồi giáo trên khắp thế giới.

Năm 610, có lần Mahomet leo lên đỉnh núi Hira ngồi trầm tư trong một cái hang, và ông kể là đã tiếp xúc với thiên sứ Gabriel, người đã giao cho ông trọng trách xây dựng đạo Hồi. Ông đã bối rối về kể với Khadija. Sau đó, được bà khuyến khích, ông tiếp tục nghiên cứu để viết sách kinh Koran trong suốt 22 năm kế tiếp.

Kinh Koran được cho là những lời của Allah phán dạy cho Mahomet, nhưng thực ra ngày nay ta dễ dàng thấy rằng hầu hết là suy nghĩ của Mahomet, ví dụ ban đầu ông yêu cầu mỗi khi cầu nguyện phải hướng về Jérusalem, sau này ghét Do Thái và Kitô, ông lại yêu cầu phải hướng về Mecca.

Năm 612, Mahomet tuyên bố ông là tiên tri cuối cùng của thế giới. Những người sau chỉ có thể là kế thừa của ông chứ không thể ngang bằng hoặc khác với ông được. Giáo lý của Mahomet tôn xưng một thiên chúa duy nhất, độc tôn, không chấp nhận thờ nhiều thần linh nào khác, và vì thế, ông lên án các đạo thờ đa thần như Do Thái và Kitô. Lúc đó, tại Mecca, người ta cũng thờ nhiều vị thần ngay trong đền Kaaba.

Năm 616, Mahomet giảng đạo tại Kaaba, thuyết phục mọi người phá bỏ các tượng thần nên động chạm đến niềm tin của đa số người dân Ả Rập vốn tin Allah có 3 người con gái. Mahomet bị kết án và bị săn lùng. Ông cùng 53 người thân tín trốn đi tị nạn ở xứ Abyssinia (Ethiopia ngày nay). Sau đó ông phải chứng tỏ cho vua Negus thấy là ông ca ngợi Jesus. Ông cũng tìm cách chứng tỏ là đã chấp nhận đa thần để được trở về Mecca.

Bất ngờ tháng 9 năm 622, một phái đoàn 75 người từ Yathrib đến Mecca để mời

Mahomet về đó để thành lập cộng đồng Hồi giáo đầu tiên. Mahomet cùng 100 gia đình Hồi giáo trốn trong đêm để đi về Yathrib vào ngày 24 tháng 9 năm 622, và lịch Hồi giáo bắt đầu từ năm này. Yathrib cách Mecca 200 dặm về phía Bắc, nay được đổi tên là Medina.

Quãng thời gian 10 năm kế tiếp, Mahomet tổ chức cộng đồng Hồi giáo thành một lực lượng quân sự chuyên tấn công cướp hàng, lạc đà, giết người của những đoàn lữ hành đi buôn bằng qua sa mạc. Không hiểu sao công việc này lại phát triển khá khá và Medina trở nên hùng mạnh sung túc. Lần lượt, Mahomet áp đặt được sự cai trị của Hồi giáo lên các bộ tộc chung quanh. Mahomet buộc các tín đồ phải tin ông như tin Chúa, và tạo nên ý niệm Thánh chiến như là bổn phận của tín đồ. Trong suốt những năm này, ông cũng cưới thêm rất nhiều vợ, đặc biệt có người vợ Aisha mới 6 tuổi mà sau này lớn lên rất xinh đẹp khiến ông thương yêu nhất. Giữa Medina và Mecca đã nổ ra nhiều trận

chiến khốc liệt, người chết như rạ, cuối cùng thì Mahomet cũng chiến thắng. Có một lần Mahomet thua một trận ở Syria, bị đế quốc Byzantine đánh bại thê thảm. Nhưng rồi dần dần, Mahomet cũng chiếm được quyền cai trị cả một dải đất Ả Rập lớn bằng 8 lần nước Việt Nam. Những bộ tộc chống lại ông đều bị thảm sát gần như sạch sẽ, nhất là những bộ tộc Do Thái.

Năm 629, Mahomet dẫn 2600 người về Mecca để làm lễ tại đền thờ Kaaba và chiếm được sự nể phục của người dân Mecca. Sau đó thì Mahomet bại trận trong cuộc chiến với Syria của đế quốc Byzantine. Rồi số vợ quá đông của ông cũng chia phe chống nhau rắc rối.

Năm 630, Mahomet dẫn 10,000 người có vũ trang về hành hương ở Mecca, phá bỏ tất cả hình tượng các thần hơn 360 cái, chỉ chừa lại tượng Jésus.

Tháng giêng năm 631, tất cả bộ lạc trên bán đảo Ả Rập đều bị đặt dưới quyền cai trị của Mahomet. Nhưng những chiến binh Hồi giáo cũng bắt đầu mỗi một vì những

cuộc chinh chiến liên miên bất tận như thế.

Năm 632, Mahomet qua đời trong vòng tay của Aisha, người vợ mà ông thương yêu nhất. Vì không hề chuẩn bị chọn người kế tục lãnh đạo nên ban đầu cộng đồng Hồi giáo lúng túng cho đến khi bầu được Abu Badr kế vị. Abu Badr cũng là giáo chủ của phái Sunni sau này. Còn người con rể của Mahomet là Ali thì trở thành giáo chủ của phái Shiite (Shi-Ah, nghĩa là đảng của Ali). Caliph có nghĩa là vua đạo Hồi kế vị Mahomet.

Kinh Koran cũng là sự kế thừa các tín ngưỡng của Kinh Torah của Do Thái và Gospel của Kitô, nhấn mạnh đến sự sùng bái tuyệt đối một Thiên chúa Allah độc nhất. Các tín đồ Islam mỗi ngày đều được các Muezzin leo lên lầu cao bắt loa kêu gọi chỉ tin một Thiên chúa Allah duy nhất, rìet rồi mọi người bị thấm sâu đến nỗi không còn khoan dung với bất cứ tôn giáo nào khác nữa. Thật ra cả thánh kinh Do Thái, Kitô và cả Hồi giáo đều bắt nguồn từ

các truyện thần thoại của xứ Babylone xa xưa ở nam Baghdad 200 dặm. Babylone có một nền văn minh khá cao trước khi Ai Cập thay thế. Nhiều chuyện tích của Babylone đã được biến thành kinh điển của Do Thái giáo.

Koran cũng tin có các Thiên thần và ma quỷ, nhưng cũng tin Satan cũng được tha thứ trong ngày tận thế. Islam cũng tin các sách kinh của Do Thái và Phúc âm của Kitô, và xem Jesus cũng là một tiên tri đáng kính đứng sau Mahomet. Họ cũng tin các vị thiên sứ mang lời Chúa đến với loài người. Ba đạo Do Thái, Kitô, và Islam đều tin có ngày tận thế, Chúa sẽ gọi người chết sống dậy để phán xử, sau đó cuộc sống trên trần gian dường như không còn nữa. Đặc biệt là Islam tin mọi việc do Chúa định liệu tạo tác nhưng con người vẫn có ý chí riêng.

Kinh Koran có những điều ngăn cấm giống như một bộ luật xã hội, ví dụ cấm cho vay nặng lãi, cấm ăn thịt heo, cấm ăn thịt cúng ngoại thần, cấm ăn huyết, cấm cờ bạc,

cấm săn bắn trong thời gian đi hành hương ở Mecca, phải ăn chay trong tháng Ramadan, phải rửa chân tay trước khi cầu nguyện,... Các xứ Hồi giáo cũng cấm rượu gay gắt và rất ghét các quán rượu do người Tây phương đến mở phục vụ cho nhân viên Tây phương làm việc tại Ả Rập. Trước kia, phụ nữ Ả Rập thường lấy nhiều chồng và đa

số là đàn ông trẻ khỏe. Kinh Koran khẳng định quyền ưu thắng của đàn ông và cấm hẳn tục đa phu. Phụ nữ bị cáo buộc ngoại tình sẽ bị đem ra công chúng ném đá cho đến chết.

Koran quy định án phạt khủng khiếp cho ai “chống Thiên chúa Allah” hoặc “chống tiên tri Mahomet” là phải bị chặt đầu và chặt hết tay chân. Mahomet căn dặn trong Koran là nếu ai công kích ông thì phải giết kẻ đó lập tức. Tội trộm cắp vặt vĩnh cũng bị chặt một cánh tay. Ngày nay, luật pháp của thế giới văn minh không chấp nhận cho việc hủy phạm cơ thể con người, vì những hình phạt của Hồi giáo là rất man

rợ.

Kinh Koran không phải dễ đọc nên đã xuất hiện những bản giải thích gọi là Hadith.

Hồi giáo có 3 bản Hadith khác nhau. Một của Bukkhari được giáo phái Sunni tin tưởng; một của Kulayni được Shiite công nhận; một của Ibn Harib được Khariji công nhận. Ba giáo phái này đánh nhau thảm khốc vì bất đồng về các Hadith đó. Từ các bản Koran và Hadith, chính quyền Hồi giáo lập ra luật Sharia cực kỳ khắt khe.

Có lần sau một bữa tiệc vui, Mahomet thấy các đàn ông tỏ ra ve vãn các bà vợ của mình, vì vậy ông đã viết trong Koran là đàn ông đừng có la cà tán tỉnh vợ của tiên tri, và các bà vợ phải lấy khăn che mặt khi đi ra ngoài để không gây sự chú ý cho nam giới. Thế là Hồi giáo xuất hiện điều luật buộc các phụ nữ phải lấy khăn che mặt khi đi ra đường. Thậm chí họ buộc phải che kín từ đầu đến chân, chỉ chừa hai con mắt. Phụ nữ Hồi giáo phải mặc bộ y phục nặng nề như vậy nên thường bị ngộp thở và nhức đầu.

Đối với người không tin Hồi giáo thì Koran không chút thương xót. Trong chương 8, dòng 12, Koran cho rằng Chúa đã bảo: “Ta sẽ gieo kinh hoàng nơi trái tim của những kẻ ngoại đạo. Các con hãy chặt đầu chúng và cắt rời tất cả đầu ngón tay của chúng.” Chính vì vậy mà sau này các đoàn quân Hồi giáo đánh giết khắp nơi, xâm chiếm khắp nơi, thảm sát khắp nơi mà không một chút áy náy vì được khuyến khích bởi Koran. Hoặc một đoạn khác, Mahomet kêu gọi tín đồ Hồi giáo núp chỗ khuất để đột kích các người ngoại đạo lúc mà lực lượng Hồi giáo chưa mạnh lắm. Nếu nhà Đường của Trung Hoa mà yếu một chút thì Hồi giáo cũng đã chiếm luôn Trung Hoa trong trận đánh năm 712 tại sông Talas. Mười điều răn của Islam là: chỉ thờ 1 Allah; vinh danh và kính trọng cha mẹ; tôn trọng quyền của người khác; bố thí rộng rãi cho người nghèo; tránh giết người trừ lúc cần thiết; cấm ngoại tình; bảo vệ và chu cấp cho trẻ mồ côi; cư xử công bằng với mọi người; trong sạch trong tình cảm

và tinh thần; khiêm tốn.

Koran không cho phép thờ ảnh tượng, nên đền thờ Hồi giáo không có gì cả ngoại trừ vài hình kỷ hà đơn giản. Người Islam rất hằn học với đền thờ các tôn giáo khác có thờ ảnh tượng, ghét luôn cả phim ảnh chiếu hình người, ghét tranh ảnh vẽ người, chống đối các cuộc thi hoa hậu người mẫu.

Có lần trong Koran, Mahomet kể là đã được thiên sứ cho cưỡi ngựa thần đi thăm đền thánh Jerusalem, rồi lên 7 tầng trời gặp các thánh trong kinh Cựu ước như Abraham, Moses, Jesus... rồi cuối cùng gặp Thiên chúa. Chúa dặn các tín đồ mỗi ngày phải cầu nguyện 50 lần, nhưng thiên sứ Gabriel dặn là 5 lần thôi. Vì vậy, cho đến nay, tín đồ Islam vẫn phải hướng về Mecca cầu nguyện 5 lần mỗi ngày. Lời cầu nguyện chỉ đơn giản là tôn xưng Allah vĩ đại và duy nhất.

Thiên đường của đạo Hồi cũng cực kỳ đơn giản, chỉ là nơi hưởng thú vui nhục dục của đàn ông. Ai có công với Allah,

chết vì Allah, sẽ được thưởng 72 trinh nữ trên thiên đường để vui thú vĩnh viễn.

Nhiều thanh thiếu niên của Islam sống trong nghèo khổ và bế tắc đã chọn cách tấn công cảm tử để nhanh chóng lên thiên đường cho rồi.

Người phụ nữ theo quan điểm đạo Hồi chỉ là sở hữu của đàn ông. Ở các đất nước Hồi giáo, việc phụ nữ bị sát hại, đánh đập là thường xuyên và chẳng ai bênh vực.

Khi Algeria dành lại độc lập từ thực dân Pháp và chuyển sang chế độ Hồi giáo, người phụ nữ mới biết rằng sống trong chế độ Hồi giáo họ bị ngược đãi hơn là sống trong ách thực dân, và phải biểu tình dữ dội mới dành được ít nhiều quyền lợi.

Mạng sống con người dường như ít quan trọng hơn niềm tin nên suốt thời gian phát triển của Hồi giáo, hơn trăm triệu mạng người đã bị giết. Giết người khác đạo đã đành, họ giết lẫn nhau vì khác giáo phái.

Ai mà bị gài tội chống Allah thì coi như cầm chắc cái chết. Vào khoảng thế kỷ 11, giáo phái Assassin được thành lập tại Ba

tư chuyên bí mật ám sát bất cứ người nào không tin Hồi giáo, gây kinh hoàng khắp cả 2 thế kỷ liên tiếp cho đến khi quân Mông cổ phá tan bản doanh của giáo phái này năm 1256.

Điều rất khác lạ so với Kitô là Mahomet lại khuyến khích tri thức chứ không lo ngại sự tiến bộ của khoa học. Ông cho đó là dấu hiệu của Thiên chúa. Vì thế, vào thời kỳ mà Âu châu chìm trong sự tăm tối của tri thức vì các giáo hoàng ra lệnh đốt phá văn minh Hy Lạp, thì ở các quốc gia Hồi giáo, vua chúa ra sức học tập và phát huy văn minh Hy Lạp. Nhiều nhà khoa học Hồi giáo đã mở đường cho các ngành toán học, thiên văn, địa lý ngày nay. Tại Bagdad đã từng có trường đại học đầu tiên trên thế giới vào thế kỷ thứ 8.

Biên giới của Hồi giáo liên tiếp mở rộng sang các nước Trung Á, Nam Á, Âu châu, Phi châu, hoặc bằng cách truyền đạo ôn hòa, hoặc bằng quân sự đánh chiếm rồi buộc theo đạo. Nhiều đế quốc Hồi giáo đã xuất hiện và tồn tại cả thời gian dài như đế

quốc Mughul của các vua Mông cổ theo đạo Hồi, đế quốc Ottoman (1289-1924) xuất phát từ Thổ Nhĩ Kỳ, đế quốc Safavids của giáo phái Shiite (1501-1779).

Sau này, khi Âu châu phát triển kỹ thuật vũ khí hùng mạnh và xâm chiếm các nước Hồi giáo làm thuộc địa thì Hồi giáo tạm thời suy yếu. Hôm nay, khi các nước Hồi giáo cũng bắt đầu vũ trang hiện đại thì tư tưởng cực đoan cuồng tín xuất hiện trở lại với quyết tâm biến cả thế giới thành Hồi giáo. Đây là lúc những người có lương tri trên toàn thế giới phải chuẩn bị cho một hiểm họa Hồi giáo cực đoan đang đến dần dần. Nhiều người cho rằng chỉ khoảng 15% tín đồ Hồi giáo là cực đoan, nhưng như thế cũng có nghĩa là đang có 200 triệu người cuồng tín sẵn sàng tàn sát nhân loại để truyền bá đạo Hồi.

Ta rất hoan hỷ sống chung hòa bình với anh em Hồi giáo trong khi chờ đợi thế giới xác định một tôn giáo chân chính nhất để cho toàn thế giới phải theo, nhưng ta cũng phải đề phòng sự mạnh động của các

nhóm chủ trương cực đoan chuyên dùng bạo lực khủng bố để truyền đạo. Muốn đối phó với Hồi giáo, ta phải có sức mạnh về quân sự để ngăn chặn bạo lực của họ, và đủ lý luận để thuyết phục họ từ bỏ bạo lực.

Về quân sự, ta phải nhờ cậy vào Nhà nước, ủng hộ Nhà nước, góp ý kiến với Nhà nước. Riêng chúng ta với tư cách Phật giáo phải biết phát triển lý luận để thuyết phục anh em đạo Hồi mở rộng tầm nhìn qua một đạo lý cao cả vượt bậc của đạo Phật. Trong Hồi giáo có một điều luật khắt khe là tử hình ai bỏ đạo, và phạt tù ai dụ người đạo Hồi bỏ đạo. Ta phải đủ lý luận để vượt qua điều này. Dưới đây là mẫu đối thoại tiêu biểu cho việc Hoằng pháp đối với các tín hữu Hồi giáo.

Hỏi: Tôi không tin ai khác ngoài Allah toàn năng vĩ đại. Các anh đừng mất công thuyết phục tôi.

Đáp: Vâng, tôi cũng giống anh, không tin ai khác có thể cao cả hơn đức Phật. (im

lặng một chút cho hồi hộp) Và bây giờ, để xem ai cao cả hơn, Allah của anh hay đức Phật của tôi, chúng ta phải làm cách nào? Có hai cách để giải quyết vấn đề này. Một là chúng ta đánh nhau, ai thắng thì đáng Chí tôn của người đó là cao cả hơn; hai là chúng ta thân ái bàn luận với nhau để tìm xem giáo lý nào hợp lý hơn thì đáng Chí tôn đó hay hơn.

Cách thứ nhất là cách của súc vật, mạnh được yếu thua. Tôi nghĩ người như anh bạn không dùng cách đó. Còn cách thứ hai thì đòi hỏi chúng ta phải rất là sáng suốt và muốn sống đúng như tư cách của con người, nghĩa là lấy trí tuệ làm giá trị chứ không phải lấy bắp thịt và bạo lực làm giá trị.

Muốn bàn luận với nhau để tìm ra lẽ phải thì cả tôi và anh từ giờ phút này phải thoát khỏi niềm tin chủ quan cũ. Tôi sẽ tạm thời không còn tin Phật của tôi là cao cả nhất nữa, và anh cũng tạm thời không còn tin Allah của anh là cao cả nhất nữa. Có như vậy ta mới khách quan để đàm đạo với

nhau theo như cách thức của con người với con người chứ không phải của thú vật với nhau.

Hỏi: Xin lỗi, không một phút nào tôi có thể rời xa niềm tin vào Allah. Nói gì thì nói, Allah vẫn là cao cả vĩ đại nhất, không có một Thiên chúa nào ngoài Allah.

Đáp: Anh nghe điều đó từ chính Allah hay nghe cha mẹ anh, các imam truyền dạy?

Hỏi: Dĩ nhiên là từ cha mẹ và các imam. Có ai được nghe từ chính Allah bao giờ đâu!

Đáp: Đức Phật của tôi có dạy đệ tử là đừng tin bất cứ ai nếu chưa kiểm chứng kỹ lưỡng điều người đó nói, kể cả đó là những người đáng kính nhất. Ngay cả lời Phật dạy mà Phật cũng không bắt phải chấp nhận liền, phải thực hành để xem kết quả ra sao cái đã. Phật luôn thúc đẩy con người sử dụng trí tuệ trước chứ không được tin vô điều kiện. Mà ta thấy, trí tuệ chính là giá trị của con người.

Hỏi: Phật cũng hay, nhưng Phật không phải là vị đã tạo ra tất cả. Allah mới là

Thiên chúa toàn năng tạo ra tất cả.

Đáp: Các nhà khoa học thì cho rằng vũ trụ được tạo ra theo một cách hoàn toàn khác với kinh thánh, có thể là do một vụ nổ nào đó.

Hỏi: Nếu có vụ nổ đó thì cũng do Allah làm nên.

Đáp: Nhưng kinh thánh đâu có nói Thiên chúa tạo ra vụ nổ.

Hỏi: Nhưng ta phải hiểu là tất cả do Allah tạo nên.

Đáp: Như vậy anh vừa mới sửa kinh Koran một chút cho phù hợp với thời đại. Thánh kinh nói rằng Thiên chúa tạo ra trời đất trong 6 ngày, và Chúa nghỉ ngơi vào ngày thứ 7. Như vậy rõ ràng ngày đêm đã có trước khi Chúa tạo ra trời đất thì Chúa mới dựa vào ngày và đêm để tạo ra trời đất chứ. Bây giờ thì ta biết rằng ngày và đêm là do Trái đất quay quanh trục của nó trong 24 giờ. Nếu khái niệm ngày và đêm đã có trước khi Chúa tạo ra trời đất thì Trái đất và Mặt trời phải hiện hữu trước khi Chúa “tạo ra tất cả”.

Do khoa học tiến bộ nên ta mới biết ngày đêm do đâu mà có. Vì vậy ta phải thay đổi lý luận của kinh thánh cho phù hợp với thời đại mà nói rằng Chúa tạo ra Trái đất và Mặt trời. Bây giờ khoa học nghi rằng Vũ trụ bắt đầu bằng một vụ nổ thì ta cũng bổ sung lý luận để nói rằng vụ nổ do Chúa làm ra. Nói chung ta phải uốn nắn kinh thánh cho phù hợp với thời đại. Chẳng ai có thể khư khư giữ mãi những lý luận xưa cũ của mấy ngàn năm trước để làm chân lý cả. Người nào khư khư cố chấp giáo điều của kinh điển đều là kẻ ngu xuẩn và tự hạ uy tín tôn giáo của mình. Anh cũng vậy và tôi cũng vậy, phải biết cải cách cho hợp với thời đại.

Ví dụ như ngày nay thế giới văn minh đã thù ghét bạo lực chém giết thì chúng ta không thể truyền đạo bằng cách chém giết. Bây giờ ta phải truyền đạo bằng sự khoan dung ôn hòa, phải thu phục người khác bằng lẽ phải. Ai dùng bạo lực thì sẽ bị coi là man rợ.

Cũng vậy, thế giới ngày nay tôn trọng

người phụ nữ thì tôn giáo nào cũng phải nâng cao quyền lợi cho phụ nữ, không thể giống như ngày xưa mà chèn ép ngược đãi phụ nữ nữa. Ai ngược đãi phụ nữ là kẻ ác độc và lạc hậu.

Hỏi: Nhưng Phật chỉ là con người. Allah là thần thánh, là Thiên chúa duy nhất và vĩ đại nhất.

Đáp: Phật là con người nhưng đã giác ngộ để trở thành tuyệt đối, và mở ra con đường cho ai cũng có thể trở thành tuyệt đối như Phật. Thật là vui sướng khi ta đi theo một giáo chủ mà vị giáo chủ đó dành sẵn cho ta một vị trí vĩ đại như Ngài.

Hỏi: Không lẽ ai cũng có thể làm Phật hết sao? Nếu như vậy thì Phật tầm thường quá.

Đáp: Theo như suy nghĩ thông thường của con người thì cái gì nhiều sẽ không còn là quý hiếm nữa. Cũng như thiên đường của Hồi giáo cũng quá nhiều người nên đâu còn là quý hiếm nữa, vậy mà các anh ai cũng ước mong về đó. Nếu các anh ai cũng ước mong về đó thì thiên đường đâu

phải vì đông người mà tầm thường.
Cũng vậy, sự Giác ngộ phi thường của
đạo Phật không hề tầm thường khi có
đông người đạt đến.

Hỏi: Nhưng giác ngộ nghĩa là gì? Làm sao
giác ngộ sẽ có được hạnh phúc như thiên
đường của Allah.

Đáp: Hạnh phúc của sự giác ngộ khác xa
lạc thú tầm thường của trần gian. Nếu
thiên đường chỉ toàn là chuyện tình dục thì
có khác gì những xóm thanh lâu bản thổ!

Hạnh phúc của sự giác ngộ vừa là sự
thanh khiết, vừa là sự thanh thản, vừa là
trí tuệ, vừa là đạo đức, vừa là từ bi, vừa là
sự giải thoát. Muốn đạt được sự giác ngộ
như thế, người ta phải tu dưỡng thân tâm
rất nhiều, qua nhiều kiếp, phải đối xử tử tế
với tất cả mọi người, phải ngồi thiền nhập
định rất sâu, phải vượt qua bản ngã.

Những điều như thế không thể nói trong
một vài lời. Nếu anh muốn tìm hiểu, tôi sẽ
đưa sách cho đọc. Nhiều người trí thức
ngày nay thích nghiên cứu đạo Phật vì
những giáo lý cực kỳ hấp dẫn trong đó.

Hỏi: Tôi nghe nói đạo Phật tin có luân hồi. Điều này như thế nào?

Đáp: Luân hồi nghĩa là khi một chúng sanh chết đi không phải là hết mọi chuyện. Họ sẽ phải sinh về một nơi theo đúng nghiệp của họ. Nếu hay làm điều thiện, họ sẽ sinh về nơi có nhiều hạnh phúc; nếu hay làm điều ác, họ sẽ sinh về nơi đau khổ. Có khi họ lên cõi trời ở một thời gian, có khi họ bị trừng phạt ở địa ngục một thời gian; có khi họ đầu thai vào bụng một con thú; có khi họ trở lại làm người. Nơi thân phận con người, có khi họ sung sướng nhưng cũng có khi họ đau khổ, tùy theo nghiệp quá khứ của họ. Luật Nhân quả sẽ cho họ một quả báo công bằng.

Hỏi: Ai lập ra luật Nhân quả?

Đáp: Luật Nhân quả là bản chất của Vũ trụ, không cần ai lập ra. Có vũ trụ là có luật Nhân quả. Ngay cả vua cõi trời cũng phải theo luật Nhân quả mà điều hành thế gian. Chính vì tin vào luật Nhân quả mà chúng tôi không bao giờ dám ngược đãi ai, không dám giết hại ai, chỉ nguyện với

lòng suốt đời thương yêu tử tế với mọi người mọi loài.

Nói chung, ta vừa khéo léo vừa cứng rắn để thuyết phục họ. Ai thuyết phục được một người Hồi giáo tin Nhân quả sẽ có được công đức bằng độ 100 người thường vì đã tháo bớt một ngòi nổ bạo lực cho thế gian. Đệ tử Phật phải chịu khó làm quen với người Hồi giáo để đàm đạo nói chuyện với họ, đừng ngại ngùng rồi mất dịp hoằng pháp lợi sinh

Phần 2: Phương Pháp Diễn Giảng

HOÀNG PHÁP 11

VAI TRÒ

GIẢNG SƯ

1. Vai trò chính yếu của công tác Hoàng

pháp

Hình ảnh một vị giảng sư uy nghi đỉnh đạc đường bệ trên pháp tòa cất lời đạo lý tuôn trào bất tận lôi cuốn thính chúng là hình ảnh lý tưởng của công tác hoằng pháp.

Khi làm công tác hoằng pháp, ai cũng phải nghĩ đến lúc hiện diện trên pháp tòa, trước số đông cử tọa, thuyết pháp lưu loát hấp dẫn suốt cả tiếng đồng hồ. Ngày xưa Phật cũng giáo hóa bằng những thời thuyết pháp lôi cuốn như thế.

Khác với lúc đàm đạo ta chỉ độ được vài ba người, hay một nhóm nhỏ, việc diễn giảng là cơ hội để ta giáo hóa được nhiều người hơn. Tuy nhiên, chính việc thực hành đàm đạo rất nhiều giúp ta trở nên một diễn giả tài ba sau đó. Muốn giỏi diễn giảng thì trước hết phải giỏi đàm đạo cái đã.

Có hai hình thức diễn giảng, một là giáo thọ sư dạy giáo lý trong lớp; hai là giảng sư trình bày giáo lý cho thính chúng tự do.

Giáo thọ sư có mặt khó là phải thật sự có

chuyên môn cao về giáo lý để dạy cho Tăng Ni sinh, nhưng đồng thời cũng có mặt dễ là học trò đều là những người ham học, có tập trung, vì vậy Giáo thọ sư không bị áp lực tâm lý phải tìm cách chinh phục thính chúng, cứ theo đúng giáo trình mà hướng dẫn. Học trò mà không chịu học thì sẽ bị xử lý thích đáng.

Giảng sư có mặt dễ là chỉ cần có pháp hội mời giảng là ta có cơ hội trình bày giáo lý. Nhưng cái rất khó của Giảng sư là thính chúng là những người tự do, thích thì đến dự nghe, không thích thì thôi. Vì vậy áp lực về chất lượng bài giảng của Giảng sư là cực kỳ lớn. Tăng Ni sinh bị đẩy phải đến lớp ngồi học. Còn thính chúng tự do thì phải bị kéo thì mới đến nghe. Giảng sư phải giảng thế nào để người nghe ham thích đến nghe tiếp tục và còn rủ thêm người khác đến nghe nữa. Nói gọn, phải giảng cho hay.

Nhưng thế nào là giảng cho hay ?

Đây là cả một rừng bí quyết, năng khiếu, tài năng, trí tuệ, công đức, kiến thức chứ

không phải là chuyện đơn giản. Chính vì yêu cầu đối với giảng sư rất cao như vậy mà người xưa đã ca ngợi giảng sư là đại Phật tuyên hóa, thay Phật giáo hóa.

Thời đại ngày nay tín đồ Phật tử càng lúc càng đông, nhu cầu diễn giảng càng lúc càng nhiều, và như vậy cơ hội để cho Tăng Ni đăng đàn thuyết pháp cũng nhiều hơn. Tuy nhiên, vấn đề là làm sao để có một bài giảng thật hay vẫn là điều làm ta trăn trở. Có những pháp hội càng lúc càng đông, và cũng có những pháp hội điều hiu dần dần. Người trí thức đòi hỏi một bài giảng sâu sắc mới lạ, trong khi người bình dân đòi hỏi một bài giảng dễ hiểu vui tươi.

Và trong một pháp hội thì người nào cũng có mặt. Giảng sư phải đáp ứng được cho hầu hết mọi hạng người, vừa trí thức vừa bình dân như thế, làm sao cho hạng người nào cũng hài lòng sau khi nghe giảng.

Thật ra không riêng gì đạo Phật, các tôn giáo khác cũng lúng túng loay hoay đủ cách để nâng cao chất lượng bài giảng cho giáo sĩ. Đi tìm một bài giảng hay, thực

hiện một bài giảng hay vẫn là ước mơ nghìn đời của các tu sĩ. Tôn giáo nào xuất hiện nhiều các bài giảng hay sẽ thu hút được nhiều tín đồ. Tuy nhiên điều này quá khó nên một số tôn giáo đã thay đổi chiến thuật, thay vì cố gắng giảng cho hay, họ đã sử dụng tiền bạc vật chất và phương pháp quản lý đội ngũ để chiếm lấy tín đồ. Chiến thuật này tạm thời có hiệu quả, họ đã có được trong tay nhiều người theo đạo.

Phật giáo không chủ trương chiếm tín đồ bằng bất kỳ một thủ thuật nào. Nếu có giúp đỡ vật chất, chúng ta hoàn toàn vì lòng thương yêu chân thật mà thôi. Con đường chính để hoằng hoá trong đạo Phật vẫn là sử dụng đạo lý. Cả đời đức Phật chỉ cố gắng dùng đạo lý để khai mở tâm hồn con người. Dù thần thông có thể làm mọi người nể phục nhưng không thể làm người ta giác ngộ, vì vậy đức Phật chẳng bao giờ dùng thần thông để làm người khác giác ngộ, Ngài chỉ chịu cực giải thích, trình bày, phân tích, lý luận để mọi người

hiểu ra vấn đề mà thôi. Vì thế, sự kiên nhẫn của ta trong việc tạo nên một bài giảng hay chính là ta đi đúng với con đường của Phật, làm học trò ngoan của Phật.

Ai cũng biết rằng ngồi trên pháp tòa diễn giảng thì khác hẳn với việc cầm một văn bản soạn sẵn để đọc. Diễn giảng là phải ứng khẩu tại chỗ, tức thời. Thật ra dù có ứng khẩu ta cũng phải đã soạn trước dàn ý. Việc soạn dàn ý cẩn thận chính là ta tôn trọng người nghe, là ta không chủ quan kiêu ngạo, là ta có tinh thần trách nhiệm. Đọc nguyên văn cũng là soạn sẵn, ứng khẩu cũng phải có dàn bài soạn sẵn, nhưng cả hai khác nhau là sự sinh động. Khi ứng khẩu, ta có cơ hội để theo dõi thính chúng và điều chỉnh ngôn từ ý tứ cho thích hợp kịp thời. Còn văn bản soạn sẵn thì hên xui may rủi, nếu may mà phù hợp hoàn cảnh thì sẽ rất hay, nếu không phù hợp thì sẽ khô khan. Vì thế, một giảng sư phải là người rất giỏi việc ứng khẩu. Người giỏi ứng khẩu được gọi là người lợi

khẩu, theo từ của Phật giáo. Tuy nhiên, để có thể ứng khẩu được, ta phải có một vùng não được khai mở, được phát triển. Để có vùng não ứng khẩu được khai mở, ta cũng không thể dùng một loại biệt dược nào cả mà chỉ bằng cách tạo công đức sâu dày mà thôi. Ngoài ra, trong chương trình học, ta sẽ có nhiều cơ hội để luyện tập khả năng ứng khẩu dần dần.

Nhân cách của Giảng sư là một vấn đề rất lớn. Ai đã mang trách nhiệm ngồi trên pháp tòa thì phải trau dồi giới hạnh từng ngày, phải vượt qua, phải khắc phục lỗi lầm từng ngày. Chính tư cách đạo đức của ta là sự bảo đảm cho những lời ta giảng. Mọi người sẽ đi theo Phật Pháp khi chiêm ngưỡng một giảng sư tài ba có giới hạnh tốt đẹp. Vì thế, ai vừa có khả năng diễn giảng vừa có giới hạnh tốt đẹp sẽ là người đem cho cuộc đời nhiều lợi ích lớn. Ngược lại, ai có khả năng diễn giảng nhưng giới hạnh kém cỏi sẽ là người tàn phá nhiều nhất vì khiến cho mọi người không còn tin

là những lời nói tốt đẹp kia sẽ mang lại kết quả nào. Hậu quả này thật tai hại.

Đôi khi ta cũng nói rằng Y pháp bất y nhân để biện minh cho khuyết điểm của Giảng sư, nhưng thực tế thì tư cách của Giảng sư vẫn là một yêu cầu rất gay gắt. Do đó, trước khi nhắm đến công việc diễn giảng, ta phải nhắm đến việc hoàn thiện giới hạnh cái đã. Nhưng không ngờ rằng chính khi ta vất vả chiến đấu với lỗi làm của mình cũng là lúc ta ươm mầm cho những bài giảng xuất sắc về sau. Ai càng nhìn ra được lỗi làm của mình nhiều chừng nào thì sẽ giảng hay chừng nấy. Vì vậy, công việc đầu tiên của giảng sư là tìm cho ra hết những lỗi của mình.

Một thời gian dài, các chùa Việt Nam ít quan tâm tới việc thuyết giảng cho Phật tử. Chùa chỉ chú trọng các nghi thức cúng bái, trai tăng, xây cất... Phật tử càng ngày càng ít hiểu về Phật Pháp nên rời xa chùa dần dần. Muốn Phật Pháp phát triển, ta phải tổ chức nhiều những buổi thuyết

giảng giáo lý cho Phật tử. Khi Phật tử hiểu giáo lý sâu sắc rồi, họ sẽ là những người tiếp tay với quý thầy làm nên những Phật sự tốt đẹp. Thật ra, thuyết pháp không cũng chưa đủ để làm Phật Pháp hưng thịnh mà cần phải có tổ chức cho Phật tử tu tập thiền định, tổ chức cho Phật tử làm việc từ thiện, hướng dẫn cho Phật tử biết hoằng truyền giáo pháp, hướng dẫn cho Phật tử biết hộ trì Chánh pháp, hướng dẫn cho Phật tử biết kết đoàn tập hợp với nhau. Tuy nhiên, việc thuyết giảng giáo lý vẫn là chìa khóa đầu tiên. Có thuyết giảng rồi mới có những công đức khác tiếp theo.

Vì thuyết giảng là chìa khóa ban đầu dẫn dắt các công đức khác nên nội dung thuyết giảng phải mở ra con đường đưa người nghe đến dần những công hạnh phía sau. Sau khi nghe giảng xong, trong lòng người nghe phải khát khao được tu tập, mong ước được làm việc từ thiện, thiết tha đem giáo pháp đến với mọi nơi, quyết lòng bảo vệ Chánh pháp, và dăng

trào niềm yêu mến đồng đạo để chung tay góp sức với nhau. Đừng để cho một bài giảng trở thành trống rỗng vì sau khi nghe xong, người nghe ngơ ngác không biết phải làm gì sau đó.

Giảng sư có thể chọn bài giảng bằng cách chọn một bài kinh Phật để phân tích giải thích và chỉ cách ứng dụng bài kinh đó vào cuộc sống. Nhớ là phải chỉ cách ứng dụng lời kinh Phật vào cuộc sống thực tế. Tuyệt đối không nên giảng kinh Phật rồi chỉ ca ngợi kiến thức cao siêu, chỉ dừng lại ở kiến giải đầu môi chót lưỡi.

Giảng sư cũng có thể chọn bài giảng bằng cách đưa ra một đề tài riêng của mình. Nói là đề tài riêng, thật ra nội dung cũng phải hoàn toàn phù hợp với đạo lý Phật dạy. Ai giảng ra ngoài đạo lý Phật dạy thì lập tức trở thành ngoại đạo mất rồi. Nhưng chọn đề tài riêng không phải dễ. Nhiều giảng sư than thở về việc chọn đề tài riêng như thế. Sau này ta sẽ phân tích cách chọn đề tài riêng.

2. Khả năng của Giảng sư

Khả năng chính của Giảng sư là làm sao cho thính chúng hiểu được đạo lý mà mình thuyết giảng. Câu nói này đặt ra 3 vấn đề:

- một là Đạo lý gì để cung cấp cho thính chúng.
- Hai là phương cách thuyết giảng.
- Ba là mức độ nhận hiểu của thính chúng.

Giảng sư dường như phải có một nguồn đạo lý vô hạn ở trong tâm. Mọi người không chấp nhận chuyện một giảng sư phải ngưng giảng vì không còn biết nói gì. Họ đòi hỏi giảng sư phải nói mãi, nói tới khi chết. Họ nghĩ rằng trí tuệ là bất tận, là bất tử. Thật ra giảng sư nào rồi cũng phải có lúc bớt nói. Sau một thời gian cống hiến, vị giảng sư nào cũng muốn lui về an dưỡng tu tập, nhường công việc lại cho đàn em. Có thể vị đó vẫn còn trí tuệ minh mẫn như xưa, nhưng người lớn lúc nào cũng mong cho đàn em của mình tiến lên thay thế.

Đạo lý của một vị Giảng sư trước hết lấy từ nguồn giáo lý của Phật. Vị giảng sư phải học giáo lý từ nơi kinh điển, từ các luận bản, từ sự dạy dỗ của Giáo thọ sư. Những Đạo lý đó phải được xào nấu bằng kinh nghiệm tu hành tự thân. Giảng sư phải áp dụng đạo lý tu hành trước đã. Đạo lý nào mình có kinh nghiệm thì sẽ trở thành giáo trình giảng dạy về sau. Vì vậy, yếu tố thứ hai để có nguồn đạo lý là kinh nghiệm tu tập.

Ta cũng đã nói về việc tham khảo kiến thức của thời đại như là một sự đối chiếu rất quan trọng giữa Phật Pháp và thế gian. Giảng sư mà không có kiến thức của thời đại thì chắc chắn sẽ giảng dở.

Điều thứ hai là phương pháp thuyết giảng. Kết quả của phương pháp thuyết giảng, của đạo lý thuyết giảng chính là mức độ nhận hiểu của thính chúng. Giảng gì thì giảng, nếu chẳng ai hiểu gì cả thì thật là vô duyên.

Chính việc đàm đạo hỏi đáp từ trước sẽ

giúp ta có khả năng trình bày vấn đề một cách dễ hiểu nhất. Nếu ai chưa đi qua kinh nghiệm đàm đạo hỏi đáp thì sẽ diễn giảng phát phơ trên mây một mình giống như không có ai ngồi nghe vậy. Và dĩ nhiên chẳng ai hiểu cái gì. Diễn giảng chính là kết nối những câu trả lời lại thành một bài giảng liên tục. Đó là những câu trả lời cho những câu hỏi gay gắt nhất, nên đó cũng là những câu trả lời kỹ lưỡng nhất. Khi kết nối toàn bộ những câu trả lời cho những câu hỏi tưởng tượng, ta có được một bài thuyết pháp hấp dẫn. Vì vậy, khi soạn bài, giảng sinh phải xem như mình đang bị đặt một loạt các câu hỏi nối tiếp, và bốn phần khi giảng chính là trả lời những câu hỏi giấu mặt đó.

Giảng sinh cũng sẽ học về những vấn đề liên quan đến giọng nói, như giai điệu của giọng nói, tốc độ của lời nói, cường độ phát âm, những khoảng ngưng cần thiết, những khoảng nhấn mạnh cần thiết... ta sẽ thấy là không được cố chấp giọng địa

phương của mình nếu ta muốn giáo lý được lưu bố rộng rãi. Có thể ta sẽ giữ giọng chính của mình, nhưng sẽ điều chỉnh cho gần với giọng thủ đô hơn một chút. Am thanh giọng nói của giảng sư chiếm mất 50% giá trị của bài giảng. Ngoại hình cũng là một yếu tố làm bài giảng trở nên dễ chịu. Nghe giảng thì phải nhìn mặt giảng sư để theo dõi bài giảng. Nếu mặt giảng sư xấu quá thì cũng khiến người nghe hơi chán. Với các nghệ sĩ, yếu tố ngoại hình là điều kiện đầu tiên trước khi nói đến tài năng. Còn giảng sư thì yêu cầu về ngoại hình không cao lắm, đẹp thì càng tốt, nhưng cũng đừng xấu quá. Nói gì thì nói, có ngoại hình tốt cũng là cái phước đời trước khiến cho chúng sinh dễ có thiện cảm.

Có một yếu tố tạm gọi là Tâm lực vô hình khiến cho người nghe bị thu hút chặt vào diễn giả. Có người giảng, dù cũng hay, nhưng tâm của người giảng và người nghe chẳng dính gì với nhau. Có người

giảng, dĩ nhiên phải hay, và tâm của 2 bên dính chặt vào nhau không rời, khiến cho buổi giảng vô cùng lý thú. Giảng sư mà có tâm lực như thế sẽ giáo hóa được rất nhiều chúng sinh.

Trong giới nghệ sĩ thường hay xuất hiện hội chứng ganh tị tài năng. Vì phải tranh giành ảnh hưởng đối với quần chúng nên các nghệ sĩ hay ngấm ngầm không ưa nhau. Sau này, khi đội ngũ giảng sư Phật học nhiều lên, cũng sẽ có tình trạng ganh tị lẫn nhau nếu các giảng sư không có đạo đức sâu sắc. Vì vậy, giảng sinh phải chuẩn bị từ bây giờ cho mình một đạo đức dày dặn, luôn mong mỗi có người giảng giỏi hơn mình để Phật Pháp được hưng long. Sau này thấy ai được quần chúng tán thán, ta phải thật lòng hoan hỷ, dứt khoát không khởi tâm ganh tị tầm thường.

Sức khỏe cũng là điều quan trọng phải lưu tâm. Người yếu quá thì cũng khó có sức thu hút, cũng khó giảng dạy được nhiều.

Vì vậy, giảng sinh từ bây giờ cũng phải nghiên cứu các phương pháp gìn giữ bồi đắp sức khỏe, thức ăn, thuốc thang, luyện tập, giờ giấc v.v...

Yêu cầu cao nhất của giảng sư là giảng đúng với ý Phật và giảng hấp dẫn. Lúc nào giảng sư cũng phải chăm chăm gìn giữ từng ý tứ không cho phép mình vượt ra khỏi đạo lý Phật dạy. Nếu chệch ra khỏi đạo lý Phật dạy, ta lập tức rơi vào đường tà, đã phản bội Tam bảo, và góp phần gieo rắc tà kiến vốn đã dày đặc trên thế gian rồi. Quả báo là ta sẽ đoạ lạc nặng nề, như trường hợp ông già chồn trong truyện tích của thiền sư Hoài Hải Bá Trượng. Có một số vị giảng sư lanh lợi, đã sáng chế ra đủ thứ lý luận, pháp môn... và trở nên khác hẳn với đạo lý chính thống của Phật. Người nghe thấy lạ tai có vẻ hấp dẫn nên hăm hở đi theo, đâu ngờ đã kéo nhau ra khỏi giáo pháp của Phật mà không hay biết. Vì vậy, dù có thông minh tài giỏi, lúc nào ta cũng phải biết khiêm tốn

cầu Phật gia hộ cho ta luôn luôn hiểu đúng ý Phật để nói lên những điều lợi ích cho chúng sinh.

Yêu cầu thứ hai là giảng cho hấp dẫn. Nếu ta giảng đúng ý Phật rồi, nhưng trình bày quá khô khan tẻ nhạt thì cũng như không. Việc tìm lời tìm ý để tạo nên một hiệu quả hấp dẫn cho người nghe là một bí mật của trí tuệ, cũng là cái duyên phước riêng của mỗi người. Ta cũng cố gắng rèn luyện, nhưng cũng phải tạo phước để có được khả năng gây sự lôi cuốn cho thính chúng.

Trên bước đường làm một giảng sư để đại Phật tuyên hóa, ta sẽ vừa làm vừa chỉnh sửa bổ sung dần dần. Điều quan trọng là ta không có tâm mong cầu danh lợi, mà chỉ thật lòng muốn cho mọi người thấm nhuần Phật Pháp để đau khổ vắng bóng trên cuộc đời. Những điều ta nói sẽ có nhiều người nghe, vì vậy ta phải hết sức có trách nhiệm với từng lời được trình bày ra ngoài. Mỗi lời nói là cả một tấm lòng, một sự cân nhắc đắn đo, một ý thức cao

độ.

HOÀNG PHÁP 12

CHUẨN BỊ

NGÔN NGỮ

1. Chuẩn bị ngữ pháp

Phần kiểm tra và hoàn chỉnh Ngữ pháp chỉ dành cho những người đã hoàn tất chương trình Ngữ pháp ở văn hóa phổ thông. Khi học về Diễn giảng, ta chỉ áp dụng và hoàn thiện khẩu ngữ (văn nói) sao cho càng gần với Ngữ pháp chuẩn càng tốt.

Giảng sinh phải xem lại tài liệu Ngữ pháp và tự mình lập ra khoảng một trăm câu mẫu có cấu trúc Ngữ pháp vững chắc để làm tài liệu tham khảo mình suốt đời.

Những phạm trù Danh từ, Động từ, Tính từ, Trạng từ, Mạo từ, Liên từ, Giới từ, Vần từ, Thán từ; rồi những từ đó mang nhiệm vụ trong câu như Chủ ngữ, Động ngữ, Đối

ngũ, Túc ngũ, Trạng ngũ, vân vân... đều phải được nắm vững một cách có hệ thống.

Ta xem trong câu:

Thầy quỳ xuống lễ sư phụ một cách thành kính.

Thầy là Danh từ, làm nhiệm vụ Chủ ngữ của câu.

Quỳ là Động từ làm nhiệm vụ Động ngữ thứ nhất; Xuống là Trạng từ của riêng động từ quỳ.

Lễ là động từ làm nhiệm vụ Động ngữ thứ hai trong câu.

Sư phụ là Danh từ, làm nhiệm vụ Đối ngữ trong câu (Đối ngữ là phần đón nhận hành động của Chủ ngữ).

Một cách thành kính là Trạng ngữ diễn tả trạng thái của cả 2 Động ngữ quỳ và lễ.

Bây giờ ta đổi vị trí các từ lại Sư phụ nhìn thầy với vẻ từ ái.

Sư phụ bây giờ trở thành Chủ ngữ.

Nhìn là Động ngữ duy nhất trong câu.

Thầy trở thành Đối ngữ.

Với vẻ từ ái là Trạng ngữ của động ngữ

nhìn. Trạng ngữ dùng để diễn tả tính cách của Động ngữ.

Ta xem trong câu:

Nếu không biết gây tạo nhiều công đức, ta sẽ phải đối diện với những điều làm ta bất an khổ sở.

Thật ra về đầu phải được hiểu là nếu ta không biết... nhưng vì 2 vế có cùng một Chủ ngữ nên ta lược bớt Chủ ngữ trước cho câu văn nhẹ nhàng.

Nếu là Điều kiện ngữ.

Không biết là Động ngữ ở thể phủ định.

Gây tạo là động ngữ thứ 2 lệ thuộc động ngữ thứ nhất. Ở câu ví dụ đầu tiên trên 2 động ngữ độc lập với nhau. Còn câu này gây tạo là thuộc về không biết.

Nhiều là Trạng ngữ, diễn tả tính cách của gây tạo.

Công đức là danh từ, làm nhiệm vụ Đối ngữ trong vế thứ nhất này.

Sẽ phải là 2 trợ động ngữ, xác định tính chất tương lai (sẽ) và xác định tính tất yếu (phải).

Đối diện là Động ngữ chính.

Với là Giới từ, làm nhiệm vụ nối giữa Động ngữ và Đối ngữ những điều.

Làm lại là Động ngữ của những điều. Lúc này những điều đã bất ngờ trở thành Chủ ngữ của một vế phụ phát sinh.

Ta ở đây lại biến thành Đối ngữ, không còn là Chủ ngữ như 2 vế trước nữa.

Bất an khổ sở là Tính từ làm nhiệm vụ Túc ngữ trong câu.

Nếu viết rõ ra, ta phải viết như sau:

Nếu ta không biết gây tạo nhiều công đức

Ta sẽ phải đối diện những điều

Những điều làm ta bất an khổ sở.

Ta xem trong câu:

Có vài người dường như đã thánh thiện từ khi mới sinh ra chỉ bởi vì họ đã có thiện căn tu hành từ nhiều kiếp trước.

Câu này có 2 chữ có với 2 nhiệm vụ khác nhau, mặc dù cùng là Động từ như nhau.

Chữ có ở đầu câu là một từ đặc biệt, không cần chủ ngữ, nhưng xác lập sự hiện hữu của các danh từ phía sau. Trong trường hợp này, khi dịch sang tiếng Anh, ta không dịch chữ có mà chỉ dùng chữ

some, some people seem to be bornly sainted because they surely improved themselves in many past lives.

Ta xem câu:

Trước khi nói, hãy suy nghĩ sau lời nói này con người sẽ thương nhau hay ghét nhau.

Đây là câu Mệnh lệnh cách, có tính kêu gọi người nghe thực hiện điều gì. Giống như trước, câu này có 2 Chủ ngữ bạn giống nhau nên ta lược bớt một chủ ngữ bạn ở vế đầu. Vế thứ 2 là mệnh lệnh nên ta không cần dùng chủ ngữ. Rốt cuộc cả câu giống như không hề có chủ ngữ.

Trước khi bạn nói, bạn hãy suy nghĩ...

Ta xem câu:

Đêm thật là dài đối với người mất ngủ; đường thật là xa đối với kẻ lữ hành mệt mỏi. Cũng vậy, luân hồi là vô tận đối với người không thông đạt Chánh pháp.

3 câu trên là độc lập về cú pháp, nhưng có cấu trúc tương đương, và có tính Mỹ từ pháp rất cao, vì 2 câu đầu dồn ý để chuẩn bị cho câu thứ 3 xuất hiện. Nếu viết theo

cấu trúc thông thường, ta phải viết như sau: Người mất ngủ sẽ cảm thấy đêm rất dài; người mệt mỏi sẽ cảm thấy đường rất xa. Cũng vậy, người không thông đạt Chánh pháp sẽ không thể biết được ngày nào luân hồi dừng lại. Tuy nhiên cách nói của Phật trong kinh Pháp cú như thế đạt tính nghệ thuật rất cao.

Ta xem câu:

Trong thời đại ngày nay, nếu muốn Phật Pháp phát triển, ta phải biết sử dụng khoa học kỹ thuật.

Đây là câu chuẩn, mạnh, nhưng ít có tính thơ ca. có những lúc phải nói như vậy, nhưng cũng phải biết sử dụng những câu êm ái hơn.

Trong phần hoàn thiện về Ngữ pháp, ta cần nghiên cứu những câu nói sai của mình và của những người chung quanh, tập chỉnh sửa lại những câu đó đúng trở lại. Kỹ năng chỉnh sửa các câu nói sai sẽ giúp ta củng cố Ngữ pháp rất nhiều.

Ta xem câu:

Mấy bức hình này vẽ xấu quá.

Câu đúng phải là như thế này: Mấy bức tranh này được vẽ xấu quá. Đó là nói theo cách Thụ động. Hoặc nói theo cách Chủ động: Ai đã vẽ mấy bức tranh này xấu quá.

Ta xem câu:

Cuốn sách này nó hay lắm.

Câu này thừa mất một Chủ ngữ nó. Chỉ cần cuốn sách này hay lắm là được rồi.

Ta xem câu:

Bà đó ăn nói ngược ngạo không ai chịu nổi.

Câu này nên được sửa lại như sau: Không ai chịu đựng nổi sự ăn nói ngược ngạo của bà đó. Hoặc là: Sự ăn nói ngược ngạo của bà đó khiến nhiều người không chịu đựng được.

Trong thời gian hoàn chỉnh kỹ năng Ngữ pháp, ta cố gắng để ý các câu nói sai của ta và mọi người rồi về phòng tập viết lại.

Lẽ ra ta dùng máy thu cuộc nói chuyện để về phân tích Ngữ pháp, nhưng như vậy là vi phạm pháp luật. Không hiểu sao người miền Bắc Việt Nam lại có khẩu ngữ gần

với ngữ pháp chuẩn hơn người miền Nam. Ta phải cố gắng học các mẫu câu Ngữ pháp chuẩn để tập sử dụng thành thục.

Ta xem câu:

Sóng thần ở Indo chết quá chừng.

Câu này nên được sửa lại như sau: Sóng thần ở Indo làm rất nhiều người chết.

Hoặc là: Số người chết là rất nhiều trong thảm họa sóng thần ở Indo. Ta thấy trong khẩu ngữ, nhiều từ đã bị ẩn dấu và được hiểu ngầm. Người cùng ngôn ngữ với nhau thì có thể hiểu được lời nói như thế, nhưng trong văn viết, lời nói như thế không được chấp nhận. Ta buộc phải rèn luyện lời nói rất gần với Ngữ pháp chuẩn vì việc diễn giảng là việc của tri thức, không thể được xem là chuyện bình dân dễ dãi.

Ta xem câu sai dưới đây nhưng rất hay bị sử dụng:

Phở này ăn ngon ghê.

Phở làm sao có răng có miệng để nhai và nuốt được. Câu đó phải được sửa như

sau: Phở này ngon lắm. Hoặc nói đầy đủ và dài hơn: Tôi cảm thấy rất ngon khi ăn món phở này.

Ta xem câu:

Tu thì đông mà chở xuống vông không đầy.

Câu trên là lối nói đơn giản của Nam bộ, nghe mộc mạc, nhưng dĩ nhiên là rất xa câu nói chuẩn. Nếu muốn đầy đủ, ta phải nói như sau: Người tu đạo là rất đông, nhưng số người thật tu thì rất là ít, ít đến nỗi nếu họ ngồi chung lại trên một chiếc xuồng vông cũng không làm đầy xuồng. Nhiều câu phương ngữ đã đi vào đời sống của dân gian bằng lối nói đơn giản gọn gàng mộc mạc như thế, đã được mọi người chấp nhận, nhưng lại rất khiếm khuyết về Ngữ pháp.

Ta xem câu:

Giặc đến nhà đàn bà cũng phải đánh.
Câu Thành ngữ nổi tiếng trên cũng là phương ngữ miền Bắc, đã được truyền tụng từ rất lâu và trở thành khí phách của dân tộc ta. Nhưng nếu cần thực tập chỉnh

sửa Ngũ pháp thì ta cũng có thể sửa lại như sau: Nếu giặc đến nhà, ngay cả người đàn bà cũng phải đánh lại bọn chúng.

Ta thêm chữ ngay cả vì muốn nhấn mạnh ý rằng người yếu đuối cũng phải quyết tâm chống giặc.

Ta xem câu:

Giàu nghèo cũng vậy.

Người nói câu này muốn diễn tả ý có cái gì giống nhau giữa 2 hạng người nghèo và giàu, có thể là giống nhau về máu và nước mắt, có thể về tính chất con người, có thể về cái chết vân vân... Vì ta chưa biết đích xác ý người nói muốn gì nên khó thể chỉnh sửa câu văn cho chuẩn Ngũ pháp. Tạm thời sửa như vậy: Dù giàu hay nghèo, con người vẫn là như nhau. Động từ là có thể lược bớt, để hiểu ngầm, cho câu văn nhẹ hơn.

Phần này, mỗi người phải tự tìm ra 50 câu nói sai để chỉnh sửa lại cho đúng. Chỉnh sửa nhiều rồi tự nhiên ta được nhập tâm

về cấu trúc cú pháp, sau này nói bớt sai hơn.

2. Hoàn thiện Từ vựng

Trong những câu nói thông thường, việc chọn từ là dễ dàng, và người nghe cũng nhanh chóng hiểu ý ta muốn nói gì, nên ta không cảm thấy áp lực của việc phải chọn một từ cực kỳ chính xác nhất. Sau này, đi sâu vào diễn giảng, ta sẽ thường xuyên bị áp lực của việc chọn từ sao cho lột tả được ý ta muốn nói, dễ hiểu đối với người nghe, không nặng nề học thuật, và vẫn có tính nghệ thuật. Trong lúc ứng khẩu thao thao mà ta phải chọn được từ đáp ứng đủ 4 tiêu chuẩn như thế thì thật là tài ba. Đây cũng là điểm khác nhau giữa người có tài và kém tài.

Tuy nhiên, cứ cho rằng ta kém tài một chút, việc rèn luyện và chuẩn bị trước sẽ bù lại sự kém khuyết đó và sẽ giúp ta cũng có được những từ hay khi ứng khẩu.

Ta xem câu:

Những người bạn gặp lại nhau sau nhiều

năm tháng xa cách. Bây giờ mỗi người một vị trí khác nhau.

Ta có thể sửa câu văn lại như sau: Những người bạn đó đã gặp lại nhau sau nhiều năm tháng xa cách từ lúc ra trường. Bây giờ mỗi người đã có một thân phận khác nhau trong cuộc đời. Chữ thân phận hợp lý hơn chữ vị trí. Sửa vài chữ như vậy, câu văn sẽ sáng hẳn ra.

Ta xem câu:

Hạnh phúc hay đau khổ đều là do Nghiệp quá khứ.

Nói như vậy thì ai cũng hiểu, nhưng chưa chuẩn. Ta có thể sửa lại như sau: Được hạnh phúc hay bị đau khổ đều là do Nghiệp riêng của mỗi người từ quá khứ.

Ta xem câu:

Có đạo đức và trí tuệ mới có thể biết tôn kính Phật.

Nghe như vậy thì ai cũng hiểu, nhưng chưa đã. Nếu nói như vậy thì hấp dẫn hơn: Lòng tôn kính Phật là dấu hiệu của trí tuệ và đạo đức. Sau câu này ta có thể nói thêm mấy câu nữa để diễn tả cho hết ý.

Ta xem câu:

Ai cũng đi trên con đường đời như nhau nhưng họ đi theo những cách khác nhau và cuối cùng thì rẽ vào những ngôi nhà khác nhau.

Đây là một câu văn đẹp, nhiều triết lý phong phú ẩn dấu bên trong, nhưng khá khó hiểu đối với người bình dân. Ta không cần sửa câu này, chỉ cần nói thêm nhiều câu phía sau cho người bình dân dễ hiểu mà thôi.

Ta xem câu:

Nói gì thì nói, con người ta ai cũng thích tiền.

Câu này có tính cách văn nói hơn là văn viết. Ta sẽ sửa lại như sau: Dù không thiếu những đạo lý để sống, nhưng tiền vẫn là sự lôi cuốn đáng kể với hầu hết con người.

Văn nói dường như đều ngắn và gọn hơn văn viết cho đúng Ngũ pháp Từ vựng.

Ta xem câu:

Thế giới đầy áp đau khổ, nhưng con người lại gây thêm đau khổ cho nhau.

Ta có thể sửa tốt chút đỉnh: Thế giới vốn đã đầy áp đau khổ, nhưng chưa đủ, con người lại gây thêm nhiều đau khổ cho nhau hơn. Vài từ được gán thêm như thế làm câu nói sáng ra.

Ta xem câu:

Thế nào là một vị thánh? Đó là người biết rất rõ đúng sai thiện ác.

Câu nói này dễ hiểu, không sai Ngữ pháp, ý tứ minh bạch và sâu sắc, nhưng hơi bị rút gọn. Nếu triển khai theo câu đầy đủ, ta có thể nói như sau: Thế nào là một vị thánh? Đó là người biết rất rõ thế nào là đúng, thế nào là sai, thế nào là thiện, và thế nào là ác. Nhưng như vậy lại dài quá, lại trùng lặp chữ thế nào ở 2 vế. Ta có thể chấp nhận sự chỉnh sửa trung gian như sau: Thế nào là một vị thánh? Đó là người biết rõ cái gì là đúng hay sai, cái gì là thiện hay ác.

Tăng Ni sinh phải thực tập đi tìm rất nhiều câu nói của người khác để nghiên cứu học hỏi các câu hay và chỉnh sửa các câu

chưa vừa ý. Bài tập cho bài này là chỉnh sửa một trăm câu mỗi người. Đó là yêu cầu của bài tập. Còn yêu cầu của tài năng và sự nghiệp thì mỗi người phải chỉnh sửa vài nghìn câu trở lên. Tự mình phải rèn luyện trong âm thầm để nâng cao khả năng sử dụng ngôn ngữ hay và chính xác.

HOÀNG PHÁP 13

DIỄN

ĐẠT Ý TƯỞNG

1. Rút ra một ý nhỏ

Trước khi đi vào trình bày một loạt những ý tưởng nối tiếp nhau, ta phải tập diễn đạt từng ý nhỏ sao cho thật chắc, thật rõ, thật hay cái đã. Nếu bất cứ ý nào ta cũng diễn đạt khéo léo như thế thì cộng lại cả bài giảng ta đã có được một bài giảng hay. Do đó, giảng sinh phải khôn ngoan thực tập diễn đạt từng ý tưởng nhỏ thật vững vàng trước khi tập trình bày cả một mạch nhiều

ý tưởng nối tiếp nhau.

Tuy nhiên điều trước mắt là ta phải biết rút ra một ý tưởng nhỏ để diễn đạt, chứ không bị làm lầy cả một ý lớn ra xử lý.

Người giảng sư giỏi là người biết chẻ một ý lớn ra làm nhiều ý nhỏ. Ai không biết chẻ nhỏ một ý lớn ra thành nhiều ý nhỏ thì chưa thể làm giảng sư. Chỉ cần nghe qua một giảng sư phân tích một đạo lý, ta có thể đánh giá giảng sư đó giảng giỏi hay không. Nếu giảng sư đó cứ để nguyên một ý lớn mà giải thích thì người đó chưa có con mắt trí tuệ sắc bén. Nếu người đó biết phân chia một đạo lý lớn thành nhiều ý nhỏ để giải thích thì đó đúng là một giảng sư có bản lĩnh, có trí tuệ.

Nếu ta để nguyên một đạo lý lớn mà trình bày thì chần chẫn ta chỉ nói chung chung, phơ phớt, mơ mơ màng màng, không căn kẽ, không gửi đạo lý đó vào nội tâm sâu thẳm của người nghe được. Chỉ khi nào ta chẻ rất nhỏ, giải thích rất căn kẽ, trình bày rất thú vị từng ý một thì người nghe sẽ tiếp thu trọn vẹn thích thú.

Ví dụ, ta nói rằng, muốn giải thoát thì đừng cố chấp. Ai cố chấp thì sẽ bị ràng buộc với thế gian, bị phiền não vây kín.

Nói như thế thì không sai, nhưng quá chung chung, và người nghe chẳng hiểu gì cả. Để người nghe hiểu từ cố chấp là gì, ta phải định nghĩa, cho ví dụ, kể chuyện, đối chiếu, so sánh khoảng vài giờ đồng hồ. Sau đó còn phải phân tích tại sao cố chấp thì bị ràng buộc, khoảng vài tiếng đồng hồ nữa. Đó là một đề tài rất lớn, không được nói đại khái sơ sơ.

Ví dụ nói rằng, Tiền bạc có thể mua được thuốc men nhưng không mua được sức khỏe. Nghe ý này rất hay, người trí thức thích liền, nhưng cả người trí thức và bình dân đều cần thêm những lời giải thích hấp dẫn. Cái bản lĩnh của ta là chẻ ý tưởng trong câu nói này ra nhiều ý nhỏ như thuốc men là một yếu tố dùng để chữa bệnh, phòng bệnh, bồi bổ; sức khỏe là sự lành mạnh dễ chịu của cả tâm hồn và thể xác. Sự lành mạnh của cả tâm hồn và thể xác là một tổng hòa của phước quá khứ,

của lối sống hiện tại, của sự rèn luyện đều đặn, của tài năng của những người chăm sóc sức khỏe v.v... Mỗi ý như thế đòi hỏi sự giải thích cặn kẽ, chi tiết và lý thú. Ngay cả ý tưởng phức tạp quá khứ lại là một ý rất lớn có thể được chia ra rất nhiều ý nhỏ nữa.

Ví dụ nói rằng, Càng chen chúc chật chội thì con người lại càng xa cách nhau hơn. Ta phải phân ý chen chúc

chật chội ra nhiều ý nhỏ và nhắm vào đời sống đô thị đông đúc. Còn ý xa cách thì phải hiểu ngay là sự xa cách về tình cảm, về tinh thần, về sự tương thân tương ái. Nhiều ý trong đó phải được phân ra rạch ròi và giải thích từng chút một.

Vì vậy, bài thực hành cho phần diễn ý này, trước tiên phải bắt đầu bằng cách chia nhỏ một đạo lý thành nhiều ý nhỏ, sau đó là tập diễn đạt ý đó bằng nhiều câu nói liên tiếp. Ta có công thức:

Ý CHÍNH = NHIỀU Ý NHỎ

MỖI Ý NHỎ = NHIỀU CÂU NÓI LIÊN TIẾP

Qua bài kế tiếp ta sẽ tập chuyên về việc phân tích một Ý chính thành những Ý nhỏ sao cho hợp lý, logic, và không bị lạc đề. Bây giờ ta tập trung vào việc diễn đạt một ý nhỏ bằng những câu nói sao cho hiệu quả nhất.

2. Diễn đạt một ý

Mỗi Ý có một nội dung khác nhau, mục đích khác nhau, vì vậy ta phải diễn đạt Ý đó sao cho lột hết nội dung, và gây được sự chuyển biến tâm lý cho người nghe theo đúng mục đích.

Ví dụ, Ý nói về số người đi chùa thật đông vào ngày đầu năm chỉ là một Ý tả cảnh. Ta chỉ cần diễn tả bằng năm hoặc mười câu nói để làm sinh động hình ảnh đó, giúp người nghe càng lúc càng hình dung ra được quang cảnh nhộn nhịp nô nức, thành tâm của mọi người. Ý này không có mục đích thôi thúc người nghe làm gì cả. Ta có thể diễn tả rằng Em bé vừa đứng vào thềm tam quan đưa mắt nhìn rừng người

ngơ ngác , thì lập tức đã bị nhiều người đẩy lọt hẳn vào trong sân chùa. Bà cụ kia vừa thấp hương xong muốn đi ra ngoài nhưng không cách nào đi ngược lại dòng người đang ùn ùn kéo vào. Cô gái vừa quệt mồ hôi trên mặt vừa mỉm cười hoan hỷ khi tìm được một chỗ để quỳ xuống khấn vái, v.v...

Ví dụ, Ý nói về việc chào hỏi nên kèm theo một nụ cười thích hợp. Ý này có mục đích hẳn hoi là thúc đẩy, khuyến khích việc sử dụng nụ cười rộng rãi hơn, vì vậy câu nói phải đầy sự kêu gọi. Vị thầy gật đầu đáp lại cái xá của Phật tử, đôi môi thầy bất động, ánh mắt thầy xa vắng, và người Phật tử ngay lập tức bị cảm giác e ngại vì cảm thấy mình không được quý trọng. Cũng thế, gặp lại người bạn cũ, ta hân hoan vui mừng, nhưng chỉ trông thấy gương mặt băng giá của bạn, ta hụt hẫng sững lại. Những lúc như thế, nụ cười sẽ là hạt mưa rơi xuống mặt đất cằn cỗi, là tiếng chim hót rộn rã lúc ban mai. Xin hãy ban phát cho nhau nhiều nụ cười ân cần

hơn, rộng rãi tặng nhau nhiều nụ cười tươi thắm hơn để đời... Đại khái là cách nói như thế có sự thôi thúc, bởi vì những từ xin hãy tạo nên sự khuyến khích hành động.

Hình tượng hóa những ý tưởng cụ thể là một phương pháp luôn luôn hiệu quả. Cả người trí thức cũng thấy thú vị và người bình dân thì cảm thấy dễ hiểu. Nhiều đạo lý rất trừu tượng, cần phải được triển khai rõ ràng. Nếu giảng sự cứ để nguyên sự trừu tượng như thế thì chỉ một số rất ít mới hiểu được, và dù có hiểu được, họ vẫn cảm thấy mệt trí vì ẩn sâu bên trong, não bộ họ phải hoạt động căng lên để nhận hiểu vấn đề. Sau một bài giảng trừu tượng, người hiểu được thì mệt, người không hiểu thì chán.

Ví dụ, ta muốn nói về Ý những ai hay ganh ghét thì tâm hồn bất an. Những từ ngữ ganh ghét, bất an đều là trừu tượng. Nếu ta lại sử dụng tiếp những từ trừu tượng như sự ganh ghét là dấu hiệu của một nội

tâm hẹp hòi, ích kỷ. Ai sống với sự hẹp hòi ích kỷ thì chỉ chuốc lấy ưu phiền, buồn bực. Câu nói này cũng chỉ trừu tượng, không có những hình tượng minh họa cụ thể giúp đưa ý tưởng vào tâm người nghe tự nhiên. Ta nên nói như sau Hấn bực bội nhìn mấy người đang vui vẻ với nhau, cảm thấy rất khó chịu. Có gì mà mấy kẻ đó cười vui được nhỉ. Hấn thấy người này thì kệt cớm, kẻ kia thì cặn cọt, đứa nọ thì ngu ngu. Bỏ mấy người đó, hấn nhìn những người buôn bán bên đường đang mặc cả với khách và gương mặt gian dối làm sao. Suốt cả ngày hấn cứ nhìn ai cũng thấy điểm xấu và rất khó chịu. Đêm về thì giấc ngủ trần trọc vì cứ khó chịu thiên hạ. Dòng sông tâm hồn của hấn cứ dậy sóng chập chùng, những đợt sóng của chỉ trích ganh ghét tị hiềm...

Ví dụ, để nói về Ý khi ta biết thương yêu mọi người thì tinh thần ta mạnh mẽ hẳn lên, ta có thể sử dụng hình tượng như sau: Nếu không cho đời những bóng mát, cây đó sẽ èo uột yếu đuối; nếu không cho

người những niềm vui, đời ta sẽ bơ vơ lạc lõng. Vì thế, khi ta biết dâng tặng đời những bóng mát yêu thương, tự nhiên chính ta xuất hiện sức sống mãnh liệt diệu kỳ.

Khéo sử dụng hình tượng để diễn đạt những ý tưởng trừu tượng là một nghệ thuật căn bản của việc diễn thuyết. Các giảng sinh phải thực tập rất nhiều về việc dùng hình tượng để làm sáng rõ các ý trừu tượng.

So sánh điều khó hiểu với điều dễ hiểu là một phương pháp dễ đem lại hiệu quả. Có những đạo lý mới mẻ và trừu tượng, rất khó được giải thích cho người nghe, nhưng chỉ cần được so sánh với một điều gì mà ai cũng biết thì tự nhiên trở nên dễ hiểu lập tức.

Ví dụ, ta nói về Ý người có tâm khiêm hạ thì ai cũng yêu mến thì Lão tử đã dùng sự so sánh như sau: Tại sao trăm sông đều đổ về biển? Chỉ bởi vì biển thì thấp hơn trăm sông nên trăm sông phải đổ về biển.

Chẳng cần lý luận dài dòng, thả một ví dụ đó xuống rồi thì tự nhiên ai cũng chấp nhận thoải mái.

Ví dụ, khi nói về Ý trẻ em nói riêng, loài người nói chung, cần phải có vận động để cơ thể phát triển, ta có thể so sánh với cây như sau: Nếu không có gió làm cây lay động ngã nghiêng thì cây không phát triển tốt, cũng vậy, nếu không có sự hoạt động phấn đấu thì trẻ cũng không phát triển. Vì vậy, hãy cho trẻ vui đùa để chạy nhảy tung tăng, hãy cho trẻ khó khăn để trẻ nỗ lực vượt qua. Rồi ta sẽ thấy trẻ lớn lên từng ngày tốt đẹp.

Hoặc ví dụ khác, một nhà văn đã nói về tình cảm con người được thử thách trong khi xa cách như sau: Sự xa cách trong tình yêu cũng giống như cơn gió thổi qua ngọn lửa. Gió làm tắt lịm những ngọn lửa nhỏ và làm bùng cháy những ngọn lửa lớn; cũng vậy, sự xa cách làm chết lịm những tình yêu nhỏ bé, và làm bền vững nồng nàn hơn những tình yêu lớn lao. Dĩ nhiên giảng sư Phật Pháp thì không nói về

tình yêu nam nữ như thế, nhưng cách ví dụ đó thật là đẹp đẽ.

Dùng liên tiếp những câu song song (tương đương) để tạo nên hiệu quả mạnh. Câu song song là những câu có cấu trúc giống nhau, dẫn dắt ý tưởng giống nhau để mở ra cho ý chính xuất hiện.

Ví dụ ta nói Trong đêm dài sinh tử, ta cất bước lạc loài bơ vơ, ta nhắm mắt mịt mờ ngu ngơ, ta khóc lóc muộn phiền xác xơ... Bây giờ gặp Phật Pháp, ta tìm thấy con đường với ánh sáng le lói xa xa cho ta niềm hy vọng hân hoan. Từ nay ta bước đi trên con đường mới, ta tắm mát trên dòng sông khác, ta hít thở một bầu không khí diệu kỳ...

Hoặc một ví dụ khác, ta nói về niềm tin Nhân quả như sau: Ngày nào đó ta sẽ từ bỏ cõi đời, nhưng niềm tin với luật Nhân quả sẽ theo ta không bao giờ rời xa; ngày nào đó sông sẽ đổi dòng, nhưng niềm tin vào luật Nhân quả sẽ không bao giờ dịch chuyển; ngày nào đó núi có thể sụp đổ,

nhưng niềm tin của ta đối với luật Nhân quả là không bao giờ vơi cạn...

Hoặc ta nói về đạo lý Vô ngã Với phàm phu tầm thường thì Bản ngã thật là thô thiển, hấn rất dễ manh động hoặc buồn rầu; với những nhà tư tưởng thì Bản ngã thật là được khéo tô điểm, họ rất dễ kiêu kỳ và khát vọng; với những nhà đạo học cao siêu thì Bản ngã thật là tinh vi kín đáo, họ rất dễ tự thân thánh hóa chính mình một cách huyền hoặc... Chỉ có đức Phật mới thật sự là người vượt qua mọi hình thức Bản ngã để chứng đạt và vạch ra con đường Vô ngã siêu thoát vô cùng...

Nêu ra sự tương phản để người nghe thấy rõ sự đúng sai một cách dứt khoát. Ví dụ ta muốn nói lên lỗi giáo dục và luật lệ vô lý của Âu Mỹ khi bênh vực trẻ em một cách quá đáng, ta sẽ lập luận theo lối tương phản như sau: Dựa trên một vài trường hợp cá biệt về chuyện cha mẹ ngược đãi con cái, các nhà làm luật của Tây phương đã đặt ra những luật lệ bảo vệ trẻ em một

cách quá đáng khiến cho cha mẹ không thể dạy dỗ trẻ được nữa. Bây giờ trẻ muốn làm gì thì làm, cha mẹ phản đối mạnh là cảnh sát tới nhà. Trẻ được thầy cô dạy cách phản đối cha mẹ như thế nào. Đây là thời đại mà cha mẹ phải sợ và chịu đựng con cái chứ con cái không còn kính sợ cha mẹ nữa. Ta hãy đặt vấn đề, giữa thế gian này, số cha mẹ ngược đãi con cái và số cha mẹ thương yêu con cái, ai nhiều ai ít. Ta hãy đặt vấn đề, giữa cuộc đời này, cha mẹ khôn ngoan hơn con hay là con khôn ngoan hơn cha mẹ. Ta hãy đặt vấn đề, trong việc dạy dỗ, sự chịu đựng sẽ tốt hơn hay là sự nghiêm khắc là tốt hơn (những thành phần ưu tú của quân đội đều được dạy từ sự nghiêm khắc). Ta hãy đặt vấn đề, con cái thương yêu cha mẹ nhiều hơn hay cha mẹ thương yêu con cái nhiều hơn (cha mẹ nuôi con biển hồ lai láng, con nuôi cha mẹ tính tháng tính ngày).

Nếu những vấn đề trên được trả lời một cách khách quan thì ta sẽ thấy văn hóa

Đông phương là ưu việt khi dành cho cha mẹ quyền chăm sóc dạy dỗ con cái tối đa. Tây phương đang dẫn thế giới đi vào chỗ sai lầm bởi những suy nghĩ thiên cận và nông nổi như thế.

Hoặc ta nói về vấn đề tại sao thời Lý Trần đất nước ta hùng mạnh trên nền tảng của Phật giáo. Ta sẽ nêu những điểm tương phản để người nghe chọn lựa như sau: Khi mà nhiều người cứ buộc phải đòi dân chủ thì chúng ta lại nhớ đến thời đại huy hoàng của Đại Việt trong 2 triều đại Lý Trần. Vào thời đó, vì thấm nhuần Phật Pháp nên vua quan đều là những người đạo đức thương dân. Và chỉ cần như thế để xây dựng một đất nước cường thịnh. Ngày nay nhìn khắp nơi trên thế giới, nhiều nước xưng là dân chủ mà người dân cơ cực khổ sở, chỉ bởi vì họ không có được tầng lớp lãnh đạo đạo đức thương dân. Tham nhũng bóc lột lợi dụng tràn lan. Người dân nghèo không khác gì những nô lệ thời xưa. Chúng ta phải hiểu rằng chính đạo đức tạo nên một thể chế chính trị tốt

đẹp chứ không phải quân chủ hay dân chủ. Dù cho sau này nhân loại có phát minh ra những loại “chủ” nào nữa thì yếu tố đạo đức của người lãnh đạo vẫn là yếu tố quyết định. Ngày nào thế giới còn cần có tầng lớp lãnh đạo thì yếu tố đạo đức của giới lãnh đạo là tiêu chí chính làm nên sự tốt đẹp cho chế độ đó. Trong lời nói này, hai vấn đề dân chủ và quân chủ là 2 vấn đề tương phản. Nhưng câu trả lời lại là đạo đức.

Nói thêm nữa nếu ta nhận thấy người nghe chưa nắm được điều ta muốn truyền đạt. Ta dự định nói 3 câu là người nghe sẽ lĩnh hội, nhưng khi diễn đạt, ta phát hiện qua 3 câu rồi mà số người nhận hiểu vấn đề chưa bao nhiêu, thế là ta phải nhanh nhay nói thêm mấy câu nữa cho kịp thời. Ví dụ, ta muốn nói về Sự cảnh giác khi nghe lời phê bình chỉ trích của người này đối với người khác, ta dự định nói rằng Khi có người này chê người kia, ta nên bình tĩnh lắng nghe với thái độ hết sức khách

quan. Ta phải biết sự chê bai bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân, hoặc là người kia thật sự có khuyết điểm, hoặc là người kia bị hiểu lầm, hoặc là người nói có tâm thành muốn nhờ ta khuyên nhủ, hoặc là người nói muốn mưu hại, hoặc là người nói chẳng ác ý gì chỉ bị bệnh nói chuyện động trời cho ra vẻ quan trọng mà thôi... Ta nói như thế rồi mà nhìn thấy nét mặt của hầu hết nhiều người vẫn có vẻ chưa vỡ ra điều gì, cứ trơ trơ không nhúc nhích thì ta biết ngay là phải nói thêm cái gì đấy, chẳng hạn như: Người nói với ý chê bai tất phải bộc lộ sự nhỏ nhen tị hiềm; người nói với tâm thành muốn nhờ ta khuyên nhủ tất phải bộc lộ sự thương yêu lo lắng; người muốn lấy câu chuyện giật gân làm quà cho vui tất phải bộc lộ vẻ hời hợt vô trách nhiệm... Nếu mọi người nghe lại tiếp tục ngờ ngác chưa hiểu thì ta lại phải nói thêm cái gì đấy nữa cho tới khi họ gật gù tán đồng mới thôi, đừng khờ dại hỏi “hiểu chưa, hiểu chưa?” nghe rất mất lòng.

Ví dụ khác, ta nói rằng. Sự khó khăn trên bước đường tu hành là điều vừa không thể tránh khỏi, vừa rất cần thiết quý báu. Không thể tránh khỏi vì ai cũng mang theo một kho ác nghiệp từ quá khứ để trả dần cho vui; rất cần thiết vì sự khó khăn buộc ta phải khẳng định lập trường tu hành của mình. Nói vậy thì chỉ có triết gia với nhau mới hiểu nổi, người thường đành chịu thua và nhìn giằng sự lạ lùng như người hành tinh nào vừa xuất hiện. Ta nhìn thấy thái độ ít thân thiện đó và phải lập tức cứu cấp liền, nói tiếp Từ xưa khi chưa biết tu, ta đã phạm nhiều sai lầm, nghĩa là đã gieo nhiều nhân xấu như giết hại đánh đập chúng sinh, lừa dối người thân, phỉ báng kẻ đáng kính... Bây giờ, mặc dù đã phát tâm tu hành, nhưng nghiệp xưa vay trả công bằng, ta phải chịu những cảnh oan ức, ngược đãi, dối gạt, chê bai. Nhưng không ngờ, chính những nghịch cảnh đó kích động trong lòng ta một ý chí mạnh mẽ chịu đựng, kiên trì, nhẫn nại. Chính ý chí

đó mới là vốn quý không gì so sánh được. Nếu mà người nghe chưa thay đổi nét mặt thì ta liệu mà tìm đường trình diễn tiếp.

Biết chuyển qua ý khác kịp thời khi ta nhận thấy rằng Ý vừa rồi đã được mọi người nhận hiểu tốt. Đừng khờ dại nói tiếp khi người ta đã hiểu. Không gì chán bằng cảnh phải nghe hoài điều mà mình đã hiểu rõ. Thật sự có giảng sư đã phạm sai lầm khi nói thêm mãi, lập lại mãi điều mà người ta đã hiểu kỹ.

Thật ra có những đạo lý quan trọng cần phải được lập đi lập lại trong suốt cuộc đời làm giảng sư, nhưng điều quan trọng là mỗi lần lập lại phải như là mới. Ta phải có cách lập lại Ý cũ nhưng nghe vẫn mới mẻ hấp dẫn. Đây là yếu chỉ cực kỳ quan trọng của giảng sư Phật học. Ví dụ đạo lý về Nhân quả thì ta nói cả đời cũng không hết, nhưng phải làm sao mỗi lần nói lại là một lần mới lạ không ngờ. Hoặc đạo lý về lòng từ bi thì phải nhắc đi nhắc lại mãi cho người nghe thấm nhuần trong thâm sâu

tim óc, nhưng phải nhắc lại sao cho bắt
ngờ độc đáo.

Ta trở lại vấn đề phải biết chuyển qua Ý
khác khi Ý vừa rồi đã được nhận hiểu tốt.
Nói mà mọi người chưa hiểu đã chuyển
qua Ý khác thì ta không có phước vì có ai
được lợi ích gì đâu. Nhưng nói cho đến
khi mọi người chán ngấy thì cũng hết cả
phước.

Thực hành cho bài học này là điều rất thú
vị. Tăng Ni sinh phải theo những Ý dưới
đây để diễn đạt cho rõ ràng hấp dẫn từng
Ý một, độc lập với nhau. Nên xưng Pháp
hiệu rồi nói từng Ý thu âm vào máy. Mỗi Ý
có khoảng dừng để phân biệt. Vì nói với
khán giả tưởng tượng nên miễn làm sao
cho hay và đừng dài quá. Mỗi Ý chừng 2
phút là đạt. Ai chưa sắm máy kịp thì phải
viết trên giấy làm bài, nhưng như vậy là bị
bớt điểm do không thực hành nói.

Đề bài: Diễn đạt những Ý dưới đây mạch
lạc và hấp dẫn:

- 1- Người khiêm tốn có giọng nói dễ thương.
- 2- Đừng nghĩ người hiền lành là khờ khạo.
- 3- Có khi tu không tiến mà vẫn kiên cường không nản.
- 4- Chùa có ca hát và học tập sẽ thu hút được giới trẻ.
- 5- Nói vừa đủ cũng là dấu hiệu của trí tuệ.
- 6- Ngồi thiền mà chưa đau chân thì thiếu thiếu cái gì đó.
- 7- Người biết thương yêu mới được quyền phê bình.

Nếu ta thấy Ý nào lớn thì chia nhỏ ra và chỉ diễn đạt một Ý nhỏ mà thôi.

HOÀNG PHÁP 14

Ý CHÍNH

VÀ Ý PHỤ

1. Khái niệm về Ý chính và Ý phụ

Nếu ta cho rằng Chủ đề giống như một thân thể hoàn chỉnh thì những Ý chính giống như Tứ chi, và những Ý phụ sẽ giống như các ngón tay ngón chân. Bài học hôm nay ta chưa nói về việc chọn chủ đề, chỉ nói về cách phân tích một Ý chính ra các Ý phụ. Còn việc diễn đạt mỗi Ý phụ đó thì ta đã học ở bài trước rồi.

Cái giỏi của một giảng sư là khả năng phân một Ý chính ra một số Ý phụ. Phân ra sao cho vừa đủ với chủ đề, không ít quá, không nhiều quá. Phân ra quá nhiều Ý phụ thì gây nhàm chán và nặng nề; phân ra ít quá thì bài giảng thiếu sót. Ta phân Ý sao cho các Ý cân đối với nhau giống như một cơ thể cân đối đẹp đẽ. Nếu có một Ý nào trải ra nhiều quá thì giống như một con người có một cánh tay khổng lồ, không tương xứng với các phần còn lại.

Ví dụ, ta muốn nói về Ý Tàn phá sự sống của cây tức là tàn phá sự sống của con người. Ta sắp xếp cho Ý chính này có 5 Ý phụ thôi, không nhiều hơn nữa, như sau:

- Theo luật Nhân quả, triệt phá sự sống của sinh vật khác sẽ mắc quả báo là chính sự sống của mình bị tổn hại.
 - Theo khoa học, hết cây rừng, các nguồn nước sẽ
tắt dần khiến cho việc trồng trọt không còn thuận lợi, thậm chí bế tắc.
 - Hết rừng cây, không khí trở nên ô nhiễm và
không còn thích hợp cho việc hô hấp của con người, khiến con người sức khỏe kém dần.
 - Hết rừng cây, Trái đất không còn đa dạng sinh học để các loài nương tựa nhau tồn tại, cấu trúc đa dạng sinh học bị phá vỡ thì những loài còn lại rất bấp bênh.
 - Đặc biệt, hết rừng cây, tâm hồn con người sẽ trở
nên căn cỗi, khô khan, thậm chí thô bạo, và kém thông minh dần dần.
- Đúng ra, mỗi Ý phụ này có thể được triển khai ra nhiều Ý nhỏ hơn nữa, nhưng ta

phải biết kèm chế, chỉ diễn đạt mỗi Ý như thế bằng một đoạn văn ứng khẩu trong ba hoặc bốn phút mà thôi.

Hoặc một ví dụ khác, ta muốn nói về Ý Hãy xem một người hiểu về tiền bạc như thế nào, ta sẽ đánh giá người đó thuộc hạng nào. Ta cho Ý này 4 Ý phụ như sau:

- Có người xem tiền bạc là chìa khóa của sự sống,

- vì không tiền thì không có gì cả, không ăn uống mặc ở.

- Có người xem tiền bạc là phương tiện để hưởng

- thụ những thú vui của đời. Nếu dư dả một chút thì nên dùng tiền để vui chơi cho thoải mái.

- Có người xem tiền là trách nhiệm. Càng có tiền

- càng phải cẩn thận sử dụng sao cho hợp lý nhất, lợi ích nhất, và đạo đức nhất.

- Trong 3 hạng người trên, ta thấy rõ ràng hạng

- người cuối cùng là lý tưởng nhất, không tầm thường quá, không sa đoạ, và rất cao

cả.

Mỗi Ý như vậy chỉ nên được trình bày trong ba hoặc bốn phút mà thôi.

Thật ra ta sẽ thấy rằng khái niệm về Ý chính và Ý phụ không hề cố định chút nào. Ví dụ ta lấy toàn bộ cơ thể con người là Chủ đề, tứ chi là các Ý chính, và các ngón tay ngón chân là các Ý phụ. Nhưng bây giờ, ta lật ngược lại, lấy ngón tay làm Chủ đề, vẫn được như thường. Lúc đó, ta sẽ phân chủ đề Ngón tay có 5 Ý chính như sau:

- thứ nhất, ngón tay là định nghĩa chính của bàn tay. Không có ngón tay thì chẳng có gì là bàn tay khéo léo nữa.
- Thứ hai, ngón tay có khả năng xò ra hoặc nắm lại rất cơ động.
- Thứ ba, ngón tay dài ngắn khác nhau để phối hợp với nhau, vì dài bằng nhau cả thì lại khó hợp tác.

- Thứ tư, ngón tay con người có sự khéo léo vượt xa loài vật.
- Thứ năm, một ngón tay vẫn ẩn chứa trong đó đầy đủ thông tin của cả cơ thể.

Trong 5 Ý chính này, ta có thể rút ra một Ý nào đó để phân ra các Ý phụ tiếp tục. Ví dụ ta lấy Ý thứ 3, các ngón dài ngắn, để phân ra các Ý phụ như sau:

- Mỗi khi xòe ra, các ngón dài ngắn khác nhau, nhưng khi cần nắm lại, các ngón lại vừa bằng nhau.
- Khi xòe bàn tay, các ngón dài ngắn tạo thành một hình thù của nguyên bàn tay rất đẹp.
- Ngón cái lùn và mập nhất lại chia phân nửa bàn tay với các ngón còn lại để thành động tác cầm nắm rất đặc biệt nơi loài người.
- Cũng giống như xã hội có vô số sự khác biệt

giữa người và người, nhưng nếu biết phối hợp với nhau, thế giới này thật là đẹp đẽ. Riêng Ý cuối này lại là Ý rất đẹp để khai triển.

Do đó, ta vẽ nên khung sườn hình thù của một bài giảng với một chủ đề và những Ý, nhưng phải biết kèm chế kéo ta lại vô tình lấy một Ý phụ ra làm một Chủ đề lớn để gắn vào đó thì sẽ bị lạc đề.

Đoạn này cho ta một khái niệm về các Ý, chính và phụ, nhưng thật ra cái nào cũng có thể làm chính và cái nào cũng có thể làm phụ. Sắp xếp Ý chính và phụ là sự tinh tế thông minh riêng của mỗi giảng sư mà thôi. Ở bài này, ý A là chính, ý B là phụ, nhưng có khi ở bài khác, ý B là chính và ý A là phụ. Quan trọng là ta biết sắp xếp Ý để tạo nên sự logic hợp lý nhất cho Chủ đề đó.

2. Thực hành phân chia Ý phụ khi đã có Ý chính

Ta cần nắm rõ lại điều này, từ một Chủ đề, ta có thể phân chia ra nhiều Ý chính (bài

học kế tiếp). Từ mỗi Ý chính, ta lại phân ra nhiều Ý phụ. Từ mỗi Ý phụ, ta ứng khẩu diễn đạt thành từng câu nói để trình bày trước mọi người. Khi học, ta lại học theo quá trình ngược lại, học diễn đạt Ý phụ trước; kế tiếp là học tìm ra những Ý phụ cho một Ý chính; tiếp theo ta sẽ học tìm ra những Ý chính cho một Chủ đề. Sau đó, ta sẽ học cách tìm ra các Chủ đề để thuyết giảng suốt cả đời của mình. Tại sao ta không học cách tìm ra Chủ đề trước rồi học xuống dần cho đến khi diễn đạt Ý tưởng nhỏ bằng ứng khẩu?

Thật ra, khi ta soạn dàn bài, ta phải soạn từ Chủ đề, rồi phân ra các Ý chính, rồi phân mỗi Ý chính ra các Ý phụ. Khi giảng, ta để dàn bài đó trước mặt để thỉnh thoảng nhìn qua các Ý phụ rồi ngẩng lên ứng khẩu nói thao thao. Tuy nhiên, khi học, cái căn bản nhất phải được học trước, đó là khả năng diễn đạt từng ý tưởng nhỏ, ở bài số 13 trước đây. Khi nắm được căn bản diễn đạt ý tưởng nhỏ, ta sẽ hiểu cách tìm ra các Ý lớn hơn. Giống như khi đã thành

họa sĩ, người ta sẽ vẽ phác nét chính của toàn bộ cơ thể rồi mới đi vào chi tiết dần dần. Nhưng khi còn là họa sinh, người ta phải tập vẽ từng mồn từng ngón tay ngón chân trước cho thật khéo cái đã.

Ta sẽ thấy, khi học diễn đạt từng ý nhỏ, ta chưa gây ảnh hưởng nhiều nên có thời gian để tiếp tục nghiên cứu, tu hành, và học hỏi. Khi đã bắt đầu chọn Chủ đề để thuyết giảng, ta bắt đầu gây ảnh hưởng lên tâm hồn của người khác. Trách nhiệm lúc đó thật nặng nề, và dĩ nhiên, tội phước cũng rất ghê gớm.

Những Ý tưởng mà ta chọn lựa để trình bày sẽ là những viên gạch xây dựng Phật Pháp, xây dựng cuộc đời, hay sẽ là những nhát búa đập phá những điều tốt đẹp mà biết bao thế hệ qua đã vun trồng gìn giữ. Vì thế, ta không được quyền cầu thả khi chọn Ý. Mỗi Ý ta chọn lựa chính là trí tuệ của ta, là công phu tu hành của ta, là nhân cách đạo đức của ta.

Ta phải chọn từng Ý sao cho ta mãi mãi là đệ tử trung thành của Phật. Không được ỷ

thông minh rồi chế tạo nhiều điều kỳ lạ làm chệch đi Giáo pháp của Phật.

Ta phải chọn từng Ý sao cho ta sẽ góp vào thế giới này những điều tốt đẹp, đạo đức, thánh thiện. Không được ỷ thông minh rồi dựng nên những điều sai lạc để thổi vào cuộc đời.

Khi ta giảng thì chẳng ai kiểm soát và đánh giá. Nhà nước hay Giáo hội cũng chẳng hạch hỏi hay kiểm tra. Chỉ khi ta giảng xong thì mới có chuyện để nói. Ai có đánh giá thì cũng là con người giống như ta, có thể đánh giá đúng và cũng có thể đánh giá sai. Nhưng ở trên cao thăm thăm kia, chư Phật Bồ Tát biết ta sai đúng từng đường tơ kẻ tóc như thế nào. Nhân quả cũng sẽ chờ ta rạch ròi ở mai sau ra sao.

Ban đầu ta sẽ ngạc nhiên vì sao có người nghĩ ra đủ thứ Ý phụ từ một Ý chính như thế. Đây chính là bản lĩnh của giảng sư. Đây chính là chỗ hơn kém của mỗi giảng sư. Người có trí tuệ hơn thì dĩ nhiên sẽ nhìn thấy nhiều Ý hay từ một Ý chính.

Người kém trí tuệ thì sẽ không khám phá các Ý tưởng độc đáo giấu trong đó. Tuy nhiên, nếu biết, ta cũng sẽ tìm thấy nhiều Ý hay không kém.

Thứ nhất, ta phải siêng tập luyện tìm Ý mỗi khi có được một Ý chính khởi lên. Ta cứ miệt mài phân một Ý ra thành nhiều Ý nhỏ, hết Ý này đến Ý khác, ghi chép vào vở để dành. Tập luyện mãi thì ta cũng bắt đầu có sự nhạy bén và sâu sắc, và cũng có những sáng tạo không ngờ.

Thứ hai, sau này, mỗi khi nhận lời thuyết giảng, ta hãy chân thành lễ Phật cầu nguyện Tam Bảo gia hộ cho ta luôn tìm thấy những Ý hay, đúng với Phật Pháp để nói với mọi người. Chắc chắn Phật sẽ gia hộ cho ta điều đó, khiến ta sẽ soạn ra được nhiều Ý hay. Cũng nhờ tâm chân thành cầu nguyện mà sau này, dù có thành công, ta cũng không kiêu mạn. Thứ ba, khi đã tìm ra một số Ý rồi, ta không được cho là đủ, mà phải tự nhủ rằng chắc chắn còn Ý nào đó mà ta có thể đã bỏ sót khiến cho bài giảng không sâu

sắc. Những Ý mà ta chưa nhìn ra mới chính là những Ý đặc biệt. Vì vậy, ta kiên nhẫn tập trung tinh thần quan sát vào mọi góc cạnh của cuộc sống, của tâm hồn, của đạo lý để khám phá tiếp.

Lúc đi tìm Ý tưởng chính là lúc ta hướng tâm nhìn về mọi góc cạnh của cuộc sống. Tuy ngồi một chỗ bên chiếc bàn đơn sơ, nhưng tâm ta phải nhìn thấy cả thế giới, phải biết cả thế giới, phải nhận được từ trong vũ trụ mờ ảo này những quy luật mà chưa ai nhìn thấy. Dĩ nhiên ta phải dựa vào thật chắc những lời Phật dạy, và nhờ đó ta có thể hiểu rõ hơn thế giới này, nhân loại này, xã hội này, cuộc sống này...

Ví dụ, ta đi tìm Ý cho vấn đề tại sao trẻ hơi lớn một chút là tỏ ra bướng bỉnh. Ta để ý đến khía cạnh tâm sinh của trẻ đang biến chuyển có thể là một yếu tố; ta cũng cho rằng chính những đứa bạn xấu đã dạy cho nhau cách phản kháng cha mẹ; ta cũng xác nhận có sự hình thành nhân cách trẻ từ khi chúng chưa ra đời như là một loại Nghiệp từ xưa; ta cũng trách những đất

nước tự cho là văn minh nhưng cha mẹ không cư xử với con thích hợp đến nỗi luật pháp phải quy định việc bảo vệ trẻ và giao cho nhà trường dạy trẻ cách nói “không” với cha mẹ. Ở phương Đông, cha mẹ thường là mẫu mực mà con cái phải noi theo, và do vậy, con cái phải vâng lời cha mẹ là tốt đẹp nhất.

Trong việc phân tích trên, ta đã trải vấn đề ra từ Y học, xã hội học, Nghiệp báo học, Luật học, Triết học. Nhưng coi chừng vẫn còn thiếu cái gì đó. Ta có thể đặt bút xuống, đi dạo một vòng và biết đâu tìm ra một Ý khác, rất lạ, và rất hay. Ví dụ đó là Ý cho rằng sở dĩ trẻ bướng bỉnh là do nhiều lần cha mẹ bỏ qua khi trẻ làm lơ không thực hiện điều cha mẹ sai bảo. Hoặc mỗi khi phạm lỗi, bị cha mẹ gặng hỏi, trẻ chối biến liền được tha. Từ đó, trẻ hình thành một quy tắc sống, là phải nói dối để tồn tại. Đây là quy luật của Tâm lý học.

Việc phân tích các Ý như thế phải xuất phát từ việc ta đã từng biết quan sát cuộc sống chung quanh rất kỹ. Mọi sự kiện diễn

ra trên đời đều được ta nhận định, tìm hiểu, rút ra quy luật, ứng dụng vào cuộc sống những bài học bổ ích...

Ví dụ, khi muốn nói về vấn đề trẻ đến với chùa hay

chùa đến với trẻ, ta sẽ hướng tâm quan sát những lý do khiến trẻ thích đi chùa hay những lý do khiến trẻ thờ ơ với chùa. Ngồi lặng lẽ trong phòng, nhưng tâm ta bây giờ kết nối các sự kiện, nhận định các tình huống, thậm chí dùng trực giác đi vào tâm hồn của trẻ để hiểu nhiều điều sâu xa hơn.

Ta sẽ thấy rằng, thật sự cũng đã có những đứa trẻ thích đi chùa một cách tự nhiên hăng hái dù chung quanh chẳng có ai giống như vậy. Điều này chỉ có thể được lý giải bằng Nhân duyên kiếp xưa.

Rồi ta cũng thấy rằng có những đứa trẻ chỉ đi chùa khi nào được ai rủ đi, và chùa phải có gì vui tươi hấp dẫn. Điều này đòi hỏi cách sinh hoạt giáo hóa của chùa phải được cải cách năng động hơn thiết thực hơn, bổ ích cho trẻ hơn. Tiếc là muốn có

sự cải cách sâu rộng như vậy thì các tu sĩ phải giỏi và biết tìm tòi học hỏi, không cố chấp lễ lối cũ.

Ta cũng nhận ra rằng một thời gian dài ta đã yên lặng thụ động chờ cư sĩ đến chùa mà chẳng chịu làm một cái gì đó để mời gọi họ. Ta phải có những sáng kiến gì đó tạo ra sự kết nối giữa chùa và cư sĩ, đem lại lợi ích cho gia đình cư sĩ...

Nói chung những Ý tưởng đó rất là táo bạo, nhưng cũng rất là xác đáng.

Qua những ví dụ trên, ta thấy rằng khi phân tích Ý của một vấn đề, ta sẽ làm theo những phương pháp sau đây:

- Thứ nhất, liệt kê. Ta sẽ liệt kê từ từ những mục

liên quan, và ráng liệt kê đầy đủ. Ví dụ như khi nói về vấn đề lòng biết ơn, ta sẽ liệt kê ra có bao nhiêu loại ơn nghĩa như ơn cha mẹ, ơn thầy cô, ơn quốc gia, ơn người tốt, ơn ... nhiều lắm. Mỗi thứ như vậy phải được định nghĩa cũng khá dài.

- Thứ hai, phản biện. Ta sẽ thử hình dung ra có

những người không thích nhớ ơn thì họ sẽ lý luận như thế nào để ta đưa ra lý luận chặn đứng trước. Ví dụ họ sẽ nói rằng sống trên đời giúp qua giúp lại là chuyện bình thường, hơi đâu nhớ ơn cho mệt óc. Bây giờ họ giúp mình, mai mốt mình lại giúp người khác. Đời là thế. Thoạt nghe họ nói rất giống như đạo lý “thi ân bất cầu báo”, nhưng không phải, đó là cách nguy hiểm của kẻ vô ơn. Vì vậy, ta phải nêu ra điều đó và trả lời trước luôn.

- Thứ ba, những trường hợp khác. Có những trường hợp mà người ta mang ơn lại là người xấu ác. Ta không thể vì chịu ơn mà phụ giúp họ trong những công việc xấu. Ta phải khẳng định càng chịu ơn ta càng phải ráng độ cho ân nhân quay về nẻo tốt.

Một ví dụ khác, ta nói về vấn đề Đạo pháp và Dân tộc. Theo đúng trình tự trên, ta có những bước như sau:

- Thứ nhất, liệt kê. Giữa Đạo pháp và Dân tộc có

những mối tương quan như sau: Đất nước là môi trường mà Đạo pháp tồn tại trong đó. Đạo pháp là cội nguồn văn hóa của Đất nước; - Người tu sĩ hay tín đồ đều là công dân của quốc gia và phải có bổn phận với quốc gia;- Nếu có tôn giáo cực đoan nào xâm phạm thì Nhà nước có bổn phận bảo vệ Đạo pháp;- Giặc muốn đánh phá Dân tộc thì phải đánh phá Đạo pháp trước...

- Thứ hai, phản biện. Sẽ có những kẻ cho rằng Đạo pháp không bị ràng buộc với Dân tộc bởi vì Đạo pháp là cao siêu hơn mọi chuyện thế gian này. Đó là lý luận không thực tế, ảo tưởng, kiêu ngạo, và rất dễ bị kẻ xấu bên ngoài tác động để mượn tay kẻ đó phá hoại đất nước.

- Thứ ba, những trường hợp khác. Trong trường hợp Chính quyền đó ủng hộ một tôn giáo ngoại lai, giống như thời miền Nam của 2 tổng thống Diệm và Thiệu, thì đúng là có sự khập khiễng giữa Chính quyền và Đạo pháp, nhưng vì thế, ta càng phải cố gắng để xây dựng Đạo pháp vững

mạnh trong lòng Dân tộc hơn.

Một ví dụ khác, ta nói về vấn đề Không sát sinh. Ta sẽ đi tìm Ý tưởng theo hướng dẫn như trên:

- Thứ nhất, liệt kê. Không sát sinh gồm có không

giết người, không giết thú vật lớn, không giết thú vật nhỏ như gà vịt tôm cá, không giết sâu bọ muỗi mòng, không chặt cây đốn gỗ, không ngược đãi chúng sinh, không dùng thức ăn động vật...

- Thứ hai, phản biện. Có kẻ cho rằng sống trên đời

mạnh được yếu thua, loài người mạnh nhất nên phải được quyền sử dụng các loài vật khác làm thức ăn. Nếu như vậy thì ta đừng than phiền khi cạp sấu ăn thịt người. Và cũng đừng than phiền khi có bạo chúa cai trị loài người.

- Thứ ba, những trường hợp khác. Nhưng khi con

cạp ăn thịt con thỏ, con muỗi hút máu gây bệnh con người, ta phải bênh con nào bỏ

con nào? Để giải quyết bế tắc này, ta phải thoát ra khỏi tư tưởng không sát sinh hẹp hòi, phải lấy việc bảo vệ môi trường sống là tối ưu tiên. Các giống loài cạnh tranh nhau để tồn tại theo nghiệp của chúng. Ta giúp ngăn bớt sự giết hại oan trái giữa chúng sinh với nhau là rất cần thiết, và trong đó, ta ưu tiên bảo vệ môi trường sống của Trái đất trước đã.

Ba bước gợi ý như trên rất là hiệu quả để ta phân chia ra được các Ý phụ cho một Ý chính. Tuy nhiên, ta không cần phải cứng nhắc như thế vì mỗi vấn đề có cách phân tích riêng, ta sẽ sáng tạo linh hoạt tùy theo từng trường hợp.

Ta nói lại lần nữa, để có thể liệt kê ra được bấy nhiêu Ý, để có thể đoán trước sự phản biện, để có thể chỉ ra được những trường hợp khác như thế, ta phải là người hiểu đạo lý rất sâu, thực hành tu tập rất nhiều, có lòng thương yêu chúng sinh rất tha thiết, và biết rõ rất nhiều điều của thế giới này.

Sẽ có người phản biện rằng nếu chăm chăm tìm hiểu thế giới như thế thì còn gì là nội tâm thanh tịnh giải thoát?

Ta sẽ trả lời theo giáo lý căn bản như sau.

Trong mười danh hiệu cao quý của Phật có danh hiệu thế gian giải, nghĩa là hiểu biết mọi chuyện của thế gian. Như vậy, đạo Phật không hề chủ trương mù tịt chuyện thế gian

để tìm giải thoát. Thứ hai ta trả lời rằng khi ta thương yêu tha thiết chúng sinh thì tự nhiên ta nhìn rõ mọi chuyện của chúng sinh mà không cần phải chăm chăm cố gắng. Thứ ba, ta cũng đáp rằng nhờ an trú trong thiền định mà ta biết mọi chuyện nhưng vẫn thanh thản như không biết gì.

Bài tập cho bài học này là ta sẽ phân tích Ý phụ cho những Ý chính sau đây:

- Càng đông đúc thì người ta càng cô đơn.
- Dòng suối đã khô và ta hực hắc như tuổi thơ không tìm lại được nữa.
- Nghe tiếng hàng xóm gây gổ với nhau, ta nghe lòng mình quặn đau.

- Nhìn bầu cò trắng trên đồng ruộng, ta tự hỏi tối nay chúng sẽ ngủ ở đâu.
- Đứa bé mời ta xấp vé số, ta từ chối.
- Chiếc xe hơi mới chạy vụt qua và một túi nylon bay ra khỏi xe.
- Nhìn thấy một người đi trong mưa mà không chịu mặc áo mưa.

Mỗi Ý như vậy nên được phân ra khoảng bốn hoặc năm Ý phụ. Đã nói là Ý thì ta không cần phải viết chi tiết từng câu văn, chỉ viết trên giấy từng Ý với dấu gạch đầu dòng sao cho dễ hiểu mà thôi. Sau này ta sẽ nhìn từng Ý đó để ứng khẩu diễn đạt chi tiết hơn, nhưng chưa phải yêu cầu bây giờ

HOÀNG PHÁP 15

SOẠN

DÀN BÀI

1. Sự tôn trọng người nghe

Khi xuất hiện trên pháp tòa, ta trở thành

niềm hy vọng cho người nghe về một bài giảng đạo lý hấp dẫn lôi cuốn và lợi ích. Người nghe bỏ ra thời gian, công sức đi đến và cả một tấm lòng tha thiết với đạo để chờ đợi một trận mưa pháp tươi mát cho cuộc đời họ, cho tâm hồn họ. Vì thế ta không được khinh suất giảng giải tùy hứng, ứng khẩu nói ba trời bốn biển chẳng ra đâu vào đâu. Ta phải có một dàn bài được chuẩn bị đàng hoàng kỹ lưỡng. Ta phải có một sự sắp xếp ý tưởng theo một trình tự logic hợp lý. Như vậy, có khi ta giảng chưa hay, nhưng sự chuẩn bị chu đáo đó cũng giúp bài giảng có giá trị. Khi soạn xong dàn bài thì xem như bài giảng đã thành công hơn một nửa. Công việc còn lại là khi đang đàn thuyết pháp, ta nhìn từng Ý và ứng khẩu diễn đạt từng Ý đó sao cho vừa phải, rõ ràng, hấp dẫn... là tuyệt vời. Có dàn bài trước mặt, ta sẽ tự tin hơn rất nhiều. Ai có soạn dàn bài rồi sẽ thấy, có những Ý tưởng phải chiêm nghiệm mất vài tiếng đồng hồ mới phát hiện ra được. Ta phải tập trung tinh thần

nhìn sâu thăm thẳm vào cuộc sống, vào đạo lý, vào Phật Pháp, vào tâm hồn con người mới tìm thấy điều kỳ lạ bất ngờ. Lúc đã lên ngôi trên pháp tòa rồi làm gì có thời gian suy nghiệm nữa. Lúc đó nếu Phật độ thì ta sẽ bất ngờ có phát kiến hay, nếu không thì ta sẽ lúng túng, ú ớ, nói đi lại nói lại

một Ý gì đó mãi khiến người nghe phát chán.

Trừ những vị thánh cao siêu trí tuệ ngút trời không cần phải chuẩn bị trước mà vẫn có một dàn ý hợp lý sâu sắc, còn lại ai cũng phải soạn dàn bài trước khi thuyết pháp. Đây là điều kiện quan trọng của một giảng sư, là một bổn phận của giảng sư, là đạo đức của giảng sư. Nếu không có thời gian soạn dàn bài thì ta phải lập tức thông báo sớm từ chối buổi giảng để chùa còn thời gian thỉnh vị khác. Đây là thái độ hết sức đứng đắn, thành thật, biết làm việc. Lên pháp tòa mà chưa có dàn bài, hoặc không thể giảng mà không chịu thông báo sớm đều là coi thường mọi người.

Ta sẽ thấy rất rõ rằng để có một bài giảng khá, dài khoảng một tiếng rưỡi, ta phải chuẩn bị dàn bài cả ngày, thậm chí vài ngày. Giá trị bài giảng hay chính là lúc ta làm việc âm thầm soạn bài chứ không phải lúc ta xuất hiện trên pháp tòa. Nhưng phần đông không thấy được vấn đề này, cứ thích cái lúc hiên ngang nói thao thao trước thính chúng mà không quý trọng cái lúc chuẩn bị trong âm thầm lặng lẽ. Tất cả mọi việc trên đời đều như vậy, những công đoạn trong bóng tối mới là những phần việc quan trọng.

2. Phân tích Chủ đề để tìm ra những Ý chính

Thật ra nếu phân tích cho cặn kẽ, mỗi Chủ đề có thể được phân thành vài trăm Ý chính. Nhưng phân như vậy là không thích hợp cho một bài thuyết pháp. Ta cố gắng phân một Chủ đề ra trong vòng 10 Ý chính là khá đủ, quan trọng là tìm ra được những Ý chính độc đáo, căn bản, sâu sắc là thành công. Có những chủ đề chỉ cần

được phân ra 5 Ý chính mà cũng rất hay. Mỗi Chủ đề có một cách phân Ý khác nhau, nhưng ta có thể đi theo cách này là căn bản:

- Định nghĩa: làm gì thì trước hết phải định nghĩa

Chủ đề cái đã. Ví dụ ta giảng chủ đề Bình đẳng, thì phải định nghĩa Bình đẳng nghĩa là thái độ đối xử không phân biệt với mọi hạng người. Hoặc ta giảng chủ đề Lòng biết ơn thì phải định nghĩa Biết ơn là quý trọng người đã giúp mình.

- Có trường hợp khó định nghĩa, ta có thể dùng phương pháp nêu ra nhiều chi tiết để minh họa. Ví dụ ta muốn định nghĩa về Tình đạo nhưng thấy rằng càng định nghĩa càng rối rắm, nên dùng nhiều ví dụ để minh họa. Ta kể về sự tương thân tương ái của các huynh đệ, kể về những khi khó khăn mà các huynh đệ kề vai sát cánh bên nhau... như vậy cũng làm cho người nghe cảm nhận được thế nào là tình huynh đệ.

- Ý chính tiếp theo là liệt kê từng tính chất.

Ví dụ

trong chủ đề Bình đẳng, ta liệt kê ra những tính chất như bình đẳng giữa người nghèo và người giàu, giữa người mới và người cũ, giữa người Kinh và người Thượng...

Ví dụ trong chủ đề Lòng biết ơn ta liệt kê ra những ơn nghĩa như lòng biết ơn cha mẹ, biết ơn thầy cô, biết ơn đất nước, những anh hùng, những vị quan tướng có công lao, những bạn bè tốt, những người ơn, những người công nhân trên công trường vất vả...

- Ý tiếp theo là ta nói lên hậu quả xấu của ai làm

ngược với điều tốt. Ví dụ, ai vô ơn sẽ phải chịu những quả báo như thế nào, ai không biết cư xử bình đẳng phải chịu quả báo như thế nào.

- Ý tiếp theo ta trình bày những trường hợp ngoại

lệ, ví dụ nếu người giúp ta bây giờ đã trở nên xấu xa ác độc thì ta không thể vì mang ơn mà phục vụ tiếp tay cho họ.

Hoặc có khi ta phải cư xử thiên vị vì sự ưu

ái lúc đó cần thiết để thể hiện một đạo lý gì đó.

- Phần cuối thì ta nhắc nhở công đức tu hành,
khuyến khích mọi người tinh tấn.

Đại khái trên đây là một gợi ý cho dàn bài mẫu. Khi đi vào thực tế soạn dàn bài cho những chủ đề khác, tùy theo trí tuệ của mỗi người mà ta sẽ có sự điều chỉnh cho thích hợp. Có những chủ đề cho ta rất nhiều Ý chính, nhưng cũng có chủ đề khó phân ra nhiều.

Trường hợp soạn dàn bài để giảng một bài kinh Phật trong Đại Tạng thì sự phân Ý dễ có nhưng rất khó về đạo lý. Kinh Nikaya có sắc thái riêng và Kinh tạng Đại thừa có sắc thái riêng. Kinh Nikaya gần gũi thực tế nhưng cao vút về sự chứng ngộ; kinh Đại thừa mênh mông huyền bí nhưng lại dễ bị ngoại đạo mượn để bổ sung cho giáo lý của họ. Lần sau ta sẽ nói về vấn đề này.

Từ mỗi Ý chính trên đây, ta sẽ phân ra các

Ý phụ theo như bài học lần trước. Mỗi Ý chính có thể cho ta năm ba Ý phụ. Mỗi Ý phụ có thể được trình bày vài phút. Cộng hết mười lăm hai mươi Ý phụ đó là ta có một bài giảng khoảng hơn một tiếng đồng hồ. Như vậy là rất đạt.

3. Thực hành soạn dàn bài một số chủ đề cho sẵn

Bây giờ ta thực hành tại lớp soạn dàn bài một số chủ đề cho sẵn để hiểu những thuận lợi và khó khăn trong công việc này. Sau đó, ta sẽ về phòng làm bài tập soạn dàn bài cho 3 chủ đề khác nhau. Những dàn bài bài tập này nên được cất giữ để có khi sau này ta đem ra thuyết giảng ở đâu đó cũng rất hay.

Chủ đề số 1: Chương ngại trong cuộc đời tu hành

Nĩ Ý chính thứ nhất, Định nghĩa: Chương ngại là: (dưới đây là các Ý phụ)
- Thiếu thốn vật chất.

- Huỳnh đệ chung quanh cư xử khắt khe.
- Phật tử dè bủ bất kính.
- Bệnh hoạn.
- Thầy không thương lắm.
- Việc học không được suôn sẻ...

Còn nhiều Ý phụ về sự chuớng ngại nhưng ta sẽ để dành làm ví dụ cho những phần sau. Phần định nghĩa mà kéo dài quá lại làm nặng nề bài giảng.

Ñ Ý chính thứ hai, Ta vui vẻ chấp nhận vì hiểu đó là Nghiệp duyên đời trước. Các Ý phụ cho đoạn này là:

- Sự thiếu thốn là do ta đã bỏn xẻn, hoặc sử dụng tiền bạc không chính xác.
- Huỳnh đệ khắt khe vì ta có lẽ cũng hắc ám kiếp nào đó, hoặc ta ít quan tâm thương yêu họ.
- Phật tử nói bậy vì có lẽ họ có oan trái với ta.
- Thầy không thương vì có lẽ ta ít giúp đỡ thầy
- Việc học không suôn vì biết đâu ta đã

từng ganh tị...

Nĩ Ý chính thứ ba, Ta xem các nghịch cảnh đó là cơ hội để rèn luyện ý chí và nhân cách. Gồm có các Ý phụ như sau:

- Khi thiếu thốn, ta tập sống đơn giản để sau này dù cho có sung túc hơn, ta vẫn biết cần kiệm không hoang phí.
- Dù huynh đệ khát khe, ta vẫn cố gắng trải lòng thương yêu họ. Sau này, biết bao kẻ xấu đang chờ đợi để hãm hại ta, ta vẫn sẽ thương yêu họ kia mà.
- Phật tử nói bậy giúp ta tập bình thản trước lời chê, và hứa sẽ thản nhiên trước lời khen sau này.
- Thầy ít thương thì ta vẫn nguyện lòng trung thành và vâng lời thầy để đạo tình không sút mẻ.
- Việc học không suôn thì ta phấn đấu tự học...

Nĩ Ý chính thứ tư, Những nghịch cảnh của các vị

Thánh, gồm các Ý phụ sau đây:

- Chính Phật cũng phải đối diện nhiều

ngịch cảnh
sau khi tín đồ của các vị Bàlamôn chuyển
sang quy y Phật. (ta phải kể một số ví dụ)
- Ngài Huyền Trang chịu nhiều khổ nạn
trên
đường đi thỉnh kinh,
- Lục tổ Huệ Năng bị giành Y Bát thiếu
điều bị
giết chết.
- Thời Ngô Đình Diệm cầm quyền, toàn bộ
Phật
giáo bị trù dập hà hiếp khổ sở...

Nĩ Ý chính thứ năm, Nghịch cảnh cũng là
vẻ đẹp cho đời tu, gồm những Ý phụ như
sau:

- Nghe thuật lại cuộc đời của một vĩ nhân
mà cứ
thuận lợi tất cả thì rất nhàm chán. Chính
những nghịch cảnh làm cho cuộc đời vĩ
nhân đó thật sự vĩ đại.
- Cuối đời nhìn lại, ta đi qua một đời tu
hành đầy
cam go vất vả mà vẫn không thoái chí nản

lòng thì thật là tấn gương đẹp cho muôn đời sau.

- Những kinh nghiệm xương máu khi đối diện với nghịch cảnh khiến ta có thêm kinh nghiệm để dạy dỗ đàn hậu tấn...

Một dàn bài như thế cũng là rất phong phú. Tổng số 23 Ý phụ như thế có thể được triển khai khoảng 60 phút là rất linh động.

Chủ đề số 2: Đạo Phật yêu chuộng hòa bình

Nĩ Ý chính thứ nhất, Định nghĩa, gồm những Ý phụ như sau:

- Tin luật Nhân quả nên người đệ tử Phật không dám sát sinh.

- Giới luật của Phật cũng nghiêm cấm sát sinh.

- Đạo Phật khuyến khích tu tập lòng Từ bi phủ trùm thương yêu tất cả.

- Ngay cả việc ăn chay của đạo Phật cũng thể hiện lòng hiếu sinh mạnh mẽ của đạo

Phật.

Nĩ Ý chính thứ hai, Thế giới chiến tranh liên miên, gồm những Ý phụ như sau:

- Nhìn trên Nhân quả thì loài người đang trả những

quả báo giết hại lẫn nhau từ nhiều kiếp, như săn bắn, câu cá, giành đất, hận thù...

- Nhìn trên hiện hữu thì con người gây chiến vì

quyền lợi kinh tế.

- Hiện nay tín đồ các tôn giáo cực đoan thì gây

chiến để bành trướng tín ngưỡng của mình.

- Các nước có sức mạnh thì muốn bành trướng

ảnh hưởng của mình lan rộng và thống trị nhiều nước khác.

- Thậm chí các nước sản xuất vũ khí phải bí mật

xúi giục chiến tranh để tiêu thụ vũ khí.

Nĩ Ý chính thứ ba, Sự đóng góp của đạo

Phật đối với hòa bình thế giới, gồm những Ý phụ như sau:

- Đệ tử Phật phải tích cực truyền bá niềm tin hiểu về luật Nhân quả cho khắp mọi nơi trên thế giới để mọi người biết tự kiềm chế.
- Khuyến khích ăn chay để làm giảm thiểu Nghiệp sát của chúng sinh.
- Phổ biến sự hành trì tu tập lòng Từ bi cho mọi người để tiêu diệt lòng hận thù giữa người và người.
- Đối thoại với các tôn giáo bạn để kêu gọi chấm dứt sự cuồng tín bạo loạn giết chóc.
- Những Phật tử nào có duyên tham gia chính quyền ở các quốc gia thì giúp ngăn chặn ý muốn chiến tranh của chính quyền đó.

Nĩ Ý chính thứ tư, Phật giáo cần củng cố khả năng của mình để làm được việc, gồm những Ý phụ như sau:

- Các tăng đoàn khắp thế giới phải đoàn kết thật sự.
- Phải đề phòng âm mưu của thế lực bên ngoài len lỏi vào gây ly gián các tông phái, các giáo hội.
- Những trường Phật học phải cải cách giáo trình giảng dạy để tăng thêm khả năng hoằng pháp của Tăng Ni.
- Khuyến khích Phật tử biết làm kinh tế giỏi để ủng hộ các hoạt động Phật sự vì hòa bình thế giới.
- Làm cho chùa trở thành nơi nương tựa tinh thần cho quần chúng về đạo đức, từ bi, thiện định.

Nĩ Ý chính thứ năm, Nhưng không có nghĩa đạo Phật là nhu nhược, gồm những Ý phụ như sau:

- Yêu chuộng hòa bình, nhưng đạo Phật

vẫn sẵn

sàng kiên quyết bảo vệ đạo pháp và đất nước khi bị xâm hại.

- Ba đức tính Bi Trí Dũng là một sự cân đối lý

tưởng cho sắc thái của một tôn giáo tuyệt vời nhất thế giới, trong đó, Dũng có nghĩa là dám đương đầu với kẻ xấu ác.

Một dàn bài như vậy là rất tuyệt vời.

Nhưng để có những Ý tưởng đó thì ta phải có trí tuệ và có kiến thức, nhìn thấy những điều còn dấu kín trong lòng người, còn dấu kín trong bóng tối, cũng như ta phải có tầm nhìn bao quát cả thế giới.

Chủ đề số 3: Giảng bài kinh Chân Nhân trong Trung Bộ kinh 3.

Soạn dàn bài cho kinh thì ta dễ sắp xếp Ý tưởng vì cứ đi theo tiến trình của bài Kinh là được. Tuy nhiên cái khó ở đây là ta phải hiểu cho đúng Ý của Phật. Giảng Kinh mà sai Ý Phật thì mang tội nặng.

Mỗi khi giảng kinh, ta nên kể một đoạn ngắn về hình ảnh đức Phật, về cuộc đời

đức Phật rồi hãy đi vào phân tích giáo lý. Hình ảnh và cuộc đời đức Phật luôn luôn là niềm cảm xúc dạt dào cho tất cả chúng ta.

Những bài kinh Phật được ưu điểm là Phật đã có một dàn Ý rất logic, từ đơn giản đến phức tạp, từ căn bản đến nâng cao. Ta cứ việc đi dần theo những dàn ý đó là tốt lắm rồi.

Đại ý của bài kinh Chân Nhân là Phật muốn răn dạy những người tự khen mình khi mình có ưu điểm hơn người, dù cho ưu điểm đó thuộc về sự tu tập chân chính. Ban đầu một người xuất gia tự khen mình, tự cho mình là ưu thắng vì xuất thân từ dòng dõi cao quý sang trọng. Những đoạn sau, người thành tựu những sự tu tập như giới luật, thiền định... rồi tự khen mình. Tất cả những trường hợp tự khen mình, tự cho mình hơn người như thế đều bị Phật chê là phi chân nhân. Những lời Phật dạy như thế dường như không bao giờ lạc hậu vì cho đến giờ này tất cả chúng ta vẫn mắc cái lỗi âm thầm tự

khen mình mỗi khi mình đạt được ưu điểm gì đó.

Điều khó của cách giảng bài kinh này là nếu nói lại đúng y chang những gì Phật đã nói thì có khác gì cầm quyển kinh mà đọc cho thính chúng nghe đâu. Vì vậy, ta sẽ đi qua từng Ý của bài kinh, nhưng sẽ thêm nhiều ví dụ minh họa, nhiều câu chuyện dẫn chứng, phân tích thêm các tâm lý sâu xa mà chính chúng ta phải trải nghiệm khi ta cũng đã từng phạm những cái lỗi y như thế. Những ý niệm tự khen mình vừa là kiêu mạn, vừa là cố chấp làm tổn phước rất nhiều, và có thể khiến cho ta bị thoái thất công phu chẳng bao lâu.

4. Bài tập

Tăng Ni sinh sẽ soạn dàn bài cho 3 Chủ đề như sau:

- Đời sống xuất gia
- Đầy thì sẽ tràn
- Kinh Tứ Thập Nhị chương trích đoạn theo ý thích.

Trong bài Đời sống xuất gia, ta tập trung nói về Cuộc sống ở chùa, cuộc sống chung với huynh đệ, chứ không cần nói cái gì quá cao siêu. Nhưng ta vẫn phải làm cho người nghe cảm thấy thương quý người xuất gia vì những khía cạnh cảm động trong đời sống đó.

Trong bài Đây thì sẽ tràn, ta chứng minh rằng khi mà tâm một người đầy áp đạo lý thì chắc chắn người đó sẽ tìm cách san sẻ với mọi người chung quanh. Tự nhiên người đó sẽ trở thành một nhà hoằng pháp. Ta cũng cảnh giác về những người hay nói về đạo lý nhưng có tính khoe khoang chỉ vì họ chưa có chiều sâu tu tập. Trong bài Trích đoạn kinh Tứ thập nhị chương thì ta chọn đoạn nào ta cảm thấy thích để triển khai. Dài ngắn gì cũng được, nhưng đừng trải rộng vấn đề quá thành ra loãng.

Chúc quý vị thành công.

TÀI

1. Nguồn đề tài diễn giảng

Giảng sư của đạo Phật có những nguồn đề tài sau đây:

- Thứ nhất, Giảng theo một bài Kinh hay một bộ

Kinh.

- Thứ hai, Giảng theo một Chủ đề riêng tự nghĩ ra.

Mỗi nguồn đề tài có ưu điểm và nhược điểm riêng.

Ưu điểm của Kinh là cho ta sẵn chủ đề nên ta không cần mất công tìm kiếm. Ta chỉ việc lấy Ý của bài Kinh để triển khai phân tích là được. Nếu biết rằng việc tìm đề tài để giảng là nỗi lo lắng lớn của giảng sư thì ta mới biết quý hóa việc Kinh cho ta sẵn những đề tài bất tận như thế.

Ta sẽ giảng những bài kinh Nikaya trước để tạo nền tảng vững chắc cho sự nghiệp diễn giảng của mình, cũng như tạo nền

tảng vững chắc cho thánh chúng của mình. Sau đó, dần dần ta sẽ chọn lựa những bộ kinh Đại thừa phù hợp với quan điểm giáo hóa của mình mà triển khai tiếp.

Ưu điểm của kinh Nikaya là rất thực tế, rất phù hợp với lịch sử, nhưng rất là cao siêu. Cái cao siêu của kinh tạng Nikaya được giấu trong vẻ đơn giản bình dị nên ít ai hiểu được. Nhiều người nông nổi đã cho rằng Nikaya là thấp. Thật ra trái lại, những ai có quyết tâm thực hành tu tập mới thấy được giá trị của Nikaya, cực kỳ chuẩn xác và hợp lý. Chính vì kinh tạng Nikaya có vẻ đơn giản nên nếu giảng sư nào không có kinh nghiệm tu hành, không có lối giảng hấp dẫn thì sẽ làm thánh chúng buồn chán. Trong các trường Phật học vẫn truyền tụng danh hiệu “tiến sĩ gây mê” cho những vị giảng Nikaya với lối giảng đều đều gần như nguyên văn trong kinh bản. Sở dĩ có hiện tượng kỳ lạ như vậy vì khi đi du học bên An độ, các Tăng sinh của ta được học Nikaya từ các vị giáo sư Hindu. Họ không chuyên lắm về Phật pháp nên trình bày

kinh Phật cô đọng chứ không dám triển khai rộng lớn.

Riêng kinh điển Đại thừa thì mênh mông kỳ vĩ, và rất nhiều sắc thái. Thậm chí có những bộ kinh có quan điểm trái ngược hẳn nhau. Chính vì vậy mà Phật giáo Đại thừa cuối cùng phải phân ra nhiều tông phái, và ít khi bao dung được nhau. Do đó, khi chọn bản kinh Đại thừa để diễn giảng, ta đành phải chọn bản kinh nào hợp với quan điểm tu hành của mình để nói với tâm huyết của mình. Nếu chọn bản kinh không phù hợp, ta sẽ giảng một cách gượng gạo.

Nếu giảng kinh, nhất là kinh Đại thừa, ta không thể nào giảng một lần mà nói hết trọn vẹn được. Ngay cả đọc nguyên văn cũng đã lấy mất rất nhiều thời gian. Vì vậy, ta sẽ có việc để làm dài dài nếu bắt đầu khai một bộ kinh Đại thừa để giảng. Mỗi một đoạn, một ý của kinh cũng chứa đựng nhiều ý tứ phong phú. Tùy theo trí tuệ riêng biệt của giảng sư mà Ý đó sẽ được phân tích sâu xa đến như thế nào.

Ngược lại, giảng kinh cũng có những điểm khó khăn hơn vì nhiều lẽ.

Thứ nhất, văn phong của Kinh luôn là lối văn cổ. Dù có được chuyển ngữ vài ba lần cho đến khi ta cầm đọc, Kinh vẫn mang theo những từ cổ xưa khó hiểu kèm theo một ngữ pháp chưa có hệ thống rõ rệt. Người xưa có thể hiểu được lời kinh khoảng 95% thì ngày nay ta chỉ hiểu lời kinh khoảng 60%. Rất nhiều từ chuyên môn đã bị hiểu sai.

Ví dụ từ thân kiến có nghĩa là ích kỷ, nhưng đã bị hiểu thành những nghĩa khác vì ta bị buộc vào từ ngữ mà không nhìn thấy nghĩa thật của Phật muốn nói.

Ví dụ, từ Giới cầm thủ có nghĩa là cố chấp, nhưng ngày nay ta cũng rất lúng túng khi giải thích từ ngữ này.

Ví dụ từ tâm sở đắc có nghĩa là tâm niệm bí mật sâu kín tự khen ngợi chính mình nhưng đã không được lột tả chính xác bởi người nay.

Khi ta hiểu chưa hết ý Phật muốn nói thì dĩ nhiên ta không thể trình bày khúc chiết

rành mạch cho thính chúng được. Như vậy bài giảng của ta không thể đem lợi ích cho người. Đây là thất bại của giảng sư. Để khắc phục nhược điểm này, ta phải cố gắng hiểu được từ ngữ chuyên môn của Kinh thật chính xác, đồng thời phải khéo léo giảng Kinh cổ bằng văn phong của thời đại hôm nay. Biết bao giảng sư đã thất bại khi cứ tiếp tục giảng Kinh cổ bằng ngôn từ cổ y như vậy. Rồi những Tăng Ni sinh chìm trong thế giới cổ ngữ suốt nhiều năm, đến khi bước ra giảng dạy lại tiếp tục sử dụng cổ ngữ đầy dẫy khiến cho quần chúng Phật tử ngỡ ngàng xa lạ rồi sinh ra chán nản Phật Pháp. Tăng Ni sinh phải khôn ngoan rèn luyện cho mình khả năng giảng Kinh diễn cổ bằng lối văn hiện đại. Đây là yêu cầu rất bức thiết, và cũng là đạo đức của giảng sư.

Đạo đức của giảng sư là đem đạo lý đến tận tâm hồn mọi người chứ không chờ đợi mọi người tìm đến đạo lý. Chính vì vậy, giảng sư phải tìm cách giảng cho người nghe dễ hiểu, giảng bằng ngôn ngữ của

người nghe, chứ không phải giảng bằng ngôn ngữ của riêng mình. Những cổ ngữ Hán văn, Pali văn... mà ta đã thấm nhuần quen thuộc trong suốt mấy năm trau dồi ở Phật học viện đã trở thành ngôn ngữ của riêng ta, không phải ngôn ngữ của thánh chúng.

Có những giảng sư thích sử dụng nhiều từ chuyên môn cổ như để khoe khoang bề dày học tập của mình, và cũng có ý muốn thiên hạ nể phục. Nhưng trong nghệ thuật diễn giảng, những điều đó là cấm kỵ.

Giảng sư phải thoát ra khỏi những ngôn ngữ hàn lâm kinh viện cổ điển để chuyển qua ngôn ngữ của thánh chúng. Trong suốt thời gian ngồi học ở Phật học viện, Tăng Ni sinh phải tự mình tìm các từ hiện đại thay thế cho những từ cổ điển hàn lâm. Sau này khi ra trường làm việc, Tăng Ni sẽ không bị lúng túng khi sử dụng ngôn ngữ trong diễn giảng.

Thứ hai, Ý tứ trong kinh điển cổ là Ý của các vị đã chứng thánh. Bây giờ ta dùng tâm ý của phàm phu để cố tìm hiểu những

đạo lý đó thì cũng giống như “lấy dạ tiểu nhân để đo lòng quân tử”. Rất nhiều lời Kinh đã bị giảng sai trong suốt mấy nghìn năm lịch sử Phật giáo. Cũng may là nguyên văn Kinh diễn tiếp tục tồn tại nên người này giảng sai thì người khác có kinh nghiệm tu tập sẽ điều chỉnh lại.

Bây giờ ta phát tâm đem một bộ kinh ra diễn giảng phân tích thì ta lại cũng làm công việc đếm nước của đại dương với đôi bàn tay nhỏ bé của mình. Rất khó tránh khỏi sai sót. Mà giảng sai Ý của Phật thì tội không phải nhỏ. Giảng sư phải lượng sức mình khi muốn giảng Kinh Phật. Đừng giảng kinh Phật để lấy thành tích là ta đây cũng giảng được kinh bộ. Tâm niệm đó sẽ khiến ta giảng sai Ý Phật và tạo tội nặng. Chỉ nên giảng kinh Phật khi ta có thực hành tu tập phần nào, có hiểu được chuẩn xác từng bước căn bản. Có nhiều Ý trong kinh Phật thuộc về giai đoạn tu chứng rất cao mà ta chưa đạt tới. Nếu ta giảng thao thao như mình đã chứng rồi thì mắc tội nói dối, mà chắc

chấn là giảng sai. Đơn cử như giải thích về quả vị Tu đà hoàn, được Phật xác nhận là đã phá trừ được 3 kiết sử thân kiến, nghi, giới cấm thủ. Nhưng rồi những cư sĩ Tu đà hoàn đó vẫn lập gia đình sống đời thế tục. Vậy trạng thái tâm linh của vị đó như thế nào? Nếu ta đánh giá vị Tu đà hoàn quá thấp, ta mang tội nặng; nếu ta đánh giá vị Tu đà hoàn quá cao, thì tại sao vị đó vẫn sống đời thế tục bình thường? Vì vậy, điều khó khăn nhất cho giảng sư là diễn giảng những đạo lý vượt ngoài kinh nghiệm, trí tuệ của mình. Đây cũng chính là yêu cầu gay gắt đối với một giảng sư, phải thực hành tu tập tinh tấn. Giảng sư mà không tinh tấn tu tập thì chắc chắn chỉ giảng được những đạo lý thấp thấp mà thôi.

Sau này Tăng Ni sinh ra trường làm Phật sự và cũng đi thuyết pháp nơi đây nơi kia, hãy lượng sức mình, hãy xem khả năng tu tập của mình để giảng những đề tài phù hợp. Đừng vội vàng giảng quá cao rồi phạm sai lầm.

2. Tìm đề tài riêng lẻ

Dĩ nhiên đề tài riêng lẻ cũng là đạo lý Phật giáo, nhưng không dựa theo trình tự một bộ Kinh. Ví dụ ta triển khai đề tài Tinh tấn tu hành. Ta sẽ trình bày nhiều khía cạnh, nhiều Ý tứ, nhiều đạo lý chung quanh vấn đề Tinh tấn. Ta có dẫn chứng kinh điển, nhưng không đi theo bài kinh nào, chỉ sắp xếp dàn ý theo suy nghĩ riêng của mình sao cho hợp với tâm tình của thính chúng và khuyến khích mọi người hăng hái tu tập.

Cái khó của việc tìm đề tài riêng lẻ là không biết lấy đề tài ở đâu ra. Có vị giảng bài này rồi không biết bài tới sẽ giảng cái gì; có vị giảng được 10 bài rồi không biết nói về đề tài gì thêm nữa. Vì vậy, nếu giảng đề tài riêng lẻ, ta có quyền dẫn dắt bài giảng theo trình độ của mình mà không sợ nói quá cao mang tội, nhưng ta sẽ bị cái khó là không biết tìm đề tài ở đâu ra. Vì vậy, thử thách lớn cho giảng sư giảng đề tài riêng lẻ là khả năng tìm đề tài. Nếu

có trí tuệ tìm đề tài thì vị đó cũng sẽ có khả năng triển khai đề tài một cách phong phú.

Những phương pháp tìm đề tài cho các bài giảng riêng lẻ được liệt kê như sau:

- Thứ nhất là lòng thương yêu chúng sinh: Đây là điều kiện tiên quyết cho một giảng sư, vừa là đạo đức, vừa là phương pháp. Tại sao khi thật lòng thương yêu chúng sinh thì ta sẽ có nhiều đề tài để giảng giải? Bởi vì khi thương yêu chúng sinh, mà phải thương yêu thật lòng, thương yêu sâu đậm, thương yêu lâu dài, thì tự nhiên lòng ta xuất hiện sự quan tâm đến chúng sinh. Khi quan tâm đến chúng sinh thì tự nhiên ta hay nhìn thấy những đau khổ của chúng sinh. Khi nhìn thấy những đau khổ của chúng sinh thì ta hay trăn trở nghĩ cách vượt qua những đau khổ đó. Chính khi ta nghĩ cách vượt qua đau khổ, chiến thắng sự phiền muộn, dập tắt những sai lầm, dựng xây những lẽ phải là lúc ta có vô số đề tài để nói. Vì vậy, nguyên tắc đầu tiên, không phải là tiền đâu, mà chính là lòng

thương yêu chúng sinh sâu đậm. Muốn làm giảng sư, ta phải có lòng từ ái mênh mông. Mỗi ngày ta phải trau dồi lòng thương yêu chúng sinh khi ngồi thiền, khi lễ Phật, khi đối tiếp với mọi người, khi lao tác công quả. Phải làm sao cho lòng từ bi lớn dần theo ngày tháng. Đến khi nào ta thấy rõ lòng mình bỗng nhiên nhìn ra được mọi điều đau khổ của thế gian một cách sâu sắc là lúc ta bắt đầu có trí tuệ, và đó cũng là lúc ta sẽ có nhiều đề tài để giảng dạy.

- Thứ hai là tập đặt những câu hỏi. Trong suốt cuộc sống này, ta sẽ chứng kiến không biết bao nhiêu là sự kiện, gặp gỡ không biết bao nhiêu người, nhìn thấy biết bao nhiêu là nỗi khổ, bao nhiêu là niềm vui. Với một người bình thường không có lòng thương yêu chúng sinh thì chỉ dừng ngang chỗ chứng kiến mà không biết đặt ra những câu hỏi tại sao, làm gì. Còn một người có lòng từ bi sẽ tự nhiên khởi lên trong tâm các câu hỏi như tại sao con người đau khổ đến như thế, tại sao con

người hay ghét nhau đến thế, tại sao con người cố chấp đến như thế, làm gì để cho chúng sinh bớt khổ, làm gì để con người đừng kết tội nhau, làm gì để con người có thể sống vị tha nhân ái hơn,...

- Thứ ba là nhìn thấy những nghĩa lý thâm sâu trong từng sự kiện, và đề tài giảng xuất hiện. Ví dụ, cũng đều nhìn thấy một người còng lưng trong mưa đạp xe đi bán chuối, một người có lòng thương xót cho cảnh đời vất vả, một người nhìn thấy cả tâm trạng nhẩn nại, lo âu, hy vọng của người bán chuối đó. Người sau có quá trình tu tập lòng từ bi dày hơn người trước. Rồi khi nhìn thấy nỗi khổ lẫn niềm hy vọng của người kia, ta có thể hiểu rằng sở dĩ con người chịu cực đủ điều để sống bởi vì họ còn có một chút gì hy vọng ở tương lai. Ai đánh mất hy vọng, có lẽ họ đã tự tử cả rồi. Nhận định này có thể cho ta một đề tài giảng lý thú.

Như vậy, nếu thực tập đúng 3 bước đi như thế, sau này ta sẽ có rất nhiều đề tài lấy ra được từ cuộc sống thực tế, và chắc chắn

những bài giảng như vậy sẽ đánh động vào tâm tư của thính chúng. Tập đúng 3 bước như vậy sẽ mất rất nhiều thời gian, nếu ta bắt đầu từ bây giờ. Còn những ai đã từng có chất liệu từ bi trong tâm hồn từ nào giờ thì sẽ rất nhanh chóng phát triển tuệ quán để nhìn ra biết bao nhiêu điều có ý nghĩa cần phải nói từ cuộc sống thực này.

Việc tu tập từ bi là việc đòi hỏi thời gian lâu dài. Bây giờ ta giả dụ là mình đã có từ bi sâu đậm để thực hành những bước tiếp theo là tìm ra đề tài diễn giảng từ trong cuộc sống.

Bối cảnh 1. Một người đàn ông ngồi trong quán ăn đưa chân cho một đứa bé đánh giày ở dưới gầm bàn.

Bối cảnh giả thiết này cho ta những suy nghĩ gì?

Ta có thể nhìn thấy sự tủi nhục của đứa bé, rồi suy luận ra sự hủ hê của người đàn ông. Nếu nhìn như vậy ta sẽ muốn nói về đề tài người giàu phải biết thương yêu tôn

trọng người nghèo khó.

Hoặc ta có thể nhìn thấy Nghiệp quả xấu mà đứa bé phải trả vì biết đâu quá khứ đã từng lạnh nhạt với người khác. Như vậy ta lại muốn nói về việc tạo phước để có phẩm giá giữa cuộc đời.

Bối cảnh 2. Một người ngồi câu cá nhàn hạ.

Nhìn thấy người câu cá này có vẻ không căng thẳng, ta hiểu người này câu cho vui chứ không tất bật vì nghèo khó. Thế tại sao người ta thích hưởng nhàn bằng cách câu cá, lừa gạt cá ăn mồi để mắc phải lưới câu đau đớn?

Ta hiểu rằng trên đời, có khi niềm vui của người này lại là nỗi khổ của người kia. Như vậy ta muốn nói về tính tương đối của niềm vui và nỗi khổ.

Hoặc ta lại muốn nói về đề tài có nhiều người đang nhàn hạ nhưng đang từng giờ gieo nhân đau khổ.

Bối cảnh 3. Một bà cụ già đang ngồi đan

giở.

Hình ảnh này cho ta cảm nghĩ về sự sắp xếp lại thời gian của đời người. Lúc nhỏ ta được nuôi dưỡng và chuẩn bị. Trưởng thành thì gánh vác lo cho gia đình và xã hội. Già rồi thì được nghỉ ngơi tu tập.

Nhưng vì những lý do gì đó mà sự phân bổ thời gian như thế không được thực hiện nơi một số người. Ta muốn nói về đề tài bảo vệ tuổi già như là phần thưởng cho quãng đời trẻ họ đã cống hiến.

Hoặc ta có suy nghĩ về Nghiệp quả chi phối kiếp sống con người. Ta phải ráng tạo phước sao cho về già ta được hưởng phước thanh nhàn vui sướng một chút. Về già mà vất vả quá thì thật là cơ cực vì sức khỏe đã xuống nhiều lắm rồi.

Bối cảnh 4. Mưa rơi trắng xóa

Ta có thể suy nghĩ về sự lưu chuyển của nước, bốc hơi từ mặt biển sông, lên cao thành mây trôi đi khắp nơi, đến nơi có duyên thì ngưng tụ thành nước rơi xuống. Nếu không có sự lưu chuyển như thế thì

không có mây, không có mưa và không có sự sống trên Trái đất này. Giống như tình thương yêu của loài người với nhau, khi thì hướng lên cao cho những bậc ở trên, khi thì bay đi khắp chốn xa xôi, khi thì rơi xuống cho những người dưới thấp, để cho đời kết nên những hạnh phúc an vui. Hoặc ta suy nghĩ về sự không ổn định của thời tiết. Có nơi thì mưa ít ỏi, có nơi thì mưa dữ dội để trở thành lụt lội. Chính nghiệp của chúng sinh đã tạo nên sự bất thường như thế. Trong những bất thiện nghiệp đó, tội ác phá rừng nổi lên như một nghiệp bất thiện ghê gớm nhất.

Bối cảnh 5. Báo chí vừa đăng tin bọn khủng bố đánh bom giết nhiều người vô tội

Ta có thể suy nghĩ và muốn nói về những niềm tin sai lầm đã gây nguy hiểm lâu dài và lớn lao cho nhân loại. Và như vậy, ai gieo rắc được những điều thiện khiến cho con người biết thương mến khoan dung với nhau chính là những ân nhân của

nhân loại.

Ta cũng muốn nói về trách nhiệm của người đệ tử Phật phải biết tích cực truyền bá giáo pháp để cứu thế giới này, phải cạnh tranh mạnh mẽ với những đoàn truyền giáo khác, vì ta tin rằng Phật Pháp là chân lý chân chính nhất, khoan dung nhất, nhân từ nhất.

Bài tập: Tăng Ni sinh tìm 3 đề tài khác nhau. Giải thích vào trong máy do nhìn bối cảnh nào, do suy nghĩ ra sao... mà ta đã chọn đề tài đó. Và ta sẽ diễn đạt thành những ý chính như thế nào.

HOÀNG PHÁP 17

GIỌNG NÓI

1. Giá trị của giọng nói

Giọng nói hay câu văn giống như thể xác, mà đạo lý ở trong đó giống như linh hồn. Giọng nói hay văn chương giống như

chiếc thuyền, và đạo lý giống như kho tàng được chứa trên đó. Giọng nói như điệu nhạc, và đạo lý giống như ca từ quyện theo trong đó.

Kho tàng có thể quý, nhưng nếu không có được chiếc thuyền tốt để chuyên chở thì kho tàng không đến được với bến bờ. Ca từ có thể hay, nhưng nếu không có điệu nhạc hay thì cũng không gây được sự hấp dẫn.

Thật sự có những giảng sư thuyết pháp có những đạo lý hay, nhưng không gây được sự chú ý chỉ vì giọng nói không hay. Vì vậy, để có thể đem giáo pháp vào lòng người một cách có hiệu quả, ta buộc phải tập cho được giọng nói truyền cảm, và phải truyền cảm một cách tự nhiên. Truyền cảm mà giả tạo thì nghe lạnh xương sống lắm.

2. Giọng nói truyền cảm

Dĩ nhiên chúng ta không thể định nghĩa rõ ràng truyền cảm là gì, chỉ biết rằng giọng nói truyền cảm khiến cho người nghe yêu

mến, chú ý, và thích được nghe hoài. Có hai yếu tố để tạo nên giọng nói truyền cảm. Thứ nhất là nhạc điệu của lời nói, còn gọi là ngữ điệu.

Thứ hai là chất giọng riêng của mỗi người, còn gọi là âm sắc.

Ngữ điệu là sự trầm bổng của các tiếng phối hợp với nhau, không đòi hỏi phải là lướt như điệu nhạc, nhưng cũng rất cần sự êm ái.

Nếu phân tích nhiều giọng nói bằng các máy đo đặc biệt, ta sẽ thấy rằng mỗi người không giống nhau về độ cao của sự trầm bổng. Ở người này, thanh sắc được nâng cao hơn một chút; ở người khác, thanh sắc được hạ thấp hơn một chút.

Người từ Nghệ An về đến Huế lại biến dấu sắc thành dấu hỏi. Dấu sắc rất cần để cho giọng nói sáng lên vì đó là các nốt cao, nhưng khi bị biến thành dấu hỏi thì chìm hẳn xuống. Đó là lý do khi nghe người miền đó nói chuyện từ khoảng xa xa, ta sẽ thấy nhòa nhòa không rõ nét. Ví dụ câu “có đến đó mới thấy ánh sáng thấp thoáng

chiều tới mấy góc phố”, nếu được phát âm theo giọng Nghệ Huế thì nghe nhòa nhòa khó nhận ra là những chữ gì.

Ngược lại, có một số người ở miền Tây lại đưa dấu sắc lên cao chót vót nghe rất ngộ nghĩnh, và cũng rất quê mùa. Ví dụ câu “Anh Hai ghé đây uống miếng nước, đừng đi trước làm tụi này lỡ bước”, nghe ngộ ngộ.

Tuy nhiên, vùng nào cũng có những người nói nghe truyền cảm và những người nói nghe gay gắt. Ngay cả giọng của người thủ đô Hà nội được xem là thanh lịch nhất, sang trọng nhất, quý phái nhất, êm ái nhất, cũng vẫn có những người nói nghe sắc như dao cạo. Xứ Huế hay Quảng Trị hay Nghệ An cũng vẫn có những người nói làm ta dễ có cảm tình. Đặc biệt khi người Quảng Trị sửa thành giọng miền Nam thì nghe hay và sang hơn cả người miền Nam.

Nhiều người thuộc tỉnh Bình Định tự đánh giá giọng của xứ mình là gay gắt nên đổi thành giọng Nam khi vô miền Nam sinh

sống. Nhưng cũng có những người Phú Yên Bình định nói với giọng cực kỳ dễ thương.

Chính sự phối hợp độ cao của các từ tạo thành ngữ điệu riêng biệt đặc thù của người đó. Ta cũng sẽ thấy rằng những ai giỏi về âm nhạc sẽ dễ dàng tạo cho mình một ngữ điệu êm ái hơn. Vì vậy, một giảng sư giỏi âm nhạc cũng là thêm một ưu điểm cho sự nghiệp giảng dạy hoằng pháp của mình.

Âm sắc là chất giọng riêng của từng người, giống như khuôn mặt riêng của từng người, không ai giống ai. Có khi không nhìn mặt nhưng nghe giọng nói mà ta nhận ra được đó là ai. Những người ruột thịt sống trong cùng một mái nhà thì vừa giống nhau về khuôn mặt, vừa giống nhau về giọng nói, âm sắc.

Có người có âm sắc truyền cảm, nhưng cũng có người có âm sắc khó ưa. Đây là bẩm sinh “trời cho”, hay nói đúng hơn, đây là bản nghiệp riêng của mỗi người. Ta

không thể tập luyện để có được âm sắc hay khi mà nghiệp ta không hay chút nào. Muốn chuyển âm sắc cho hay thì phải chuyển nghiệp trước.

Một trong những nghiệp nhân khiến cho ta có được Âm sắc hay chính là lòng Từ bi vị tha. Người có trong tim lòng thương yêu muôn loài tự nhiên giọng nói sẽ truyền cảm. Đây là điều không thể làm khác đi được. Ai không có lòng từ mà chỉ muốn tập luyện để có âm sắc hay tự nhiên là điều không thể được.

Khi có lòng từ ái vị tha, mặc dù chưa thể làm điều gì lợi ích cho mọi người, ta vẫn giữ gìn cẩn thận từng lời nói, cử chỉ để không làm người khác buồn. Khi tiếp xúc với ai, ta chỉ muốn người đó được vui vẻ hài lòng thoải mái. Hãy để ý so sánh, có những người sẵn sàng buông ra một câu làm đau lòng người khác, và một người ý tứ chỉ muốn nói những câu làm đẹp lòng người, rất chân thành. Tấm lòng chân thành muốn cho mọi người vui là nghiệp nhân khiến cho ta có giọng nói truyền

cảm.

Người quảng đại một câu gay gắt, chỉ trích, phê phán, kết tội người khác dễ dàng, làm người khác đau đớn mà không cảm thấy tội nghiệp, chắc chắn sẽ có giọng nói thô bạo khó ưa. Nội tâm không biết thương xót niềm đau của người khác là nội tâm tàn nhẫn. Người tàn nhẫn thì không sao có được giọng nói truyền cảm. Nếu ta thản nhiên khi thấy người khác đau xót thì khỏi cần nhờ ai nhận xét, ta biết ngay giọng nói của mình thuộc loại khó ưa. Chừng nào ta trân trọng quý hóa từng niềm vui của người, cẩn thận tránh né từng nỗi buồn của người, tự nhiên giọng nói ta sẽ dần dần truyền cảm.

Vì vậy, nguyên tắc vàng để tập có âm sắc truyền cảm chính là tu tập lòng từ bi thật sâu dày trước đã. Đến khi nào ta thấy mình tha thiết, sâu sắc, cẩn thận, tinh tế trong việc giữ gìn niềm vui cho người thì biết là giọng nói mình đã bắt đầu đi vào trái tim người nghe rồi.

Phát âm chuẩn cũng là một yếu tố quan trọng tạo nên sự sang trọng của giọng nói.

Ta có thể nói thẳng mà không sợ sai rằng người miền Bắc, nhất là thủ đô Hà nội, có sự phát âm chuẩn nhất nước, nên giọng nói của người Hà nội cũng là sang nhất nước. Từng tiếng từng tiếng đều được người miền Bắc phát âm trau chuốt cẩn thận tròn trịa kỹ lưỡng, tạo thành một đặc trưng văn hóa quý giá của Việt Nam ta. Có lẽ đây cũng là một yếu tố khiến dân ta không bao giờ chịu đựng được lâu sự cai trị của phương Bắc. Cha ông ta không thể chịu đựng mãi sự đè đầu cưỡi cổ của đám lính tráng thô bạo và có giọng nói cục mịch thô lỗ khó ưa của họ. Người có giọng nói sang trọng tự nhiên nhận ra đẳng cấp của mình hơn hẳn đám người xâm lược hạ cấp kia. Và họ phải đứng dậy. Tuy nhiên ta cũng phải công nhận rằng giọng thủ đô của Trung Quốc cũng khá sang.

Giọng miền Nam dĩ nhiên là không chuẩn. Ví dụ từ hết được phát âm là hốt. Từ tuần

được phát âm là twưng; từ Phật được phát âm là Phặc; từ tình được phát âm là từn; từ thành được phát âm là thần; từm lum được phát âm là từm lưm v.v... Tuy nhiên, số người miền Nam chấp nhận một cách tự nhiên lối phát âm đó rất là đông nên giọng miền Nam cũng trở thành một phương ngữ quan trọng. Nhưng khi hát nhạc hiện đại, không ca sĩ nào can đảm dùng giọng Nam vì sẽ làm cho bài nhạc kém sang trọng. Rõ ràng giọng Bắc làm cho bài hát được sang trọng hẳn lên.

Những người miền Nam sống khu vực thành phố Hồ Chí Minh, do giao tiếp nhiều với người miền Bắc di cư nên có sự pha trộn nhẹ nhàng khiến cho ngữ điệu của họ êm ái hơn, và cách phát âm cũng trau chuốt hơn.

Có lẽ Bộ Giáo dục phải ra quy định tất cả giáo viên dạy lớp vỡ lòng phải là người nói giọng Bắc chuẩn để tạo cái nền phát âm chung đồng cho công dân Việt Nam mọi miền đất nước về sau.

Nếu giảng sư là người nói giọng miền

Nam thì phải nghiên cứu thêm, tập thêm cách phát âm miền Bắc để tìm ra cách phát âm và đánh dấu ngữ điệu cho hay hơn.

Riêng một số tỉnh miền Trung có các phương ngữ rất lạ, phát âm biến dạng một số nguyên âm. Ví dụ từ hai cái sẽ được phát âm là hơ kớ (Quảng Ngãi); từ tám sẽ được phát âm là tốm (Quảng Nam); từ làm xong rồi sẽ được phát âm là làm xong rầu (Phan Thiết); từ thể gian sẽ được phát âm là thớ gian (Bình Định) v.v...

Nói gì thì nói, giảng sư phải chỉnh giọng nói lại cho đúng với nguyên âm gốc để có vẻ sang trọng. Đừng tự ái địa phương mà giữ những cách phát âm không phổ quát đó. Nhiều vị tự ái địa phương từ Huế hoặc Quảng Trị vào không chịu sửa giọng theo miền Nam đã thất bại trong việc giảng dạy vì làm người nghe rất mệt mỗi khi phải chú ý lắng nghe để hiểu.

Người vùng Bình Dương tới Dĩ An thì phát âm phụ âm

th trở thành kh. Ví dụ từ thành thơi sẽ

được nói thành khảnh khời; từ thiết tha sẽ được nói thành khiết kha.

Một số vùng miền Tây Nam bộ phát âm phụ âm kh thành ph. Ví dụ từ khoan khoái sẽ được nói thành phang phái; từ khỏe khoắn sẽ được nói thành phẻ phẳng. Có vùng phát âm phụ âm R trở thành G. Ví dụ rõ ràng tui rờ thấy cái cà rá ở trong cái rồ này sẽ được nói thành gồ gàng tui gờ thấy cái cà gá ở trong cái gồ này.

Bắt buộc giảng sư phải sửa cho hết những biến dạng phụ âm như thế.

Ngoài ra có những phát âm sai không đáng kể nhưng cần phải chỉnh để cho sang hơn. Ví dụ nguyên âm au hay được người Nam phát âm thành ao. Ví dụ anh Sáu hay bị nói thành anh Sáo. Giảng sư cũng phải nói cho đúng nguyên âm kép này. Hoặc nguyên âm kép ay cũng có thể bị phát âm thành ai. Ví dụ thay đổi sẽ bị nói thành thai đổi.

Rồi người miền Nam hay phát âm phụ âm V thành phụ âm D. Ví dụ đi về sẽ bị nói thành đi dĩa; văn võ song toàn sẽ bị nói

thành dăng dỏ song toàng. Giảng sư nên phát âm cho đúng phụ âm V để giọng nói sang hơn. Buồn cười là nhiều người Bắc vào Nam sinh sống rồi khi xem bóng đá hào hứng cũng la lên dô dô giống như miền Nam.

Có những vùng miền Tây phát âm nguyên âm kép oan trở thành ang hoặc oong. Ví dụ từ hoàn toàn sẽ bị nói thành hàng tàng hoặc hoàng toàng. Nghe rất quê mùa. Giảng sư phải tránh những biến dạng như thế.

Vùng Nghệ An tới Huế có những từ lạ như răng, rứa, rì, mô, tê... nhưng cũng rất đặc trưng và dễ thương dù có thể làm bỡ ngỡ những người chưa hiểu.

3. Kỹ thuật

Trong khi giảng, tiết tấu khi nhanh lúc chậm cũng là một nghệ thuật của giảng sư. Giảng sư nên tránh tiết tấu đều đều suốt từ đầu đến cuối bài giảng. Phải có lúc nhanh hơn một chút, phải có lúc chậm

hơn một chút, thậm chí có lúc ngưng hẳn để mọi người suy nghĩ.

Dĩ nhiên ta tránh nói quá nhanh hay quá chậm. Tốc độ nói là điều phải được đặc biệt coi trọng.

Nói nhanh quá làm cho người nghe phải tiếp nhận một lượng thông tin lớn trong một thời gian ngắn khiến cho não họ không xử lý, phân tích, đón nhận kịp, và khiến họ bị quá tải. Nghe vài phút là họ mệt. Ngược lại, nói quá chậm cũng làm bộ não người nghe không cần phải làm việc nhiều, và cũng sinh buồn ngủ.

Ta phải khéo điều chỉnh tốc độ sao cho vừa phải, đừng nhanh, nhưng cũng đừng rề rà quá.

Tuy nhiên, có những từ lạ tai, ý khó, thì phải được nói thật chậm, thật rõ, thật mạnh để cho người nghe nhận ra. Ví dụ khi ta đang giảng bình thường, bỗng nhiên phải nói tới từ nội tại là một từ ít được nghe ở cuộc sống bình thường, ta phải nói chậm, chắc, rõ 2 tiếng đó rồi mới tăng tốc độ trở lại như cũ.

Đôi khi có những câu khó, ta phải nói chậm hẳn cả câu. Ví dụ, khi gặp câu như vậy thì ta phải nói chậm và rõ từng chữ: đồng tiền có thể mua được sự phục vụ của người, nhưng không thể mua được sự trung thành của người đó. Những câu như vậy ý tứ sâu sắc quá nên không được phép nói nhanh, rất uổng.

Ví dụ khác, ta phải nói rõ và chậm rãi câu này: niềm vui của người này có thể là nỗi buồn của người kia. Câu này chứa đựng nhiều ý lớn quá nên không thể được nói nhanh.

Đôi khi đang giảng, ta hỏi thính chúng một câu, dĩ nhiên ta phải ngưng lại một chút để chờ câu trả lời. Tuy nhiên sau này ta sẽ nói về việc hỏi thính chúng ở giữa bài giảng. Không phải lúc nào cũng hỏi được. Hỏi không đúng lúc sẽ gây phản cảm lớn. Rồi trong một câu, có những từ cần phải được nhấn mạnh hơn một chút vì đó là từ quan trọng trong câu. Nhấn mạnh nghĩa là ta thêm một chút lực khiến cho tiếng đó nghe mạnh hơn hẳn các tiếng trước và

sau. Ví dụ trong câu trong thăm sâu, con người ai cũng khát khao điều cao thượng. Ta sẽ thấy là nên nhấn mạnh những từ thăm sâu, khát khao điều cao thượng.

Trong câu, nếu không cho con người điều cao thượng thì họ sẽ bị lôi cuốn bởi các trò vui sa đọa. Ta thấy cần phải nhấn mạnh các từ lôi cuốn, sa đọa.

Những từ cần phải được nhấn mạnh cũng là những từ cần phải được nói chậm và rõ hơn so với các từ còn lại.

Rồi một tác nhân sẽ làm ta bất ngờ, đó là hệ thống kỹ thuật khuếch đại âm thanh.

Hệ thống này bao gồm microphone thu tiếng nơi miệng của người nói, mixer để trộn các đường tiếng khác nhau, amplifier để nâng tiếng, loa để phát tiếng đã được xử lý ra bên ngoài cho mọi người. Nếu không có kinh nghiệm ta sẽ không điều chỉnh được tốc độ nói của mình cho phù hợp khi có sử dụng kỹ thuật này. tiếng đã được khuếch đại luôn luôn làm cho ta có vẻ nói nhanh hơn tốc độ ta phát ra.

Nếu ta nói vừa, qua máy, có vẻ như ta nói

nhANH. Nếu ta nói nhanh, qua máy, có vẻ như ta nói rất nhanh. Vì vậy, ta nói sao cho chính mình nghe là hơi chậm thì qua máy sẽ làm cho người nghe cảm thấy vừa đúng. Muốn biết kinh nghiệm về hiện tượng này, ta phải nói qua máy, thu tiếng lại, sau đó phát ra nghe để nhận thấy cảm giác nhanh hơn sự đánh giá của ta lúc ta nói.

4. Luyện tập

Ta cần phải luyện tập giọng nói theo các tiêu chuẩn sau đây: Rõ ràng - Khoẻ mạnh - Điều khiển được tiết tấu - Có ngữ điệu êm ái - Truyền cảm.

Để phát âm rõ ràng, ta phải tập đọc mỗi ngày vài mươi trang sách, đọc thật kỹ từng chữ theo tiêu chuẩn đã nêu ở trên. Đọc đến khi nào ta nhập tâm đến nỗi trong khi nói chuyện bình thường ta cũng phát âm kỹ lưỡng từng chữ, là thành công. Nếu khi nói chuyện với mọi người mà còn phát âm vội vã, chưa tròn chữ thì phải tập luyện tiếp.

Để có giọng nói khỏe mạnh thì buộc ta phải có thể lực. Ngoài những công việc lao động hằng ngày, ta phải luyện tập khí công thể dục thêm. Ta phải tập giữ hơi ở đan điền rồi nói thật to một câu nào đó. Ta phải tập nói như các giảng sư thời xưa là có thể nói cho cả nghìn người nghe ngoài bãi đất trống mà không cần máy móc gì cả. Thật ra bây giờ ta không còn phải vất vả tập luyện như thế vì đã có máy móc hỗ trợ. Ngày xưa, muốn làm một pháp sư, vị đó phải luyện nội lực sao cho cho giọng nói sang sảng giữa cánh đồng. Trong khi nói chuyện bình thường, ta phải nói sao cho những người ngồi ở xa nhất cũng phải nghe rõ.

Muốn có sự truyền cảm thì ta phải tu tập lòng từ bi như đã nói ở trên rồi, không còn cách nào khác.

Muốn điều khiển được tiết tấu thì ta phải tập giảng nhiều, thu vào máy, phát ra nghe lại, đánh giá những chỗ chưa hợp lý để chỉnh lại.

Muốn có ngữ điệu êm ái thì ta phải biết

hát. Tập nói rồi nghe lại giọng nói của mình để tinh ý nhìn ra những độ cao chưa phù hợp. Có những dấu sắc bị cao quá, có những dấu huyền nghe trì trệ quá vâng vâng...

Bài tập: Tăng Ni sinh giảng một đoạn tự chọn trong 5 phút. Sau đó tự đánh giá giọng nói của mình có ưu điểm gì, khuyết điểm gì. Nộp bài làm bằng băng cassette.

HOÀNG PHÁP 18

PHONG CÁCH

GIẢNG SƯ

1. Người mô phạm

Giảng sư là người thay Phật dạy dỗ đạo lý cho tứ chúng, là người còn mô phạm hơn cả thầy cô giáo dạy văn hóa của thế gian. Thầy cô giáo dạy kiến thức mà còn bị mọi người yêu cầu phải có đạo đức phong cách tốt. Nhiều “thầy” khác như thầy dạy

võ, thầy dạy nghề cũng đều bị buộc phải có một chừng mực đạo đức nào đó. Cũng chỉ vì mang chữ Thầy.

Riêng thầy dạy Đạo thì yêu cầu về đạo đức là tột bậc. Dĩ nhiên đạo đức là cái sâu kín bên trong khó có thể được nhìn thấy.

Thông thường người ta chỉ dựa vào phong cách bên ngoài để đánh giá, để bắt chước, để học hỏi. Phong cách của giảng sư là nơi bảo đảm giá trị cho lời thuyết giảng của giảng sư. Nếu giảng sư không có phong cách chuẩn mực thì dần dần không còn ai tin tưởng để đi theo học hỏi nữa.

Thật ra có những giảng sư có công phu tu hành nghiêm mật bên trong, có một số kết quả tâm linh nào đó, nên toát ra bên ngoài phong cách đạo mạo, đĩnh đạc, thanh thoát, đài hoàng. Nhưng cũng có một số giảng sư chưa có trình độ tâm chứng nên chưa đạt được phong cách tự nhiên tốt đẹp. Những vị giảng sư chưa có tâm chứng như vậy phải nỗ lực rất nhiều để giữ gìn phong cách của mình.

Những ngày đầu tiên vào chùa tu hành thì ta cũng đã

được học về các luật nghi, hướng dẫn phong cách rồi, nhưng có khi ta quên, có khi ta bị thất niệm nên bị sơ hở. Bây giờ bắt đầu làm giảng sư thì ta phải rèn luyện phong cách còn chi li gấp bội lần nữa. Oai nghi của giảng sư phải trở thành tế hạnh, nghĩa là mỗi hành động, mỗi cử chỉ, mỗi lời nói, mỗi ánh mắt, mỗi nụ cười đều phải ẩn chứa một đạo lý có ý nghĩa. Đó là tế hạnh của Thánh. Bậc thánh không làm điều gì vô nghĩa, dù đó là một nụ cười. Giảng sư cũng phải hướng đến tế hạnh của Thánh như vậy.

Nếu chưa có tâm chứng, đôi khi ta cảm thấy bị bó buộc khi phải giữ gìn oai nghi cử chỉ từng li từng tí như vậy. Nhưng khi đã chấp nhận làm giảng sư thì cuộc đời ta không còn là của ta nữa mà đã là của tất cả chúng sinh, của Phật pháp. Do đó, từ đây ta không còn được quyền hành xử theo ý mình nữa mà phải sống theo chuẩn mực của Phật, phải sống theo niềm tin của

chúng sinh. Ta buộc phải vui trong oai nghi tế hạnh, và xem đó là hạnh phúc của mình. Những cử chỉ thưa, những lời nói hớ hênh, những tràng cười vô nghĩa phải bị bỏ lại đằng sau.

Thật ra nếu ta tu và học đạo hoàng từ lâu thì việc giữ oai nghi tế hạnh không có gì là khó, nhưng khi nói về những tính chất của giảng sư thì vấn đề phong cách vẫn phải được nêu ra đầy đủ vậy thôi.

2. Phong cách trong khi giảng

Khi ở trên bục giảng ta không có nhiều việc về tay chân phải làm, chỉ có một số động tác phục vụ cho bài giảng mà thôi, nhưng lại là những động tác được mọi người ngắm nhìn chăm soi kỹ nhất.

Nếu ta chưa quen với việc xuất hiện trước đông người thì ta sẽ bị tình trạng hồi hộp, run rẩy, gượng gượng, mất tự nhiên. Khi đã mất tự nhiên, không làm chủ được bản thân mình thì ta không có lực để cuốn hút người khác nữa. Giảng sư mà không có lực để cuốn hút người nghe thì xem như

đã thất bại. Tuy nhiên cũng có những người hơi run ban đầu nhưng lúc sau càng nói thì càng bình tĩnh trở lại và vẫn tạo được sự cuốn hút. Dù sao nếu ta không bị run thì vẫn hay hơn.

Muốn tạo được sự bình tĩnh khi xuất hiện trên bục giảng, trên pháp tòa thì ta có mấy việc phải làm như sau:

- Thứ nhất, ta phải tìm cơ hội xuất hiện trước đông

người cho quen. Ví dụ khi chùa có việc, ta xung phong cầm micro hướng dẫn mọi người. Hoặc ta tham gia nói chuyện với từng nhóm nhỏ nhỏ trước. Còn ở trong lớp thì ta thay phiên nhau đứng trước lớp thuyết trình dần dần. Cứ xuất hiện trước đông người mãi như vậy thì ta sẽ quen và dễ giữ được bình tĩnh khi phải lên bục giảng thật sự.

- Thứ hai, trước khi lên bục giảng, ta tâm nguyện

trong lòng là sẽ thương yêu và tôn trọng tất cả mọi người đang hiện diện. Tâm nguyện chân chính đó sẽ tạo thành một

cái phước khiến ta có sức mạnh kỳ lạ và giúp ta giữ được bình tĩnh. Nếu ai còn yếu thì phải tâm nguyện thật nhiều mới có được cái lực đó.

Nếu ta giảng đứng, có cái bọc che hết phần chân,

bụng, ngực thì ta chỉ còn lo cho đôi cánh tay và gương mặt. Nếu ta ngồi giảng, có cái bàn che hết phần chân, bụng thì chỉ còn lo cho cái ngực, đôi cánh tay và gương mặt. Nếu ta đứng lộ ra, đi tới đi lui thì phải biết điều khiến toàn bộ cơ thể hợp lý vì cả cơ thể ta trình diễn trước mắt mọi người. Hoặc có khi ta ngồi trên một phiến đá, một thềm cấp để nói chuyện ngoài trời thì cả cơ thể ta cũng tham gia biểu diễn.

Bây giờ ta nói về tư thế đứng trước.

Các ca sĩ hay diễn viên đều phải tập diễn xuất trước gương để tự nhận xét về mình.

Nếu giảng sư có điều kiện tập như vậy cũng tốt. Nếu không, ta phải dùng trí tuệ của mình để tự biết các cử chỉ của mình có hợp lý không, có đẹp không.

Dĩ nhiên ta phải đứng rất thẳng, không

được nghiêng người, không được chống nạnh, không được gác một chân lên ghế. Hai bàn chân ta không được đứng khít vào nhau quá, cũng không được rộng bằng vai, mà chỉ được đứng cách nhau hẹp hơn bề rộng của vai một chút. Hai bàn chân sát vào nhau quá thì trông rất yếu đuối ẻo lả; hai bàn chân rộng quá thì trông như võ sĩ giác đấu sẵn sàng nghênh chiến với khán giả.

Ta cũng không nên đứng cứng ngắt lại trông mất tự nhiên. Đôi khi ta bước chân tới lui chút xíu; đôi khi ta xoay người nhìn khắp chút xíu.

Một tay cầm micro, tay kia sẽ phụ diễn tả ý tưởng một cách vừa chừng. Nếu không cần cử động tay thì khoanh tay nắm lấy tay cầm micro luôn.

Đôi khi ta phải di chuyển qua lại chiều ngang của bục

giảng để viết bảng hoặc làm điều gì đó thì cũng phải đi nhẹ nhàng từ tốn. Không được đi hấp tấp, khom khom.

Đôi khi ta đi xuống phía khán giả để gọi là

giao lưu, hỏi han, thì càng phải cẩn thận vì một cái nhìn, một nụ cười, một lời nói ở khoảng cách gần lại càng phải ý tứ hơn.

Đôi cánh tay là sự tô điểm rất đặc lực cho phong cách của giảng sư. Ngày xưa đức Phật cũng cử động đôi tay khi thuyết pháp để tăng thêm ấn tượng cho lời nói. Dĩ nhiên ta sẽ không vung tay mạnh như cách nói của một lãnh tụ chính trị, không quơ đôi tay đi quá xa như một ca sĩ đang diễn cảm. Ta chỉ di chuyển đôi tay trong một phạm vi nhỏ vừa chừng mà thôi. Nếu cần nên xem lại đoạn phim chiếu cử động đôi tay để ta rút kinh nghiệm. Mỗi người sẽ có cách cử động đôi tay riêng của mình, không ai giống ai, miễn sao cho đẹp mà thôi. Những khi phải cầm ly nước uống, lấy khăn lau mặt, hoặc cầm viết, lấy tờ giấy đề phải nhẹ nhàng từ tốn. (không nên uống nước bằng ống hút, ly nước không được bỏ đá lạnh nổi lên rất khó uống)

Anh mắt nhìn vào thính chúng để có sự

cảm ứng nội tâm. Ta cũng không được nhìn hoài một người vì mọi người sẽ thất vọng. Vì vậy ta phải nhìn lần lượt cùng khắp thính chúng. Nhưng nhìn hết thính chúng như vậy thì đôi mắt ta sẽ giống như lão liên qua lại. Do đó ta cũng phải nhìn hết thính chúng nhưng đưa đôi mắt đi với tốc độ vừa chừng mà thôi. Ta nhìn điểm này, dừng một chút, đổi qua điểm kia, dừng một chút. Thông thả như vậy là đạt yêu cầu.

Có những vị không chịu nhìn thính chúng mà ngó lên trời giảng thao thao bất tuyệt. Đó cũng là một phong cách lạ, không biết hiệu quả tâm lý ra sao.

Ai được đôi mắt có thần lực thì rất tuyệt vời vì đôi mắt sẽ giúp cuốn hút thính chúng rất hiệu quả khiến mọi người chăm chú lắng nghe hơn. Muốn có đôi mắt có sức cuốn hút thì phải tập luyện là mỗi khi nhìn mọi người, lòng nguyện thương yêu tất cả.

Sự khiêm hạ trước thính chúng là phong

cách chuẩn mực nhất của giảng sư. Ta phải cúi chào khán giả khi bước lên trước mặt mọi người và khi từ giã đi xuống. Trong cách nói năng đều phải xưng hô cẩn thận dù ta và thính chúng có tình thân đến đâu đi nữa. Ta có quyền xưng là thầy hoặc cô nhưng vẫn phải giữ thái độ tôn trọng người nghe. Nếu ta giữ khách khí thì phải xưng là chúng tôi. Khi gọi đến thính chúng thì phải luôn luôn có chữ quý đi trước, quý thầy, quý cô, quý Phật tử... Không bao giờ ta nói rằng tôi nói vậy quý vị hiểu chưa. Hoặc không được kể những câu chuyện tốt về mình mà hạ thấp người khác. Ta được quyền kể tốt về mình một chút để làm gương, miễn là lúc đó không so sánh với ai kém hơn ta. Ta nên kể khuyết điểm của mình để mọi người cùng rút kinh nghiệm. Ta nên kể về chuyện tốt của người nhiều nhiều vào. Nếu phải kể chuyện xấu của người khác thì không nên nói tên ra. Nếu có nhiều người quý mến ta đến nghe ta giảng thì ta không được có thái độ kiêu

mạn cho rằng mình tài giỏi nên hấp dẫn người khác. Ta phải bày tỏ lòng biết ơn thính chúng đã ủng hộ ta mà đến nghe pháp.

Mỗi khi ta nêu vấn đề nào mà mọi người thích thú thì ta không được cho rằng mọi người hiểu được điều ta giảng, mà phải cho rằng mọi người đồng ý cách đặt vấn đề của ta. Hiểu và đồng ý khác nhau.

Tâm niệm của ta khi xuất hiện trước thính chúng là mong sao cho mọi người cùng hiểu đạo lý để tiến tu thoát khổ. Tuyệt đối ta không được có ý niệm muốn chứng tỏ tài học cao hiểu rộng của mình. Tuy nhiên tâm niệm kiêu ngạo đó rất sâu kín mà ta khó biết mình có hay không. Chắc chắn nhất là ta cứ phát nguyện trước Phật mỗi ngày để tránh ý niệm bất thiện tự cao đó.

Sự vui vẻ cũng là một phong cách cần thiết. Ta sẽ nói nhiều về đề tài này trong bài khôi hài sau này. Bây giờ chỉ nói một ít. Sự vui vẻ của ta cũng giúp mọi người thoải mái dễ chịu. Giảng sư mà có gương

mặt hầm hầm thì chắc không ai dám ngồi nghe. Tuy nhiên, dù vui vẻ, ta không được phép đùa giỡn.

Khi ta vui vẻ thì gương mặt ta tươi lên.

Không nhất thiết là ta phải cười hoài.

Nhiều khi cười hoài lại trông kỳ kỳ hoặc lố bịch. Có những lúc đáng cười thì ta cũng phải cười trong chừng mực.

3. Phong cách ngoài giờ giảng

Chúng ta không được cho rằng ngoài giờ giảng là ta được quyền sống thoải mái.

Không, đã là một giảng sư thì bất cứ giờ nào cũng là giờ giảng dù miệng ta không nói gì nữa. Chỉ có là ngoài giờ giảng thì ta phải cử động nhiều hơn, đi xa hơn, vận động nhiều thứ hơn mà thôi. Chính những giây phút ngoài giờ giảng là giá trị cho bài giảng của chúng ta. Nếu ngoài giờ giảng mà ta vẫn sống đàng hoàng chuẩn mực thì giá trị các bài giảng của ta thật là đặc sắc. Vì vậy, phong cách ngoài giờ giảng là một yêu cầu bắt buộc của giảng sư.

Nói ít là dấu hiệu của nội tâm sâu sắc.

Người giảng sư nói thao thao trên pháp tòa lại chính là người ít nói trong cuộc sống. Vì sao? Bởi vì đó là người có trí tuệ. Chẳng người có trí nào lại ham nói nhiều cả. Ta sẽ thấy một điều lạ là ngoài giờ giảng, vị giảng sư trong cuộc sống thích nghe hơn là nói. Vị đó chỉ nói những lời có ý nghĩa, sâu sắc chứ không phung phí lời nói dễ dàng. Những ai nói nhiều thì khó là giảng sư giỏi.

Oai nghi đẹp cũng là một phong cách cần thiết của giảng sư. Giảng sư luôn có trí tuệ kiểm soát toàn thân của mình, biết đánh giá tư thế, dáng người của mình là đang hoàng hay không, đỉnh đặc hay không. Sự kiểm soát âm thầm đó khiến cho vị giảng sư không bao giờ bị hớ hênh, vụng về, bừa bãi. Khi vị giảng sư ngồi trước đông người, khi ngồi một mình, khi ngồi trong phòng vắng cũng vẫn giữ được tư thế đẹp và đang hoàng. Ai kiểm soát được tâm thì cũng kiểm soát được thân; ai kiểm soát được thân thì cũng trợ giúp kiểm soát

được tâm. Nhìn một người vung tay giảng chân ngã nghiêng bừa bãi thì ta chắc chắn rằng người đó không kiểm soát gì chính mình cả.

Không thích hưởng thụ là một phong cách chủ yếu của giảng sư. Dĩ nhiên giảng sư cũng phải sử dụng những tiện nghi kỹ thuật của thời đại cho công việc hoằng pháp, nhưng không có nghĩa là ham thích những trò vui của thế gian. Giảng sư tuyệt đối không đánh bài, ăn nhậu, la cà đi chơi vân vân. Nói chung những gì làm mất thì giờ, làm mất chánh niệm đều bị ta tránh xa.

Tử tế với mọi người là phong cách của giảng sư. Người tuyên giảng lời Phật dạy bắt buộc phải là người có lòng từ bi vị tha, và như vậy phải là người rất tử tế trong cư xử với mọi người. Tử tế có nghĩa là hay giúp người, hay chia sẻ, thật lòng mong cho người có niềm vui. Chính cái tâm thật lòng mong cho người có niềm vui đó làm

thành sự tử tế sâu sắc đáng quý vô cùng.

Nhu hòa nhưng kiên định cũng là đặc tính của giảng sư. Người giảng sư có phong thái nhu hòa hiền lành dịu dàng, nhưng không có nghĩa là nhu nhược. Giảng sư không yếu đuối sợ hãi trước kẻ xấu xa dù kẻ đó có thế lực, không vì kẻ có ưu thế mà bỏ rơi kẻ làm đúng. Giảng sư dám bênh vực người làm chuyện đúng dù chung quanh bao nhiêu người chống lại. Cái đúng nhỏ như hạt cát cũng phải được bảo vệ; cái sai lớn như núi cũng không làm ta sợ hãi. Bình thường, giảng sư phải là người nhã nhặn, lễ độ, khiêm nhường.

Có tinh thần trách nhiệm là đặc tính của người thuyết pháp. Người giảng sư có tâm huyết lo cho đạo pháp, việc soạn bài hay giảng dạy đều ráng chu toàn trách nhiệm, không bỏ dạy mà không có lý do chính đáng. Soạn bài rất kỹ đã đành, mà khi giảng dạy cũng rất tận tình mong cho người học được nắm vững kiến thức.

Chính vì có tinh thần trách nhiệm nên từng lời giảng đều chứa đựng cả một tấm lòng tha thiết ân cần tận tụy.

Ngoài trách nhiệm trong việc giảng dạy, người giảng sư cũng đều chu toàn bổn phận với bất cứ việc gì đã được giao phó nhận lãnh.

Phong cách giảng sư thì gần với phong cách của Thánh nên sâu sắc mà vô hạn. Chính công phu tu hành của ta sẽ giúp ta sáng ra và biết phải làm gì để giữ gìn phong cách của mình cho phù hợp với đạo lý.

Bài tập cho bài học này là Tăng Ni nói vào trong máy thu những khuyết điểm về phong cách của chính mình, và hướng khắc phục. Ta chỉ nói khuyết điểm mà không nói ưu điểm vì ưu điểm thì có rồi chẳng cần nói làm chi. Hơn nữa, trong sự tu hành, việc thường xuyên biết lỗi của mình là dấu hiệu của sự tiến bộ tâm hồn. Lần này ta nói khoảng 10 phút. Chúc quý

Tăng Ni ăn hay nói giỏi.

HOÀNG PHÁP 19

ỨNG

KHẨU

1. Bản lĩnh của giảng sư

Diễn giảng khác với đọc diễn văn là ta phải ứng khẩu nói lưu loát từ một vài chữ gọi lên Ý tưởng. Chỉ một vài chữ viết trên dàn bài cũng đủ để ta suy luận diễn dịch chi tiết phong phú cặn kẽ, và cực kỳ sáng tạo trước mặt mọi người. Đây là bản lĩnh của một giảng sư. Nếu không có khả năng Ứng khẩu thì ta không thể làm giảng sư được.

Trong nhà Phật có từ ngữ lợi khẩu để chỉ cho người có khả năng ứng khẩu nhanh chóng mỗi khi cần phải phát biểu điều gì. Dĩ nhiên chỉ gọi là lợi khẩu khi những điều được ta nói ra rất ý vị sâu sắc. Còn nếu ta nói nhiều mà rỗng tuếch thì làm người khác chán hơn người không biết nói gì.

Thà im lặng mà người ta nề hơn là nói nhiều mà rỗng tuếch.

Tuy nhiên cái lợi khẩu chỉ có nghĩa là đối đáp nhanh nhẹn chứ không có nghĩa là Ứng khẩu nói suốt cả tiếng đồng hồ. Ứng khẩu nói suốt cả tiếng đồng hồ là cả một năng lực lớn, nhất là nếu những điều ta nói ra tràn đầy đạo vị phong phú hấp dẫn. Dù sao người đối đáp nhanh nhẹn cũng đã tiềm tàng một năng lực ứng khẩu hùng biện một khi đã rèn luyện qua nhiều ngày tháng.

Năng lực Ứng khẩu có nguồn gốc ở trên não bộ. Nó kết hợp 3 vùng não liên kết với nhau. Vùng não bên trái chịu trách nhiệm sáng tạo; vùng não bên phải chịu trách nhiệm xử lý dữ kiện; vùng não ngôn ngữ Weizack trên tiểu não chịu trách nhiệm chọn lựa ngôn ngữ.

Trước hết ta phải có Ý để nói gì đó. Kế tiếp ta phải nói như thế nào. Cuối cùng là tốc độ xử lý nhanh để kịp thời phát biểu ra ngoài một cách trơn tru không ngập ngừng do dự. Nhưng làm sao ta có được sự phát

triển những vùng não như thế để đạt được khả năng ứng khẩu?

Có 2 nguyên nhân đưa đến khả năng Ứng khẩu: một là tập luyện, hai là Công đức. Phần tập luyện ta sẽ nói sau. Bây giờ ta nói về công đức trước.

2. Công đức đưa đến khả năng Ứng khẩu

Trong chuyện Hoa trôi trên sóng nước có kể về một Ni sư Hàn quốc, tuy ngộ đạo nhưng không chịu làm tròn công quả của mình nên không có khả năng thuyết pháp. Ngoài việc được vị trụ trì khuyên, bà còn được Bồ Tát hiện ra cảnh báo là nếu không làm tròn công quả trông coi nhà bếp phục vụ Đại chúng, bà sẽ không có khả năng thuyết pháp về sau. Bà khẳng khẳng từ bỏ nhiệm vụ nửa chừng, và đúng như tiên liệu, dù rất mẩu mực và trí tuệ, bà không thể mở miệng thuyết pháp.

Câu chuyện này cho ta một nguyên lý của Nhân quả, người có khả năng ăn nói chính là người có phước từ quá khứ. Cái phước

đó nhiều khi chẳng ăn nhập gì với việc ăn nói cả, như chuyện nếu Ni sư đó siêng năng làm nhà bếp để phục vụ đại chúng thì lại khai mở vùng não ăn nói để thuyết pháp. Giữa nấu bếp và ăn nói chẳng dính gì với nhau cả.

Ta cũng nhờ vậy mà hiểu thêm tính cách thông thoáng rộng rãi của Nhân quả Nghiệp báo. Miễn là ta có công đức làm lợi ích chúng sinh thì vô số điều tốt lành sẽ đến với chúng ta, vô số năng lực sẽ xuất hiện nơi ta. Ta cũng thấy những lãnh tụ chính trị phải là những người rất hùng biện, mặc dù có khi chuyên môn kỹ thuật chẳng biết gì nhiều, toàn nhờ cổ vắn chỉ bảo.

Rồi những Giảng sư thuyết pháp thao thao, lời cuốn, được nhiều người kính ngưỡng. Ta đừng nghĩ là vì vị đó ăn hay nói giỏi mà được lòng quần chúng tín đồ. Thật ra chính Phước quá khứ của vị đó đã làm nên những điều thành công như thế. Dĩ nhiên ta cũng không thể đánh giá là vị giảng sư đó đã làm công hạnh gì, làm

nhiều hay ít, sẽ thành công suốt đời hay thành công một giai đoạn. Nếu vị đó có Chánh kiến, có tâm nguyện tốt, có công đức sâu dày thì sự nghiệp hoằng pháp sẽ bền bỉ. Ngược lại, nếu kiếp trước vị đó gieo công đức không nhiều thì sự nghiệp hoằng pháp đời này sẽ ngắn ngủi.

Ngoài những công đức phục vụ Phật Pháp và chúng sinh trên nhiều phương diện, ta cũng phải kể đến công đức của riêng cái miệng. Rõ ràng Vị giảng sư cũng phải gieo trồng công đức về Khẩu nghiệp rất đặc biệt từ kiếp xưa. Vị đó phải là người hay nói lời hòa nhã, khả ái, đẹp lòng người. Vị đó phải là người yêu quý sự thật, thích nói thật, không nói lời dối trá để lừa gạt người, không nói dối để được khen ngợi. Vị đó ưa thích khen ngợi người khác, vui mừng khi khen người khác, sung sướng khi có ai thành tựu tốt đẹp. Vị đó rất sợ nói lời chê bai, không muốn mở miệng chê bai bất cứ ai, rất ngần ngại phải chê bai ai, dù đôi khi phải nói lên sự thật để bảo vệ lợi ích cộng

đồng.

Vị đó phải là người đã từng xúc động mạnh mẽ trước công hạnh của Phật và các bậc Thánh nên đã từng viết nên vô số thi ca để tán dương ca ngợi Phật Bồ Tát khiến cho những chúng sinh chưa phát tâm cũng phải phát tâm quy ngưỡng.

Vị đó cũng phải là người yêu quý đạo lý, thích học hỏi đạo lý, thích chia sẻ đạo lý với mọi người. Có được đạo lý hay, vị đó muốn nhiều người khác cũng có được như vậy.

Vị đó cũng phải là người rất can đảm, đôi khi chấp nhận nguy hiểm về phần mình để bênh vực người cô thế oan ức. Sự can đảm trong khẩu nghiệp khiến cho vị đó sau này có thể rống lên tiếng rống con sư tử để tuyên dương chánh pháp và khiến mọi người nể phục.

Điểm qua những công đức về khẩu nghiệp của một vị giảng sư, ta có thể tự xét lại mình về những khiếm khuyết trong khẩu nghiệp để sám hối.

Trước hết, ta có bị cái tật hay nói thẳng

thường làm người khác đau xót, nhục nhã, tổn thương hay không. Nếu có, từ nay ta phải chừa bỏ, phải sám hối, và phải tập cẩn thận từng lời nói sao cho mọi người được an vui hạnh phúc. Cái tật nói làm đau người khác cũng cản trở sự nghiệp hoàng pháp của ta rất lâu, nếu ta không quyết tâm chuyển nghiệp.

Kể đến, ta có thể cũng bị cái nghiệp nói những lời vô nghĩa, nói để nói mà không có lợi cho người nghe, nói nhiều lãng phí thời gian cho cả ta và người nghe. Ta phí công sức vào việc nói mà vô ích thì về sau ta không còn được nói nữa.

Ta cũng có thể đã bị cái nghiệp nói tục. Hình như quốc gia nào cũng có một số từ nói tục do những kẻ kém văn hóa sử dụng. Những từ đó dơ bẩn, làm mất giá trị cả người nói lẫn người nghe, làm không khí giao tiếp trở nên hạ đẳng. Cứ xem nước nào hay sử dụng các từ nói tục là ta biết nước đó có văn hóa hay không, nhiều hay ít. Họ nói lên các từ đó khi bày tỏ tức giận và chứng tỏ tính cách thô bạo của

mình với mục đích hăm dọa người khác. Ai nói tục thì mất sạch các phước về lời nói, sau này chỉ còn được sửa, chứ không còn được nói ngôn ngữ của loài người nữa.

Ta cũng có thể đã bị nghiệp tranh hơn thua từng câu nói. Ta không có ý muốn tìm ra lẽ phải, ta chỉ muốn nói cho hơn người khác. Dù người ta nói có lý rồi, ta vẫn cứ muốn tìm câu nào cho hơn mới chịu. Sử dụng lời nói một cách xấu xa như vậy thì sau này không ứng khẩu nói đạo lý được. Ngay cả những người thích dùng Thiền ngữ đối đáp cũng bị nghiệp hơn thua này để rồi về sau không thuyết pháp được. Ta cũng có thể đã bị cái nghiệp ép buộc người khác phải im lặng vì ta sợ những điều người kia nói ra sẽ gây ảnh hưởng đến quyền lợi của mình mặc dù đó là những điều có lợi cho nhiều người khác. Quả báo của việc ép uổng như vậy sẽ khiến ta có thể sinh ra kiếp sau bị cầm bầm sinh, hưởng hồ là thuyết pháp. Muốn giải những cái nghiệp bất thiện như

vậy, ngoài việc phải chấn chỉnh khẩu nghiệp của mình, ta còn phải biết thỉnh các vị chân tu thuyết pháp cho nhiều người cùng nghe. Trong Phổ Hiền thập hạnh, hạnh thứ sáu là Thỉnh chuyển pháp luân, chính là tạo nhân lành cho chính mình được biện tài vô ngại về sau. Dĩ nhiên ta không được đưng đầu thỉnh đó, chỉ được thỉnh những vị chân tu để bảo đảm những lời nói ra là đúng Phật Pháp. Có nhiều vị rất giỏi, rất sắc bén, nhưng vẫn hiểu sai đạo lý. Ta phải cẩn thận về trường hợp này.

Việc truyền bá các bài giảng tốt được ghi âm theo kỹ thuật hiện đại cũng là cách ta gieo nhân thuyết giảng về sau. Việc này cũng giống như ta thỉnh một vị nào đó thuyết pháp cho mọi người nghe vậy. Dĩ nhiên ta phải chọn lựa các bài giảng tốt. Nhân quả ta có được cũng lệ thuộc vào nội dung bài giảng mà ta truyền đi.

3. Luyện tập khả năng ứng khẩu

Thật ra ai cũng có khả năng Ứng khẩu

một phần nào rồi, chỉ là chưa được rèn luyện cho nhuần nhuyễn mà thôi. Ta sẽ vừa gây tạo công đức, vừa tập luyện khả năng Ứng khẩu dần dần. Đến khi nào ta có cơ hội thuyết pháp thì cả hai yếu tố đó cũng thành tựu luôn.

Đọc các đoạn văn hay chính là bước đầu của việc Ứng khẩu. Ta chọn một đoạn văn hay, có ý nghĩa đạo lý, lời lẽ trau chuốt, rồi đọc ra tiếng, đọc chậm rãi, đọc cho hấp dẫn. Đọc đến thuộc luôn càng tốt. Việc đọc các áng văn hay của các tác giả khác tạo nên những cái lợi như sau. Thứ nhất, ta được tâm khiêm hạ vì biết công nhận cái hay của người khác. Thứ hai, ta hấp thu các thủ pháp độc đáo của tác giả vào tâm mình dần dần. Việc này cũng rất giống như học Âm nhạc. Khi học nhạc, ta phải tấu lên hoặc hát lên những ca khúc hay trên khắp thế giới. Lâu ngày ta bỗng có được sức sáng tạo riêng của mình. Ai ít tấu nhạc hay của người khác thì sẽ không sáng tác được.

Việc đọc kỹ, đọc ra tiếng các đoạn văn hay của các tác giả cũng khiến ta hình thành khả năng ứng khẩu với văn nói gần với văn viết hơn. Thường thì người Việt Nam, nhất là người miền Nam, có văn nói rất xa với văn viết, nhất gừng, sai ngữ pháp, luộm thuộm. Bây giờ, nhờ đọc nhiều các áng văn hay, ta bỗng cải thiện được cách nói của mình chuẩn với ngữ pháp hơn. Đây chính là điều mà mọi người cứ hay thắc mắc tại sao trong phim và trong kịch của Việt Nam, diễn viên nói không được tự nhiên. Chỉ bởi vì diễn viên nói đúng như kịch bản soạn theo văn viết, nên nghe không tự nhiên giống như văn nói. Nhưng không lẽ bây giờ ta lại soạn ra 2 hệ thống ngôn ngữ nói và viết cho tiếng Việt thì rất phiền.

Ứng khẩu từng câu một là nền tảng trước khi ta có thể ứng khẩu cả một bài giảng dài. Giảng sinh phải tập ứng khẩu từng câu cẩn thận, vững chắc trước. Đừng ham hồ nói liên tiếp nhiều câu mà hỏng khả

năng ăn nói khéo léo của mình. Ta có thể chọn một ý bất kỳ rồi ứng khẩu khoảng 5 câu để diễn tả ý đó. Và ta bắt đầu nói từng câu một.

Ví dụ, ta sẽ chọn ý Mới gặp thì người ta thích nhau vì diện mạo bề ngoài; nhưng quen lâu thì ai cũng quan tâm về tâm hồn bên trong của nhau. Đúng ra ý này có thể giảng được cả bài, nhưng ta chỉ cần nói 5 câu để tập ứng khẩu mà thôi.

Ta sẽ nói từng câu như sau:

- Vì chưa biết gì về nhau nên diện mạo là chỗ căn

cứ để con người đánh giá nhau trong lần gặp gỡ đầu tiên. Nếu chưa vừa ý ở câu đầu tiên này thì ta có thể sửa lại là: Diện mạo của ta là sự giới thiệu về ta trước khi ta bày tỏ cho mọi người biết nhiều hơn về con người toàn diện của ta. Nếu câu này nặng nề quá thì ta lại chọn câu khác. Nói chung là ta cứ nói đi nói lại câu đầu tiên cho thật ưng ý rồi hãy nói câu thứ 2.

- Nhưng khi phải tiếp xúc hoặc làm việc chung với

nhau lâu ngày, điều ta cần ở nhau chính là sự cư xử, sự thân ái, sự tử tế của nhau.

- Ta cần ở nhau những lời nói có tôn trọng, có

khôn ngoan để ta học hỏi.

- Ta cần ở nhau những chia sẻ nhường nhịn và giúp đỡ.

- Và đó mới là giá trị thực của con người để ta

đánh giá hơn là diện mạo mà ngày xưa đã cho ta một cảm nghĩ khác về nhau.

Ví dụ khác, ta sẽ nói về ý tưởng Có những điều ta nhìn

thấy rõ ràng vẫn không phải là sự thật. Ta có thể ứng khẩu lý giải hoặc đưa ra những thí dụ sinh động như:

- Đừng bao giờ ta vội tin vào những gì ta trông

thấy vì sự thật vẫn chưa phải là những điều đó.

- Có khi ta thấy 2 người gây gổ với nhau kịch liệt,

nhưng thật ra họ chung một phe với nhau.

- Một Samurai Nhật bản trước khi rạch bụng tự tử

đều nhờ một người mà họ kính trọng giúp chém đầu để họ chết nhanh hơn là kéo dài cơn đau ở bụng. Ta có thể làm tưởng người chém đầu là kẻ xấu.

- Chiếc xe mang biển số TPHCM, đi trên quốc lộ 1

về hướng Long Khánh. Ta kết luận xe xuất phát từ SG đi ra miền Trung. Thật ra xe đó đi từ Đà Lạt về, rẽ qua Long Khánh để về Bà Rịa.

- Còn vô số trường hợp tương tự để ta có thể tỉnh

táo hơn khi nhìn nhận mọi điều trên cuộc đời này.

Ứng khẩu từng đoạn dài là phần nâng cao hơn trong việc thực hành ứng khẩu. Bắt buộc rồi ta cũng phải có khả năng ứng khẩu một đoạn dài, ứng khẩu cả một bài giảng ngót 1 tiếng đồng hồ để trở thành một giảng sư thực sự. Nếu ta có thể ứng

khẩu suốt 5 phút thì xem như ta có thể ứng khẩu hết bài giảng, miễn là ta còn có điều gì để nói.

Ta ngồi một mình trong phòng hay ngoài trời, lấy bất kỳ một ý nào đó, tập ứng khẩu diễn tả ý tưởng đó như là đang nói cho đông người nghe. Vừa nói vừa đánh giá xem mình nói như vậy có dễ hiểu không, có hấp dẫn không. Ta nên thu âm để nghe lại và tìm ra khuyết điểm của mình. Ta cũng có thể nhờ huynh đệ nghe kiểm tra giúp xem điểm nào chưa hay, chưa khéo để cải thiện cho lần tới. Dĩ nhiên ta phải tập nhiều lần như vậy thì vùng não ngôn ngữ ứng khẩu của ta mới phát triển nhạy bén được.

Ta cũng bắt đầu tập lấy một dàn bài bất kỳ nào để giảng suốt, tưởng tượng như đang có đông người trước mặt.

Ta tưởng tượng thính chúng của ta có 3 thành phần, Phật tử bình dân, Phật tử trí thức, và Tăng Ni. Ta ứng khẩu nói làm sao cho cả 3 thành phần trên đều nghe hiểu, chấp nhận, được lợi ích, và thích thú. Về

việc phân tích các yếu tố gây hấp dẫn đối với các thành phần thính chúng thì ta sẽ học ở bài học sau. Bây giờ cứ ráng tưởng tượng để thực hành.

Nếu có điều kiện, ta nên tập ngồi ứng khẩu giảng trước tấm gương lớn để vừa giảng vừa quan sát mọi cử chỉ, thái độ, nét mặt của mình luôn.

Khi ứng khẩu như vậy, ta vừa để ý giọng nói, phong cách, ngữ pháp, ý tứ sao cho mọi thứ đều hoàn hảo. Ý tứ thì hợp lý, dễ hiểu, mới mẻ. Giọng nói thì chậm rãi, rõ ràng truyền cảm. Phong cách thì đĩnh đạc thân ái. Ngữ pháp thì rất gần với văn viết, không bị dư thừa chữ từ.

Ứng khẩu trước thính chúng là giai đoạn bắt buộc phải trải qua để trưởng thành làm một giảng sư thật sự. Điều kiện để có một thính chúng lắng nghe ta thuyết giảng là không dễ, phải nhờ quý thầy lớn sắp xếp tạo điều kiện cho Tăng Ni sinh. Giảng trước thính chúng hoàn toàn khác với đàm đạo. Đàm đạo có không khí bình đẳng,

thân tình, gần gũi. Thuyết giảng có tính cách trịnh trọng, thầy trò, nghiêm trang. Ứng khẩu trước thính chúng là một buổi giảng thực sự, bộc lộ khả năng của ta rất chính xác. Tuy nhiên, có thể những lần ứng khẩu ban đầu ta bị mất bình tĩnh nên vụng về lúng túng, và những lần sau ta tự tin hơn, bình tĩnh hơn, nên ứng khẩu lưu loát hơn. Dần dần ta tập được sự bình tĩnh khi thuyết giảng trước đông đảo khán giả. Ta phải rất bình tĩnh thì ta mới có uy lực để dẫn dắt tâm hồn của khán giả đi theo qua từng đạo lý sâu xa được. Ta mất bình tĩnh thì tự nhiên bị yếu thế và khán giả sẽ xao lãng liền.

Nói chung, ta phải tìm cách tập ứng khẩu nói trước thính chúng càng nhiều càng tốt, và không cần nói dài, chỉ khoảng nửa tiếng mà thôi. Ngắn mà hay là đạt yêu cầu, khán giả sẽ có ấn tượng tốt.

Bài tập: Mỗi người ứng khẩu diễn tả một ý nào đó khoảng 10 phút, thu vào băng, nộp. Lớp trưởng kiểm tra bảo đảm Tăng

Ni sinh không viết rồi đọc. Được tự do chọn ý tưởng. Soạn dàn ý cho 10 phút ứng khẩu rồi mở máy thu. Không cần nhập đề kết luận gì cả, cứ nói thẳng vào ý chính.

HOÀNG PHÁP 20

BÀI

GIẢNG HAY

1. Thế nào là một bài giảng hay

Chữ hay nghe rất đơn giản nhưng thật ra là cốt tủy của vấn đề, là máu và mồ hôi của bao người, là niềm hy vọng của Phật Pháp. Ước mơ của thính chúng là được nghe một bài giảng hay. Ước mơ của giảng sư là thuyết được một bài hay. Chỉ một chữ hay mà biết bao nhiêu điều kỳ diệu nằm trong đó.

Thật ra chẳng có lời lẽ nào chính xác để định nghĩa thế nào là hay. Cảm nhận được cái hay là thuộc về cấp độ tâm thức cao

hơn ngôn ngữ. Người ta chỉ biết là hay mà chẳng biết hay ra sao. Tuy nhiên bài giảng thì có thể phân tích được một số điểm hay, còn một số môn nghệ thuật khác như âm nhạc thì cái hay là một bí mật. Một khúc nhạc được tấu lên, ta cảm nhận là hay. Không phân tích được hay là gì. Không có công thức cho cái hay. Đứa bé cũng biết khúc nhạc đó là hay. Người lớn cũng biết là hay. Nhưng hỏi hay chỗ nào thì không ai phân tích được. Cái hay của âm nhạc là một bí mật của tạo hóa. Việc người nhạc sĩ tìm ra một khúc nhạc hay để viết lại cho đời cũng chính là một bí mật, một may mắn, không có công thức gì cả. Một cái phước bí mật nào từ xa xưa cho ta những cái may mắn đó để ta tìm được những cái hay ẩn dấu trong vũ trụ mệnh mông này. Cũng vậy, chính cái phước bí mật từ quá khứ nào đó giúp ta thuyết thành một bài giảng hay khiến cho mọi người ngây ngất thán phục. Tuy nhiên, với bài giảng, ta có thể phân tích để tìm ra các yếu tố đã tạo nên cái

hay trong đó. Ví dụ giọng nói truyền cảm, ý tứ mới lạ, vấn đề bất ngờ, giải thích rõ ràng v.v... Phải làm sao để có kết quả cuối cùng là sự thấu hiểu của thính chúng, sự hân hoan của thính chúng, sự lợi ích của thính chúng.

Trước khi muốn hiểu thế nào là hay, ta hãy phân tích thế nào là không hay.

Bài giảng dở bao gồm những yếu tố sau đây:

- Tối nghĩa là yếu tố ban đầu. Giảng mà câu văn, lời nói không ai hiểu gì cả thì thật là một thất bại nặng nề. Câu thứ nhất không ai hiểu; câu thứ hai không ai hiểu; câu thứ ba cũng chẳng ai hiểu, thì sự bi đát đã đến rồi. Thính chúng bắt đầu muốn ngủ hoặc muốn bỏ ra ngoài hóng gió sau khi nghe một loạt các câu nói tối nghĩa như vậy. Ví dụ câu: Trên đời này ai cũng có quyền tìm một chỗ nghỉ ngơi giữa nơi xa lạ. Chẳng ai hiểu ta muốn nói gì. Hoặc câu: Nhân quả cho ta một ước mơ thương yêu cháy bỏng... Câu này vừa sến vừa không rõ nghĩa.

Bộ óc con người sẽ bị tê liệt và chán nản khi phải liên tiếp nghe nói mà không hiểu gì hết. Vì thế, họ sẽ ngáp, hoặc có che miệng hoặc không che miệng, rồi từ từ hết chứng mất ngủ kinh niên.

Do đó, một giảng sư phải nói câu nào rõ ràng câu đó. Khả năng nói cho dễ hiểu là một khả năng phi thường. Khi chưa mở miệng nói thì ta đã hiểu ý nghĩa câu nói của mình, nhưng từ đó ta chủ quan nói qua loa vì tưởng vấn đề dễ hiểu. Thật ra, ta hiểu là một chuyện, thính chúng hiểu hay không là một chuyện khác. Những người rất trí tuệ mới cảm nhận được mức độ hiểu của thính chúng như thế nào để lựa từng lời cho thích hợp. Ví dụ ta nói: Giông bão cuộc đời cho ta nhiều bài học hay. Câu nói đơn giản này không phải được hiểu dễ dàng với tất cả mọi người. Ta phải nói thêm như sau: Giông bão đó là những thất bại, những tai họa, những đổ vỡ mà ta phải gặp trong suốt cuộc đời mình. Nói như vậy thì rõ hơn một chút nhưng cũng chưa sáng. Ta nên nói thêm:

Những người thương yêu ta nay phản bội ta, những công việc ta theo đuổi nay bế tắc, những cơn bệnh tật bất ngờ không lường trước đốn ngã ta. Nếu không có đạo lý để sống, ta sẽ đau khổ tuyệt vọng. Nhưng nếu có đạo lý soi sáng, ta mỉm cười cảm ơn số phận cho ta biết thông cảm và thương yêu con người nhiều hơn...

Muốn trị bệnh nói câu tối nghĩa, ta phải tập viết trước. Ta sẽ viết từng câu một, rồi nghiền ngẫm xem câu đó có dễ hiểu với mọi người hay không. Rồi ta tập viết một đoạn, đem cho huynh đệ đọc xem mọi người có hiểu hay không. Thậm chí ta đưa cho bà già bán xôi nghe có dễ hiểu hay không.

Sau này, ta tập nói chuyện với mọi người qua những điều bình thường trong cuộc sống cũng dễ hiểu như vậy. Khi ta nói chuyện công việc nhà bếp, chuyện làm vườn, chuyện nhà cửa... cũng sao cho mọi người hiểu dễ dàng không phải hỏi đi hỏi lại.

- Điều quá cũ cũng là liều thuốc an thần cho thính chúng. Có thể buổi ban đầu mọi người nghe về hạnh nhân nhục cảm thấy rất xúc động, nhưng nếu được nghe y chang 5 lần nữa thì sự xúc động không còn nữa mà thay vào đó là sự buồn chán. Vì vậy, giảng sư phải biết, phải có những điều mới để trình bày suốt đời. Điều mới lạ luôn luôn làm mọi người thích thú háo hức. Đó là quy luật vàng, phải có sự mới lạ trong bài giảng. Nhưng ở đâu mà ta có đủ những điều mới lạ suốt đời để trình bày với mọi người mãi như thế. Đó chính là vấn đề, và đó cũng chính là điểm dừng trong sự nghiệp của một giảng sư. Khi nào ta không còn gì mới để trình bày cho mọi người nữa thì phải biết đó là lúc ta lui lại để nhường cho lớp người sau tiến lên. Hy vọng họ sẽ có những cái mới để làm sinh động Phật Pháp. Nếu trong đạo Phật, lớp cũ với những đạo lý cũ đã đi qua mà không có những người mới với những đạo lý mới tiến lên thì đạo Phật sẽ rơi vào tình trạng trì trệ một thời gian dài.

Nếu còn duyên thuyết pháp, tự nhiên ta còn nhiều điều mới lạ để trình bày. Nếu duyên thuyết pháp đã hết, tự nhiên ta không tìm ra điều gì mới nữa cả. Đó là quy luật.

Ở giai đoạn tuổi trẻ sung sức, những vị có tài thường hay có những sáng tạo bất ngờ về đạo lý. Chính những sáng tạo như thế làm cho các bài giảng sinh động lý thú hấp dẫn người nghe rất nhiều. Ta phải tán thán những sáng tạo như thế vì đã khiến đạo Phật được phong phú màu sắc, góp phần đưa thêm nhiều người đến với đạo. Tuy nhiên, điều ta phải hết sức cẩn thận là những sáng tạo mới mẻ đó không được ra khỏi Bát Chánh đạo, không được ra khỏi Tứ Diệu đế. Ai thích sáng tạo mà lạc vào tà kiến thì sẽ mắc quả báo nặng nề vì đã khiến cho nhiều người tu sai.

Điều khiến ta đôi khi cũng phải ngạc nhiên là, ai giỏi thì mới có sáng tạo, nhưng có nhiều khi sáng tạo trật lất. Nhiều người rất giỏi, rất linh động, rất sáng tạo, nhưng sai với Phật rất xa. Đó cũng là lý do nhiều khi

chúng sinh bị mê hoặc bởi một vài vị có sự sáng tạo mới lạ rồi đi sai luôn. Giỏi là một chuyện, đúng lại là một chuyện khác. Sau này ta sẽ nói thêm về vấn đề này.

Có những đạo lý quan trọng mà ta phải nhắc đi nhắc lại suốt đời như luật Nhân quả, lòng Từ bi, lòng tôn kính Phật, Thiền định, lý tưởng hoằng pháp lợi sinh v.v..., nhưng ta phải khéo léo mỗi lần nhắc lại là một lần mới, mỗi lần nhắc lại là một lần làm cho đạo lý đó mới lên. Ví dụ lần trước ta nói về lòng thương yêu muôn loài nên suốt đời sống có lợi ích cho cuộc đời. Lần khác ta nói về lòng thương yêu muôn loài nên muốn cho mọi người thương yêu nhau. Lần khác ta nói về lòng thương yêu muôn loài nên muốn mỗi người phải biết tự làm phước để vươn lên khỏi khổ đau. Mỗi lần nhắc lại là mỗi lần mới. Đó là quy luật.

- Xa rời cuộc sống thực tế cũng là một thất bại của giảng sư. Ta có quyền nói cùng trời cuối đất sao cũng được, nhưng nghe

hoài mà thính chúng không thấy có cuộc sống mình trong đó thì họ vẫn không cảm thấy thích thú đáng chú ý. Nhiều giảng sư thích nói những điều xưa cũ của mấy nghìn năm trước, hoặc nói những chuyện Bồ Tát các cõi giới xa xôi lạ lùng. Có thể chuyện thần thoại như vậy cũng khiến thính chúng tò mò đôi chút, nhưng một lát sau là họ sẽ bắt đầu ngán. Con người chỉ quan tâm đến điều gì dính dáng tới mình. Nếu một bài giảng không giúp cho họ sống tốt đẹp trong cuộc sống hằng ngày, thính chúng sẽ giảm mất sự quan tâm. Ngay cả khi giảng cho Tăng Ni ta cũng phải nói những chuyện thực tế trong đời sống tu hành của người xuất gia.

Vì thế, quy luật vàng của bài giảng hấp dẫn là phải nói những điều thực tế trong cuộc sống của mọi người.

Ai cũng có đầy những băn khoăn trăn trở trong cuộc sống. Phật pháp phải giúp họ nhìn rõ bản chất các vấn đề đó, giúp họ vượt qua những rắc rối đó để họ thấy Phật pháp thật sự là con đường đi đầy lợi ích.

Ví dụ, người xuất gia lúc nào cũng bị dằn xé giữa niềm khát khao sống đời thanh cao và sự lôi cuốn của lạc thú thế tục. Sự dằn xé đó tạo thành biết bao nhiêu chuyện dở khóc dở cười của đời tu hành. Một bài giảng cho Tăng Ni phải giúp họ kiên định, giúp họ đứng vững với lý tưởng tu hành đã chọn, giúp họ đủ sức chống chọi với giông bão cuộc đời. Người tu vừa muốn sống đơn giản, vừa tò mò với các trò vui thế gian. Có những người đã xé rào; có những người biết tự kiềm chế. Vì vậy, một bài giảng phải giải quyết những điều thực tế này chứ không phải bay vào thế giới thần thoại xa vời.

Người cư sĩ thì còn vô số chuyện rắc rối hơn nữa. Gia đình mà ngày xưa họ xem là tổ ấm hạnh phúc thì bây giờ đã trở thành địa ngục. Những người thân yêu bây giờ không muốn nhìn mặt nhau. Những rủi ro bất trắc trong đời sống lúc nào cũng chực chờ quật ngã họ. Đạo lý của Phật phải cho họ hướng giải quyết cụ thể chứ không thể nói chung chung mãi. Ví dụ, khi nói về tình

trạng bệnh tật, ta phải chỉ rõ công đức nào giúp chuyển nghiệp bệnh, cách sống như thế nào giúp ngừa bệnh, lối tập luyện nào giúp chữa bệnh, chứ không được nói “thôi, thân này vô thường, trước sau gì cũng bệnh rồi chết đem chôn, để thầy đi tụng sám cho”.

Vì vậy, giảng sư phải có một phần tính chất Thế gian giải của Phật, nghĩa là thoát ra khỏi cuộc đời và nhìn cuộc đời rất rõ. Vì nhìn cuộc đời rất rõ nên ta mới có thể giải thích và giải quyết những bế tắc trong cuộc sống cho mọi người. Bài giảng có tính thiết thực lợi ích như thế chắc chắn sẽ thuyết phục được rất nhiều người.

- Vô lý cũng là một nhược điểm của giảng sư. Người nghe sẽ khó chịu khi nghe những lập luận vô lý, cầu thả, vội vàng. Sự khó chịu dần dần sẽ biến thành sự bất mãn, khinh thường. Ví dụ nói rằng mấy người mù mắt là tại kiếp trước hay háy nguýt người khác; mấy người ăn nhiều là tại kiếp trước làm heo v.v... Những lập

luận vô lý như vậy gây mích lòng và khó chịu cho thính chúng.

Ngược lại, những diễn dịch hợp lý sẽ gây nên sự phấn

khởi, dễ chịu, khâm phục nơi người nghe.

Chính sự phấn khởi dễ chịu này khiến cho mọi người có cảm giác bài giảng là hay. Ví dụ ta nói ai cũng mơ ước được làm người tốt, nhưng có người trở thành tốt và có người trở thành kẻ bất lương. Lý do được tìm thấy là công đức nào đó đã khiến cho một người có sức mạnh để chiến thắng bản thân và giữ mình trong thiện pháp. Lý do được tìm thấy là sự thiếu vắng công đức nào đó đã khiến một người không có sức mạnh rồi trở nên yếu đuối trước cám dỗ và trái ngang. Công đức bí mật đó chính là lòng tôn kính các bậc đáng kính như Phật và Thánh chúng. Thiếu lòng tôn kính Phật ta sẽ không bao giờ đủ sức giữ lấy bản thân mình... Lý luận như vậy hợp lý vì có yếu tố của Luật Nhân quả trong đó.

Có nhiều vị thích dùng Tâm lý học Tây

phương để lý giải các vấn đề của nhân sinh. Thật ra Tâm lý học không bao giờ nói tận nguồn tận gốc vấn đề cả. Chỉ có luật Nhân quả mới soi sáng giềng mối của vấn đề mà thôi. Tất cả lập luận của ta phải dựa vững chắc trên luật Nhân quả thì sẽ hợp lý và thu hút thính chúng.

Muốn nói vấn đề gì cho hợp lý, ta đừng bao giờ vội vàng kết luận. Hãy bình tĩnh xem xét nhiều mặt để thấy hết những điều ngoại lệ, những điều sâu xa. Ví dụ, ta muốn nói rằng trẻ em thật là ngây thơ vô tư nên rất đáng yêu, cũng như cần phải được bảo vệ. Rồi ta phải nhìn đến những đứa trẻ đã là quỷ từ nhỏ, biết hù dọa hiếp đáp bạn bè, biết bày các trò nghịch ngợm qua mặt người lớn, thậm chí rành chuyện người lớn như tinh. Nhờ nhìn kỹ nhiều trường hợp mà ta lập luận ít sơ hở hơn.

Qua phân tích 4 yếu tố cấu thành bài giảng dở, ta cũng rút ra 4 phương châm để tạo thành bài giảng hay, đó là, sáng nghĩa dễ hiểu, mới lạ, thực tế, và hợp lý.

2. Sắc màu phong phú

Ngoài 4 yếu tố quan trọng vừa nói, ta cũng có thêm những yếu tố khác, những tô điểm khác làm cho bài giảng thêm sắc màu sinh động phong phú như sau:

- Chuyện kể là một yếu tố cực kỳ hấp dẫn cho bài giảng. Nếu trong một bài giảng mà thiếu chuyện kể thì thiếu hẳn sự lôi cuốn. Không hiểu tại sao người lớn hay em bé gì cũng khoái nghe kể chuyện hơn là lý luận dông dài. Giảng sư phải để ý nguyên tắc tâm lý đó để đưa chuyện vào bài giảng của mình. Khi soạn dàn bài để giảng, ta nên chuẩn bị sẵn luôn một vài câu chuyện minh họa. Tuy nhiên kể chuyện nhiều quá cũng làm bài giảng kém giá trị vì phần lý luận không còn nhiều.

Ta phải lựa câu chuyện sao cho hợp lý, đừng khiến cưỡng vô lý làm người nghe khó chịu. Rất nhiều câu chuyện được lưu truyền trong sách vở, kể cả trong Phật giáo và ngoài Phật giáo, rất giả tạo, ta phải tránh sử dụng. Nếu ta kể một câu chuyện

vô lý, bài giảng ta cũng sẽ vô lý theo. Có một câu chuyện tiền thân Phật được kể nhiều trong sách sử nhưng rất dễ bị bắt bẻ, đó là chuyện Thái tử Tu Đại Noa bố thí cả vợ con cho một người xa lạ mặc cho vợ con than khóc lo sợ đau khổ. Bố thí như vậy không hề chứng tỏ lòng từ bi buông xả chút nào mà ngược lại, có vẻ lạnh lùng tàn nhẫn. Không biết từ bao giờ người ta đã sáng tạo câu chuyện kỳ lạ đó để đưa vào đạo Phật.

Hoặc ta kể rằng có một người nhờ tụng chú Đại bi thường xuyên nên phát ra làm ăn giàu có. Thế biết bao nhiêu người khác tụng chú Đại bi sao chẳng giàu giùm đi? Tuy nhiên, có những câu chuyện thần thoại lại rất hợp lý, hợp với tinh thần đạo Phật thì cực kỳ lợi ích hấp dẫn. Ví dụ câu chuyện đức Phật nhận lời thỉnh cầu của vua nước Licchavi đến cứu giúp đất nước này đang bị nạn hạn hán khốc liệt. Khi Phật vừa đặt chân đến biên giới nước này thì cả đất nước này chìm trong cơn mưa thấm đẫm. Phật không hề làm một động

tác cầu nguyện nào, chỉ đơn giản đi đến là lập tức mưa rơi.

- Vài đoạn thơ cũng khiến cho bài giảng tươi mát lên rất nhiều. Thật vậy, nghe cả một lúc dài những lý luận bằng văn xuôi riết cũng ngán, chợt có một đoạn thơ vang lên cũng làm người nghe dễ chịu. Tuy nhiên ta phải chọn đoạn thơ phù hợp với ý nghĩa đạo lý mà ta đang giảng, đồng thời phải nêu tên tác giả rõ ràng theo tinh thần tôn trọng bản quyền của luật Pháp Việt Nam và quốc tế. Còn nếu thơ đó là của ta thì thôi. Vị giảng sư nào thuộc nhiều thơ cũng có lợi thế. Hoặc nếu có khả năng thì mỗi bài giảng ta làm vài câu thơ cho riêng bài đó thì cũng rất hay. Nhưng yêu cầu là thơ phải đúng vần đúng luật, đừng làm thơ tự do không vần không luật dễ dãi không hay.

Nghe giảng riết nhiều khi cũng phát mệt
Vài câu thơ làm tan hết ưu phiền
Mời gió thu về khe khẽ bên hiên
Hay nắng nhạt bên triền non xa thẳm.

- Ví dụ cũng là cách làm dễ hiểu và hấp dẫn cho bài giảng. Ví dụ là những sự tình được sáng tạo hư cấu, thường là không có thật, chỉ là giả định, nhưng hợp lý, và giúp minh họa thêm cho lập luận của bài giảng. Ví dụ, để làm sáng tỏ thêm ý người sống vị tha sẽ có tinh thần mạnh mẽ lạc quan, ta có thể dựng một ví dụ rằng Khi ta đem vài ký gạo, lon sữa, ký đường đến cho người hàng xóm bị bệnh, người hàng xóm vui vẻ cảm động biết bao. Tâm hồn ta cũng tự nhiên dâng lên niềm hạnh phúc và hứa với lòng rằng sẽ đem nhiều niềm vui đến cho đời hơn nữa. Chuyện đi thăm tặng quà người bệnh chỉ là hư cấu, nhưng cũng giúp làm rõ thêm đạo lý mà ta đang trình bày.

Hoặc ta ví dụ nếu đi giữa đường, gặp cục đá bụi rơi từ lúc nào và đang nằm chình ình giữa đường, có thể gây tai nạn cho ai lái xe vấp phải. Ta có chịu cục dừng lại quăng cục đá đó vào bên đường hay không? Đó chỉ là cách đặt vấn đề giả định,

nhưng làm sáng tỏ nhiều điều ta muốn nói.

Bài tập cho lần này là Tăng Ni sinh soạn bài giảng 10 phút, đề tài tự chọn, giảng làm sao cho đủ 7 yếu tố để làm cho bài giảng hay hẳn lên. Thu vào băng từ nộp cho giáo thọ.

HOÀNG PHÁP 21

ĐI TRƯỚC SỰ

PHẢN BIỆN

1. Sự phản biện

Có một số người dễ dãi và thụ động, cũng gọi là ngoan ngoãn hiền lành, nghe giảng sư nói gì cũng vui vẻ chấp nhận. Ngược lại, có một số người xét nét cẩn thận, luôn canh chừng những điểm sơ hở của diễn giả để đánh giá. Những người hay xét nét moi móc như vậy làm ta khó chịu, nhưng cũng sẽ làm ta tăng tiến khả năng lý luận của mình. Ta buộc phải thuyết giảng làm sao để những người khó chịu như vậy

không tìm thấy điểm hờ là xem như ta thành công.

Tuy nhiên dù ta cẩn thận thế nào thì người nghe cũng cảm thấy cần phải hỏi thêm một số điểm cho rõ ý lên. Hoặc dù ta thiện chí thế nào thì những kẻ ác ý cũng cố tìm cho được chỗ để công kích ta. Đây là cuộc đua suốt đời của một giảng sư với những người công kích. Ta cố gắng hoàn thiện tối đa; kẻ kia cũng cố gắng moi móc tối đa.

Bây giờ ta tạm không phân biệt làm 2 hạng người, hỏi vì thiện chí muốn biết, và gặng hỏi vì muốn bài bác. Ta sẽ gọi chung cả 2 là sự phản biện. Phản biện nghĩa là nói ngược lại để chứng minh rằng ta đã nói sai. Bồn phận của một giảng sư khi đưa ra đạo lý của Phật cho mọi người thì phải đủ sức bảo vệ đạo lý đó, đủ sức đánh bại tất cả những sự phản biện của bất cứ ai trên đời này. Đây là bản lĩnh mà cũng là trách nhiệm của

người tuyên dương Chánh pháp.

Nhà khoa học có thể hồ nghi về những suy luận của chính mình vì chưa biết chắc

đã hoàn toàn đúng hay không. Tinh thần hoài nghi đó rất đáng ca ngợi vì giúp nhân loại tiến xa trên đường đi tìm chân lý. Một triết gia cũng có thể bày tỏ sự hoài nghi về những lý thuyết mà mình đi theo vì thời điểm xuất hiện của lý thuyết đó không có nhiều kiến thức khoa học. Một tu sĩ của một tôn giáo nào đó có thể đánh mất niềm tin với thần linh của mình sau cả một đời dâng hiến thờ phụng và đã không tìm thấy sự thiêng liêng khả tín. Những hoài nghi đó đều là sự tiến bộ của trí tuệ con người, đều đáng ca ngợi như nhau.

Riêng đệ tử Phật có một cái may mắn mà thế gian không ai có được, đó là, sự giác ngộ của Phật thật sự mở ra chân lý bất diệt cho loài người. Ta chỉ có thể hiểu ít hoặc hiểu nhiều về Tứ Diệu đế, chứ không thể nói khác đi được. Ta chỉ có thể hiểu một phần hay hiểu nhiều phần về Bát chánh đạo, chứ không thể nói khác đi được. Rồi những tiến trình nhập định theo công thức Tứ thiền, tiến trình phá 10 kiết sử để chứng các quả Thánh là khuôn

vàng thược ngọc muôn đời cho tất cả chúng sinh. Sau này ta ít nghe ai nói rõ về các tiến trình này chỉ bởi vì ta hiểu không nổi, rồi chế tác ra những cái khác thay thế mà thôi.

Phật đã đưa ra các đạo lý căn bản vững chắc. Dựa vào đó ta có thể phát triển hoài mà không bao giờ sợ sai, không bao giờ sợ cạn. Giống như dựa vào các phép tính cộng trừ nhân chia, lũy thừa, khai căn, ta có thêm logarith, đạo hàm, tích phân... và nhiều hơn nữa. Nếu ta hiểu rất kỹ, rất căn bản những giáo lý của Phật thì ta không sợ bất cứ sự phản biện nào, và có thể tung hoành ngang dọc để thuyết pháp vô biên vô tận. Có được như vậy chỉ vì ta đã dựa được vào chân lý mà đức Phật đã khai sáng. Chân lý này là bất diệt.

Trong các yếu tố của một vị chứng quả Thánh Tu đà hoàn có yếu tố là vị đó vững lòng kiên định tin tưởng nơi Chánh pháp. Niềm tin này không mù quáng mê muội. Niềm tin này xuất phát từ sự chứng ngộ và kinh nghiệm của bản thân. Ai còn hoài

nghe về giáo pháp tức là chưa chứng ngộ. Một yếu tố khác nữa là vị chứng quả tin rằng trên đời này có những vị thánh chứ chẳng không. Ai không tin trên đời này có bậc thánh thì phải biết người đó chưa chứng ngộ.

Có thể ta chưa chứng ngộ Tu đà hoàn, nhưng khi bước ra làm một giảng sư thì ta phải có niềm tin của Tu đà hoàn về Chánh pháp, nghĩa là lòng kiên định nơi Chánh pháp là không gì lay chuyển được.

Từ tiền đề căn bản này, ta không lo ngại trước sự phản biện, mà chỉ lo mình không nắm vững Chánh pháp để trình bày mà thôi. Nếu ta không thể trả lời suôn sẻ một câu phản biện, không phải vì giáo lý của Phật thiếu sót, mà chỉ vì ta chưa nắm vững hết giáo lý mà thôi. Ta có một nguồn chân lý vô tận để nương tựa. Vấn đề còn lại là ta hiểu nguồn chân lý đó đến mức độ nào mà thôi.

Bản lĩnh của giảng sư là biết đi trước sự phản biện, nghĩa là trong khi soạn dàn bài, ta đã tiên liệu được những người muốn

bắt bẻ ta sẽ tấn công vào điểm nào. Và như vậy ta đã có câu trả lời thỏa đáng ngay trong bài giảng luôn. Họ chỉ việc ngồi nghe và bị ta thuyết phục.

Ví dụ, khi ta trình bày về Khổ đế, với quan điểm căn bản rằng đời là khổ. Ta phải tiên liệu trước rằng sẽ có nhiều người phản đối và nói rằng đời vừa có khổ vừa có vui. Họ sẽ đưa ra lập luận rằng khi nghèo là khổ, nhưng khi giàu là vui; khi đói là khổ và khi no là vui; khi bị khinh ghét là khổ, và khi được thương kính là vui, v.v... Họ sẽ đưa ra hai khía cạnh trái ngược để phản biện. Ta biết trước nên sẽ trả lời sẵn trong bài giảng luôn là... (xin nghe Tứ Thánh đế - Chân Quang, nhà xuất bản Tôn Giáo).

Ví dụ, khi ta trình bày về luật Nhân quả thiện ác báo ứng, với quan điểm căn bản rằng mọi hành vi lời nói ý nghĩ thiện ác của ta đều có quả báo trở lại với ta một cách tương xứng. Ta đoán trước thiên hạ sẽ có một nghìn cách để phản biện ngược lại. Và bản lĩnh của ta là phải hóa giải tất cả sự phản biện đó để buộc mọi người

phải tin luật Nhân quả này. Chỉ khi nào tất cả mọi người tin luật Nhân quả thì thế gian mới bớt khổ đau. Không một quốc gia nào trên thế giới có thể xây dựng cho đất nước mình một nền đạo đức vững chắc nếu chưa đưa được luật Nhân quả vào học đường, không lấy luật Nhân quả làm triết lý trụ cột cho xã hội của mình. Chính vì sự quan trọng cực độ của việc tin hiểu luật Nhân quả như thế mà ta phải làm hết sức mình để giúp cho mọi người chấp nhận sự tồn tại tuyệt đối của luật Nhân quả. Càng nhiều sự phản biện đối với luật Nhân quả thì ta càng phát minh ra nhiều câu trả lời hấp dẫn thuyết phục hơn. (Xin tham khảo Nghiệp và Kết quả, Luận về Nhân quả, Nhân quả công bằng - Chân Quang, nhà xuất bản Tôn Giáo)

2. Tiên liệu và xử lý sự phản biện

Muốn tiên liệu sự phản biện, ta phải đặt mình vào vị trí người nghe, rồi cố gắng tìm điểm sơ hở trong lý luận vừa rồi. Việc này cũng cần phải được thực hành nhiều lần

mới sắc bén. Cứ mỗi bài giảng ta lại tập đứng về phía người nghe để tiên liệu sự phản biện. Lâu ngày như vậy ta bắt đầu tìm ra nhiều điểm yếu của chính mình, và dĩ nhiên là sẽ hoàn thiện bài giảng của mình chặt chẽ hơn.

Một yếu tố khác để làm bài giảng chặt chẽ nữa là với vị giảng sư nào giỏi toán thì vị đó đã tự biết cách suy diễn nhiều chiều hướng ngược xuôi để lấp đầy hết mọi khoảng trống sơ hở. Bây giờ ta thực hành một số ví dụ.

- Ta có lý luận rằng: Ai tin Nhân quả thì sẽ làm được nhiều việc phước.

Rồi ta đặt mình vào hoàn cảnh của người nghe, nhất là những người trí thức hay hoài nghi, những người kiêu ngạo không muốn tôn trọng ai để tìm xem họ sẽ bài bác lý luận trên như thế nào. Ta sẽ thấy rằng, họ sẽ dẫn chứng những người có hiểu đạo Phật, thậm chí là những người đã từng xuất gia, tức là những người rất tin luật Nhân quả, vậy mà vẫn sống tầm thường, ích kỷ, chẳng làm được việc phước

đức nào cả.

Ta lập tức nhìn sâu vào tâm hồn những người được xem là hiểu đạo Phật đó, được xem là đã từng xuất gia đó, để thấy rằng thực ra họ rất ít tư duy nghiền ngẫm về luật Nhân quả Nghiệp báo. Họ hiểu đạo Phật thiên về lý Bát nhã tánh Không, nhìn mọi chuyện như không có gì rồi sống lãng đãng qua ngày tháng. Những người này tuy mang danh nghĩa là đạo Phật nhưng hiểu về Nhân quả rất ít.

Thấy được như vậy rồi, ngay trong bài giảng, ta đã kể ra luôn những trường hợp có những người tuy theo Phật nhưng chưa hiểu sâu về Nhân quả nên không bị thôi thúc phải làm những điều công đức gì cả. Nói như vậy là ta chặn đứng sự phản biện của người khác luôn.

- Ta có lý luận rằng: Tám vạn bốn nghìn pháp môn không ra khỏi Bát Chánh đạo. Ta tiên liệu rằng kẻ bài bác sẽ nói rằng có rất nhiều pháp môn Phật dạy không nằm trong Bát Chánh đạo, ví như Lục độ, Phổ Hiền Thập hạnh, Nhĩ căn viên thông...

Hoặc họ sẽ nói rằng ngay cả Trí tuệ không được đề cập đến trong Bát Chánh đạo, vì theo họ, lẽ ra Phật phải nói thêm Chánh Tuệ.

Ta sẽ giải thích luôn ngay trong bài giảng rằng Tuệ thuộc về kết quả chứ không được liệt kê trong tiến trình tu tập. Bát Chánh đạo chỉ là đường đi. Diệt đế mới là kết quả. Tuệ thuộc về Diệt đế. Khi giảng Diệt đế, giảng sư phải nói về Trí tuệ chứng ngộ của các vị Thánh luôn mới đúng. Ta hiểu sai chứ Phật không nói thiếu.

Rồi những Lục độ, Thập hạnh, Lăng Nghiêm... đều được ta xếp vào từng chi phần của Bát chánh đạo một cách hợp lý. Ví dụ Bồ thí Ba la mật cũng chỉ thuộc về Chánh nghiệp mà thôi. Tinh tấn ba la mật thuộc về Chánh tinh tấn. Thiền định thuộc về Chánh niệm và Chánh định. Bát nhã ba la mật thuộc về Diệt đế rồi. Cứ như vậy mà ta giải thích rất xác quyết rằng không có pháp môn nào ra khỏi Bát Chánh đạo cả.

- Ta có lý luận rằng: Lòng tôn kính Phật

giúp ta có sức mạnh khắc phục những sai lầm của mình.

Kẻ phản biện sẽ nói rằng việc tôn kính Phật chỉ là một nghi thức của tôn giáo, không liên quan gì đến việc khắc phục lỗi lầm; chỉ những ai có thiện chí mới chịu khó khắc phục lỗi lầm.

Ta sẽ giải thích luôn rằng: Muốn khắc phục những sai lầm, ta phải biết mình sai lầm ở điểm nào, tiếp theo nữa là phải quyết tâm muốn trừ diệt sai lầm. Hai yếu tố đó, biết sai lầm, quyết tâm trừ diệt sai lầm, không phải dễ có được trong tâm của ta nếu ta không có một công đức đặc biệt nào đó. Và công đức đặc biệt đó chính là lòng tôn kính Phật tuyệt đối. Chính nhờ lòng tôn kính Phật tha thiết, công phu lễ Phật chí thành mà ta hình thành được trí tuệ biết được sự sai lầm của mình, và đồng thời hình thành luôn quyết tâm trừ diệt sai lầm đó.

Họ sẽ phản biện rằng tại sao lễ kính Phật lại được khả năng khắc phục sai lầm. Ta cũng trả lời trước luôn rằng vì đó là Nhân

quả. Ai kính thầy mới có khả năng làm thầy; ai kính trọng bậc thánh mới chứng quả thánh; ai tôn kính Phật thì vị lai sẽ làm Phật. Khi ta tôn kính Phật, tự nhiên ta có phước vượt lên về trí tuệ và đức hạnh, khiến ta giống Phật dần dần. V.v...

- Ta có lý luận rằng: Người có đời sống vị tha sẽ có được sự an vui trong nội tâm. Kẻ phản biện sẽ nói rằng rất nhiều người vị tha nhưng vẫn khổ sở hay gặp nhiều nghịch cảnh.

Ta sẽ trả lời trước rằng có thể do túc nghiệp nên người vị tha vẫn phải gặp những nghịch cảnh trong cuộc sống, nhưng họ không bị quá bất an phiền não như những người ích kỷ. Vì sao, vì sự vị tha là đi ngược lại bản ngã, mà bản ngã là bất an phiền muộn, nên bất cứ ai vị tha đều ngược lại với bất an phiền não. Người vị tha luôn luôn vất vả hơn người ích kỷ vì họ rất siêng năng giúp đỡ người khác, nhưng chắc chắn là họ an vui hơn người ích kỷ.

- Ta có lý luận rằng: Tiền bạc tài sản mà ta

có được vừa là phước của ta, cũng vừa là sự thử thách về đạo đức của ta, cũng vừa là trách nhiệm của ta.

Kẻ phản biện sẽ nói rằng tiền của ta thì ta muốn làm gì thì làm, muốn hưởng thụ hay muốn làm phước tùy ý, chẳng có gì là thử thách hay trách nhiệm cả.

Ta sẽ nói rằng đúng là tiền của ta thì ta có quyền sử dụng tùy ý mình theo như luật pháp xã hội, nhưng luật Nhân quả sẽ phán xét một cách khác. Luật Nhân quả không cho phép ta phí phạm tiền bạc, không cho phép ta sử dụng tiền bạc một cách vô nghĩa. Ai xài phí phạm sau này sẽ không có tiền nữa; ai hà tiện bòn xén sau này cũng sẽ không có tiền nữa; ai dùng tiền để hưởng thụ riêng mình thì sau này sẽ không có tiền nữa; ai bố thí cúng dường không đúng chỗ thì sau này cũng không có tiền nữa, v.v... Ta hiểu về tiền bạc theo luật pháp xã hội cũng chỉ là một khía cạnh. Phải hiểu theo luật Nhân quả nữa mới trọn vẹn, và ta sẽ thấy sự thử thách cũng như trách nhiệm của ta nơi tiền bạc sở hữu

của mình.

- Ta có lý luận rằng: Đạo đức quý hơn tình ruột thịt.

Kẻ phản biện sẽ nói rằng tình máu mủ ruột thịt dù sao vẫn đậm đà hơn người dưng nước lã.

Đúng là máu mủ thì vẫn có cái gì khác với người dưng nước lã, nhưng máu mủ mà không có đạo đức thì vẫn làm khổ nhau như thường. Biết bao nhiêu trường hợp con cái bất hiếu với cha mẹ, cha mẹ hành hạ con cái, anh em giết nhau vì giành gia tài! Còn có những người không máu mủ, nhưng có đạo đức sâu sắc, biết sống đời vị tha thì vẫn là người đem lại hạnh phúc cho mọi người chung quanh họ. Chính vì có nguyên lý này, đạo đức quý hơn ruột thịt, mà ta mới có Tăng đoàn lý tưởng sống với nhau còn hơn cả ruột thịt. Chính vì đạo đức quý hơn ruột thịt mà ta mới có thể bước ra xã hội để cùng nhau làm được những điều dựng xây tốt đẹp. Tình ruột thịt chỉ tốt đẹp khi những người trong gia đình có đạo đức mà thôi. Ai quá tin vào

tình ruột thịt sẽ bị vấp vào lúc nào đó. Muốn tình ruột thịt được lâu bền hạnh phúc thì phải xây dựng đạo đức cho nhau. Thật ra muốn tiên liệu được sự phản biện của người khác đối với ta thì trước hết ta phải tập phản biện những ý tưởng của người khác thử xem sao. Ta nên dự những buổi thuyết giảng của các vị khác và lắng lẽ ghi lại những ý kiến phản biện của mình. Ta có thể đọc các tác phẩm của các tác giả và âm thầm ghi ra những ý kiến phản biện của mình. Dĩ nhiên có khi ta cũng phản biện sai, nhưng cứ tập như vậy để lấy kinh nghiệm.

Sau này khi soạn bài giảng, ta luôn luôn cảnh giác trước mọi lý luận phản biện có thể xuất hiện vào một kẻ hở nào đó trong lý luận của ta. Ở trên là ta đưa ra một ý kiến phản biện. Trong thực tế, ta có thể bị nhiều ý kiến phản biện bao vây cùng một lúc. Bốn phận ta là phải hóa giải hết tất cả sự phản biện đó để cho bài giảng của ta hoàn chỉnh hơn.

Ta càng tiên liệu được nhiều ý kiến phản

biện chứng nào, càng hóa giải được những ý kiến đó trọn vẹn chừng nào thì bài giảng của ta càng xuất sắc chừng nấy. Nắm được điều này, ta sẽ thấy rằng việc soạn dàn bài chính là việc tiên liệu sự phản biện. Ta đưa ra một ý tưởng, nhiều người sẽ phản bác. Người bình dân phản bác khác; người trí thức phản bác khác; người hơn thua phản bác khác; người ngoại đạo phản bác khác; người kém thực hành phản bác khác v.v... Ta phải đoán được tâm lý, trình độ của từng hạng người để biết trước họ sẽ phản bác như thế nào. Ví dụ, ta đưa ra Ý tưởng rằng Chưa cần quả báo, ngay khi ta đem niềm vui cho người thì tâm ta đã được vui rồi. Ta đoán rằng người bình dân sẽ phản bác là: Nhiều khi giúp người còn bị chưởi nữa; người trí thức sẽ phản bác rằng: Niềm vui đó rất nhỏ, không đáng để ta quan tâm; người có tính hơn thua sẽ phản bác rằng: Nói như vậy không thuyết phục; người ngoại đạo sẽ cho rằng: Thượng đế là người quyết định vui buồn; người chưa

từng bổ thí sẽ nghĩ rằng: Cho tiền ai tốn kém lắm, làm sao vui được.

Như vậy, sau khi đưa ra Ý tưởng chính, ta sẽ lần lượt giải tỏa từng sự phản biện như thế.

Trường hợp sự phản biện là rất hợp lý thì ta phải vui vẻ chấp nhận và bổ sung vào bài giảng của mình như là sự Ngoại lệ. Ví dụ ta đưa ra rằng Ăn chay là yếu tố bắt buộc cho đời sống tu hành. Người phản biện sẽ nói rằng thời đức Phật đi khát thực ai cho gì ăn nấy, không hoàn toàn ăn chay. Điều này rất đúng, do đó ta phải bổ sung thêm ý nghĩa Tam tịnh nhục, rồi bổ sung tiếp trong thời đại hôm nay Phật tử hoàn toàn có thể mang thức ăn chay đến cúng dường mà quý thầy khỏi phải khát thực; và ta cũng bổ sung luôn ý tưởng về một tương lai khi kỹ thuật cho phép tạo ra những tảng thịt trong phòng lab giúp cho con người có dinh dưỡng mà không phải sát sinh...

Bài tập cho bài học hôm nay là Tăng Ni sinh tự đưa ra ý tưởng và tự phản biện lại chính mình. Nói và thu vào máy khoảng 10 phút. Ai phản biện càng nhiều thì càng được điểm cao.

HOÀNG PHÁP 22

KHÔI

HÀI

1. Ý nghĩa của khôi hài trong bài giảng

Khôi hài là làm cho người phá cười lên hoặc mỉm cười thoải mái vui vẻ. Một bài giảng với những đạo lý nghiêm túc có thể làm mọi người trân trọng yêu quý nhưng cũng tạo nên tâm trạng hơi căng thẳng. Chính những giây phút khôi hài ngắn ngủi bất ngờ sẽ giải tỏa được những căng thẳng đó và làm mọi người thư giãn phần khởi. Khôi hài làm cho bài giảng không còn bị cảm giác dài lê thê nữa, có thể khiến cho người nghe vẫn còn muốn nghe tiếp khi thời gian đã hết.

Giảng sư phải có khả năng khôi hài để cho bài giảng vui tươi thoải mái, không bị căng thẳng. Dĩ nhiên là Đạo lý chân chính cũng có sức mạnh giải tỏa những phiền muộn bất ổn trong đời sống và trong tâm hồn của con người, nhưng những giây phút khôi hài sẽ làm mọi người thư giãn nhiều hơn nữa. Nghe một giảng sư có thể tạo nên những nụ cười, những trận cười cho thính chúng là ta biết vị giảng sư đó đã tung bay trên nghệ thuật diễn giảng một cách tự tại. Nếu giảng sư cứ chăm chăm nghiêm nghị nói suốt buổi giảng thì ta biết vị này chưa hoạt dụng rộng rãi. Vì vậy, Tăng Ni sinh phải rèn luyện khả năng khôi hài để sử dụng trong bài giảng một cách hiệu quả.

Điều ta cần lưu ý là Khôi hài không phải là đùa giỡn. Đùa giỡn là sự yếu kém của nhân cách, trong khi Khôi hài là sự sắc bén của trí tuệ. Có những người không phân biệt được hai phạm trù này nên đã sử dụng lẫn lộn, thay vì Khôi hài, đã đùa giỡn và làm giảm giá trị bài giảng. Đùa

giống là tự mình làm hề, chọc phá, nghịch ngợm nên cũng có thể làm cho người khác cười, nhưng cũng làm cho người khác xem thường. Ta dễ dàng nhận ra nơi các buổi diễn hài trên sân khấu, có một số diễn viên khôi hài sâu sắc làm ta cười nhưng ta phực; và cũng có những diễn viên làm hề khiến ta cười nhưng ta coi rẻ. Diễn viên hề Charlot là một biểu tượng về sự khôi hài siêu đẳng, khôi hài chọc cười nhưng rất ý vị và trí tuệ.

Muốn khôi hài, muốn gây nên tâm lý thoải mái cho thính chúng, muốn tạo nên những nụ cười vui vẻ cho mọi người thì chính chúng ta phải vui vẻ, thoải mái trước đã. Đây chính là điều kiện tiên quyết cho nghệ thuật khôi hài. Người hay buồn phiền, hay giận hờn, hay ganh ghét khó thể nào có khả năng khôi hài được. Màu đen không thể vẽ nên những dòng chữ trắng; ngọn lửa không thể tỏa ra sự mát dịu; cũng vậy, một tâm hồn căng cứng, cố chấp, bất an, phiền muộn không thể nào gây cho mọi người những nụ cười vui vẻ thoải mái

được. Ta phải tu dưỡng thuần thực để diệt trừ hết những phiền muộn vô lý, những giận hờn nhỏ nhen thì mới có thể tập luyện khả năng khôi hài được. Ta phải rất lạc quan thanh thản, rất vui vẻ hài hòa thì mới làm cho mọi người vui theo được. Có những sự tình lỡ ra làm ta giận, nhưng ta không giận mà trái lại còn khôi hài thoải mái. Đó là bản lĩnh lớn, là đạo lực lớn. Ngoài ra, ta phải rất có trí tuệ mới chọn được những cơ hội gây cười cho mọi người.

Thật ra không phải lúc nào ta cũng có thể khôi hài được. Khôi hài sẽ xuất hiện theo từng cơ hội, và cũng rất bất ngờ. Những ai có bản lĩnh và có năng khiếu mới có thể chụp lấy cơ hội đó để gây nên nụ cười thoải mái cho người chung quanh.

2. Những nguyên tắc của Khôi hài

Khôi hài có những nguyên tắc rất cơ bản. Ai thực hiện đúng như vậy thì hiệu quả sẽ xuất hiện, nghĩa là khiến cho mọi người vui cười. Nếu sai nguyên tắc thì ta nói ta

cười nhưng người chung quanh trơ trơ, rất buồn cười.

Chê bai một cách kín đáo và không ác ý là nguyên tắc số một của Khôi hài.

Không hiểu sao con người sẽ cười khi có một ai đó phạm khuyết điểm. Tâm lý này rất là kỳ lạ nhưng là bản chất của mọi người. Ví dụ khi ta trông thấy một người vấp ngã lăn cù giữa đường, ý niệm đầu tiên của ta là xem họ có bị thương tích gì hay không. Nếu họ không bị thương tích gì quá đáng thì ý niệm tiếp theo của ta sẽ là tức cười, cười chê sự bất cẩn của họ, cười chê cái tư thế lảo nhão chông gọng không bình thường của họ. Vì chê nên cười; cười là do chê. Đây chính là nguyên tắc của Khôi hài.

Tuy nhiên trong nghệ thuật Khôi hài thì cái cười chê đó không có đi chung với sự ganh ghét, khinh bỉ, mà chỉ đi chung với sự vui vẻ. Nếu ta chê ai với ác ý, ganh ghét, khinh bỉ thì không còn là Khôi hài nữa mà đã biến thành sự cay nghiệt chỉ trích. Đây là yếu chỉ cực kỳ quan trọng. Vì

vậy người muốn có óc khôi hài phải có một nội tâm phóng khoáng không ghét ai, không khinh thường ai.

Cùng là chê, nhưng chê với tâm vui vẻ độ lượng thì biến thành khôi hài, chê với tâm ganh ghét thì biến thành chỉ trích.

Tuy nhiên, chỉ có chê thì chưa đủ yếu tố để tạo thành khôi hài, mà phải có yếu tố bí hiểm khó hiểu một chút thì mới thành khôi hài.

Tâm lý con người còn có một đặc tính nữa là khi hiểu ra vấn đề gì, ta cũng nở nụ cười mãn nguyện. Vì vậy, người nói khôi hài không được nói rõ cái ý chê của mình một cách huých tẹt, mà phải nói kín kín để cho người nghe phải suy luận thêm một bước nữa thì mới hiểu, và hiểu xong thì cười.

Ví dụ, ta muốn nói đùa là người bạn mình hơi mập, nhưng ta nói thẳng là sao anh mập quá thì không có gì là khôi hài, mà ta phải nói bóng gió là nhìn anh biết ngay nước mình đã hết nghèo hoặc thấy anh bước vào tôi mừng quá vì này giờ cứ

tưởng động đất lần nữa...

Ví dụ, ta muốn đùa với những người có tật nói nhiều, thay vì nói thẳng là sao anh nói nhiều quá, ta lại nói rằng người nào ngồi với anh 2 giờ liền mà không xỉu thì đó là anh hùng dân tộc...

Cường điệu cũng là yếu tố giúp thêm hiệu quả khôi hài khi ta chê ngàm như vậy. Ví dụ ta muốn chọc ai có tật bồn xền, thay vì ta nói sao cô đó hà tiện quá, thì ta lại nói ai mà lòi được đồng tiền trong túi cô đó ra ngoài được thì người đó là Hercule.

Chuyện hài có tính cường điệu kể về những người hà tiện thi lặn dưới nước, ai ló lên khỏi mặt nước trước thì phải trả 50 đồng, thế là 3 ngày sau cả hai cùng nổi lên.

Ví dụ ta muốn chọc người có tật ở dơ, ta có thể nói rằng mỗi khi người này đi tới đi lui bóp trán suy nghĩ thì thế nào cũng được một cục thuốc tể. Đâu có ai dơ đến nổi kỳ cọ trên trán mà có thể lấy ra một cục đất bằng cục thuốc tể, nhưng phương pháp cường điệu cho khôi hài thì được

quyền nói như vậy.

Ví dụ ta muốn chọc đùa một người, nói xấu một người cho vui chứ không ác ý, thì tùy theo hoàn cảnh lúc đó có ai đang nói về số phận cô này lấy chồng thì sẽ khổ, ta nói thêm vào còn cô kia lấy chồng thì chồng sẽ đau khổ. Như vậy nói xấu không ác ý, không có thật, cũng là một nguyên tắc của Khôi hài. Nếu nói xấu mà ác ý và sai sự thật thì trở thành tội vu khống. Còn nói xấu gán ép, sai sự thật, phải được hiểu ngầm, chọc cho vui, không ác ý thì lại là nguyên tắc của khôi hài.

Nói xấu, để cho hiểu ngầm, có chút ác ý thì đích thị là nói móc, nói xỏ xiên, và sẽ gây ác cảm ghê gớm. Yếu tố không có ác ý là rất quan trọng để điều ta châm chọc trở thành khôi hài.

Bất ngờ chuyển từ nghiêm túc sang châm biếm cũng là nguyên tắc gây cười. Trong một bữa ăn, phát hiện lọ đựng tăm đã trống trơn, vị thầy lặng lẽ đặt nắp lại, rồi lớn giọng muốn biểu diễn cho các đệ tử một màn ảo thuật. Tay thầy quơ qua quơ

lại rời mở nhanh nắp lọ tắm ra để cho các đệ tử thấy lọ tắm trống trơn. Thoạt đầu trông như có vẻ thầy đang nghiêm túc, nhưng cuối cùng là trách khéo đệ tử không chu đáo, nhưng trách vui, ai cũng cười, rồi chạy đi kiếm tắm.

Có màn trình diễn hài, một diễn viên giới thiệu một ca sĩ là được nhiều người hâm mộ, và cũng nhiều người hăm dọa. Hai chữ hâm, hăm phát âm gần nhau, chỉ đổi chữ cuối bất ngờ khiến cho vấn đề nghiêm túc bỗng biến thành châm biếm.

Hoặc một lời giới thiệu một người là ngôi sao đang lên và không chịu leo xuống. Về đầu rất nghiêm túc bình thường, về thứ hai tạo nên hình ảnh một người leo lên cây, và khư khư cái gì đó, rất buồn cười. Anh Bò Câu của báo Thanh Niên hay trả lời những thắc mắc về tình cảm. Có người hỏi nếu em cứ lẻo đẻo đi theo một cô gái hoài thì có kết quả gì không. Anh trả lời kết quả là công an sẽ bắt em. Hoặc có người hỏi nếu em cứ đứng đợi cô ấy đi qua để mỉm cười chào cổ, hy vọng sau này cổ sẽ

nói với em điều gì không? Đáp Rất hy vọng cổ sẽ lịch sự mời em dự đám cưới. Sửa một vài chữ của một câu văn hay câu thơ nổi tiếng rồi dùng để châm biếm cũng là cách gây cười. Ví dụ nhạc sĩ Nguyễn Văn Tý có bản nhạc Dáng đứng Bến Tre diễn tả quê hương Bến Tre với những cô gái xinh xắn đứng dưới hàng dừa. Rồi để chọc ai có vẻ ngang tàng, ta nói người này có dáng đứng bến xe. Sửa rất ít, sử dụng tựa bài nhạc nổi tiếng, biến thành châm biếm, thế là ai cũng bật cười.

Hoặc ta sửa câu thơ nổi tiếng của Xuân Diệu yêu là chết ở trong lòng một ít, thành câu yêu là mất ở trong nhà một mớ với ý châm biếm khi yêu người ta cũng tốn kém rất nhiều.

Ta mời khách ngồi ghế, khách nhìn thấy ghế ướt hoặc bẩn và kêu lên ghế ướt. Ta nghiêm túc nói bạn ngồi lên thì ghế mới khô ạ. Dĩ nhiên rồi ta cũng lấy khăn lau, nhưng nói đùa như vậy cũng gây cười, vì làm cho người ta hình dung ra cái cảnh quần bị ướt sau khi ngồi lên ghế.

Không nói rõ, nhưng khiến cho người nghe hình dung ra một cảnh bất thường cũng là nghệ thuật gây cười. Câu chuyện rằng cô giáo hỏi các học sinh hôm nay có làm được việc thiện nào chưa. Một em đứng lên trả lời “thưa cô, hôm nay em và bạn Tí, bạn Bi, bạn Na, bạn Li đã hết sức cố gắng đưa một bà cụ qua đường ạ”. “tốt lắm, nhưng sao đưa có một bà cụ mà phải nhiều em vậy?”. “Thưa cô, vì bà không chịu qua ạ”. Nghe như vậy ta hình dung ra cảnh mấy đứa bé lôi kéo ép bức một bà già qua đường để có thành tích làm việc thiện.

Một anh thanh niên đến khẩn khoản xin hình của một cô gái. Cô gái e thẹn hỏi xin hình em để làm gì. Anh thanh niên trả lời để sau này anh lấy vợ có con, mỗi khi con anh khóc anh đưa hình em ra cho con anh nín. Dĩ nhiên sau đó họ không bao giờ nói chuyện với nhau nữa. Ta cũng hình dung ra gương mặt cô gái như thế nào.

Khi thực hiện thủ thuật khôi hài, ta phải bày tỏ sự đàng hoàng để người nghe

không biết trước là ta sắp châm biếm. Đến khi ta nói hết những chữ cuối cùng thì mọi người mới biết là ta vừa châm biếm, như vậy để tạo nên yếu tố bất ngờ. Đừng nói với thái độ cười cười thì lộ hết bí mật quốc gia.

Có lần Bác Hồ về thăm nhà máy ở Gia Lâm thấy biển hiệu ghi là NHA MAY CO KHI GIA LAM, Bác muốn phê bình lỗi viết chữ không dấu nên làm bộ đứng nghiêm túc đọc là nhà may có khỉ già lắm. Ai cũng cười nhưng hiểu Bác muốn trách khéo, và phải thay đổi ngay sau đó.

Thơ đúng vần luật nhưng từ ngữ thì hóm hỉnh cũng là yếu tố khôi hài. Vị thầy nhiều việc nên hay quên mất giờ hẹn với khách, đệ tử làm thơ bông đùa:

Thầy tôi hay hứa lèo
Cây Thầy hay cho leo
Ai mà không nhắc khéo
Thì sẽ bị chèo queo.

Thơ trào phúng thì phải cực kỳ đúng vần đúng luật mới có tác dụng khôi hài.

Trước Giải phóng 1975, có nhà thơ trào

phúng Tú Xe làm bài thơ châm biếm cảnh
hợp quốc hội thời bấy giờ:

Đại náo nào hơn chốn nghị trường
Mày tao mi tớ rất vắng chương (văn có g)
Đôi khi nước bọt rơi đầy mặt
Bàn ghế bay tung cũng chuyện thường.
Chẳng biết có thật không mà nghe khiếp
quá.

Tự châm biếm chính mình cũng có tác
dụng khôi hài rất tốt. Khách đến viếng
chùa trần trọng đưa bao thư cúng dường
và nhiều phẩm vật khác khá phong phú. Vị
thầy đùa nói mai đến nữa nha. Dĩ nhiên ta
hiểu ngay là ý muốn kêu mai đến cúng
nữa, nhưng ý khôi hài ở đây là vị thầy tự
châm biếm mình rất thích được cúng.
Nhà thơ Đỗ Trung Quân có câu thơ nổi
tiếng ai cũng hiểu, chỉ một người không
hiểu để kể về mối tình đầu, ai cũng biết
ông thương cô đó nhưng chỉ có một mình
cô không biết gì cả. Thế là một hăng được
phẩm bèn dùng ngay câu thơ đó là khẩu
ngữ cho sản phẩm trị bệnh hôi nách của
họ, sửa lại một chút là ai cũng biết, chỉ một

người không biết với ý rằng người mắc bệnh hô hấp thường không hay mình đang làm khổ mọi người chung quanh. Cũng có kiện tụng chút đỉnh. Sau này có một cán bộ cũng dùng câu đó để than thở về việc mình bị cấp dưới bưng bít thông tin nên không biết được sự thật dân tình. ai cũng biết chỉ một mình không biết. Đó là tình trạng cảnh sát giao thông những nhiều tài xế, cán bộ hành chánh gây phiền hà cho dân để vòi vĩnh v.v... mà người trên không hay biết gì hết.

3. Khôi hài trong bài giảng

Trước khi ta tạo ra được những tình huống khôi hài trong bài giảng thì ta phải đã đi qua kinh nghiệm khôi hài trong cuộc sống rất nhiều rồi. Trong cuộc sống bình thường ta phải thường hay khôi hài để làm cho mọi người chung quanh cười vui thoải mái cái đã. Khi có những cơ hội để chọc mọi người vui cười thì ta không bỏ qua, liền nói vài câu ý vị khiến mọi người bật cười. Dĩ nhiên là ta phải tuân thủ nguyên

tắc, khôi hài khác với đùa giỡn. Khôi hài là biểu hiện của trí tuệ, tâm an vui và lòng nhân ái độ lượng. Còn đùa giỡn là sự non kém của nhân cách. Khi đã dễ dàng khôi hài với mọi người trong cuộc sống bình thường rồi thì ta mới có thể tạo ra yếu tố khôi hài trong bài giảng. Có khi lúc soạn bài ta chưa hề chuẩn bị ý khôi hài, nhưng khi đang ứng khẩu giảng, ta chợt thấy hiện ra cơ hội, liền áp dụng các nguyên tắc khôi hài thế là tạo nên những nụ cười thoải mái cho thính chúng.

Ví dụ, ta đang nói về người tu cũng phải biết quan tâm thăm hỏi Phật tử một chút như sau Lúc này quý Phật tử khỏe không, công việc làm ăn ổn định không, con cái học ngoan không, hai bác bây giờ ở đâu, vàng chôn ở đâu?... ban đầu hỏi nghiêm túc, bất ngờ chen vô một câu điều tra tài sản bí mật giống như ăn trộm nên rất tức cười.

Ví dụ, ta đang nói về việc chỉ có những bậc Thánh trầm lặng hư vô mới có quyền biết được tiền kiếp vì các ngài biết giữ bí

mặt và ứng xử bình thường. Còn những người chưa có đạo lực mà biết tiền kiếp thì không sống bình thường được. Ví dụ một em bé nhớ lại tiền kiếp rằng cái bà già cháu chắt đùm đề ở hàng xóm là vợ mình kiếp trước nên cứ đứng trước cửa chờ đợi bà già đi ra để nói “anh nhớ em lắm” thì thật là rắc rối. Hình ảnh đó rất là khôi hài. Đạo lý thì nghiêm túc nhưng đưa ra ví dụ thì rất là buồn cười.

Ví dụ, ta muốn nói rằng những điều ta nắm được trong tay không chắc là của ta, dù đó là tiền bạc, quyền chức, gia đình, danh tiếng. Một người đàn ông dắt tay vợ đi mua sắm ở cửa hàng đông đúc. Ông rút tay ra lấy cái khăn lau mặt xong nắm tay vợ tiếp thì bị ăn nguyên một cái tát tóe lửa. Thì ra ông vừa nắm tay bà nào khác. Câu chuyện hài này không ăn nhập với đạo lý lắm nhưng cũng đưa ra một minh họa về cái nắm tay, nắm cái không phải của mình. Ví dụ, ta muốn nói về mọi thứ trên đời đều thay đổi, chiếc hoa đã tàn úa, tình thương yêu đã phai pha, người thân yêu đã chia

xa, sự vinh quang đã từ già, mái tóc đã ngã màu, hàm răng chỉ còn vừa đúng 2 chiếc... về cuối bất ngờ làm nên hiệu ứng khôi hài tức thì.

Ta dẫn thơ của Đỗ Trung Quân, quê hương là chùm khế ngọt, cho con trèo qua nhà hàng xóm hái mỗi ngày... bỗng nhiên biến thành sự nghịch ngợm của tuổi thơ. Ví dụ, đôi khi ta cũng có thể sử dụng những từ lóng thời đại chút ít cũng vui vui như chảnh, không dám đâu, nổ, oải, rởm, ... nhưng đừng dùng thường quá làm mất giá trị bài giảng.

Bài tập cho bài học này là Tăng Ni sinh tạo ra 3 mẫu khôi hài, hoặc trong đời sống, hoặc trong bài giảng, nói thu vào băng.

HOÀNG PHÁP 23

YẾU TỐ

TÂM LINH

1. Tâm linh là gì

Song song với lời lẽ tuôn tràn, điều bộ chuẩn xác, giảng sư còn thuyết pháp bằng một yếu tố vô hình khác cho thính chúng, đó là tâm linh.

Tuy là vô hình, nhưng yếu tố tâm linh cũng tạo nên hiệu quả cho gần phân nửa bài giảng. Ta có thể tưởng tượng một giảng sư đăng đàn với lời lẽ hợp lý, nhưng thiếu hẳn sức mạnh tinh thần, không tạo nên một sự lôi cuốn thẳng vào tâm thính chúng. Bài giảng đó cũng không hấp dẫn. Thật sự đã có những giảng sư nói không sai với kinh điển nhưng vẫn không làm người nghe ham thích chú ý, chỉ vì thiếu sức mạnh tâm linh. Sức mạnh tâm linh này là vô hình nên ta không thể phân tích, nhìn thấy, chỉ rõ cho nhau được. Ta chỉ có thể gợi ý để mỗi người tự chiêm nghiệm lấy, cảm nhận lấy về sức mạnh nội tâm của diễn giả giúp tạo nên sự nối kết chặt chẽ từ tâm diễn giả đến tâm của thính chúng.

Có những giáo viên dạy học bình thường, cũng lên lớp đều đặn như bao nhiêu người khác, nhưng mỗi khi người đó xuất hiện thì học sinh tự nhiên chú ý. Cũng có những giáo viên khác, dù la lối hăm dọa đủ cách, vẫn không làm học sinh im lặng nghe giảng chăm chú được. Chính cái thần riêng của mỗi người đã tạo nên sức thu hút đối với học sinh. Cái Thần đó thuộc về yếu tố tâm linh.

Thật ra mỗi người đều có một mức độ năng lực tâm linh nào đó, không giống nhau. Nơi giảng sư, năng lực tâm linh chính là sự nối kết từ tâm mình đến tâm thính chúng. Năng lực đó làm cho mọi người cảm thấy bị lôi cuốn phải lắng nghe từng lời từng chữ để hiểu hết bài giảng. Nhờ sự cuốn hút đó mà bài giảng không bị phí phạm. Nhiều khi ta soạn bài rất công phu, có nhiều ý tứ độc đáo mới lạ, nhưng khi trình bày thì người nghe lơ đãng cũng rất là uổng phí.

Những nghệ thuật như khôi hài, ý tứ mới lạ, chuyện kể, ví dụ, thơ ca, đã góp phần

làm lôi cuốn sự chú ý của thính chúng rồi, nhưng lúc nào cũng phải có yếu tố tâm linh để duy trì sự lôi cuốn từ đầu tới cuối. Nếu không có yếu tố tâm linh thì khi ta nói hay mọi người sẽ lắng nghe, khi ta nói bình thường thì mọi người sẽ lơ đãng lập tức.

Những lãnh tụ lỗi lạc, những nhà chỉ huy tài ba đều có cái Thần mạnh mẽ khiến cuốn hút tâm hồn mọi người một cách tự nhiên. Mỗi khi họ xuất hiện là mọi người bị lôi cuốn dữ dội. Đứng trước một lãnh tụ đầy thần uy như vậy, hầu như người ta chỉ biết vâng lời. Chính nhờ sức mạnh đó mà các lãnh tụ đã kéo cả dân tộc đứng lên hành động làm thay đổi cả đất nước. Một số nghệ sĩ cũng có sự lôi cuốn vì tài năng, danh tiếng và sắc đẹp, nhưng không tạo nên sự kính nể như các nhà chỉ huy. Đa số khi gặp các nghệ sĩ, ta nhìn chăm chăm vì tò mò nhiều hơn. Có khi ta cũng ngưỡng mộ người nghệ sĩ, nhưng điều đó vẫn khác với sự lôi cuốn từ các lãnh tụ. Nếu một quan chức không có cái Thần lạ

lòng đó thì có khi họ lên chức bằng con đường khác, không phải do tài năng đức độ.

Nhà thuyết giáo lại cần có cả hai cái sự thu hút như thế, mỗi cái một chút, vừa cái uy đức như một nhà chỉ huy, vừa cái dễ thương của một nghệ sĩ. Đức Phật là một biểu tượng tuyệt vời về sức thu hút đối với mọi người. Phật có phong cách cực kỳ trầm lặng, nhưng đồng thời tỏa ra một vùng từ bi rộng lớn chung quanh khiến chúng sinh yêu mến. Phật cũng tỏa ra một hào quang của sự uy nghi, trí tuệ khiến chúng sinh kính phục vô hạn. Vì thế, khi Phật cất lời, mọi người chăm chú nghe không sót một chữ.

Bình thường, sự liên kết tâm linh giữa người giảng và người nghe xuất phát từ đôi mắt của giảng sư. Người có đôi mắt tốt, sáng, có tâm lực bên trong sẽ thu hút mọi người bằng cái nhìn của mình. Đôi mắt thật sự là cửa sổ của tâm hồn nên khi nhìn nhau, người ta đi vào tâm hồn nhau là như thế. Khi giảng, giảng sư đảo mắt

nhìn đến đâu là kéo tâm hồn của mọi người về với mình đến đấy.

Tuy nhiên, không phải ta cố gắng nhìn cho mạnh là tạo nên thần lực. Cái sức mạnh ở đôi mắt lại bắt nguồn ở nội tâm. Chính những người có nội tâm trầm lắng lại là những người có thần lực ở đôi mắt hơn cả. Ai không hiểu điều này, chỉ chuyên lo luyện mắt lại bị phản tác dụng, khi nhìn sẽ làm người đối diện khó chịu.

Thần lực còn hiện ra trong từng cử chỉ đĩnh đạc trầm tĩnh. Người có tâm lực sẽ có những cử chỉ chuẩn xác nhưng làm ta cảm nhận sức mạnh của sự cương nghị tiềm ẩn trong đó. Cũng một cái quơ tay, nhưng người yếu tâm lực vẫn quơ khác với người mạnh tâm lực. Ta nhìn một người có sức mạnh nội tâm sẽ thấy họ đi đứng hay cử động gì cũng ẩn tàng một sự nhẹ nhàng nhưng mạnh mẽ.

Trong một số phim truyện ta còn thấy cảnh một tay trùm xã hội đen nói chuyện với người dưới quyền bằng cách quay lưng lại nhưng vẫn làm đàn em sợ chết khiếp. Cái

thần của hấn mạnh đến nỗi hấn không cần phải nhìn hay cử động tay chân. Sự bất động của hấn còn mạnh hơn cả sấm sét. Ta chưa dám thử nghiệm giảng quay lưng lại thính chúng để xem thính chúng có còn tiếp tục chăm chú hay không. Tuy nhiên ví dụ đó cho ta bắt đầu nhận ra sự hiện diện của một loại sức mạnh nội tâm vô hình nhưng tác động vào tâm hồn con người rất mạnh.

Làm một giảng sư Phật pháp, ngoài những đạo lý và nghệ thuật diễn giảng, ta còn phải chú ý rất nhiều đến sức mạnh tâm linh vô hình như vậy để bài giảng đạt được hiệu quả tối đa. Đạo lý, giọng nói, phương pháp diễn giảng có tiếng nói riêng, và sức mạnh vô hình của nội tâm cũng nói rất nhiều với mọi người theo cách khác. Không phải ta tạo ra một sức mạnh tâm linh vì muốn được chú ý cho bản ngã, mà thực sự ta chỉ muốn bài giảng được mọi người theo dõi kỹ lưỡng trọn vẹn. Đó là trách nhiệm mà thôi.

2. Rèn luyện sức mạnh nội tâm

Khi có sức mạnh nội tâm, ta sẽ nhận ra sự chú ý của thính chúng khi mình xuất hiện. Ta cũng nhận ra sự nối kết từ tâm ta đến tâm của người nghe rất rõ ràng. Chính nhờ cảm nhận được điều này nên ta có thể luôn luôn theo dõi sự chú ý của thính chúng liên tục. Chỉ cần một thoáng gián đoạn sự kết nối từ tâm đến tâm là ta phải điều chỉnh ngay lập tức nơi chính mình để giúp người nghe quay lại chú ý bài giảng. Sự kết nối từ tâm người giảng đến tâm người nghe là vô hình, nhưng giảng sư phải luôn luôn nhìn thấy sự kết nối đó. Lễ Phật với lòng thiết tha tôn kính hằng ngày chính là nguồn gốc tạo nên sức mạnh tâm linh như thế. Khi ta an trú tâm hồn mình trong niềm tôn kính Phật tha thiết thì lâu ngày tự nhiên ta có một nội tâm mạnh mẽ, trầm hùng. Đây là công đức chính yếu của việc rèn luyện tâm lực. Nhân quả được tìm thấy là khi ta kính trọng bậc đáng kính thì ta sẽ thành tựu được những phẩm chất của vị đó. Phật là

đáng đáng kính nhất trên trần gian này, vì thế ta sẽ được công đức lâu bền và to lớn khi mỗi ngày ta đều quỳ xuống lễ kính Phật tha thiết như thế.

Lòng tôn kính Phật lớn lao chừng nào thì sức mạnh nội tâm của ta sẽ càng lớn lao chừng nấy. Đến khi nào ta cảm nhận được rất rõ là vì Phật ta sẵn sàng hy sinh thân mạng của mình thì niềm tôn kính đó là tuyệt đối, thành tựu. Ta sẽ duy trì niềm tôn kính đó mãi mãi qua vô lượng kiếp sau. Dĩ nhiên tâm niệm hy sinh thân mạng vì Phật không phải khiến cho ta làm điều gì liều lĩnh bậy bạ. Đó chỉ là dấu hiệu của lòng thành kính đã đạt được cực điểm mà thôi. Khi ta thuần thục lòng tôn kính Phật thì tự nhiên nơi hội giảng, mọi người nhìn ta cũng quý trọng lắng nghe.

Lòng Từ bi thương yêu tất cả chúng sinh cũng là nguyên nhân khởi phát sức mạnh nội tâm. Thật vậy, sau một thời gian tu tập lòng từ bi (5 năm trở lên), ta sẽ cảm thấy rõ tâm mình thương yêu mọi người hơn,

quan tâm đến đời sống và tâm tình của mọi người hơn, và kết quả là mọi người cũng cảm thấy gần bó với ta hơn. Khi lòng Từ bi thuần thực, ta sẽ nhận ra sự gắn kết từ tâm đến tâm khi ta xuất hiện trước mặt mọi người trên bục giảng.

Người thành tựu lòng Từ sẽ xuất hiện một sức hấp dẫn vô hình đối với chúng sinh. Sức hấp dẫn đó hiền lành, nhẹ nhàng, êm dịu khiến mọi người cảm thấy rất dễ chịu thoải mái. Trong các nguyên nhân tạo nên sức mạnh nội tâm, Phật khuyến khích nhiều nhất là tu tập Từ tâm. Từ tâm chẳng những tác động đến con người mà còn tác động đến các chúng sinh trong cõi giới tâm linh như chư Thiên, Asura, các hương linh còn lẫn quất nơi cõi người... Các loài thú có tâm linh mẫn tiệp cũng nhận ra người có tâm từ bi.

Ai có tâm nguyện muốn làm giảng sư phải tu tập Từ tâm rất nhiều để có được sự giao cảm với chúng sinh, có được sự gắn kết tâm hồn với thính chúng.

Sự quan tâm đến mọi người chung quanh lâu ngày cũng giúp tạo nên tâm lực vô hình. Đây chính là bước tiếp theo của việc tu tập Từ tâm. Chỉ “thương” thôi là chưa đủ, cần phải quan tâm đến tâm tình, đời sống, sức khỏe của mọi người chung quanh, và phải có việc làm cụ thể để đem đến an vui cho nhau.

Khi lòng thương yêu của ta lớn dần, tự nhiên ta hay quan tâm đến con người. Ta quan tâm đến tâm hồn, đến niềm vui nỗi khổ của nhau. Chính cái quan tâm đó đã tạo ra sự cảm ứng từ tâm đến tâm dần dần. Sau này đứng trên bục giảng nhưng tâm ta tự nhiên đi vào tâm của mọi người và cũng khiến cho mọi người chăm chú vào bài giảng nhiều hơn. Ai sống hời hợt ích kỷ chỉ biết đến mình thì không bao giờ tạo ra sự cảm ứng với tâm của mọi người được.

Nhiều người hay nói rằng “Thầy đó vừa xuất hiện là không khí trong giảng đường ấm áp liền”. Cái gọi là không khí đó chính là tâm lực của vị thầy tỏa ra bằng bạc cả

không gian và thu hút mọi người. Thật ra để có thể tỏa được tâm lực ra cả một vùng nơi mình xuất hiện cũng phải là công phu của nhiều kiếp quan tâm yêu thương giúp đỡ chúng sinh.

Thiền định là yếu tố chính trong việc tạo nên tâm lực gắn kết với mọi người. Khi một người tu thiền có được Chánh niệm tỉnh giác thì lập tức người này đã có một vòng hào quang vô hình nhẹ nhẹ tỏa ra chung quanh mình. Đồng thời người này cũng tỏa ra một vùng cảm ứng đối với người chung quanh. Một vị giảng sư chứng được Chánh niệm tỉnh giác thì có một sức hút rất rõ đối với thính chúng. Khi giảng, vị này cũng luôn luôn theo dõi sự cảm ứng này để biết thính chúng có xao lãng hay không. Không phải là ta nhìn nét mặt từng người để biết họ có chăm chú hay xao lãng. Ta chỉ nhìn sự cảm ứng vô hình từ ta tỏa ra, có được đón nhận hay không. Nếu ta không nhận ra sự đón nhận của thính chúng thì ta phải lập tức

thay đổi ý tứ hoặc giọng nói, hoặc cử chỉ liền lập tức để kết nối lại tâm hồn với nhau.

Vừa giảng vừa theo dõi tâm của người nghe là đỉnh cao của nghệ thuật diễn giảng.

Có những diễn giả chỉ bận tâm sắp xếp câu chữ ý tứ của mình mà không quan tâm đến tâm tình của thính chúng. Kết quả là buổi giảng tẻ nhạt vì không có một sự cảm ứng tâm hồn giữa người nói và người nghe. Việc diễn giả không để ý đến tâm của người nghe có thể lý do là vị đó không có thói quen đó, hoặc vị đó mới giảng nên không thể phân tâm ra làm hai, vừa sắp xếp ý tứ câu chữ, vừa theo dõi cái cảm ứng vô hình với nhau.

Những người có bản lĩnh thuyết giảng thì rất tự tại, vừa sắp xếp câu chữ, vừa có thể theo dõi sự cảm ứng tâm của khán giả. Chỉ cần thính chúng lơ đãng chút xíu như sợi tóc là họ nhận ra liền và điều chỉnh sự thuyết giảng cho thích hợp để lập lại sự gắn kết tâm với tâm lập tức. Người như

vậy khi thuyết giảng, tâm lực của họ bao trùm cả thính chúng rất mạnh và tạo nên sự thu hút rất lớn. Khán giả cũng thích tham dự những buổi giảng như thế vì họ sẽ không cần phải gắng sức chăm chú theo dõi bài giảng, sức mạnh của giảng sư đã kéo họ đi từng giờ từng phút rồi.

Ngược lại khi tham dự một buổi giảng của một vị yếu kém về tâm lực, thính chúng phải gắng sức chăm chú theo dõi từng câu chữ nếu muốn hiểu nội dung bài giảng. Họ phải tìm đến nội dung, khác với việc họ được rót nội dung vào lòng một cách nhẹ nhàng thoải mái.

Ta có thể nói rằng Tâm lúc nào cũng ở nơi thính chúng là đặc điểm của giảng sư giỏi. Nếu khi giảng mà tâm ta ở nơi ta thì biết ngay sự nối kết tâm linh đã bị thiếu, bài giảng sẽ nhạt nhẽo. Nếu khi giảng mà tâm ta ở nơi thính chúng thì sự kết nối tâm đã hiện diện và bài giảng sẽ hiệu quả hơn. Ta cũng có thể đóng vai người nghe để cảm nhận điều này qua nhiều giảng viên khác nhau. Có người giảng mà tâm của người

ấy không đến được với thính chúng; có người giảng mà tâm đến với thính chúng. Ta sẽ nhận ra sự khác biệt rất rõ.

Tâm cỡ của hội chúng cũng là sự thử thách đối với tâm lực của giảng sư. Có khi giảng viên chỉ đủ sức phủ tâm mình đến một nhóm vài mươi người như trong buổi đàm đạo, nhiều hơn số đó là họ cảm thấy lạc lõng; có giảng sư đủ sức phủ tâm mình đến vài trăm người nghe; có giảng sư có thể phủ tâm mình đến vài nghìn người; có giảng sư có thể phủ tâm mình đến cả những người ngồi cách vách tường đang lắng nghe. Phật có thể phủ tâm mình trong khi thuyết pháp đến vô biên pháp giới khiến cho cả Trời rồng Atula... đều cảm thấy

bị thu hút mạnh mẽ.

Nếu tâm lực ta mạnh, ta sẽ tạo ra sự thu hút đối với số đông; nếu tâm lực ta yếu, ta bị tâm của mọi người sấm soi khiến ta bị chao đảo bất an. Tâm ta bất an rồi thì không còn sự gắn kết tâm ta với tâm thính

chúng nữa.

Có nhiều người quen đứng trước sổ đông để ca hát, dẫn chương trình nên cũng không bị mất bình tĩnh. Nhưng nếu họ không có tâm lực lớn mạnh thì cũng không gây nên sự thu hút nhiều đối với quần chúng. Hầu hết người nổi tiếng có sự thu hút thì cũng phải có một tâm lực trong chừng mực nào đó chứ chẳng phải hoàn toàn không. Họ cũng có cái phước ở đời trước để bây giờ cũng có cái thần cần thiết giúp thu hút quần chúng.

Nếu có được tâm lực khi giảng rồi thì tự nhiên tâm lực đó vẫn tồn tại mãi trong bài giảng dù ta thu âm chuyển đi chuyển lại nhiều lần. Nghĩa là, nếu người ngồi trong giảng đường nghe trực tiếp giảng sư thuyết pháp và cảm thấy rất hấp dẫn lôi cuốn thu hút, rồi lấy bài giảng đó thu âm đem đưa người khác nghe, người nghe sau vẫn cảm thấy có sự thu hút như được giảng sư đang nói trực tiếp với mình. Tâm lực tồn tại một cách vi diệu không biên giới

như thế.

Càng quên mình càng có nhiều tâm lực. Đây là hệ quả rất hợp lý và tự nhiên. Trong đời sống bình thường, ta sống vị tha; khi ở một mình, ta buông bỏ vọng tưởng; lúc nào ta cũng xem mình không quan trọng, như cỏ rác, như cát bụi. Sống được như vậy thì tự nhiên tâm lực càng lúc càng dồi dào giúp ta giảng thuyết hiệu quả hơn.

Ta phải khắc ghi điều này vào tâm, người càng làm ra vẻ quan trọng thì càng mất đi sự thu hút. Người càng quên mình thì càng tạo nên hào quang vô hình thu hút mọi người.

Đó là lý do người kiêu mạn dần dần bị mọi người quên lãng. Chỉ những người biết khiêm tốn sẽ tồn tại lâu trong lòng của mọi người.

Vô ngã là đỉnh cao của sự khiêm hạ nên các vị Alahán đạt được tâm vô ngã rồi thì trụ động thiên địa như kinh Tứ thập nhị chương ca ngợi. Ta chưa thể đạt được Vô

ngã như các vị Alahán, nhưng ta thường xuyên tự nhủ rằng mình không là gì cả, mình chỉ là cát bụi hư vô. Tự nhủ thầm mãi như vậy cũng giúp ta bớt nhiều chấp ngã kiêu mạn, và tâm lực cũng xuất hiện được phần nào.

Có một cách để ta nhận biết một người sẽ có năng lực tâm linh tỏa ra khi giảng hay không là xem trong đời sống, nếu người đó làm việc gì chỉ biết có một việc, không hay biết gì đến chung quanh thì tâm không tỏa ra. Ai vừa làm một việc này mà vẫn ý thức được mọi việc chung quanh thì sẽ có tâm lực tỏa ra khi thuyết giảng. Người như vậy có thói quen cảnh giác thường xuyên, cũng gọi là có tỉnh giác nhiều hơn. Ta cũng dùng cách đó để tự đánh giá chính mình.

Bài tập: Tăng Ni sinh đưa ra một số nhận xét về năng lực tâm linh tỏa ra của vài vị giảng sư mà mình có được tham dự nghe giảng, nhưng đừng nói tên thật của những vị đó. Quan trọng là khả năng nhận biết

của mình về tâm lực vô hình đó. Tiếp theo là tự nhận xét chính mình khi nói chuyện có theo dõi được diễn biến nơi tâm của người nghe hay không. Lúc nhiều lúc ít ra sao?

HOÀNG PHÁP 24

PHÂN

BỐ THỜI GIAN

1. Ý nghĩa của thời gian trong diễn giảng

Ta vẫn nghe nói thì giờ là vàng ngọc, hoặc ta vẫn nghe những lời chê bai các người nói nhiều mà không có giá trị là nói dai, nói dài, nói dở, nói dốt... để biết rằng yếu tố phân bố thời gian trong diễn giảng là rất quan trọng. Trước khi lên bục giảng ta phải xác định trước thời gian cho phép nơi bài giảng của mình là bao nhiêu, rồi theo dõi đồng hồ thường xuyên để cân đối bài giảng theo đúng kế hoạch thời gian. Đến khi ta nói hứng thú say sưa, ta vẫn phải

không chế thời gian và kết thúc đúng lúc để “giải thoát” cho thính chúng.

Trừ khi ta là thiên tài càng nói càng hay làm mọi người quên mất đường về thì thôi, còn không thì ta vẫn phải hiểu rằng ngồi yên một chỗ không được làm gì để phải nghe một người lải nhải nói mãi là vô cùng đau khổ. Người nói thì vô cùng sung sướng vì có dịp để trình bày quan điểm tư tưởng của mình, và cũng là bản ngã của mình, nên thường là ở trên mây và quên đi đồng loại đang rên siết ở...hàng ghế phía dưới. Đến khi ta tuyên bố buổi giảng đã kết thúc và nhìn thấy mọi người hớn hở vui mừng ta lại hiểu lầm là họ vô cùng thích thú bài nói chuyện của ta, đâu biết họ vui phát khóc vì ta... chấm dứt.

Có ai đó nói một câu rất hay rằng Khi ta sinh ra thì ta khóc mà mọi người chung quanh đều vui cười. Hãy sống làm sao khi ta chết đi, ta mỉm cười mà mọi người đều khóc. Ta bắt chước câu đó và sửa lại một chút là Ta hãy giảng làm sao cho khi đang giảng thì mọi người vui cười sung sướng,

và khi ta chấm dứt thì mọi người tiếc rẻ. Đứng giảng mà khi giảng thì mọi người đau khổ và khi chấm dứt thì mọi người sung sướng.

Có những diễn giả gieo hy vọng cho mọi người bằng lời tóm lại, nhưng sau đó quyết luôn, nói nữa, rồi lát nữa lại tóm lại, rồi lại không chịu “tóm lại” giùm, nói tiếp riết. “Tóm lại” cả chục lần mà không kết thúc được, khiến cho loài người vô cùng đau khổ. Đó là bệnh khoe khoang, không làm chủ lời nói, chỉ biết có mình mà không cảm nhận được sự mệt mỏi khó chịu của người ngồi phía dưới. Làm giảng sư, ta phải tuyệt đối tránh những bệnh như vậy. Thường khi được đứng trước mặt mọi người để nói gì đó, ta có cảm giác là ta thông minh trí tuệ lắm nên muốn nói nhiều để chứng tỏ tài năng của mình là... vô tận. Nhưng không ngờ ta càng nói nhiều thì người nghe càng... căm hận. Phép lịch sự buộc họ phải ngồi yên, nhưng tay chân họ vặn vẹo, người họ nhúc nhích, mắt họ liếc ngó lung tung. Tất cả dấu hiệu đó cho thấy

họ đã bất mãn lắm rồi, nhưng ta không nhìn thấy gì cả, cứ tiếp tục chiến đấu và gieo rắc khổ đau.

Chẳng riêng gì thời gian của cả bài giảng, mà thời gian cho từng ý đều phải được sắp xếp hợp lý. Nhiều khi ý đó cũng không có gì quan trọng mà ta nói dài hơn sự cần thiết thì lập tức gây ra một chút nhàm chán cho người nghe liền. Vì vậy, khả năng quản lý thời gian thuyết giảng là một bản lĩnh độc đáo của giảng sư. Giảng sư vừa trình bày nội dung, vừa theo dõi tâm tình của thính chúng, vừa phân bố thời gian cho từng ý và cho cả bài giảng. Cùng một lúc, tâm trí của giảng sư phải làm rất nhiều việc như vậy chứ không đơn giản chỉ là nói và nói.

2. Phân bố thời gian hợp lý

Khi soạn dàn bài ta cũng phải đánh giá bài giảng của ta dài khoảng bao nhiêu phút rồi. Nếu còn thiếu độ dài cần thiết theo sự tổ chức thì ta phải thêm ý vào để cho phù hợp thời gian của buổi giảng. Nếu dài hơn

yêu cầu của sự tổ chức thì ta phải cắt bớt không thương tiếc, hoặc sẽ nói vắn tắt ý nào không quan trọng lắm.

Bình thường thì bản lĩnh của ta nằm ở chỗ phân bố thời gian cho từng ý nhỏ một cách hợp lý. Nói ý này chừng bao nhiêu câu, rồi chuyển qua ý khác tiếp tục. Độ dài của mỗi ý tùy thuộc vào mức độ phức tạp của ý tưởng, khả năng tiếp nhận của người nghe.

Người ta hiểu rõ rồi mà ta nói nữa thì sự nhàm chán bắt đầu xuất hiện. Người ta chưa hiểu mà ta chuyển qua ý khác rồi thì gây nên một khoảng mờ mờ trong tâm trí người nghe và họ bắt đầu khó chịu. Vấn đề nằm ở chỗ mọi người đã hiểu đồng đều chưa. Nhưng cái khó khăn là ta không được giảng vài câu lại hỏi hiểu chưa rồi mới dám đi qua ý khác. Ta buộc phải tự mình đánh giá sức tiếp nhận của mỗi người để quyết định chuyển ý khác hay chưa. Đây cũng là một bản lĩnh khác của giảng sư.

Sự phân bố thời gian cho từng ý lệ thuộc

rất nhiều vào

khả năng trình bày ý tưởng của ta. Nếu ta có khả năng nói dễ hiểu, ai nghe vài câu là hiểu, thì ta dễ dàng chuyển qua ý khác mà không sợ bài giảng bị mờ mờ. Ngược lại, nếu ta giảng khó hiểu, người hiểu người chưa, thì ta sẽ do dự không biết có nên chuyển qua ý khác hay không. Nếu chuyển qua sớm thì ai chưa hiểu sẽ bị hụt hẫng; nếu chuyển qua muộn thì người hiểu rồi sẽ nhàm chán. Vì vậy, chắc hẳn là ta hãy luyện khả năng trình bày ý tưởng sao cho dễ hiểu trong từng câu nói. Nhiều khi chỉ cần thêm vài ba chữ là câu văn sáng sủa hẳn lên.

Ví dụ, nếu ta nói rằng: Thiện ác là căn bản của sự tu hành, sẽ nghe rất mơ hồ. Nếu ta nói chen thêm vài chữ rằng: Biết rõ cái gì là thiện, cái gì là ác chính là căn bản của sự tu hành. Chỉ cần thêm vài chữ như thế thì mọi người đều dễ hiểu, giúp ta chuyển qua ý khác thoải mái.

Ví dụ, nói rằng sự thông minh sáng tạo bất ngờ của mỗi người là phước của họ nghe

cũng hiểu nhưng không rõ lắm. Thêm vào như vậy sẽ dễ hiểu hơn Sự thông minh sáng tạo bất ngờ của người nào chính là phước riêng của người đó. Chính phước lực đã làm nên tài năng một cách bí mật mà ta không hề hay biết. Khi làm được điều gì đặc biệt, khi ta nghĩ ra điều gì xuất sắc, ta phải hiểu rằng chính phước đã đạo diễn những sáng tạo tài hoa như thế. Hiểu như vậy ta sẽ biết khiêm tốn và giữ gìn phước đức cẩn thận chứ không dám kiêu mạn tự hào. Nói rõ như vậy nghe dễ hiểu hơn rất nhiều.

Có những ý ta nói ít nhưng đã làm mọi người hiểu rồi; có những ý ta nói nhiều hơn mới làm mọi người lĩnh hội. Không ý nào giống ý nào về thời gian diễn đạt. Nhưng, như đã nói từ trước, dù có khó hiểu đến đâu ta cũng không được diễn đạt một ý quá dài khiến người nghe nhàm chán. Dành thời gian cho một ý gì đó mãi sẽ là cực hình cho người nghe. Nếu họ chưa hiểu ta đành phải chuyển qua ý khác rồi sẽ trở lại ý đó sau.

Phân bổ thời gian cho từng ý là cái khéo của giảng sư. Có những ý ta nói dài hơn, có những ý ta nói ngắn hơn, nhưng đừng chênh lệch quá đáng để tạo một sự cân đối cho cả bài giảng.

Khi soạn dàn bài, ta đã ước tính thời gian cho cả bài dựa trên yêu cầu của chương trình chung. Nếu chương trình yêu cầu ta 30 phút, 45 phút, 60 phút hoặc 90 phút thì ta sẽ sắp xếp thời gian theo yêu cầu như thế. Dựa vào thời gian của toàn bài giảng, ta sẽ phân thời gian cho từng ý trong dàn bài đã soạn. Khi giảng, ta cố gắng thực hiện đúng như kế hoạch phân bổ thời gian như thế khiến cho bài giảng cân đối và người nghe không chán.

Ví dụ, ta giảng đề tài Tha thứ - Độ lượng với dàn bài được chia làm 3 phần chính như sau:

- Định nghĩa, tha thứ nghĩa là không giận ghét, không trừng phạt người khác sau một lỗi lầm của người đó. Có những ví dụ.

- Tâm tha thứ độ lượng đó xuất phát từ lòng thương yêu từ bi, và trí tuệ lớn lao không cố chấp.
- Nhưng tha thứ phải có trách nhiệm giáo hóa kiểm soát chứ không có nghĩa là dung túng.

Ta có thể phân là ý thứ nhất với những tấm gương, những ví dụ, ta trình bày trong 20 phút.

Ý thứ 2 là ý chính, phân tích nhiều về đạo lý, tâm lý, công phu tu hành, những trường hợp cụ thể, những ví dụ cụ thể sẽ có thể mất 30 phút.

Ý thứ 3 là trách nhiệm giáo dục người xấu, có thể mất 10 phút.

Trong mỗi ý đó, ta lại phân ra từng ý nhỏ, từng câu chuyện nhỏ, vài bài thơ, mỗi phân đoạn như vậy lấy mất vài phút.

Là những giảng sinh đang còn thực tập, ta phải giảng thử một mình, tưởng tượng thính chúng đang ở trước mặt, để đánh giá thời lượng cho từng ý đã hợp lý chưa.

Đến khi lên bục giảng thật sự, ta có thể bất ngờ phát hiện ra những ý hay nên ứng khẩu nói thêm làm kế hoạch thời gian bị thay đổi. Nhưng nhờ có đề ý kỹ vấn đề thời lượng nên ta sẽ không say sưa quên mất lối về, mà vẫn chuyển ý kịp thời và kết thúc đúng lúc để ăn khớp với chương trình chung của chùa đã đề ra.

Kéo dài hoặc rút ngắn bớt thời lượng của một ý cũng là tài khéo của giảng sư. Có khi ta nói hết những ý trước sớm hơn thời gian dự định, nên những ý sau phải nói dài hơn để bù lại thời gian còn nhiều. Vì ta cũng không thể kết thúc bài giảng sớm hơn chương trình khiến cho mọi người nghi ngờ ta đã cạn lời hết ý bí tư tưởng, nên ta buộc phải giảng cho hết thời gian đã sắp xếp. Khi có những ý được trình bày xong sớm quá thì sẽ có những ý phải kéo dài thêm cho lấp đầy trở lại chỗ trống.

Ví dụ, ta muốn nói về ý tưởng Đạo đức bên trong được xác chứng bằng những

hành vi bên ngoài trong mười phút, nhưng chẳng hiểu sao ta nói mới có 6 phút thì đã cạn ý. Vì vậy ta sẽ nói ý kế tiếp là Tuy đạo đức bên trong là gốc để có những hành vi tốt bên ngoài, nhưng hành vi bên ngoài lại giúp củng cố đạo đức bên trong kéo dài thêm thành 14 phút.

Muốn kéo dài một ý nào đó thì ta phải kể chuyện, thêm ví dụ, đọc thơ hay... nói chậm lại một chút.

Rút ngắn bớt thời lượng thì dễ hơn, nhưng không khéo thì tai hại hơn. Dễ hơn vì không phải nói nhiều, nhưng tai hại hơn vì có thể làm người nghe không hiểu hết vấn đề, nghĩa là nhận thức kém về đạo lý.

Muốn rút ngắn thời lượng của một ý nào đó, ta phải chọn giữ lại những ý chính quan trọng, và bỏ đi những ý phụ ít quan trọng. Ví dụ, ta muốn trình bày đầy đủ ý tưởng rằng Tu là chính, học là phụ và triển khai thành 8 ý nhỏ như sau:

- Mục tiêu của ta khi tìm đến Phật Pháp là muốn thay đổi tâm hồn mình từ xấu thành tốt, từ mê muội thành sáng suốt. Sự thay

đổi tâm hồn như thế gọi là tu hành, tu sửa.

- Để có thể biết cách tu sửa như thế, ta phải học giáo lý, đạo lý, là những điều Phật dạy.

- Ta học được kỹ lưỡng chừng nào thì việc áp dụng tu hành càng sâu sắc chừng nấy.

- Tuy nhiên, học là điều dễ vì thỏa mãn khát khao tăng trưởng kiến thức của con người. Ta có thể học đến vô tận mà không thấy chán.

- Ngược lại, việc tu sửa tâm hồn là cực kỳ khó vì ta phải can đảm nhìn ra từng cái sai của mình để khắc phục, trong khi không ai muốn nghĩ rằng mình đã xấu.

- Đó là lý do ta thấy tại sao Tăng Ni vẫn thích đi học lấy bằng, vừa có danh giá, vừa không phải mất thời gian tu tập.

Người quen học thì rất ngại xếp mình vào việc tu.

- Lỗi cũng một phần do những đạo lý mà ta học đã không khuyến khích sự dụng công tu tập, nhưng lỗi cũng do chính ta không có định hướng tu hành.

- Từ nay mong sao cho Tăng Ni biết xem

Tu mới là bổn phận chính, và học là để biết cách tu chứ không phải để thỏa mãn kiến thức.

- Với 8 ý như thế thì ta có thể nói suốt 20 phút. Nhưng vì thời gian không cho phép nên ta buộc phải rút còn 15 phút. Lúc đó ta sẽ quyết định chớp nhoáng là lược bớt 2 ý không quan trọng lắm, có thể là ý: Lỗi do giáo lý, giáo thọ và Thích học lấy bằng cấp.

Có những tình huống ta phải đáp từ, ban đạo từ, phát biểu mà không được chuẩn bị trước. Ta phải đánh giá là mọi người có thật lòng muốn ta nói hay chỉ là xã giao hình thức, mời ta mà trong lòng họ mong ta đau bụng từ chối cho rồi. Có nhiều trường hợp một Gia đình Phật tử mời vị thầy chứng minh buổi họp mặt. Huynh trưởng say sưa phát biểu với đoàn sinh trong tư thế đứng. Đến khi huynh trưởng chợt nhớ ra là phải mời vị thầy phát biểu thì các đoàn sinh đã gần xỉ hết rồi. Trường hợp đó vị thầy phải khôn ngoan

nói ngắn gọn trong 3 hoặc 4 câu rồi kết thúc lập tức. Nếu vị thầy nói dài sẽ gây thành sự bất mãn khứng khiếp trong lòng các em. Nhất là nhiều khi các em đứng ngoài trời nắng nữa thì thật là hải hùng. Có những buổi Trai tăng cúng dường, mọi người đang đói bụng, cơm canh đang nguội dần, những người tác bạch đang quỳ lâu mệt mỏi... mà vị thầy ban đạo từ cứ nói như chưa bao giờ được nói thì thật là bất hạnh cho chúng sinh. Rất nhiều Phật tử không quen quỳ lâu, hơn nữa trong thời đại tân tiến này người trí thức giàu sang cũng không thích sự quy lụy quá đáng, ta nên khôn ngoan khéo léo nói thật gọn mà súc tích để cho mọi người được tiếp tục ăn uống thoải mái, Phật tử cũng không phải quỳ lâu mệt mỏi.

Bản lĩnh của giảng sư là gặp những trường hợp phải nói ngắn gọn như thế, nhưng phải làm người nghe cảm động tăng trưởng đạo tâm chứ không phải nói ít mà hời hợt. Muốn nói ngắn gọn nhưng lay

động lòng người thì ta phải chọn vài ý chính mà thôi. Khi nói thì phải chọn từng từ cực kỳ đẹp để trau chuốt, rồi kết thúc trong sự hân hoan quý trọng của mọi người. Lúc đó, tuy nói mà như viết, và cũng súc tích mạnh mẽ, không khác gì một bài thơ.

Ví dụ, ta nói vài lời ngắn gọn trong buổi Trai tăng Thừa quý Phật tử, những tấm lòng của quý Phật tử hôm nay sẽ thành những sự khuyến khích đối với Chư Tôn đức mãi mãi về sau; những vật thực hôm nay sẽ nâng bước chư Tôn trên bước đường hoằng dương Phật Pháp khắp nơi. Nguyên ân phúc này đưa quý Phật tử đến những nơi an lành hạnh phúc tràn đầy hào quang của chư Phật... Chỉ vài lời ngắn nhưng súc tích cảm động là thành công.

Sau khi giảng, thông thường ta có thể dành thời gian cho thính chúng hỏi thêm những điều chưa rõ ràng. Có thể cho phép sự chất vấn phản biện nếu cần thiết. Đôi khi nhiều người hỏi luôn những điều

chẳng dính dáng gì tới bài giảng, nhưng vẫn là vấn đề của đạo lý thì cũng tốt thôi. Đôi khi họ hỏi luôn cả những chuyện thế gian tình cảm làm ăn nợ nần nghe như chẳng ăn nhập gì với đạo lý cả, nhưng ta phải dùng đạo lý soi rọi mọi điều họ chưa biết để giúp họ hiểu thêm và ứng dụng được Phật Pháp vào trong đời sống. Thời gian dành cho việc giải đáp thắc mắc như thế có thể khoảng 1/10 thời gian diễn giảng.

Tuy nhiên, có khi bài giảng dài quá chiếm hết thời gian cho phép thì ta đành phải bỏ luôn giai đoạn giải đáp thắc mắc.

Trong việc sắp xếp thời gian cho một bài giảng, ta phải “liệu cơm gắp mắm”, nghĩa là phải lượng khả năng diễn giảng của mình hấp dẫn tới mức độ nào để quyết định kéo dài bài giảng ra bao lâu. Nếu mình giảng quá hay thì cứ nói lâu không sao vì người nghe sẽ không mệt mỏi. Nhưng nếu cảm thấy mình giảng chưa hấp dẫn lắm thì đừng đại dột giảng lâu vì

sẽ làm người nghe ác cảm, lần sau nghe tới mình là họ lần tránh. Thời giảng ngắn khoảng 30 phút thường là ít bị chán nên ta cứ bắt đầu sự nghiệp diễn giảng của mình bằng những bài giảng 30 phút. Sau này khi cảm thấy sức hấp dẫn đã tăng lên thì ta cũng tăng thời lượng lên từ từ 45 phút, 60 phút, 90 phút. Nên dừng ở 90 phút vì ta khó thể nào bắt mọi người ngồi hơn 90 phút mà vẫn say sưa ham thích. Muốn nói nữa thì hẹn bài giảng sau, đừng nói nhiều hơn 90 phút.

Bài tập cho Tăng Ni sinh kỳ này là mỗi người viết dàn bài trên giấy và phân thời gian cho từng ý, cộng lại khoảng 60 phút. Nộp bài viết.

HOÀNG PHÁP 25

NHỮNG YẾU

TỔ TIÊU CỰC

1. Những yếu tố tiêu cực ảnh hưởng đến việc diễn giảng

Không phải lúc nào sự nghiệp diễn giảng của ta cũng suôn sẻ. Sẽ có nhiều chướng ngại, khó khăn, suy hao xảy ra khiến ta bị trở ngại trong việc hoằng pháp diễn giảng. Chính vì vậy một giảng sư phải lường trước các tình huống tiêu cực đó để biết vượt qua, can đảm đối diện, khắc phục, và tiếp tục bước tới. Ví dụ có khi ta bị những ganh ghét vô lý, những sự trù dập nhỏ mọn, ta vẫn phải can đảm đi tới để hoàn thành trách nhiệm hoằng pháp của mình. Nhưng cũng có khi ta bị tuổi già kéo đến, sức khỏe suy giảm thì ta lại phải nghĩ đến việc dọn đường cho lớp người kế thừa chứ không được ù lì giảng hoài làm cản đường người sau.

Có khi những trở ngại đó là do hoàn cảnh khách quan (hoặc ta cho rằng do nghiệp đời trước cũng được), hoặc có khi những trở ngại đó là do chính ta phạm sai lầm. Mỗi trường hợp như vậy đều phải được

nhận thức chính xác để ta biết cách khắc phục vượt qua cho một tương lai tươi sáng hơn.

Sự tu tập yếu kém là nguyên nhân hàng đầu làm trở ngại khả năng diễn giảng của giảng sư. Vì sao? Vì giảng sư là người thay Phật dạy cho Tứ chúng cách tu hành. Bao nhiêu lời giảng sư diễn đạt đều chỉ nhằm mục đích giúp cho Tứ chúng biết cách tu hành. Nếu giảng sư kém tu thì hệ quả rõ ràng nhất là bài giảng không có nhiệt huyết, không có tinh tấn, không có lửa, và nhất là không có kinh nghiệm thực tế giúp người nghe thực hành theo.

Ví dụ khi ta giảng về hạnh Nhẫn nhục nhưng ta chưa từng kèm chế được cơn nóng giận nào của mình thì bài giảng Nhẫn nhục của ta chắc chắn không có chất lượng, chắc chắn không có kinh nghiệm, và dĩ nhiên sẽ không thúc đẩy người nghe thực hành.

Ví dụ khi ta giảng về đời sống Vị tha nhưng ta đang trở nên ích kỷ thì bài giảng

đó chỉ là khẩu hiệu rỗng, không có lửa, không làm người nghe phải thay đổi cuộc sống của mình.

Ví dụ ta giảng về Thiền định nhưng ta không tinh tấn chịu khó ngồi thiền, không có an lạc trong thiền định, thì bài giảng sẽ chỉ là những ngôn ngữ bắt chước các thiền sư hay kinh điển mà không có giá trị thực nên cũng không làm người nghe thích thú thực hành.

Chính vì vai trò giảng sư là dạy mọi người cách tu nên ta phải tu trước, phải có kinh nghiệm thực hành từng vấn đề mà ta sẽ đem ra giảng dạy. Ngày nào sự tu hành của ta trở nên yếu kém thì ngày đó các bài giảng của ta sẽ trở nên khô khan tẻ nhạt, không còn thu hút người nghe nữa. Vì vậy, yếu tố tiêu cực đầu tiên làm suy giảm khả năng diễn giảng chính là sự sa sút tu hành của giảng sư.

Để tránh điều này, giảng sư phải nỗ lực tu tập rất nhiều, không được lơ đãng coi thường. Giảng sư phải là người có lý tưởng tu tập mãnh liệt hơn người, phải là

người có kinh nghiệm tu tập hơn người, chứ giảng sư không phải là người chỉ giỏi nói mà thôi. Có một số người hiểu lầm rằng giảng sư là lo việc giảng dạy giáo lý, thiền sư lo việc hướng dẫn tu, luật sư lo dạy giới luật. Thật ra dạy giáo lý là dạy đủ thứ trên đời, kể cả giới luật và thiền định, nên giảng sư phải thực hành đầy đủ đạo lý của Phật chứ không phải là người chỉ lo nghiên cứu chữ nghĩa rồi đem ra nói lại giống như trả bài.

Kiến thức lạc hậu cũng sẽ làm mất đi sự hấp dẫn của bài giảng. Giảng sư phải luôn cập nhật các kiến thức của thế giới, xã hội, con người, tôn giáo... để giúp cho bài giảng mới lạ mãi mãi. Tâm lý của người nghe là, dù cho vấn đề rất hay, nhưng khi đã nghe nhiều lần rồi thì đều trở nên nhàm chán. Giảng sư phải hiểu quy luật tâm lý khắc nghiệt đó để luôn luôn làm mới mình, cũng là giúp cho người nghe có được sự thích thú với giáo pháp. Rất nhiều chuyện xảy ra từng ngày trên

khắp thế giới, có những chuyện không đáng làm ta bận lòng, nhưng cũng có những chuyện rất đáng cho ta suy gẫm. Cơn sóng thần cuối năm 2004, những kẻ Hồi giáo cực đoan chuyên hoạt động khủng bố, sinh thái địa cầu tệ hại, điện ảnh trở thành loại hình giải trí phổ thông, Internet kết nối loài người... biết bao nhiêu chuyện mà ta phải biết nhìn bằng cái nhìn của Phật Pháp. Phật tử cũng khát khao lắng nghe quý thầy lý giải cho họ những điều xảy ra trên thế giới bằng cái nhìn của Phật Pháp để họ yên lòng đi theo Phật, vì như vậy họ tin rằng Phật Pháp lý giải được tất cả chuyện thế gian.

Người ta sẽ thắc mắc tại sao những kẻ ác độc như thế lại vẫn tiếp tục hùng mạnh; người ta sẽ thắc mắc tại sao bà già kia chết đi sống lại bỗng biến thành người khác với tính cách lạ lùng khó hiểu; người ta sẽ thắc mắc nguyên nhân gì các dịch bệnh thi nhau xuất hiện trong thời gian gần đây; người sẽ thắc mắc tại sao giáo lý của tôn giáo bạn sơ sài như vậy mà họ lại

lôi kéo được tín đồ nhiều như thế... Vô số thắc mắc của con người đều liên quan đến những chuyện mới lạ hằng ngày như thế, và họ trông cậy vào lời giải đáp của các giảng sư Phật học.

Các chuyện tích trong kinh điển thì ai cũng nghe cả rồi, nghe rất nhiều lần rồi, và nếu giảng sư đem các chuyện đó ra kể nữa thì mới mở miệng họ đã biết Thầy muốn nói cái gì rồi nên không còn yếu tố tò mò lôi cuốn nữa.

Tuy nhiên, cái khó cho giảng sư là tuy nói những chuyện mới nhưng phải ăn khớp, phù hợp với kinh điển cũ. Nếu ta đem các chuyện mới ra nói dông dài, tán hươu tán vượn đủ cách, rồi đi mất luôn, không đối chiếu với Phật pháp thì ta không còn là giảng sư Phật học nữa. Vì vậy, giảng sư phải luôn luôn bổ sung kiến thức của mình chứ không được chủ quan tự mãn.

Sức khỏe yếu kém cũng là một trở ngại cho việc diễn giảng. Khi kém sức khỏe, ta cũng kém luôn sự minh mẫn, sự nhạy bén

của trí óc nên khả năng phân tích đạo lý bị hạn chế hẳn. Bài giảng vì thế cũng không còn sâu sắc như trước nữa. Ngoài ra, khi kém sức khỏe, ta cũng không còn có thể dành nhiều thời gian để nghiên cứu, soạn bài, giúp cho bài giảng phong phú hơn nữa.

Sức khỏe kém, khi ta ngồi trên bục giảng, ta cũng mất sự đường bệ uy nghi mạnh mẽ lôi cuốn như lúc trước khi còn khỏe. Hãy tưởng tượng một giảng sư ủ rũ, áo nã, lết bết bước lên bục giảng, nói không ra hơi, ho liên tục, chút chút lấy khăn ra hỉ mũi, thì thật là đau khổ cho toàn thể hội chúng. Dù ta có giỏi thế nào đi chăng nữa mà sức khỏe như thế thì không còn hấp dẫn nữa. Hoặc là ta phải nghỉ dưỡng bệnh, hoặc là tới lúc ta phải về hưu. Vì vậy, giảng sư phải biết giữ gìn sức khỏe, rèn luyện thể lực chứ không được coi thường. Nếu ai đã từng rèn luyện võ thuật thì cứ theo đó mà đi các bài quyền mỗi sáng. Nếu không biết võ thì ta tập các kỹ thuật khí công cổ truyền. Cái khác nhau

giữa khí công và tập thể dục thông thường chính là phương pháp luyện thở theo từng động tác. Sự chú ý vào hơi thở một cách nhẹ nhàng giúp phát sinh nhân điện. Cái nhân điện này lan tỏa nhanh vào tạng phủ giúp cơ thể khỏe khoắn hơn là sức mạnh cơ bắp do tập thể dục mang lại.

Giảng sư cũng phải có đời sống điều độ chừng mực để giúp tinh thần thanh thản. Vì là người tu nên ta không bị rơi vào đời sống sa đọa trác táng làm tàn tạ cơ thể, nhưng ta cũng không được ăn uống bừa bãi, không ăn uống thiếu thốn, không ngủ li bì, cũng không để bị thiếu ngủ, không lười biếng đã đành, cũng không làm việc quá sức.

Ta tránh các thức ăn có nhiều hóa chất độc hại như hàn the, phẩm màu, formol, đường hóa học, bột ngọt... Các sản phẩm thực phẩm chế biến sẵn nhập từ Đài Loan như thịt chay, cá chay đều bị nhiều hóa chất để làm cho dai và tăng mùi vị, hoàn toàn không tốt cho sức khỏe.

Ta cũng tránh ăn lỡ bữa khi mà bụng chưa

đói chút nào. Dù cho bụng đói giữa bữa, ta cũng nên đợi đến bữa rồi hãy ăn thì sẽ tránh được bệnh tiểu đường. Nguyên nhân của bệnh tiểu đường là do ăn uống khi bụng chưa đói, hoặc mới đói sơ sơ. Những người lao động vất vả, không có thời gian nghỉ giữa bữa, phải đợi đúng bữa mới được ăn, thường ít khi bị tiểu đường. Nhà giàu, ít lao động, thức ăn lúc nào cũng sẵn sàng trong tủ lạnh, cứ bỏ đủ thứ vào miệng nhai nuốt hoài, thế nào cũng bị tiểu đường.

Đại khái một giảng sư phải biết một số y lý để giữ gìn sức khỏe tốt đẹp, vì sự nghiệp hoằng hóa chánh pháp, phổ độ chúng sinh, dựng xây Phật quốc...

Nghiệp chướng làm trí tuệ suy giảm cũng là yếu tố bất ngờ khiến sự nghiệp diễn giảng lui sụt. Thật như vậy, khi nghiệp chướng bí mật kéo tới, ta bắt đầu nhìn mọi chuyện cạn cợt, sơ sài, không thấu đáo nữa, do vậy, bài giảng bắt đầu kém chất lượng từ từ. Ta cứ tưởng là ta tiếp tục

giảng hay như cũ, nhưng người theo ta lâu ngày đã bắt đầu nhận ra sự sa sút của ta. Đây chính là nghiệp chướng, rất bí mật, âm thầm ngăn trở con đường diễn giảng của ta.

Nghiệp chướng từ đâu kéo tới, trong khi lẽ ra càng tuyên giảng Chánh Pháp của Phật thì ta càng phải được tăng trưởng công đức chứ?

Nhân quả chỗ này rất tinh vi, và công bằng. Nhiều khi ta không đủ sức nhìn cho hết Nhân quả đã chi phối cuộc đời ta như thế nào, cho đến khi chết ta được nghe Diêm vương luận tội phước rồi mới giật mình kinh sợ.

Diêm vương: Này kẻ tăng sĩ kia, người có biết người phạm tội gì không?

Giảng sư: Dạ, con không biết, cúi xin Ngài chỉ dạy.

Diêm vương: Người làm giảng sư dạy đạo lý mà cứ nói rằng không thiện không ác khiến cho chúng sinh mê muội. Người quên rằng Phật dạy “đừng làm các việc ác, hãy làm các việc lành, giữ tâm hồn

thanh tịnh, chư Phật đều dạy thế” hay sao? Vì người gieo rắc tà kiến khiến chúng sinh mê muội nên đáng lẽ ta phạt người 50 kiếp ngu si câm ngọng. Nhưng xét thấy người có lòng thành kính với Tam Bảo nên cho người tự phát nguyện lần này tái sinh vào cõi người sẽ khuyên mọi người tránh ác làm thiện đúng như Phật dạy. Người có chịu phát nguyện không?...

Rồi có khi ta đổ kỵ với tài đức của người khác, hay nói dè bỉu châm biếm sau lưng, cũng khiến cho phước ta suy giảm, nghiệp chướng nặng dần cho đến khi khả năng thuyết giảng bị biến mất. Ta cũng chẳng biết tại sao, cứ thấy nào giờ mình giảng ai cũng ưa, sao bây giờ nghe tới mình người ta ưỡn oải, đâu biết rằng nghiệp đổ kỵ đã giết chết ta từ từ mà ta không hay.

Rồi có khi ta hưởng thụ nhiều quá, đời sống ta sung sướng quá, ta cũng nhiều lần phung phí không tiết kiệm, nên phước cũng suy giảm từ từ khiến cho khả năng thuyết giảng cũng yếu đi. Chính xác là nếu

ta giảng không sai với Phật Pháp thì ta sẽ dần dần được phước rất nhiều, nhưng nếu ta sống phung phí vì ý mình có phước thì phước cũng tàn rất nhanh.

Một loại nghiệp tàn phá công đức ta rất nhanh chóng là tâm kiêu mạn tự hào. Sau một số bài thuyết pháp hấp dẫn được nhiều người ca tụng, ta lập tức tưởng mình là siêu sao nhất nhì nên cứ tưởng mình giỏi hơn mọi người, và bắt đầu khinh thường chúng sinh. Nghiệp của sự kiêu mạn này có thể phá tan tâm trí ta, khiến ta điên loạn, ngu ngốc, đoạ lạc nhiều kiếp liên tiếp về sau.

Vì vậy, muốn sự nghiệp diễn giảng được lâu bền, ta phải gắng tránh những loại nghiệp chướng kể trên.

2. Những trở ngại từ bên ngoài

Ngoài những yếu tố tiêu cực từ nơi chính chúng ta, vẫn có những yếu tố tiêu cực từ bên ngoài khiến việc diễn giảng hoằng pháp của ta bị yếu kém. Dĩ nhiên thì yếu tố bên ngoài nào cũng là nghiệp xưa của

chính ta, nhưng ta hãy xem chúng là yếu tố bên ngoài và có phương hướng xử lý thích hợp.

Sự chống phá từ các tôn giáo bạn là điều dễ gặp hơn cả. Từ ngàn xưa đến nay, việc các tôn giáo chống phá, thậm chí giết hại lẫn nhau là chuyện thường hay xảy ra. Hồi giáo đã từng giết sạch Tăng Ni tại An độ, Trung Đông, Trung Á, Indonesia. Kitô đã từng đập chùa giết hại Sư Tăng ở miền Bắc. Vào thời di cư 1954, các vùng Kitô tiếp giáp với Phật giáo đều xảy ra các án mạng khó hiểu mà nạn nhân đều là Phật tử. Một vài ngôi chùa bị đốt cháy bí mật chỉ vì ngôi chùa đó nằm lọt trong vùng Kitô. Một bức thư của Phật tử ngoài Bắc tâm sự rằng gia đình bên chồng theo Kitô, cha ông đời xưa đã từng phá chùa lấy đồ thờ cúng rất nhiều.

Hiện nay Hồi giáo đang quyết tâm tiêu diệt Kitô giáo trên thế giới trước, nhất là các khu vực tiếp giáp với nhau. Họ sẵn sàng dùng các phương tiện giết người hàng loạt như súng, bom, vũ khí hóa học...

Nhiều khi ta ngạc nhiên là tại sao tôn giáo lại tàn ác như thế. Nào giờ ta hiểu là hề mang tiếng là tôn giáo thì phải ăn hiền ở lành, không gây tổn hại ai. Bây giờ biết ra thì các tôn giáo là thủ phạm giết người nhiều hơn cả. Thật là kỳ quái. Có lẽ ta phải định nghĩa lại từ Tôn giáo. Chỉ tôn giáo nào không sử dụng biện pháp giết người hại vật thì mới được xem là tôn giáo, được hưởng quy chế tôn giáo. Còn tôn giáo nào có sử dụng biện pháp giết người hại vật thì phải được xem là một nhóm tín ngưỡng nguy hiểm, và không được hưởng quy chế ưu tiên của luật Tôn giáo.

Hiện nay các tôn giáo bạn đang quyết tâm biến Việt Nam thành vùng đất của họ. Hồi giáo thì đang bận tâm vì các vùng đất khác nên hoạt động ở Việt Nam còn chưa mạnh. Các tôn giáo khác thì ra sức ngày đêm truyền đạo và phá đạo Phật. Nếu đốt chùa được thì đốt liền. Nếu làm áp lực chính trị được thì làm liền. Nếu mua chuộc cán bộ được thì mua chuộc liền. Nếu dùng

đạo Phật phá đạo Phật được thì làm liền. Nói chung họ làm tất cả để phá Phật giáo. Những ai làm cho Phật giáo phát triển thì lập tức rơi vào tầm ngắm của họ để có phương án tiêu diệt vô hiệu hóa.

Có vị bị tôn giáo bạn đưa người vào làm đệ tử rồi khuynh loát tất cả, vô hiệu hóa mọi cơ nghiệp của vị đó. Có vị bị tôn giáo bạn tung người bôi nhọ uy tín cá nhân để ngăn chặn ảnh hưởng đang lan rộng. Có vị chức sắc bị người của tôn giáo bạn tiếp cận mua chuộc rồi buộc phải làm theo yêu cầu của họ là ngăn cản hoạt động của Sư Tăng Phật giáo. Rất nhiều thủ đoạn chống phá từ các tôn giáo bạn mà ta phải biết để đề phòng. Ta đang sống trong thời đại nhiều nhưng phức tạp âm ỉ chiến tranh tôn giáo nên phải tỉnh táo vô cùng, không để bị mắc lừa bởi âm mưu bên ngoài. Nhiều khi họ mượn tay sư để phá sư, hoặc họ mượn tay cán bộ để phá sư. Ta không biết là ta bị rơi vào âm mưu ly gián, khiến cho Phật giáo bị chia rẽ, hoặc Phật giáo chia rẽ với Nhà nước.

Quan điểm của ta là hiếu hòa, không gây xung đột, nhưng phải biết rõ âm mưu của bạn để đề phòng. Một vài cán bộ làm khó ta không làm ta lung lay lập trường yêu nước; một vài vị chức sắc chống đối ta không làm ta mất niềm tin vào Tăng đoàn. Ngược lại, trước những ngang trái trở ngại đó càng làm ta kiên quyết hơn trong việc hoằng truyền chánh pháp.

Sự ganh tị của nội bộ Tăng sĩ Phật giáo cũng là yếu tố gây trở ngại cho việc hoằng pháp chung. Không hiểu sao đạo Phật là đạo Vô ngã vị tha, nhưng chính những người tu theo Phật lại ganh tị nhau “gần như khùng khiếp”. Tôn giáo bạn đã lợi dụng yếu điểm này để kích động ly gián Phật giáo mà không chi phí nhiều lắm. Một ít tiền cúng dường bằng ngoại tệ, một ít lời kích động là quý thầy hăng hái chống nhau liền. Lạ thật. Có lẽ từ những ngày đầu vào chùa, người xuất gia đã không được nhắc nhở rèn luyện các tâm hạnh đạo đức căn bản kỹ lưỡng nên sau này

lớn lên gặp việc liền xử sự y như thế gian. Nhiều Phật tử than phiền khi thấy quý thầy cũng ganh ghét nói xấu nhau không khác gì bên ngoài thế tục. Để đối phó với tình trạng này, các chùa phải chú trọng dạy các tâm hạnh đạo đức thật kỹ lưỡng cho người xuất gia. Còn những ai bị chống phá ganh tị khi đang làm công việc hoằng pháp thì hãy vững lòng kiên định, hãy chịu đựng sự hủy báng đó để tiếp tục mang lời Phật đến với tâm hồn của mọi người mà không một chút chùng bước quay lui. Ta luôn giữ hòa khí khi gặp chống đối, nhưng không bao giờ e ngại, bất mãn, hoặc mặc cảm. Ta khiêm cung lễ độ, nhưng kiên cường bất khuất.

Vài nơi cán bộ chưa hiểu nên đã gây khó khăn cho các giảng sư. Có thể là do ta chưa đủ uy đức để cảm hóa họ, cũng có thể họ là người cao ngạo vì có chức quyền, cũng có thể họ đã từng nghe qua những vụ bê bối của sư tăng nên còn mang ác cảm. Ta hoạt động vào các vùng

đó là dễ bị gây khó khăn bởi cán bộ địa phương. Riêng trường hợp đó là vùng mà tôn giáo bạn muốn độc quyền truyền đạo nên từ lâu đã mua chuộc cán bộ chính quyền ủng hộ họ và ngăn cản Phật giáo, thì đây lại là khó khăn do tôn giáo bạn gây ra mà ta đã nói ở trên, cán bộ chỉ là người trung gian bị mua chuộc.

Muốn hoạt động ở vùng như thế, ta phải kiên nhẫn rất nhiều, tạo được uy tín đối với quần chúng để được sự ủng hộ của quần chúng, và nhất là phải có được sự ủng hộ của chính quyền ở cấp cao hơn. Đây là duyên riêng của ta chứ không phải ta có tài xoay sở được. Ta phải cầu nguyện Tam Bảo gia hộ rất nhiều để chiến thắng được nghịch cảnh này, vì bị chính quyền làm khó là khó khăn hàng đầu của tu sĩ.

Chúng sinh sơ cơ cũng là nỗi khổ cho nhà hoằng pháp. Thật vậy, đi đến một nơi mà người dân chẳng biết mô tê gì về Phật Pháp, chẳng biết Nhân quả thiện ác gì,

chẳng biết ăn hiền ở lành là cái quái gì thì thật là khổ sở. Họ xem thường các nhà sư, thậm chí nói bậy để dè bủ, thì làm sao ta đem Phật Pháp giảng cho họ nghe được. Ở những vùng như vậy, đôi khi chỉ có những người cư sĩ tới lui trà trộn kết bạn chiêm cảm tình lâu ngày thì mới có thể giáo hoá dần dần. Lúc đó, người xuất gia phải đứng đằng sau hỗ trợ cho người tại gia làm việc trước mới được. Chừng nào người dân ở đó đã có lòng mến đạo rồi thì ta mới có thể xuất hiện để diễn giảng được.

Còn rất nhiều các yếu tố bất lợi từ bên ngoài khiến cho công việc hoằng pháp của ta bị trở ngại, nhưng thật ra càng vất vả vượt qua các trở ngại đó để giáo hóa chừng nào thì công đức của ta lại càng lớn lao chừng nấy. Công đức đó là gì? Đó là khả năng nhiếp tâm trong thiền định mai sau.

Bài tập: Tăng Ni hãy cho biết mình sẽ làm

gì khi khả năng và hoàn cảnh hoằng pháp bị suy giảm bất lợi? (nói vào trong máy 15 phút)

HOÀNG PHÁP 26

THÀNH CÔNG

1. Một giảng sư thành công

Nếu ta có duyên phước từ đời trước, nếu ta biết nỗ lực trong đời này, ta sẽ có những thành công nhất định trong sự nghiệp hoằng pháp diễn giảng. Được gọi là thành công khi các bài giảng của ta được nhiều người đón nhận, khen ngợi và giới thiệu lẫn nhau.

Ngày xưa, hội chúng chỉ nghe giảng sư thuyết một lần duy nhất, ít khi được nghe lặp lại. Họ nhớ được bao nhiêu thì nhớ, còn không thì quên. Nếu may mắn nghe một bài pháp hay, họ được cái cảm xúc lúc đó, đến khi ra khỏi hội trường, chỉ còn nhớ vài ý chính. Nhưng rồi họ cũng giới

thiệu về vị giảng sư lỗi lạc kia, nói về đạo lý kia, cho nhiều người cùng biết. Chính vì lệ thuộc vào cảm xúc và trí nhớ của những người nghe nên sự giới thiệu hoặc truyền bá bài giảng rất hạn chế.

Ngày nay, nhờ phương tiện kỹ thuật cao, bài giảng được ghi lại trên các loại hình như Tapes, CD, Memory stick, Hard drive, Server... Nếu không nhớ, người ta có thể mở máy ra nghe đi nghe lại bài giảng đó nhiều lần. Họ cũng có thể đem các loại phương tiện truyền thông Multimedia điện tử như thế giới thiệu cho các bạn bè, gia đình thân quyến khiến cho nhiều người được nghe thêm. Thật ra, số người được nghe trực tiếp bài giảng rất ít, hầu hết người ta được bài giảng trở lại qua các phương tiện truyền thông Multimedia. Với các kỹ thuật Multimedia hiện đại, bài giảng được lưu bố vô biên, được lưu giữ vô thời hạn. Sự giới thiệu truyền bá bài giảng thật là tiện lợi.

Chính vì thế, ngày xưa sự thành công của giảng sư không đáng kể, còn ngày nay, sự

thành công của giảng sư là bùng vỡ mệnh
mông.

Giảng sư ngày nay, nếu có những bài
giảng hay, được ghi lại trên các
Multimedia Record, được lưu bố rộng rãi,
sẽ được rất nhiều người biết đến. Danh
tiếng cho một giảng sư giỏi của thời đại
hôm nay là vô cùng lớn lao. Chính vì danh
vọng chất ngất như thế nên sự nguy hiểm
cũng bội phần nặng trĩu. Ta không thể biết
trước sự nghiệp hoằng pháp của ta có
thành công hay không, nhưng ta phải
chuẩn bị trước tinh thần nếu mai này lỡ
xui, ta được thành công rực rỡ thì ta phải
có những tâm hạnh gì, những thái độ gì để
ứng xử cho thích hợp. Dĩ nhiên ta không
muốn kiêu ngạo, ta không muốn khinh
người, ta không muốn đánh mất đạo đức,
nhưng sức ép của danh vọng luôn dồn ta
vào ngõ cụt đó, luôn dồn ta đi vào sự kiêu
hãnh và hưởng thụ. Nếu không có một
đạo tâm vững chắc, một trí tuệ tỉnh táo
tinh tường, ta sẽ tự giết chết sự nghiệp
diễn giảng hoằng pháp của mình không

bao lâu.

Sự thất bại của ta sẽ là sự đổ vỡ đạo tâm của rất nhiều người trong cuộc đời, nhất là những người đã từng thần tượng ta, từng quý kính ta. Do vậy, tội của ta sẽ là rất nặng. Ngay từ bây giờ, dù chưa thành công, ta phải chuẩn bị trước các hành trang, “vũ khí” để chiến đấu với... chính mình sau này. Kẻ thù nguy hiểm nhất lúc đó sẽ là chính ta.

2. Hệ quả và khắc phục

Thành công để ra các hệ quả tâm lý bất thường. Các hệ quả tâm lý bất thường đó làm mất đi sự cao đẹp của hình ảnh một vị giảng sư. Ta sẽ nhận định rõ để... chiến đấu.

Kiêu mạn sẽ là hệ quả đầu tiên khi ta thành công. Thật vậy, sau khi thành công, bất cứ lĩnh vực nào, con người vẫn dễ bị bệnh kiêu mạn. Những ca sĩ được nhiều người ái mộ hay bị bệnh sao, nghĩa là ngang tàng, bướng bỉnh, bắt người khác

phải chịu mình, đồng đánh, vùi vĩnh, lên giá... làm những người cộng tác rất khổ sở. Ta cứ tưởng hễ làm nghệ sĩ thì ai cũng ngang ngang một chút cho vui, đâu ngờ rằng cái ngang ngang đó là hệ quả của lối sống cảm tính, được người ái mộ.

Một số doanh nhân thành đạt cũng bị bệnh kiêu ngạo, thay đổi tính cách, khinh người hơn, hách dịch hơn.

Giảng sư có những bài giảng được ca tụng cũng sẽ bị hệ quả tương tự, dù kín đáo hơn một chút. Ta sẽ cho mình là trí tuệ tài giỏi, nghĩ rằng bao nhiêu người khác thua kém mình, cho rằng thiên hạ phải học hỏi với mình, cho rằng mình là biểu trưng của thời đại v.v...

Sở dĩ ta kiêu mạn chỉ bởi vì ta trí tuệ ta ít quá, không hình dung nổi trí tuệ của các bậc thánh như thế nào. Nếu có trí tuệ thêm một chút, hình dung ra được trí tuệ của thánh, ta sẽ ngượng ngùng, hổ thẹn vì biết mình chưa bằng ngón chân của các ngài.

Hậu quả của tâm kiêu mạn thật là khủng

khiếp. Ta sẽ bắt đầu rơi từ thất bại này đến thất bại khác, trí tuệ ta sẽ giảm sút nhanh chóng, tâm thần ta sẽ bất ổn dần dần, có khi bị điên hẳn luôn. Vì vậy, để chuẩn bị đón sự thành công lớn lao ở tương lai, chúng ta hãy vui lòng tiêu diệt tâm kiêu mạn trước đã. Ta phải hình dung được sự siêu phàm của các bậc Thánh mà cả nghìn kiếp nữa ta chưa chắc bằng được. Nhờ vậy ta sẽ bớt được tâm kiêu mạn khi được nhiều người ca tụng. Còn đối với hàng hậu học kém hơn ta thì ta phải có tâm thương yêu dịu dặt chứ không được có tâm xem thường. Sẽ nói thêm phần sau.

Sự hưởng thụ cũng làm ta mất phước. Điều này đã được nói ở bài trước nên bây giờ không lập lại nhiều.

Tâm lý sợ người khác vượt lên bằng hoặc hơn mình cũng là một loại tâm hẹp hòi bất thiện mà ta phải khắc phục. Con người hay thích độc quyền trong thành công,

không muốn có người khác cũng thành công như vậy. Đó là sự ích kỷ cố hữu tội tệ của con người. Ta phải diệt trừ tâm lý bất thiện đó một cách triệt để, vì nếu không, ta sẽ là người cản đường đàn em tiến lên. Ta phải khắc phục tâm lý bất thiện đó bằng cách hằng ngày cầu nguyện cho có nhiều người giỏi hơn ta sẽ bước ra gánh vác chuyện Phật Pháp khiến cho Phật Pháp được hưng long, chúng sinh được lợi ích.

Tệ chê bai giảng sư khác cũng là một điều nhứt nhối trong Phật Pháp. Khi chưa có tiếng tăm, ta khiêm tốn kính trọng các giảng sư khác. Đến khi có chút tiếng tăm rồi, ta bày đặt chê bai vị này vị kia để muốn giành phần hơn cho mình. Tệ nạn đó làm Phật Pháp bị chia rẽ và suy yếu, và dĩ nhiên, ta cũng hết phước nhanh chóng luôn. Đối trị với tệ này, ta phải phát nguyện tôn trọng và hỗ trợ các giảng sư khác cùng làm Phật sự dù là chưa biết mặt nhau hay đã quen biết nhau.

3. Trách nhiệm nhiều hơn

Ngoài việc khắc phục các tâm lý bất thiện nảy sinh sau khi thành công, ta còn có nhiều trách nhiệm phải làm đối với Phật Pháp. Thành công có nghĩa là trách nhiệm nhiều hơn chứ không phải hưởng thụ nhiều hơn. Vì sao, bởi vì ta còn phải làm vô lượng công đức cho đến ngày viên mãn Phật quả chứ không được tự mãn giữa đường. Người vội vàng hưởng thụ vì không nhận ra được rằng còn có một mục đích lớn lao ở phía trước mà chỗ đến hiện tại chỉ là một nhúm cát bụi bọt bèo.

Hơn nữa, sự thành công của ta còn là sự góp công của biết bao người phía sau. Nào là sư trưởng thầy tổ, nào là huynh đệ đồng môn, nào là đàn na tín thí, nào là môi trường của xã hội và giáo hội, nào là cha mẹ gia đình, và cao hơn cả là sự gia hộ của Tam Bảo. Mang ân nghĩa của biết bao người, ta phải có trách nhiệm lo cho Phật Pháp nhiều hơn để đền đáp các công ơn trời biển đó chứ không được quyền hưởng

thụ.

Hỗ trợ cho các pháp sư chân chính khắp nơi là trách nhiệm hàng đầu của một giảng sư khi đã thành công. Song song với ta còn rất nhiều pháp sư Phật học cũng đang ngày đêm hoằng truyền chánh pháp, có những vị đã thành công, có những vị chưa thành công. Nếu ta đã thành công rồi thì bổn phận của ta là phải hỗ trợ cho các giảng sư đó dù ta chưa hề gặp mặt. Dĩ nhiên ta chỉ ủng hộ những vị giảng đúng với chánh pháp chứ không ủng hộ tràn lan mà mang tội. Khen không đúng người cũng mang tội (Nikaya).

Khi đã xác định đó là một giảng sư chân chính rồi thì thỉnh thoảng có dịp ta nên đưa ra vài lời ca ngợi để ủng hộ tinh thần cho các vị giảng sư đó. Thái độ như thế khiến cho Phật giáo ngày càng đoàn kết hơn.

Hoặc có khi ta nhường hội giảng của ta cho vị đó để cho thay đổi không khí, khiến thính chúng sẽ bất ngờ hoan hỷ hơn.

Hoặc khi có dịp trao đổi với nhau, ta cũng nên đề nghị vị đó những điều cần thiết trong kinh nghiệm diễn giảng, hoặc đề nghị vị đó giảng những đề tài thích hợp tại khu vực của vị đó. Dĩ nhiên ta cũng khiêm tốn học hỏi những cái hay của vị đó mà mình chưa có.

Nếu gặp Phật tử gần nơi sinh hoạt của vị đó, ta cũng nên khuyến khích Phật tử tìm đến nghe vị đó giảng thuyết v.v...

Nói chung cách ta hỗ trợ lẫn nhau là như thế một khi ta đã có tiếng nói trong lòng của quần chúng. Đó thật là một đạo Phật tuyệt vời cao cả.

Tận tình dìu dắt đàn em mới thật sự là nhiệm vụ của người đã thành công.

Lúc nào ta cũng phải mong ước trong lòng là sẽ có người đến sau ta, vượt lên hơn ta, tu tập tốt hơn ta, thuyết giảng giỏi hơn ta, làm rạng danh Phật Pháp nhiều hơn ta, đem lại lợi ích cho chúng sinh gấp bội lần ta. Nếu ta không có điều mơ ước đó ở trong lòng mình thì ta chưa xứng đáng là

đệ tử của Phật. Ngược lại, nếu ta trù dập đàn em, không cho đàn em phát triển thì ta đúng là kẻ phá hoại Phật Pháp. Như vậy, sự nghiệp hoằng pháp của ta sẽ không thành công lâu, ngày lui tàn sẽ xuất hiện.

Muốn dìu dắt đàn em thì trong khi làm công việc hoằng pháp diễn giảng, ta phải thường xuyên rút ra những nguyên tác, phương pháp, lý luận, kinh nghiệm của công tác đó. Những điều rút ra được sẽ được tích lũy dần để trở thành sách giáo khoa hướng dẫn cho đàn em. Những khi hướng dẫn Tăng Ni về công tác hoằng pháp diễn giảng, ta phải hết lòng tỉ mỉ giúp cho Tăng Ni nắm vững vấn đề để tránh những sai lầm vấp ngã trên đường đi.

Nếu ta có duyên làm công tác giáo hội thì cố gắng tổ chức các khóa đào tạo cán bộ hoằng pháp diễn giảng thường xuyên để nâng cao trình độ của Tăng Ni trong việc hoằng pháp.

Ta nên khuyến khích Tăng Ni tìm về các vùng sâu vùng xa để giáo hóa vì ở những

nơi ấy rất thiếu thôn đạo lý. Song song với việc khuyến khích Tăng Ni về giáo hóa vùng sâu vùng xa, ta phải có biện pháp hỗ trợ về đời sống vật chất để Tăng Ni bớt vất vả. Ta phải tạo thành một nề nếp mới trong đạo Phật là, nếu nghe nói ai là Tăng Ni đến từ vùng xa thì ta phải quý mến, ưu tiên, dành mọi sự giúp đỡ cần thiết. Phật tử cũng phải có thái độ như thế. Các chùa thì lại càng phải đậm đà hơn trong việc ưu ái cho Tăng Ni đến từ vùng xa. Nhờ thái độ ưu ái này mà từ đây Tăng Ni ra trường sẽ có sức mạnh để đi về miền xa làm công tác hoằng pháp cho Giáo hội.

Nơi vùng xa, Tăng Ni sẽ có dịp đối mặt với các khó khăn thử thách để giữ giới hạnh trong sạch, kiên cường vượt qua gian khổ để giáo hóa chúng sinh, nhất là anh em đồng bào sắc tộc thiểu số. Nhờ kinh qua trong gian khó mà Tăng Ni được tăng trưởng công đức, bản lĩnh dày dặn, đóng góp được nhiều đối với Giáo hội hơn. Nhưng điều quan trọng trong việc khuyến khích Tăng Ni đi về miền xa vẫn là sự

quan tâm giúp đỡ của các vị tôn túc trưởng thượng. Tâm của những vị trưởng thượng phải luôn hướng về vùng xa, nơi có những đàn em của mình đang phải vất vả gian nan đem hạt giống lành của đạo lý mà gieo rắc khắp nơi.

Những ai đã thành công rồi thì phải dìu dắt đàn em như thế, trong đó, tạo điều kiện cho Tăng Ni đi thật xa để có cơ hội giáo hóa và đối diện nhiều gian khó, và phải giúp đỡ Tăng Ni hoàn thành nhiệm vụ.

Nghĩ đến vận mệnh Phật Pháp lâu dài là trách nhiệm của những pháp sư thành công. Những bài giảng của ta không còn là chỉ để đáp ứng nhu cầu tu học trước mắt của thính chúng nữa, mà thực sự phải nằm trong sách lược xây dựng Phật Pháp lâu dài về sau. Ta phải lường trước những năm tháng tới thế giới sẽ đi về đâu, các tôn giáo bạn sẽ phát triển như thế nào, tình hình xã hội sẽ chuyển biến theo hướng nào... để chuẩn bị cho các giáo lý thích hợp.

Đặc biệt ta phải chú trọng tới thể hệ trẻ, những người còn nhiều thời gian để sống và tu hành. Lớp trẻ cần được định hướng tốt để sống và tu và giữ gìn Phật Pháp. Thiếu lớp trẻ biết Phật pháp thì xã hội sẽ kém đạo đức, đạo Phật không có người kế thừa phát huy. Vì vậy, những bài giảng liên quan nhiều tới lớp trẻ phải được tuyên giảng thường xuyên.

Ta cũng chú ý tới lớp trí thức vì đây là lớp người có khả năng đang đóng góp nhiều cho xã hội. Nếu tầng lớp trí thức hiểu đạo thì họ sẽ đóng góp tốt hơn cho đạo cũng như cho đời. Các bài giảng dành cho tầng lớp trí thức phải rất sâu sắc, hợp lý, đủ kiến thức, và cũng rất đầy đạo vị.

Ta cũng chú ý tới lớp người lớn tuổi, giúp cho họ biết tu hành phù hợp với tuổi tác nhưng không đi vào thụ động, lạc hậu, mê tín. Họ là biểu tượng của sự chín chắn, là những tấm gương đạo hạnh cho con cháu noi theo. Họ là niềm thương yêu trong một xã hội có đạo đức. Nơi xã hội có đạo đức, người già phải được lớp trẻ thương quý

kính trọng. Họ cũng cần tu hành đúng hướng để chuẩn bị cho sự ra đi an lành không còn xa. Tuy lớn tuổi, người già cũng cần được hỗ trợ để tiếp tục làm các công đức cho đời chứ không chỉ nghĩ tới ngày chết và tìm về nơi sung sướng. Còn làm được gì cũng phải làm để góp phần xây dựng Phật Pháp nơi cõi này, và lấy đó làm công đức hành trang cho mai sau.

Ta cũng nghĩ tới những vùng đồng bào sắc tộc xa xôi chưa có cơ hội biết nhiều về Phật Pháp mà có định hướng giáo hóa thích hợp. Giáo lý đó vừa phù hợp với tâm tình đồng bào, vừa đưa đồng bào tiến lên dần với đời sống văn minh tiến bộ. Đạo Phật phải “phủ sóng” khắp 61 tỉnh thành, mọi lúc mọi nơi không sót một chỗ nào.

Ta cũng không quên nghĩ tới các đất nước anh em chưa biết nhiều về Phật Pháp mà có sự chuẩn bị dần dần. Ta phải khuyến khích Tăng Ni học ngoại ngữ thật giỏi để sau này có cơ hội là đưa Phật Pháp đến với các đất nước anh em trên thế giới.

Thật ra hiện nay Phật giáo Việt Nam có

nền đạo lý vững chắc hơn nhiều nước trên thế giới. Nếu ta khéo sắp xếp tổ chức thì sau này nhiều người sẽ tìm về Việt Nam để học giáo lý chứ không phải Tăng Ni Việt Nam ra ngoài học lấy bằng nữa.

Một khía cạnh nhỏ nhỏ nhưng cũng làm ta vất vả là khi ta thành công thì sẽ có nhiều người muốn gặp ta để hàn huyên đàm đạo thăm viếng. Nếu ta không tiếp thì bị cho là cao ngạo khinh người; nếu ai ta cũng tiếp thì ta sẽ không còn thời gian nghỉ ngơi, soạn bài, nghiên cứu, tu hành để tiếp tục giảng giải nữa. Đây là điều rất khổ tâm. Người khỏe mạnh thì không nói gì, người ốm yếu mà bắt tiếp khách hoài thì một tháng sau về với Phật sớm.

Sự cân đối thời gian giữa việc giao tiếp với bên ngoài và việc tu hành bên trong thật là khó khăn. Ngoài ra có khi vị giảng sư đó đồ chúng phải dạy dỗ hướng dẫn nữa. Càng thành công chừng nào, ta càng hiếm thời gian chừng nấy. Thời gian thì ít, sức khỏe thì bắt đầu kém, công việc thì

tăng lên, sự đòi hỏi của Tăng Ni Phật tử đối với mình sẽ nhiều hơn... thật là khó sắp xếp cho vẹn toàn. Lúc này chỉ có một cái dư thừa, đó là thức ăn, nhưng tiếc là lớn tuổi rồi không ăn được nhiều nữa.

Nội dung bài học này cho Tăng Ni một sự chuẩn bị tinh thần để không bị tự mãn vô trách nhiệm hay mất đạo đức một khi sự nghiệp hoằng pháp của mình bắt đầu thành công. Ta còn phải cố gắng rất nhiều vì con đường đi đến Phật quả còn rất xa, con đường hóa độ chúng sinh còn mênh mông chưa biết đâu là bờ bến...

Bài tập cho lần này là Tăng Ni sẽ thuyết trình 15 phút vào máy, sẽ làm gì nếu sau này không thành công nhiều, sẽ làm gì nếu sau này thành công lớn.

HOÀNG PHÁP 27

TỐT NGHIỆP**1. Cần lưu ý**

Để hoàn thành môn học diễn giảng hoàng pháp này, buộc Tăng Ni phải thực hành một bài giảng 30 phút. Những bài tập ngắn ngắn trước đây là sự chuẩn bị cho bài tập cuối cùng này. Nếu ai trước đây siêng năng làm bài tập thì bài giảng tốt nghiệp cuối môn này không phải là chuyện khó. Nếu ai lơ là làm bài tập thì bài giảng này sẽ làm ta vất vả.

Yêu cầu bài giảng chỉ là 30 phút, không cần nhiều. Ta cũng chỉ cần bắt đầu sự nghiệp diễn giảng của mình với 30 phút là được. Hãy nhớ rằng, sau khi nghe, thính chúng không khen vì ta giảng dài, mà sẽ khen vì ta giảng hay; còn Phật sẽ khen vì ta giảng đúng. Như vậy, yêu cầu của bài giảng tốt nghiệp là hay và đúng.

Hay là dựa trên cảm nhận của người nghe. Đúng là dựa theo tiêu chuẩn Giáo lý. Ta phải làm sao giảng đúng theo tiêu

chuẩn giáo lý, và tạo nên cảm nhận thích thú của người nghe là thành công. Và Tăng Ni cũng bị buộc phải tuân thủ thời gian, không được giảng chênh lệch hơn 30 phút. Ta chỉ được xê dịch giao động trong khoảng 2 phút mà thôi. Nghĩa là ta có thể giảng 28 phút, hoặc 32 phút, không được ra khỏi phạm vi giới hạn này. Ai ra khỏi phạm vi giới hạn này là bị trừ điểm. Điều này buộc ta tập thói quen tuân thủ quy định thời gian trong các buổi giảng để phù hợp với sự sắp xếp chung của chùa.

Tăng Ni được quyền tự chọn đề tài, sau đó soạn dàn bài kỹ lưỡng. Khi nộp bài, ta phải nộp cả cuộn băng cassette và dàn bài luôn. Giáo thọ chấm bài sẽ vừa theo dõi dàn bài vừa lắng nghe bài giảng để đánh giá ta triển khai dàn bài đó như thế nào. Phần dàn bài được chấm theo thang 10 điểm; phần bài giảng ứng khẩu cũng được chấm theo thang 10 điểm tối đa. Như vậy, nơi bài giảng tốt nghiệp hết môn này, ta có 2 cột điểm độc lập. Cột điểm này sẽ vớt

giùm cho cột điểm kia nếu cái nào bị yếu. Nếu dàn bài hay là ta đã được một cột điểm cao rồi. Vì vậy, ta phải đầu tư nhiều cho dàn bài trước. Dàn bài hay thì sau đó dễ giảng hay. Tuy nhiên, có một điều lạ lùng là dàn bài hay chưa chắc bài giảng đã hay; và ngược lại, dàn bài kém có khi bài giảng bất ngờ xuất thần rất hay. Đó là lý do ta phải chấm điểm 2 cột riêng biệt. Trong cuộc đời làm giảng sư, có khi ta soạn dàn bài hay nhưng hôm đó ta ứng khẩu lại kém khiến cho bài giảng không hay. Ta sẽ giữ dàn bài đó giảng lại vào một dịp khác. Vì thế, đầu tư kỹ cho dàn bài là một sự khôn ngoan cần thiết.

Đề tài tự chọn có thể là dựa vào một bài kinh, ưu tiên Nikaya, hoặc đề tài riêng do ta tìm lấy. Miễn sao nội dung bài giảng tràn đầy Đạo lý, lợi ích cho người nghe là được. Ta nên tránh các đề tài chung chung mà quá nhiều người đã giảng. Còn nếu chọn đề tài mà nhiều người đã giảng rồi thì ta phải bảo đảm là những ý tưởng

trong đó sẽ không bị trùng lặp với nhiều người đi trước. Có khi ý tưởng căn bản của Phật Pháp thì buộc phải giống nhau, nhưng ta phải có cách diễn đạt riêng, độc đáo mới lạ hẳn lên mới được. Ví dụ nói về lòng Từ Bi thì ai cũng phải nói giống như Phật đã nói, nhưng cách ta đặt vấn đề, cách ta minh họa, dẫn chứng, kể chuyện thì phải khác lạ hẳn những người đi trước. Hãy nhớ là sự mới lạ là yếu tố gây nên cảm giác thích thú cho người nghe. Vì vậy, đừng nói những điều mà ai cũng nghe quá nhiều rồi.

Điều kiện để ứng khẩu diễn giảng là phải nói trước đông người nên trong lớp phải tự tổ chức các buổi diễn giảng cho nhau nghe. Nếu có điều kiện thì xin Ban Giám Hiệu cho giảng các buổi Bát quan trai hay bất cứ cơ hội nào có Phật tử tập trung. Không cần phải là một Hội chúng đông đảo, chỉ cần một Hội chúng khoảng 20 người là ta tiến hành giảng cho bài tốt nghiệp này được rồi. Trong lớp giảng với

nhau cũng vậy, chia ra từng nhóm 20 người để giảng bài tốt nghiệp này. Khung cảnh buổi giảng cũng phải nghiêm túc, có bàn giảng sư, có lọ hoa, người nghe cũng có ghế ngồi đằng hoàng. Bắt đầu bài giảng là niệm Phật, kết thúc bài giảng là hồi hướng nghiêm chỉnh. Phải tìm kỹ thuật để thu lại bài giảng, vừa để Giáo thọ chấm bài, vừa để làm kỷ niệm cho môn học đặc biệt này. Nếu ai có phương tiện thì nối dây microphone thu vào trong computer bằng software Sound Forge sẽ giữ được âm thanh rất chuẩn. Nếu có đầu ghi tape record chuyên dùng nối vào Microphone thì cũng rất tốt. Cuối cùng, bèo nhất, là dùng máy Walkman có chức năng thu, gắn micro nhỏ trên cổ áo, thu lại để được tiếng lớn dễ nghe hơn. Nếu thu không rõ thì phải giảng lại mới được nộp bài. Nghĩa là trước khi tiến hành giảng bài tốt nghiệp này, ta phải thao tác thu âm nhiều lần cho thành thạo để bảo đảm bài giảng không bị mất. Việc thực hành thu âm cũng có lợi để sau này ta biết

cách giữ lại các bài giảng của mình tốt nhất. Giảng sư phải biết cách sử dụng các kỹ thuật hiện đại là như vậy.

Vì giảng bài với nhóm nhỏ 20 người nên vấn đề sử dụng Amplifier với Speaker khuếch đại âm thanh chưa cần được đặt ra gay gắt, nhưng nếu ai có điều kiện thì cũng nên giảng với hệ thống Micro, Amply và Loa để có kinh nghiệm về việc sử dụng những công cụ hỗ trợ âm thanh này.

Vì phải giảng trước từng nhóm như vậy nên cả lớp không thể nộp bài cùng một lúc được. Ai giảng xong thì nộp, và Giáo thọ cũng có thời gian chấm bài kỹ hơn. Thời gian từ bây giờ cho đến khi nộp là 2 tháng, nghĩa là cũng đúng vào lúc chấm dứt niên học này, kết thúc học kỳ 2 luôn. Cứ gom được chừng 5 bài là gửi về cho Giáo thọ. Trưởng lớp có trách nhiệm tổ chức các buổi giảng cho Tăng Ni sinh, sau khi trình kế hoạch cho Ban Giám Hiệu, và theo dõi sự nghiêm túc thực hiện của cả lớp. Không được để xảy ra tình trạng lè mề

chậm chạp, làm bài giùm, hoặc chép sẵn rồi nhìn đọc thu âm. Phải bảo đảm ai cũng tự viết dàn bài, được phép tham khảo ý kiến lẫn nhau. Phải bảo đảm những buổi giảng đúng theo phong cách giảng sư, không đùa giỡn, chọc phá, đọc nguyên văn trên giấy để thu âm...

Trưởng lớp cho Tăng Ni đăng ký đề tài trước trong vòng 5 ngày kể từ ngày được thông báo thi tốt nghiệp hết môn diễn giảng này. Sau đó, ai làm xong dàn bài, xin đăng ký giảng trước thì trưởng lớp sắp xếp báo với Ban Giám Hiệu để lần lượt lên lịch giảng cho Tăng Ni.

(Nói riêng về việc Phật tử cúng dường bồi dưỡng để Tăng Ni có sức khỏe làm bài, mua vật dụng. Khuyến khích Phật tử có thời gian rảnh đến nghe Tăng Ni giảng làm bài tốt nghiệp)

2. Chấm điểm và Khen thưởng

Khoảng một tháng sau khi nộp bài, Giáo thọ sẽ trả lại bài và nộp cho Ban Giám Hiệu bảng điểm. Một Bản phân tích về ưu

khuyết điểm về bài giảng tốt nghiệp cũng được trình lên Ban Giám Hiệu. Giáo thọ cũng sẽ đề nghị khen thưởng những Tăng Ni sinh nào có điểm cao, bài giảng tốt. Những bài giảng tốt sẽ được giữ lại, và có thể cho phổ biến rộng rãi hơn để nhiều người tham khảo.

Sẽ có khoảng 10 phần thưởng cho mỗi lớp, dựa trên điểm số, và dựa trên những ưu điểm đặc biệt của riêng bài nào đó. Có khi bài đó không xuất sắc lắm, nhưng riêng đề tài rất lạ, rất độc đáo cũng có thể ẵm một phần thưởng. Có khi bài giảng đó không hay lắm, nhưng dàn bài đã cho những ý tưởng độc đáo, báo trước một tiềm năng diễn giảng lâu dài về sau thì cũng được phần thưởng.

Còn tổng quát thì bài giảng hấp dẫn lôi cuốn là được điểm cao và khen thưởng. Tuy nhiên ta cũng cảnh giác một điều là có khi ta được khen thưởng khi giảng tốt nghiệp, nhưng về chùa giảng lại kém thì kỳ lắm. Trường hợp này vẫn có thể xảy ra. Vì thế không ai được chủ quan khinh xuất.

Lúc nào cũng phải khiêm tốn cẩn thận, suốt đời phải khiêm tốn cẩn thận.

Ban Giám Hiệu khi có thời gian cũng nên tham dự các buổi giảng tốt nghiệp như vậy để ủng hộ tinh thần cho các Tăng Ni sinh trong suốt thời gian làm bài tốt nghiệp hết môn như thế. Sau này, Giáo thọ sẽ lấy ý kiến của Ban Giám Hiệu để đề nghị khen thưởng cho chính xác hơn.

3. Các mảng đề tài gợi ý

Tăng Ni sinh có thể chọn đề tài theo các mảng dưới đây:

- Một bài học nào đó trong các môn Phật học mà

đã được các Giáo thọ dạy, bây giờ Tăng Ni sinh tâm đắc, lấy lại, viết lại dàn bài theo quan điểm giảng cho nhiều người nhiều giới nghe. Dạng đề tài như vậy rất dễ tìm, đỡ mất công.

- Chọn trong kinh điển như Nikaya, Tứ Thập Nhị

chương... Trích ra một đoạn, một ý nào mà ta tâm đắc, rồi dựng dàn bài để triển

khai ý đó thành một bài giảng độc lập.

- Đề tài theo đời sống xã hội, có tính giáo dục và

thiết thực trong cuộc sống thời đại hiện tại, ví dụ như tận dụng được sự tiến bộ của khoa học nhưng không trở thành người xa hoa phung phí; ví dụ như tâm hồn trẻ phải như thế nào để không bị ma túy; ví dụ như sống hiền lành nhưng bản lĩnh là thế nào... Mảng này mệnh mông vô cùng tận, tùy theo khả năng quan sát cuộc sống và lòng nhiệt huyết với cuộc sống của ta.

Giảng sư về sau phải khai thác nhiều về mảng này vì sẽ hấp dẫn mọi người mọi giới hơn.

- Đề tài theo lời khuyên dạy giới xuất gia là đàn

em của mình cũng rất được hoan nghênh. Ta đi trước, biết rõ đời sống xuất gia cao đẹp như thế nào, khó khăn như thế nào, muốn khuyến khích đàn em đến sau vững bước đi tới và tránh những sai lầm để sau này làm người lợi ích trong Phật Pháp. Đời sống xuất gia có nhiều khía cạnh, ta

chỉ khai thác giảng một khía cạnh nhỏ nhỏ nào đấy, và khai thác thật tinh tế là ăn tiền.

Cuối cùng, xin gửi đến quý Tăng Ni sinh lòng thương yêu sâu đậm, và chúc các em đạt kết quả xuất sắc, sau này làm các vị giảng sư giỏi để hoằng truyền chánh pháp khắp mọi nơi. Trong suốt thời gian làm bài tốt nghiệp, mong các Tăng Ni sinh biết khéo léo giữ sức khỏe để hoàn thành luận văn tốt đẹp. Nguyễn Mười Phương Tam Bảo gia hộ cho các em thành công.